

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

LÊ THỊ THÙY LINH

CHỨC NĂNG XÃ HỘI HÓA CỦA GIA ĐÌNH TRONG
BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ - NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: XÃ HỘI HỌC

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

LÊ THỊ THÙY LINH

**CHỨC NĂNG XÃ HỘI HÓA CỦA GIA ĐÌNH TRONG
BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ - NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: XÃ HỘI HỌC
Mã số: 9310301**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PGS, TS. Hoàng Phúc Lâm

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:



1. PGS, TS. Đặng Thị Ánh Tuyết



2. TS. Hà Việt Hùng

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả luận án

A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized initials and a long horizontal stroke.

Lê Thị Thùy Linh

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU.....	14
1.1. Chủ đề về cha mẹ giáo dục đạo đức, lối sống cho con cái.....	14
1.2. Chủ đề về cha mẹ giáo dục tri thức, kỹ năng cho trẻ em	22
1.3. Chủ đề về phương pháp cha mẹ giáo dục cho trẻ em.....	28
1.4. Khoảng trống và những gợi mở cho nghiên cứu của luận án	32
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN, ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	36
2.1. Cơ sở lý luận.....	36
2.2. Địa bàn nghiên cứu.....	65
2.3. Phương pháp nghiên cứu.....	71
Chương 3: NỘI DUNG CHA MẸ GIÁO DỤC TRẺ EM TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.....	80
3.1. Thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục đạo đức cho trẻ em từ 11-15 tuổi của cha mẹ trong bối cảnh chuyển đổi số.....	80
3.2. Thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục lối sống cho trẻ em từ 11-15 tuổi của cha mẹ trong bối cảnh chuyển đổi số.....	93
3.3. Thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục tri thức cho trẻ em từ 11-15 tuổi của cha mẹ trong bối cảnh chuyển đổi số.....	105
3.4. Thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng cho trẻ em từ 11-15 tuổi của cha mẹ trong bối cảnh chuyển đổi số.....	116
Chương 4: PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC TRẺ EM CỦA CHA MẸ TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	127
4.1. Thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng các phương pháp giáo dục của cha mẹ với trẻ em từ 11-15 tuổi.....	127
4.2. Một số quan điểm và hành vi ứng xử của cha mẹ với trẻ em từ 11-15 tuổi trong gia đình	142
4.3. Những thuận lợi và khó khăn của cha mẹ trong giáo dục trẻ em từ 11-15 tuổi trong bối cảnh chuyển đổi số.....	149
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	160
1. Kết luận	160
2. Khuyến nghị.....	164
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	169
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	170
PHỤ LỤC.....	184

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Nội dung chữ viết tắt
CMCN 4.0	Cách mạng công nghiệp 4.0
ĐĐ, LS	Đạo đức, lối sống
MXH	Mạng xã hội
TPHCM	Thành phố Hồ Chí Minh

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Nội dung và phương pháp cha mẹ giáo dục trẻ em từ 11-15 tuổi.....	52
Bảng 2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến nội dung và phương pháp giáo dục trẻ em từ 11-15 tuổi	53
Bảng 2.3. Mô hình chọn mẫu	73
Bảng 2.4. Đặc điểm của người trả lời phân theo nhóm xã hội	75
Bảng 3.1. Nội dung cha mẹ giáo dục đạo đức cho trẻ em từ 11-15 tuổi	81
Bảng 3.2. Giáo dục đạo đức cho trẻ em theo mức độ hiểu biết về công nghệ của cha mẹ.....	85
Bảng 3.3. Phân tích EFA đối với 14 chỉ báo về giáo dục đạo đức cho trẻ em	87
Bảng 3.4. Mô hình hồi quy đa biến tuyến tính về các yếu tố ảnh hưởng đến “nội dung giáo dục đạo đức trong không gian thực” của cha mẹ với trẻ em từ 11-15 tuổi	91
Bảng 3.5. Mô hình hồi quy đa biến tuyến tính về các yếu tố ảnh hưởng đến “nội dung giáo dục đạo đức trên MXH” của cha mẹ với trẻ em từ 11-15 tuổi.....	92
Bảng 3.6. Nội dung cha mẹ giáo dục lối sống cho trẻ em từ 11-15 tuổi	94
Bảng 3.7. Phân tích nhân tố EFA đối với 11 chỉ báo về giáo dục lối sống của cha mẹ.....	97
Bảng 3.8. Mô hình hồi quy đa biến tuyến tính về các yếu tố ảnh hưởng đến “nội dung giáo dục lối sống thực” của cha mẹ với trẻ em từ 11-15 tuổi	103
Bảng 3.9. Mô hình hồi quy đa biến tuyến tính về các yếu tố ảnh hưởng đến “nội dung giáo dục lối sống trên MXH” của cha mẹ với trẻ em từ 11-15 tuổi.....	104

Bảng 3.10. Mức độ cha mẹ tham gia hỗ trợ giáo dục tri thức cho trẻ em từ 11-15 tuổi.....	106
Bảng 3.11. Mô hình hồi quy tuyến tính các yếu tố ảnh hưởng đến “hỗ trợ tri thức trực tiếp” của cha mẹ với trẻ em từ 11-15 tuổi	113
Bảng 3.12. Mô hình hồi quy tuyến tính các yếu tố ảnh hưởng đến “hỗ trợ tri thức trên MXH” của cha mẹ với trẻ em từ 11-15 tuổi	114
Bảng 3.13. Nội dung cha mẹ giáo dục kỹ năng cho trẻ em từ 11-15 tuổi trong bối cảnh chuyển đổi số.....	117
Bảng 3.14. Mô hình hồi quy tuyến tính về các yếu tố ảnh hưởng đến “mức độ giáo dục kỹ năng cơ bản” cho trẻ em từ 11-15 tuổi	122
Bảng 3.15. Mô hình hồi quy tuyến tính về các yếu tố ảnh hưởng đến “mức độ giáo dục kỹ năng sử dụng MXH” cho trẻ em từ 11-15 tuổi.....	123
Bảng 4.1. Một số phương pháp giáo dục trẻ em từ 11-15 tuổi của cha mẹ	128
Bảng 4.2. Mô hình hồi quy tuyến tính các yếu tố ảnh hưởng đến phương pháp “áp đặt” của cha mẹ cho trẻ em từ 11-15 tuổi.....	137
Bảng 4.3. Mô hình hồi quy tuyến tính các yếu tố ảnh hưởng đến phương pháp “đồng hành, chia sẻ” của cha mẹ cho trẻ em từ 11-15 tuổi	139
Bảng 4.4. Mô hình hồi quy tuyến tính các yếu tố ảnh hưởng đến phương pháp “làm gương” của cha mẹ cho trẻ em từ 11-15 tuổi.....	140
Bảng 4.5. Tỷ lệ cha mẹ la, mắng khi trẻ mắc lỗi để dạy con	146
Bảng 4.6. Những khó khăn trong giáo dục trẻ em mà cha mẹ gặp phải	152

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 4.1. Phương pháp giáo dục của cha mẹ khi trẻ mắc lỗi	144
Biểu đồ 4.2. Hình thức khen thưởng của cha mẹ khi con đạt điểm cao hoặc làm việc tốt	148

DANH MỤC CÁC HỘP

Hộp 3.1. Cha mẹ lựa chọn nội dung giáo dục trẻ em trong một số trường hợp	83
Hộp 3.2. Một số ý kiến của phụ huynh trong giáo dục lối sống cho trẻ em	96

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Chức năng xã hội hoá của gia đình là một chức năng hết sức quan trọng mặc dù xã hội, nhà trường đã có sự hỗ trợ nhưng chức năng này vẫn không thể bị thay thế [63]. Các nhà nho ngày xưa nhấn mạnh rằng nuôi dưỡng mà không giáo dục thì không khác gì việc sinh con của loài cầm thú [36]. Mahatma Gandhi đã từng nói: *“Không có một ngôi trường nào tốt bằng gia đình và không có người thầy nào tốt như cha mẹ”*, nhằm khẳng định giáo dục của cha mẹ có vai trò đặc biệt quan trọng, giáo dục của nhà trường chỉ là sự tiếp nối của giáo dục gia đình và tuyệt nhiên không thể thay thế giáo dục gia đình trong việc xây dựng nhân cách cho thế hệ trẻ. Như vậy, trong mọi giai đoạn phát triển của đất nước, gia đình là môi trường quan trọng nhất, là nơi khởi nguồn sinh ra con người, là môi trường đầu tiên nuôi dưỡng, hình thành nhân cách, đạo đức, trí tuệ, thể chất, tâm hồn của con người. Không những thế, gia đình còn là *“tế bào của xã hội”*, quyết định sự tồn tại, vận động và phát triển của xã hội [30]. Từ xã hội truyền thống đến xã hội hiện đại gia đình luôn giữ những vị trí vai trò quan trọng không thể thay thế. Phớt lờ việc dạy bảo, giáo dục con cái về đạo đức, lối sống, lối ứng xử cho người khác là một sai lầm cần phải được cảnh báo và khắc phục.

Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế - xã hội lớn nhất, nơi mà cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN4) phát triển mạnh mẽ, đã và đang tác động trực tiếp, toàn diện đến mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó có thiết chế gia đình. Trong bối cảnh này, chức năng xã hội hóa của gia đình đang phải đối mặt với những thách thức và yêu cầu mới. Quá trình chuyển đổi số không chỉ thay đổi phương thức giao tiếp, học tập, làm việc mà còn định hình lại các giá trị và chuẩn mực xã hội. Con người trong kỷ nguyên số cần những phẩm chất và năng lực mới, không chỉ dừng lại ở kiến thức chuyên môn mà

còn đòi hỏi khả năng tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, khả năng thích ứng linh hoạt, và đặc biệt là năng lực số để khai thác hiệu quả các công cụ và thông tin trên không gian mạng.

Đối với trẻ em, đặc biệt là nhóm trẻ từ 11-15 tuổi, đây là thế hệ tương lai của đất nước, được sinh ra và lớn lên trong bối cảnh công nghệ bùng nổ với những biến đổi tâm sinh lý phức tạp và nhu cầu khẳng định cái tôi mạnh mẽ. Đây là nhóm đối tượng có cường độ tương tác mạnh mẽ nhất trên không gian mạng xã hội nhưng lại thiếu bản lĩnh và trải nghiệm để tự sàng lọc các thông tin đa chiều, khiến các em dễ bị tổn thương trước những tác động tiêu cực của môi trường số. Tác động của chuyển đổi số là vô cùng sâu sắc, từ việc tiếp cận nguồn tri thức khổng lồ, phát triển hệ thống kỹ năng toàn diện đến nguy cơ tiếp xúc với thông tin độc hại, bị bắt nạt trực tuyến, hay phát triển các hành vi phụ thuộc vào thiết bị công nghệ gây tình trạng chệnh mảng học hành, đua đòi theo những hành vi bạo lực trên mạng xã hội đã gây nên những hậu quả đáng tiếc trong thời gian vừa qua là điều khó tránh khỏi.

Trước những tác động đa chiều đó, vai trò định hướng và giáo dục của gia đình nói chung và của cha mẹ nói riêng trong bối cảnh chuyển đổi số trở nên cực kỳ quan trọng. Việc tập trung bốn nội dung cốt lõi bao gồm đạo đức, lối sống, tri thức và kỹ năng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Đạo đức và lối sống là cốt lõi giá trị, giúp trẻ giữ vững nhân cách và ứng xử văn minh trong cuộc sống thì việc định hướng tri thức và kỹ năng sẽ giúp cho trẻ phát triển bản thân tốt hơn. Nếu thiếu hụt sự dẫn dắt của gia đình sẽ dẫn tới nguy cơ bị đứt gãy trong quá trình hình thành nhân cách của thế hệ tương lai.

Qua rà soát tài liệu cho thấy, nghiên cứu về chức năng xã hội hóa của gia đình (giáo dục gia đình) từng được nhiều tác giả quan tâm trong các thập niên trước đây dường như bị “giảm nhiệt” trong một thời gian dài. Sự thiếu hụt các nghiên cứu chuyên sâu về nội dung và phương pháp cha mẹ thực hiện giáo dục cho trẻ em nói chung và trẻ em từ 11-15 tuổi nói riêng, độ tuổi chịu

tác động mạnh nhất cả về thể chất lẫn tinh thần trong kỷ nguyên số. Bên cạnh đó, các nghiên cứu cũng chưa chỉ ra được những cơ hội và thách thức cha mẹ đang đối mặt trong giáo dục con cái ở độ tuổi này trong bối cảnh chuyển đổi số. Chính vì vậy, việc đi sâu nghiên cứu đề tài này là vô cùng cần thiết, không chỉ mang ý nghĩa khoa học trong việc bổ sung lý luận trong nghiên cứu xã hội học gia đình mà còn có giá trị thực tiễn to lớn trong việc định hướng, hỗ trợ các gia đình thực hiện tốt vai trò của mình, góp phần xây dựng thể hệ công dân số có đầy đủ phẩm chất và năng lực cho sự phát triển bền vững của xã hội.

Từ bối cảnh và lý do trên đây cho thấy, thực hiện nghiên cứu vấn đề ***“Chức năng xã hội hoá của gia đình trong bối cảnh chuyển đổi số - nghiên cứu trường hợp tại Thành phố Hồ Chí Minh”*** nhằm lấp đầy và bổ sung những khoảng trống trong nghiên cứu về chức năng xã hội hoá hiện nay là cần thiết. Kết quả nghiên cứu càng có ý nghĩa, vai trò quan trọng đối với vấn đề thực tiễn, mà còn đóng góp cả vấn đề lý luận trong nghiên cứu gia đình trong bối cảnh chuyển đổi số đầy mới mẻ này.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu

Làm rõ thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến nội dung và phương pháp giáo dục trẻ em từ 11-15 tuổi của cha mẹ trong bối cảnh chuyển đổi số. Trên cơ sở đó đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của cha mẹ với trẻ em trong bối cảnh chuyển đổi số tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Nhiệm vụ

- Làm rõ thực trạng nội dung cha mẹ giáo dục con cái từ 11-15 tuổi về: đạo đức, lối sống, tri thức, kỹ năng cho trẻ em và các yếu tố ảnh hưởng tới việc cha mẹ giáo dục trẻ em đạo đức, lối sống trong bối cảnh chuyển đổi số.

- Làm rõ những phương pháp cha mẹ sử dụng để giáo dục trẻ em và các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng các phương pháp đó trong bối cảnh chuyển đổi số.

- Đề ra một số khuyến nghị chính sách góp phần nâng cao nhận thức và hành vi của cha mẹ trong việc giáo dục trẻ em từ 11-15 tuổi trong bối cảnh chuyển đổi số ở TP HCM

3. Đối tượng, khách thể, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Chức năng xã hội hoá của gia đình trong bối cảnh chuyển đổi số.

3.2. Khách thể nghiên cứu

Nhóm cha mẹ trong gia đình có con từ độ tuổi 11-15 tuổi ở một số địa bàn tại TPHCM.

3.3. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi về nội dung:*

Chức năng xã hội hoá của gia đình có phạm vi rất rộng, xã hội hoá là một quá trình kéo dài suốt cả cuộc đời con người và gồm rất nhiều các nội dung khác nhau. Tuy nhiên, trong Luận án này, NCS chỉ tập trung nghiên cứu về chức năng giáo dục của gia đình cho trẻ em từ 11-15 tuổi trong bối cảnh chuyển đổi số. Sự lựa chọn này xuất phát từ các nguyên nhân cốt lõi sau đây:

Chức năng xã hội hóa của gia đình là một quá trình toàn diện, bao gồm việc truyền thụ các giá trị, chuẩn mực và kỹ năng để cá nhân có thể hòa nhập vào xã hội. Tuy nhiên, quá trình này không chỉ diễn ra một cách tự phát mà còn được định hướng bởi các hoạt động có chủ đích. Trong đó, chức năng giáo dục đóng vai trò như một hạt nhân cốt lõi, cung cấp các công cụ và phương pháp cụ thể để thực thi mục tiêu của xã hội hóa. Chức năng giáo dục tập trung vào việc hình thành tri thức, đạo đức và kỹ năng sống một cách có hệ thống, từ đó trang bị nền tảng vững chắc cho con cái. Do đó, việc thu hẹp phạm vi nghiên cứu từ một nội dung rộng lớn là chức năng xã hội hóa sang

một khía cạnh cụ thể là chức năng giáo dục không làm giảm đi tính toàn diện của luận án, mà ngược lại, giúp đi sâu vào cơ chế thực hiện chức năng giáo dục của gia đình và hiệu quả của nó trong bối cảnh xã hội hiện đại.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, vai trò của cha mẹ trong việc giáo dục con cái trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Việc tập trung vào vai trò của cha mẹ sẽ cho phép nghiên cứu làm rõ các nội dung mà họ lựa chọn, phương pháp họ áp dụng, những thách thức họ phải đối mặt và cách họ tận dụng công nghệ để hỗ trợ quá trình giáo dục chính con cái của họ. Điều này mang lại những phát hiện có tính ứng dụng cao, giúp giải quyết các vấn đề thực tiễn đang tồn tại trong xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Dựa trên những đặc điểm tâm sinh lý và xã hội giai đoạn 11-15 tuổi của trẻ em. Đây là thời kỳ tiền vị thành niên và đầu vị thành niên, đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ về nhận thức, sự hình thành ý thức cá nhân và nhu cầu khẳng định bản thân. Nghiên cứu tập trung vào lứa tuổi này sẽ giúp làm nổi bật những vấn đề cụ thể như: quản lý thời gian sử dụng thiết bị, định hướng giá trị đạo đức trong không gian mạng, và xây dựng lối sống, kỹ năng tự bảo vệ cho con cái. Từ đó, đưa ra được các kết luận khoa học có giá trị thực tiễn và tính cấp thiết cao.

- *Phạm vi thời gian:* Thời gian thực hiện nghiên cứu đề tài từ tháng 6 - 2023 đến tháng 1-2026. Thời điểm khảo sát thực tế từ tháng 4 đến tháng 10 năm 2024.

- *Phạm vi không gian:*

Để đảm bảo tính đại diện và khả năng so sánh sâu sắc nội dung và phương pháp giáo dục của cha mẹ trong bối cảnh chuyển đổi số, Luận án được thực hiện tại ba địa bàn cụ thể thuộc Thành phố Hồ Chí Minh. Vì dữ liệu nghiên cứu được thu thập trước thời điểm sát nhập hành chính chính thức từ ngày 1/7/2025 theo Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025. Do đó, kết

quả của nghiên cứu này sẽ phản ánh thực trạng và đặc điểm của Thành phố Hồ Chí Minh cũ, không bao gồm các khu vực địa lý mới được sáp nhập thành “*Thành phố Hồ Chí Minh mới*” rộng hơn (như bao gồm cả Bà Rịa - Vũng Tàu và Bình Dương). Mặc dù vậy, để phù hợp với tên gọi hành chính hiện tại, các địa điểm nghiên cứu vẫn được gọi theo tên phường/xã của TP. Hồ Chí Minh hiện nay, bao gồm: Phường An Khánh, Phường Long Phước và Xã Cần Giờ. Việc lựa chọn này nhằm đảm bảo tính chính xác trong việc định danh địa bàn, đồng thời vẫn giữ được mục tiêu so sánh các loại hình không gian khác biệt. Việc lựa chọn các địa bàn này phản ánh ba cấp độ phát triển và đô thị hóa khác biệt, cho phép chúng tôi khám phá những sắc thái riêng biệt trong quá trình xã hội hóa của gia đình:

Phường An Khánh được chọn làm đại diện cho khu vực trung tâm mới, đô thị hóa nhanh, An Khánh lại là một điểm nóng về phát triển hạ tầng và kinh tế, tập trung nhiều dự án dân cư cao cấp, khu đô thị mới và tiện ích hiện đại. Đây là nơi có mật độ dân trí cao, thu nhập tốt và khả năng tiếp cận công nghệ số rất thuận lợi. Nghiên cứu tại An Khánh sẽ giúp đánh giá cách các gia đình ở khu vực trung tâm mới, đầy đủ tiện ích và năng động, thực hiện giáo dục con cái trong môi trường số, đồng thời khám phá những áp lực và kỳ vọng từ một môi trường cạnh tranh cao.

Phường Long Phước, sẽ đại diện cho khu vực vùng ven, đã đô thị hóa. Long Phước có đặc trưng là khu dân cư hiện hữu, ít chịu tác động trực tiếp từ các dự án lớn như An Khánh, với mật bằng dân trí và kinh tế đa dạng hơn. Nơi đây phản ánh cuộc sống của các gia đình công nhân, viên chức và tiểu thương, những người đang dần thích nghi với công nghệ số nhưng có thể gặp phải những rào cản nhất định về tài chính hoặc nhận thức. Việc khảo sát tại Phước Long sẽ cho thấy những thách thức và cách thức mà các gia đình vùng ven đô thị hóa ứng phó với chuyển đổi số trong giáo dục con cái.

Cuối cùng, Xã Cần Giờ, đại diện cho khu vực ngoại thành, nông thôn mới. Cần Giờ có đặc thù về địa lý, kinh tế và văn hóa khác biệt rõ rệt so với nội thành. Mức độ phát triển hạ tầng số, thu nhập bình quân và trình độ dân trí có thể thấp hơn đáng kể. Nghiên cứu tại Cần Giờ sẽ cung cấp cái nhìn sâu sắc về cách các gia đình ở khu vực nông thôn, nơi điều kiện tiếp cận công nghệ còn hạn chế, vẫn nỗ lực thực hiện chức năng giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số, làm nổi bật những đặc thù, khó khăn và giải pháp sáng tạo của họ.

Việc lựa chọn ba địa bàn có sự khác biệt rõ rệt về đặc điểm đô thị hóa và kinh tế-xã hội này cho phép Luận án so sánh, đối chiếu những tác động đa chiều của chuyển đổi số lên chức năng giáo dục gia đình. Mục tiêu là không chỉ nhận diện những điểm chung mà còn làm nổi bật những sắc thái riêng biệt trong cách cha mẹ giáo dục con cái về đạo đức, lối sống, tri thức và kỹ năng ở các môi trường khác nhau. Từ đó, kết quả nghiên cứu sẽ có tính khái quát cao, cung cấp cái nhìn toàn diện và sâu sắc về bức tranh giáo dục gia đình trong bối cảnh chuyển đổi số tại Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời đưa ra những khuyến nghị chính sách phù hợp với từng loại hình địa bàn.

4. Câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu và khung nghiên cứu

4.1. Câu hỏi nghiên cứu

Toàn bộ luận án tập trung trả lời toàn bộ các câu hỏi sau đây:

CH1: Nội dung giáo dục trẻ em từ 11-15 tuổi của cha mẹ ở thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay như thế nào?

CH2: Phương pháp giáo dục trẻ em từ 11-15 tuổi của cha mẹ ở thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay như thế nào?

CH3: Có sự khác nhau giữa cha và mẹ trong giáo dục trẻ em từ 11-15 tuổi trong các gia đình ở thành phố Hồ Chí Minh hay không?

CH4: Các yếu tố nào ảnh hưởng đến nội dung và phương pháp giáo dục trẻ em từ 11-15 tuổi của trẻ em ở Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh chuyển đổi số?

4.2. Giả thuyết nghiên cứu và khung phân tích

4.2.1. Giả thuyết nghiên cứu

GT1: Nội dung giáo dục của cha mẹ cho trẻ em 11-15 tuổi trong bối cảnh chuyển đổi số còn tập trung nhiều vào các giá trị thiên về không gian thực, trong khi các nội dung giáo dục liên quan đến không gian mạng xã hội vẫn còn nhiều dè dặt, chưa được chú trọng đúng mức.

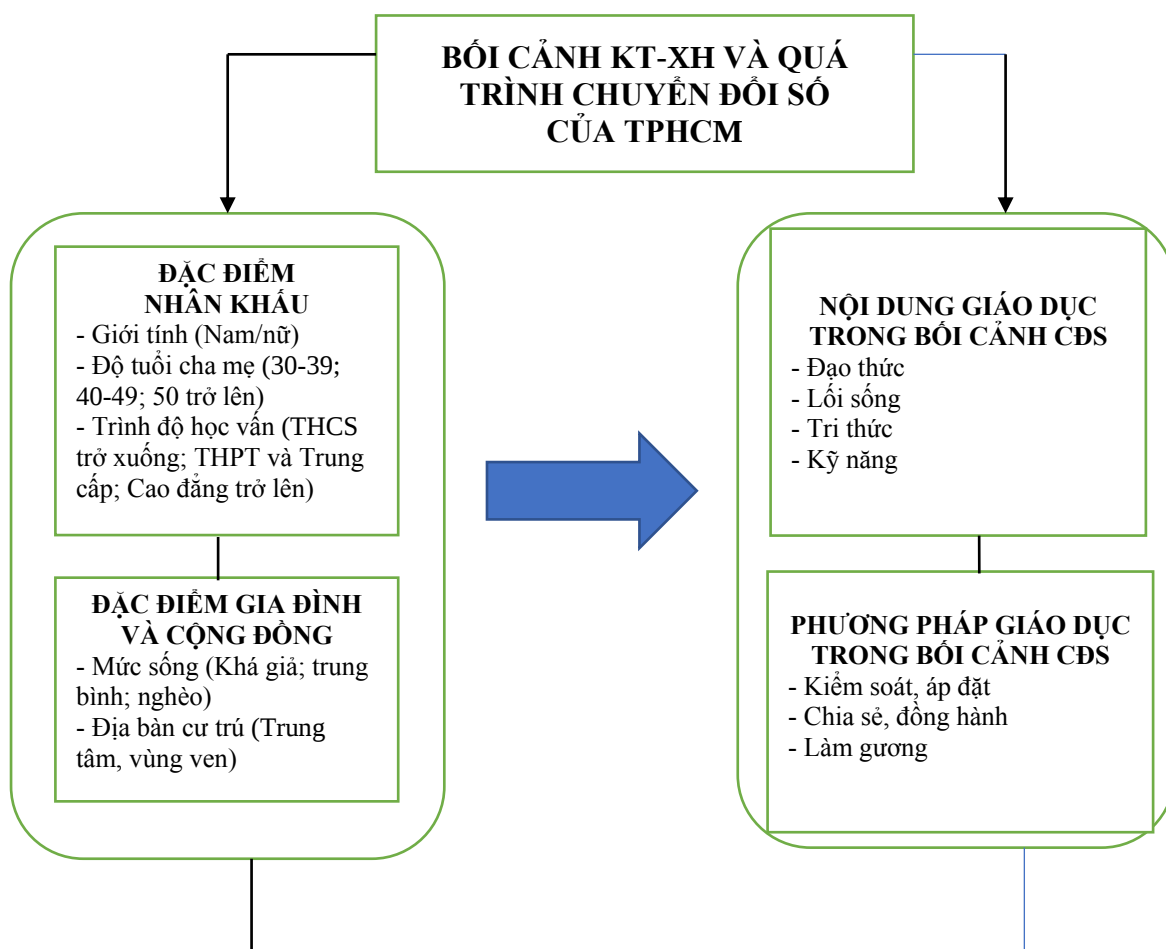
GT2: Các phương pháp giáo dục của cha mẹ trong bối cảnh chuyển đổi số còn thiên về phương pháp truyền thống như áp đặt, giám sát con cái trong khi các phương pháp đồng hành, chia sẻ và các phương pháp giáo dục tích cực hoặc ứng dụng công nghệ một cách sáng tạo khám phá có định hướng chưa được áp dụng phổ biến.

GT3: Giáo dục trẻ em trong gia đình kể cả ở không gian thực và không gian mạng xã hội đều mang dấu ấn của người mẹ nhiều hơn người cha.

GT4: Các yếu tố nhân khẩu học của cha mẹ như giới tính, trình độ học vấn, mức sống, nơi cư trú, tuổi của cha mẹ có ảnh hưởng đáng kể đến việc lựa chọn nội dung và phương pháp giáo dục cho trẻ em trong bối cảnh chuyển đổi số.

4.2.2. Khung nghiên cứu (Khung phân tích)

Khung phân tích được hình thành trên cơ sở các lý thuyết được vận dụng trong nghiên cứu, gồm: lý thuyết xã hội hoá giúp nhận diện thực trạng, lý thuyết vốn xã hội và lý thuyết tiếp cận công nghệ giúp xác định có yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn các nội dung và phương pháp giáo dục con cái của cha mẹ.



5. Điểm mới của luận án

Thứ nhất, nếu như các nghiên cứu trước đây thường chỉ nghiên cứu một khía cạnh đơn lẻ trong giáo dục trẻ em hoặc giáo dục con cái những nội dung mang tính truyền thống thì Luận án tập trung tích hợp 4 nội dung là bốn trụ cột trong giáo dục thiết yếu là giáo dục đạo đức, lối sống, tri thức và kỹ năng, đồng thời đặt chúng trong bối cảnh công nghệ đã thay đổi căn bản cách trẻ học hỏi, tương tác và hình thành những giá trị, chuẩn mực mới. Điều này giúp rõ được cách cha mẹ cần phải định hình cho con những giá trị mới như đạo đức số, lối sống số, tri thức số và kỹ năng số để có thể khả năng tự bảo vệ, tư duy phản biện và hành vi ứng xử có trách nhiệm trong một thế giới số luôn biến đổi nhanh chóng. Điều mà các nghiên cứu trước đây chưa giải thích đầy đủ.

Thứ hai, Luận án tập trung vào giáo dục nhóm con cái 11-15 tuổi, đây là giai đoạn “điểm nút” trong quá trình giáo dục của cha mẹ, giai đoạn 11-15 tuổi là giai đoạn tiền vị thành niên, sống trong môi trường công nghệ, bắt đầu có xu hướng độc lập, khám phá thế giới số mạnh mẽ, đây cũng là lúc các kỹ năng tư duy phản biện, tự quản lý và trách nhiệm cá nhân cần được củng cố. Tuy nhiên, dưới tác động của sự phát triển công nghệ, trẻ dễ bị ảnh hưởng bởi bạn bè và các trào lưu trực tuyến, việc tập trung vào nhóm tuổi này giúp làm rõ những đặc thù trong vai trò giáo dục của cha mẹ khi đối mặt với những biến đổi tâm sinh lý của độ tuổi và sự tương tác ngày càng tăng của con trong thế giới công nghệ.

Thứ ba, nhiều nghiên cứu trước đây chỉ xem xét công nghệ như một yếu tố ngoại sinh tác động đến giáo dục của cha mẹ với con cái. Tuy nhiên, Luận án này coi chuyển đổi số là một “bối cảnh” nội sinh, tức là công nghệ đã thâm nhập vào cấu trúc gia đình, vào các nội dung và phương pháp giáo dục của cha mẹ và vào cả cách trẻ học tập, vui chơi, tương tác. Điều này đòi hỏi cha mẹ không chỉ biết cách quản lý con dùng thiết bị mà còn phải thích nghi, làm gương, và tích hợp công nghệ một cách thông minh vào quá trình giáo dục toàn diện của mình. Đây là một góc nhìn mới, phức tạp hơn, phản ánh đúng bản chất của kỷ nguyên số.

6. Một số hạn chế của Luận án

Đây là một nghiên cứu về chức năng xã hội hoá của gia đình tại TPHCM trong bối cảnh chuyển đổi số, đây là một vấn đề có phạm vi và nội dung rất rộng. Chính vì vậy, NCS đã lựa chọn nghiên cứu trường hợp và nhận thấy có một số hạn chế sau đây.

- Chức năng xã hội hoá là một phạm trù rất rộng, các giai đoạn của quá trình xã hội hoá kéo dài và xuyên suốt đối với mỗi cuộc đời của con người. Tuy nhiên, dung lượng và thời gian không cho phép, không thể bao quát hết được nên Luận án chỉ tập trung nghiên cứu chức năng của gia đình trong giáo dục trẻ

em và để đảm bảo sâu hơn về nội dung NCS lựa chọn nội dung cha mẹ trong giáo dục trẻ em 11-15 tuổi trong bối cảnh chuyển đổi số trên một số nội dung cốt lõi như giáo dục đạo đức, lối sống, tri thức và kỹ năng cho trẻ.

- Trẻ em trong các gia đình tại TPHCM có thể được ông, bà, anh, chị, họ hàng, làng xóm, thầy cô, bạn bè đồng trang lứa, các tổ chức xã hội và đặc biệt là bản thân môi trường số và các nền tảng xã hội cũng góp phần giáo dục trẻ em nhưng trong Luận án này chỉ tập trung đề cập và tìm hiểu chủ thể giáo dục chính là các bậc cha mẹ và chỉ phân tích một chiều trên phương diện cha mẹ giáo dục con cái chứ không nghiên cứu chiều ngược lại là con cái xã hội hoá cha mẹ. Chính vì vậy, bức tranh về “*chức năng xã hội hoá của gia đình*” hay “*giáo dục gia đình*” có thể chưa đầy đủ, sinh động và cần các nghiên cứu tiếp theo với quy mô rộng hơn.

- Luận án chỉ tiến hành trên một số phường, xã tại Thành phố Hồ Chí Minh cũ, Trong khi Thành phố Hồ Chí Minh mới theo Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 gồm kết 3 tỉnh sát nhập là Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu và Bình Dương sát nhập lại. Chính vì vậy, kết quả phân tích và những nhận xét của luận án đưa ra chưa đại diện cho cả TPHCM cũ và mới; các kết quả nghiên cứu của luận án cũng chưa cho phép khái quát hoá cho toàn bộ quá trình cha mẹ giáo dục con cái trong độ tuổi 11-15 tại TPHCM trong bối cảnh chuyển đổi số. Chính vì vậy, theo chúng tôi, chủ đề này cần được tiếp tục nghiên cứu trong tương lai gần với quy mô rộng hơn.

- Luận án nghiên cứu về cha mẹ trong giáo dục trẻ em từ 11-15 tuổi đặt trong bối cảnh chuyển đổi số, thì “chuyển đổi số” ở đây được xem như là biến “môi trường” nền tảng thay vì là nhân tố chính tác động, điều này đã làm cho luận án giới hạn khả năng phân tích mối quan hệ nhân quả. Thay vì tìm hiểu cách thức và mức độ chuyển đổi số trực tiếp định hình các phương pháp, nội dung giáo dục hay hành vi của cha mẹ, thì nghiên cứu có thể dừng lại ở

việc mô tả vai trò giáo dục của cha mẹ trong một môi trường đã thay đổi. Chính vì vậy, cần có những nghiên cứu trực tiếp khám phá sự tác động của công nghệ đối với sự thay đổi nhận thức và hành vi của cha mẹ trong giáo dục con cái ở bối cảnh chuyển đổi số.

- Nội dung giáo của đạo đức, lối sống, tri thức và kỹ năng gồm nhiều chỉ báo phù hợp với cả xã hội truyền thống lẫn hiện đại. Tuy nhiên, Luận án chỉ tập trung vào phân tích về đạo đức, lối sống, tri thức (theo hướng hỗ trợ tri thức) và kỹ năng ở một số chỉ báo nội dung liên quan đến giá trị truyền thống và những giá trị mới trong bối cảnh số. Trong đó chú trọng tới các nội dung liên quan tới yếu tố số nhiều hơn, nghĩa là sẽ nhấn mạnh tới việc cha mẹ có ưu tiên giáo dục nội dung về đạo đức, lối sống, tri thức và kỹ năng trong bối cảnh số hoá hay không và những yếu tố tác động tới vấn đề này.

7. Đóng góp của luận án

7.1. Đóng góp về lý luận

Luận án đã góp phần làm phong phú, sâu sắc các chiều cạnh biểu hiện khi vận dụng lý thuyết xã hội hoá, lý thuyết vốn xã hội, lý thuyết tiếp cận công nghệ, khi nghiên cứu về nội dung và phương pháp giáo dục cho trẻ em của các bậc cha mẹ tại TP HCM trong bối cảnh chuyển đổi số. Lý thuyết xã hội hoá giúp luận án lý giải vấn đề cơ bản về sự vận hành mang tính chức năng của gia đình, vai trò của cha và mẹ trong giáo dục trẻ em từ 11-15 tuổi, góp phần hình thành nhân cách, xây dựng các khuôn mẫu hành vi ở trẻ. Cách tiếp cận vốn xã hội giúp luận án tìm hiểu và phân tích những tri thức, hiểu biết, kinh nghiệm của cha mẹ về chuyển đổi số, công nghệ số trong giáo dục con cái trong các gia đình tại TP HCM. Lý thuyết tiếp cận công nghệ cho thấy sự tác động của công nghệ đến cấu trúc xã hội trong đó có cấu trúc gia đình, từ đó hình thành nên những hành vi và tương tác xã hội trực tuyến của cha mẹ và con cái. Lý thuyết này giúp lý giải những rủi ro và thách thức của công nghệ, những khó khăn cha mẹ gặp phải trong quá trình giáo dục con cái.

Luận án cũng góp phần hệ thống hoá các quan điểm về vấn đề giáo dục trẻ em trong gia đình ở bối cảnh chuyển đổi số; lực lượng chính tham gia vào quá trình này, nghiên cứu sâu sắc các quan điểm của Đảng và hệ thống các văn bản chính sách của Nhà nước liên quan đến giáo dục trẻ em, các chuẩn mực hành vi ứng xử trong gia đình và trên mạng xã hội, góp phần làm rõ hệ thống khái niệm “chức năng xã hội hoá” và “chức năng xã hội hoá của gia đình” trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, từ đó đưa ra khung nghiên cứu có tính hệ thống, chỉnh thể...

7.2. Về thực tiễn

Luận án nhận diện thực trạng và chỉ ra mức độ ảnh hưởng của các yếu tố mang tính cá nhân của cha mẹ và các đặc điểm của hộ gia đình tới việc giáo dục trẻ em trong các gia đình ở TPHCM, từ đó gợi ra những giải pháp để giáo dục trẻ em trong bối cảnh chuyển đổi số tốt hơn.

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể là một tài liệu tham khảo cho các cơ quan quản lý, cơ quan hoạch định chính sách, các tổ chức xã hội và các bậc cha mẹ có thêm nhiều kiến thức để giáo dục con cái. Từ kết quả nghiên cứu này, người đọc có thể rút ra nhiều bài học kinh nghiệm hoặc lựa chọn cách giáo dục trẻ em cho phù hợp với đặc điểm cá nhân, gia đình và xã hội trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

8. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình khoa học đã công bố của tác giả liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung luận án bao gồm 4 chương, 14 tiết.

Chương 1: Tổng quan công trình nghiên cứu

Chương 2: Cơ sở lý luận, địa bàn nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

Chương 3: Nội dung cha mẹ giáo dục trẻ em trong bối cảnh chuyển đổi số tại Thành phố Hồ Chí Minh

Chương 4: Phương pháp giáo dục trẻ em của cha mẹ trong bối cảnh chuyển đổi số ở Thành phố Hồ Chí Minh

Chương 1

TỔNG QUAN CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu về giáo dục gia đình đã được nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước quan tâm và nghiên cứu. Trên cơ sở nghiên cứu và tổng hợp các công trình khoa học được đăng trên các tạp chí, sách, báo, Hội thảo quốc gia liên quan đến giáo dục gia đình cập nhật đến tháng 8 năm 2025, tác giả sẽ tập trung vào nghiên cứu các vấn đề trọng tâm của luận án bao gồm: Nội dung và phương pháp cha mẹ *giáo dục đạo đức, lối sống; Cha mẹ giáo dục tri thức và kỹ năng cho trẻ em; phương pháp cha mẹ giáo dục con cái*. Vì thế, luận án sẽ tập trung tổng quan các nghiên cứu trong nước và nước ngoài theo các nhóm nội dung cơ bản trên.

1.1. CHỦ ĐỀ VỀ CHA MẸ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG CHO CON CÁI

1.1.1. Cha mẹ giáo dục đạo đức cho trẻ em

Giáo dục đạo đức là một trong những nội dung quan trọng của chức năng giáo dục của gia đình, trong đó cha mẹ là những nhân tố chính, có vai trò đặc biệt quan trọng không thể thay thế được. Các nghiên cứu đều cho rằng đạo đức là nền tảng của mỗi con người, phản ánh giá trị, chuẩn mực xã hội; qua đó, con người sẽ phải điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với bối cảnh biến đổi của xã hội [88], [89].

Khi giáo dục đạo đức trong gia đình, cha mẹ trong xã hội truyền thống thường tập trung vào các giá trị đạo đức như lòng trung thành, sự tôn trọng, tình yêu thương, chia sẻ và sự hỗ trợ lẫn nhau trong cộng đồng và xã hội [94], [106], [112]. Một nghiên cứu của Takahashi (2016) cho thấy, trong xã hội Nhật Bản, phụ huynh thường truyền đạt và giáo dục con cái lòng biết ơn cha mẹ; tôn trọng cha mẹ và người lớn tuổi [143]. Ở Trung Quốc, theo Xue và Hong (2015), cha mẹ, ông bà là những người chịu trách nhiệm giáo dục con cái hiếu thảo với cha mẹ, có nghĩa vụ với tổ tiên, thể hiện sự kính trọng và

trách nhiệm đối với gia đình; trẻ em được dạy tham gia các công việc gia đình để hỗ trợ người thân [153], những giá trị này giúp hoàn thiện nhân cách của trẻ và hình thành nên đạo đức của con người trong xã hội đó.

Khi giáo dục con cái đạo đức trong ứng xử với cộng đồng và xã hội, cha mẹ dạy con cái có lòng nhân ái, chia sẻ và giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ người cao tuổi. Đặc biệt, cha mẹ còn dạy con cách ứng xử lịch sự, văn minh ở nơi công cộng như cửa hàng, rạp chiếu phim, công viên hoặc các sự kiện gia đình [113], [144]. Các nghiên cứu quốc tế đã khám phá ra rằng cha mẹ giáo dục con về việc không quá chú tâm vào thiết bị khi tương tác trực tiếp với người khác, thể hiện sự tôn trọng đối với cuộc trò chuyện và người đối diện. Họ cũng hướng dẫn trẻ về hành vi có trách nhiệm khi sử dụng điện thoại ở nơi công cộng, như không nói to tiếng hoặc gây ồn ào, thể hiện sự tôn trọng không gian chung [126].

Câu hỏi đặt ra là, trong xu hướng chuyển đổi số mạnh mẽ như hiện nay, cha mẹ giáo dục đạo đức cho con cái như thế nào? Để trả lời câu hỏi này, nhiều nghiên cứu ở các quốc gia phát triển cho thấy, cha mẹ giáo dục con cái về ứng xử lịch sự, tôn trọng và thấu hiểu cảm xúc của người khác trong môi trường số, dạy trẻ về tầm quan trọng của sự kiên nhẫn và kỷ luật trong việc sử dụng công nghệ, cũng như tôn trọng quyền riêng tư. Bên cạnh đó, cha mẹ còn dạy con phải suy nghĩ kỹ trước khi phát ngôn, chia sẻ và sẵn sàng chịu trách nhiệm nếu gây ra hậu quả [101], [137], [149]. Trong một số nghiên cứu vai trò của cha mẹ trong việc giáo dục an toàn trực tuyến cho trẻ em được nêu rõ, bằng cách hướng dẫn trẻ nhận biết và đối phó với những nguy cơ trực tuyến như bắt nạt mạng, lừa đảo trực tuyến, nhận diện thông tin sai lệch, cũng như đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin cho người khác [98]. Tại Châu Á, cha mẹ không chỉ dạy con về đạo đức trong game mà còn khuyến khích trẻ sử dụng công nghệ để thể hiện lòng hiếu thảo và sự quan tâm đối với người thân, ví dụ như dạy ông bà sử dụng điện thoại thông minh hoặc gọi video thường xuyên để duy trì kết nối gia đình [151].

Tại Việt Nam, khi nghiên cứu về chức năng xã hội hóa của gia đình, nội dung giáo dục đạo đức luôn được đặt lên hàng đầu. Một trong những nội dung quan trọng nhất của giáo dục gia đình Việt Nam truyền thống là giáo dục đạo đức. Trong giáo dục đạo đức, cha mẹ chú trọng đến cách ứng xử với mọi người xung quanh, tức là cách sống, cách ăn ở, đi đứng, nói năng, thái độ, hành vi. Đặc biệt, họ chú trọng đến ứng xử trong gia đình phải theo tôn ti trật tự, kính trọng, sùng bái tổ tiên, chăm sóc và vâng lời thế hệ đi trước [84]. Trong khi đó, hai tác giả Đặng Cảnh Khanh và Lê Thị Quý (2007) cho rằng, trong những nội dung mà các bậc cha mẹ truyền dạy cho con cháu, đứng đầu là sự lễ phép, hiếu thảo (90,9%), tiếp theo là tính trung thực (84,2%), tính tự lập vươn lên (83,2%), cần cù, chịu khó (83,8%) và niềm tin vào cuộc sống (81,1%). Đó là nề nếp gia đình và truyền thống dòng họ, lòng yêu nước, đoàn kết, lòng hiếu thảo, đức tính cần cù, chịu khó và ý chí vươn lên trong cuộc sống [36, tr.204-205].

Một số nghiên cứu về giáo dục trẻ em trong bối cảnh phát triển của truyền thông đại chúng và các thiết bị công nghệ đã cho thấy bức tranh chung về việc các bậc cha mẹ hướng tới giáo dục con cái toàn diện như: giáo dục đức hạnh, lễ nghĩa trong gia đình; ngoài xã hội thì tôn trọng người khác, giúp đỡ và ứng xử văn minh trong không gian công cộng [18], [66]. Bên cạnh đó, cha mẹ dạy con cái lòng biết ơn, đối xử tốt với cha mẹ dù cha mẹ có ốm đau hay nghèo đói, tham gia chia sẻ các công việc trong gia đình. Bên cạnh đó, các bậc cha mẹ cũng chú trọng giáo dục con cái tránh những nguy cơ, tệ nạn xã hội như bạo lực học đường, bắt cóc, hiếp dâm. Nhìn chung, cha mẹ trong nghiên cứu vẫn ưu tiên giáo dục con cái những phẩm chất truyền thống tốt đẹp từ trước đến nay của cha ông để lại và phòng tránh những tình huống xấu trong cuộc sống hiện nay [77].

Một khía cạnh khác trong giáo dục đạo đức cho trẻ em là giáo dục lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ. Trong một nghiên cứu về thanh niên và người già ở Hà Nội, quan niệm về tôn trọng là không nhất thiết phải nghe lời, ngoan

ngoãn không nhất thiết phải cha mẹ bảo sao con làm vậy, mà là sự tự vươn lên trong cuộc sống, hỗ trợ chăm sóc ông bà cha mẹ một cách tự nguyện và biết làm cho cha mẹ vui lòng [23]. Trong bối cảnh mới, mối quan hệ trong gia đình đã có nhiều thay đổi và bị tác động bởi các sản phẩm và ứng dụng công nghệ. Các ứng dụng Internet, Email, Facebook được xem là cánh tay nối dài để các cá nhân có thể mở rộng ra thế giới. Việc chăm sóc sức khỏe cho người già đã bắt đầu có xu hướng sử dụng công nghệ thông tin để có thể khám chữa bệnh từ xa; các gia đình cũng sử dụng các thiết bị y tế công nghệ để theo dõi và thăm khám sức khỏe. Một số gia đình sử dụng các thiết bị công nghệ để hỗ trợ một phần trong quỹ thời gian chăm sóc cha mẹ cao tuổi [50]. Một số nghiên cứu nhấn mạnh vai trò của cha mẹ trong việc khuyến khích trẻ ứng dụng công nghệ vào đời sống hàng ngày để giúp đỡ người thân và đóng góp cho xã hội một cách trách nhiệm, như bảo vệ quyền riêng tư cho người khác, không chia sẻ thông tin chưa được kiểm chứng, và không tham gia các xu hướng bắt nạt trên mạng xã hội [24, tr.35-40]

1.1.2. Cha mẹ giáo dục lối sống cho trẻ em

Trong xã hội truyền thống, giáo dục lối sống của cha mẹ với con cái mang tính chất khuôn mẫu và được thực hiện trong phạm vi gia đình. Một số nghiên cứu cho thấy cha mẹ tập trung giáo dục con cái một lối sống có tính kỷ luật, chăm chỉ học tập, lao động và sống tiết kiệm [111]; [138]. Việc giáo dục con cái có tính kỷ luật, sự chăm chỉ trong học tập, và tinh thần tiết kiệm cũng được coi là yếu tố then chốt để có một lối sống phù hợp [96]. Một số nghiên cứu khác cho thấy giáo dục trẻ em cần hướng tới sự trung thực, lòng bác ái, tinh thần trách nhiệm và lòng dũng cảm hay sự công bằng thì mới có thể đáp ứng với kỳ vọng của xã hội. Giáo dục trẻ em cần hướng tới sự trung thực, lòng bác ái, tinh thần trách nhiệm và lòng dũng cảm hay sự công bằng thì mới có thể đáp ứng với kỳ vọng của xã hội. Một số nghiên cứu cho thấy cha mẹ tập trung vào các hành vi ở trẻ như biết chia sẻ, giúp đỡ người khác khi cần

thiết, nói lời cảm ơn khi nhận được sự giúp đỡ và biết nói lời xin lỗi khi phạm lỗi [135], [105]; [118]).

Trong xã hội công nghiệp hiện đại, theo các nghiên cứu cho thấy, giáo dục lối sống trẻ em thường tập trung vào tư duy phản biện và khả năng thích ứng sự thay đổi. Một số nghiên cứu ở Hàn Quốc và Trung Quốc nhấn mạnh đến tầm quan trọng của lối sống độc lập, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm [116]; [97]; [114]). Bên cạnh đó, việc giáo dục một lối sống lành mạnh, biết chăm sóc sức khỏe bản thân, rèn luyện thể dục thể thao hướng tới một lối sống cân bằng và năng động là điều các cha mẹ hướng tới trong nhiều nghiên cứu ở Nhật Bản và Hàn Quốc [132]; [119]). Ở Châu Âu, trẻ em được giáo dục thành những công dân toàn cầu với những nội dung như tôn trọng sự đa dạng trong chủng tộc, giới tính, ngôn ngữ, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, lối sống trách nhiệm với bản thân, năng động, sáng tạo, sẵn sàng thích nghi với những thay đổi của xã hội [92]; [93]; [108]).

Câu hỏi đặt ra là lối sống có mối quan hệ như thế nào đến sự thay đổi của xã hội? Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra sự thay đổi của xã hội đặc biệt là quá trình chuyển đổi số đã và đang mang đến những cơ hội và thách thức lớn cho giáo dục lối sống cho trẻ em toàn cầu, việc định hình lại các hành vi ứng xử trong kỷ nguyên số hết sức cần thiết và quan trọng. Các nghiên cứu quốc tế đều nhấn mạnh sự cần thiết của việc trang bị cho trẻ em "kỹ năng số" và "công dân số" coi đây là nền tảng để hoạt động an toàn và có trách nhiệm trong môi trường trực tuyến [145]; [136]). Theo O'Neill, nội dung cha mẹ giáo dục con cái tập trung vào các hành vi an toàn trên không gian mạng, nhận biết lừa đảo, bắt nạt trực tuyến, sử dụng công nghệ có trách nhiệm, không chia sẻ thông tin sai lệch, tôn trọng quyền riêng tư, kiểm soát và hạn chế nguy cơ lạm dụng công nghệ. Một nghiên cứu khác ở Nhật Bản cho thấy, cha mẹ chú ý giáo dục trẻ em ý thức về an ninh mạng và tránh nghiện game/internet, cũng như phân biệt được tin thật/tin giả [140]. Các

ngiên cứu cũng chỉ ra rằng giáo dục về ứng xử văn minh trên mạng xã hội, cân bằng giữa thế giới thực và thế giới ảo là mối quan tâm chung của rất nhiều cha mẹ trên thế giới nhằm đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ trong môi trường số [129], [134]). [109], các công trình gần đây tiếp tục làm sâu sắc thêm vai trò của cha mẹ trong việc giúp trẻ phát triển năng lực tự chủ để duy trì một lối sống số không gây nghiện và có lợi cho sức khỏe tinh thần là một điều quan trọng và cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

Trong xã hội truyền thống Việt Nam, giáo dục lối sống của cha mẹ mang đậm tính khuôn mẫu, tập trung vào việc hình thành các hành vi ứng xử cụ thể, giúp trẻ thích nghi với cấu trúc gia đình và cộng đồng. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng cha mẹ đặc biệt chú trọng việc dạy trẻ cách thể hiện sự tôn trọng người lớn tuổi thông qua các hành vi lễ phép như vâng lời, không cãi lời, chào hỏi khi gặp mặt, đi thưa về trình [85]; [86]). Bên cạnh đó, thói quen chăm chỉ học hành, cần cù lao động và tiết kiệm, biết quý trọng của cải cũng được coi là những lối sống thực tiễn hàng đầu, được truyền dạy qua các câu ca dao, tục ngữ và tấm gương của người lớn [19]). Cha mẹ cũng hướng dẫn con cái về cách tương tác hài hòa trong cộng đồng thông qua tinh thần đoàn kết, tương trợ và sự trung thực trong giao tiếp, nhằm xây dựng những cá nhân sống hòa thuận trong làng xã [59]). Các hành vi ứng xử này được định hình thông qua sự dạy bảo trực tiếp và thực hành hàng ngày.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế và đô thị hóa mạnh mẽ, giáo dục lối sống của cha mẹ Việt Nam đã có sự chuyển dịch đáng kể, hướng tới việc trang bị cho trẻ em những kỹ năng và thái độ thực tiễn để thích nghi và thành công trong một thế giới năng động. Các nghiên cứu cho thấy cha mẹ hiện đại chú trọng giáo dục con cái về tính tự lập và khả năng tự chịu trách nhiệm [47]; [21]), khuyến khích trẻ tự thực hiện các công việc phù hợp với lứa tuổi, tự đưa ra quyết định và chịu trách nhiệm về lựa chọn của mình. Kỹ năng giao tiếp và ứng xử linh hoạt cũng trở thành một ưu

tiên, giúp trẻ tự tin diễn đạt ý kiến, lắng nghe và thích nghi trong các tình huống xã hội đa dạng [37]; [39]). Ngoài ra, cha mẹ còn quan tâm đến việc nuôi dưỡng thói quen học tập suốt đời, tư duy phản biện và sáng tạo trong cách tiếp cận vấn đề, khuyến khích trẻ đặt câu hỏi và tìm kiếm giải pháp mới mẻ [73]). Sự chủ động trong tham gia hoạt động cũng được nhấn mạnh trong giáo dục gia đình, giúp trẻ hình thành lối sống tích cực và có sự đóng góp cho xã hội [61].

Bối cảnh chuyển đổi số đã và đang tạo ra những thay đổi sâu sắc trong đời sống, đòi hỏi cha mẹ Việt Nam phải điều chỉnh cách thức và nội dung giáo dục lối sống cho trẻ em để phù hợp với môi trường số. Cha mẹ được khuyến nghị giáo dục con cái về thực hành an toàn trên không gian mạng, bao gồm nhận biết và tránh các mối đe dọa như lừa đảo trực tuyến, bắt nạt trực tuyến và các thông tin độc hại [20]). Cha mẹ được khuyến nghị giáo dục con cái về thực hành an toàn trên không gian mạng, bao gồm nhận biết và tránh các mối đe dọa như lừa đảo trực tuyến, bắt nạt trực tuyến và tránh các thông tin độc hại [70]). Việc hình thành thói quen sử dụng công nghệ một cách có trách nhiệm, không chia sẻ thông tin sai lệch hay vi phạm bản quyền, cũng được đề cao [71]). Cha mẹ cũng chú trọng rèn luyện cho trẻ khả năng phân tích và đánh giá thông tin trực tuyến để có thể phân biệt tin thật và tin giả trong bối cảnh bùng nổ thông tin số [76]). Bên cạnh đó, việc hướng dẫn trẻ quản lý thời gian sử dụng thiết bị công nghệ một cách hiệu quả, ưu tiên các hoạt động thể chất và tương tác xã hội trực tiếp, cũng như giao tiếp và ứng xử văn minh trên mạng xã hội, là những mối quan tâm ngày càng lớn của cha mẹ Việt Nam nhằm đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ trong môi trường số [33]. Mục tiêu chung là giúp trẻ em Việt Nam có lối sống số lành mạnh, biết khai thác lợi ích của công nghệ đồng thời phòng tránh những rủi ro tiềm ẩn.

1.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục đạo đức, lối sống cho trẻ con

Yếu tố giới tính cha mẹ có ảnh hưởng đến giáo dục đạo đức, lối sống cho con cái, một số nghiên cứu cho thấy, người mẹ có xu hướng đảm nhận vai trò chủ động và trực tiếp hơn trong việc giáo dục đạo đức và lối sống, đặc biệt là trong không gian số và không gian thực. Các bà mẹ thường dành nhiều thời gian hơn để chăm sóc và giáo dục con cái so với người bố; họ thường giám sát hoạt động trực tuyến của con, thiết lập các quy tắc sử dụng thiết bị số (ví dụ: giới hạn thời gian, kiểm tra nội dung con truy cập), và thảo luận về các vấn đề an toàn mạng. Họ cũng có xu hướng tập trung vào việc giáo dục các giá trị đạo đức, cách ứng xử văn minh trên mạng xã hội, và nhận diện rủi ro trực tuyến. Về phương diện tri thức và kỹ năng, mẹ thường là người đồng hành cùng con trong việc học trực tuyến, tìm kiếm tài liệu số và sử dụng các ứng dụng giáo dục để học tập, tham gia các chương trình giáo dục kỹ năng sống, các câu lạc bộ, hội nhóm phục vụ cho học tập của con cái [147].

Tại Việt Nam, các nghiên cứu cho thấy người mẹ thường đóng vai trò chính trong việc giáo dục đạo đức, lối sống và kiểm soát việc sử dụng công nghệ của con. Họ là người trực tiếp nhắc nhở con về thời gian sử dụng điện thoại, nội dung giải trí và các quy tắc ứng xử trong gia đình cũng như trên mạng xã hội. Về giáo dục tri thức, các bà mẹ thường tích cực đồng hành cùng con trong việc học trực tuyến, tìm kiếm các nguồn học liệu số và hỗ trợ con giải quyết bài tập trên các nền tảng online và bài tập trên giấy [38]; [31].

Sự khác biệt trong yếu tố tuổi của bố mẹ có liên quan đến sự khác biệt thế hệ của cha mẹ “digital natives” vs “digital immigrants” thể hiện rõ trong cách họ giáo dục con. Cha mẹ lớn tuổi (thế hệ X, Baby Boomers) thường có cách giáo dục con cái khác biệt. Trong không gian thực, họ chú trọng vào giáo dục đạo đức, lối sống mang yếu tố truyền thống nhiều hơn, nhấn mạnh tới sự tuân thủ và đề cao các giá trị gia đình [147]. Địa bàn nghiên cứu cũng cho thấy sự khác nhau trong nội dung giáo dục của cha mẹ, cha mẹ ở vùng

nông thôn hoặc vùng sâu, vùng xa sẽ thường gặp những khó khăn nhất định do hạn chế về cơ sở hạ tầng công nghệ, điều kiện kinh tế và cơ sở vật chất cho giáo dục nên trong nội dung giáo dục thường nghiêng về giáo dục tri thức cơ bản vào đạo đức lối sống mang tính truyền thống, ít tập trung vào tri thức số, lối sống số hay đạo đức số. Trong không gian số khả năng tiếp cận internet của cả cha mẹ và học sinh đều hạn chế, dẫn đến khoảng cách số lớn vo sới trẻ em và cha mẹ thành thị.

1.2. CHỦ ĐỀ VỀ CHA MẸ GIÁO DỤC TRI THỨC, KỸ NĂNG CHO TRẺ EM

1.2.1. Cha mẹ giáo dục tri thức cho trẻ em

Các nghiên cứu quốc tế đã làm nổi bật vai trò ngày càng tăng của cha mẹ trong việc định hướng và hỗ trợ tri thức cho trẻ em trong kỷ nguyên số. Điểm chung là các bậc cha mẹ hiện nay tận dụng các công cụ công nghệ để mở rộng tri thức. Một xu hướng quan trọng được các nghiên cứu chỉ ra là cha mẹ tích cực giáo dục tri thức về công nghệ cho con cái, giúp trẻ hiểu về cách thức hoạt động của các thiết bị, phần mềm, cũng như các khái niệm cơ bản về lập trình, an toàn thông tin [130]. Bên cạnh đó, cha mẹ khuyến khích và hướng dẫn con tham gia các khóa học trực tuyến, sử dụng các ứng dụng học tập và truy cập vào các thư viện số để mở rộng nguồn tri thức [131]). Một số nghiên cứu khác cho rằng cha mẹ đóng vai trò là người hướng dẫn, giúp trẻ sàng lọc thông tin, phân biệt tin giả (fake news) và các nguồn tin đáng tin cậy trên internet, từ đó hình thành thói quen tiếp nhận thông tin có trách nhiệm và tư duy phản biện đối với các vấn đề trên mạng xã hội [125]; [150]).

Các nghiên cứu gần đây còn cho thấy cha mẹ hỗ trợ trẻ phát triển khả năng tự điều chỉnh việc học tập số, khuyến khích sự tò mò và khám phá tri thức thông qua công nghệ một cách tự chủ và bền vững [109]). Việc hỗ trợ tri thức cho con cái còn bao gồm cả việc cho con tham gia các cuộc thi trực tuyến về khoa học lập trình, hoặc các hoạt động sáng tạo số để củng cố và ứng dụng tri thức đã học [120]. Nhìn chung, các nghiên cứu quốc tế đều thể

hiện rằng vai trò của cha mẹ đã mở rộng từ việc giám sát sang việc chủ động định hướng, hỗ trợ và trang bị cho con các kỹ năng tri thức cần thiết để sống và học hỏi trong thế giới số

Tại Việt Nam, trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, các nghiên cứu cũng ghi nhận sự thay đổi đáng kể trong vai trò của cha mẹ đối với việc giáo dục tri thức cho trẻ em. Điểm chung nổi bật là sự tăng cường nhận thức của cha mẹ về tầm quan trọng của công nghệ trong học tập và việc chủ động tích hợp công nghệ vào quá trình giáo dục tri thức tại gia đình. Các nghiên cứu cho thấy cha mẹ Việt Nam ngày càng quan tâm đến việc giáo dục tri thức về công nghệ cho con cái ngay từ nhỏ, bao gồm việc hướng dẫn con cách sử dụng các thiết bị số an toàn, nhận diện các phần mềm học tập và trò chơi giáo dục [20]). Họ cũng chủ động giúp con làm quen và học tập trên các nền tảng trực tuyến, đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh thúc đẩy hình thức học từ xa [76]). Cha mẹ thường tìm kiếm và khuyến khích con tham gia các khóa học online, các kênh học liệu số để bổ trợ kiến thức ở trường [26].

Một điểm chung quan trọng khác là cha mẹ ngày càng chú trọng việc hướng dẫn con cách tận dụng công nghệ để tìm hiểu kiến thức độc lập, dạy con cách tra cứu thông tin trên internet một cách hiệu quả, biết sàng lọc thông tin và nhận diện các nguồn tin đáng tin cậy để tránh “tin giả” [70]; [74]). Bên cạnh đó, việc cha mẹ cho con tham gia các cuộc thi trực tuyến về kiến thức hay các dự án sáng tạo số cũng dần trở nên phổ biến, nhằm khuyến khích trẻ vận dụng tri thức vào thực tiễn và phát triển tư duy [73]. Nhìn chung, các nghiên cứu Việt Nam cho thấy cha mẹ đang tích cực chuyển đổi từ vai trò người giám sát thành người hướng dẫn, hỗ trợ và trang bị cho con những kỹ năng và thói quen học tập tri thức hiệu quả trong môi trường số, giúp trẻ trở thành những người học chủ động trong kỷ nguyên mới.

1.2.2. Cha mẹ giáo dục kỹ năng cho trẻ em

Các công trình nghiên cứu quốc tế đã làm nổi bật vai trò của cha mẹ trong việc trang bị cho trẻ em một bộ kỹ năng toàn diện để thích nghi với kỷ

nguyên số. Trong môi trường số, cha mẹ tích cực giáo dục trẻ các kỹ năng sử dụng mạng xã hội an toàn và bảo mật thông tin cá nhân của mình và của mọi người. Một số nghiên cứu cho thấy, cha mẹ hướng dẫn trẻ kỹ năng tìm kiếm, đánh giá và sử dụng thông tin, giúp trẻ tra cứu thông tin hiệu quả [130]; [125]; [131]). Bên cạnh đó, kỹ năng giao tiếp và ứng xử văn minh trên mạng, kỹ năng quản lý thời gian và tự điều chỉnh hành vi số là thiết yếu để trẻ sử dụng công nghệ một cách có trách nhiệm và duy trì sức khỏe tinh thần [109].

Song song với kỹ năng số, các nghiên cứu quốc tế cũng khẳng định những kỹ năng trong môi trường thực vẫn giữ vai trò quan trọng, cha mẹ tập trung củng cố kỹ năng giao tiếp trực tiếp và tương tác xã hội, kỹ năng tự lập và tự chịu trách nhiệm [108]). Theo Biesta (2011), khả năng giải quyết vấn đề và tư duy phản biện trong các tình huống thực tế, bên ngoài môi trường số, vẫn là kỹ năng cốt lõi giúp trẻ phân tích và tìm kiếm giải pháp sáng tạo [93]). Theo Lim và Oh, 2021 [119]), cha mẹ trang bị kỹ năng quản lý cảm xúc, đối mặt với những biến động và căng thẳng cùng với việc thúc đẩy các hoạt động dã ngoại, gần gũi với thiên nhiên, hoạt động thể chất để duy trì lối sống cân bằng, lành mạnh [132]).

Tại Việt Nam, các nghiên cứu cũng phản ánh xu hướng tương tự trong việc cha mẹ giáo dục kỹ năng cho trẻ em để thích nghi với môi trường số và phát triển toàn diện. Đối với kỹ năng số, theo Phạm Thị Thuý, (2022) [70] cha mẹ nhận thức được tầm quan trọng của việc giáo dục kỹ năng an toàn mạng từ sớm, hướng dẫn trẻ cách bảo vệ thông tin cá nhân và ứng phó với các mối đe dọa trực tuyến. Đồng thời, các công trình cũng chỉ ra rằng cha mẹ chú trọng rèn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ một cách có trách nhiệm và hiệu quả, bao gồm tìm kiếm thông tin học tập và tham gia vào các hoạt động trực tuyến mang tính xây dựng [20]. Việc hình thành kỹ năng giao tiếp và ứng xử văn minh trên mạng xã hội cũng là một ưu tiên, nhằm đảm bảo trẻ tương tác tích cực và tránh các hành vi tiêu cực trên không gian mạng. Đồng thời, kỹ năng tự điều chỉnh và quản lý thời gian sử dụng thiết bị số, giúp trẻ cân bằng

giữa thời gian online và các hoạt động khác, phòng tránh nguy cơ nghiện công nghệ cũng được chú trọng [71]; [33], [62]). Các nghiên cứu cũng ghi nhận sự quan tâm của cha mẹ trong việc phát triển kỹ năng tư duy phản biện đối với thông tin trực tuyến, giúp trẻ phân biệt đúng sai và đánh giá các nguồn thông tin trên internet [76].

Các nghiên cứu tại Việt Nam cho thấy cha mẹ tiếp tục củng cố các năng lực nền tảng cho trẻ trong môi trường thực. Kỹ năng giao tiếp trực tiếp và tương tác xã hội được chú trọng, khuyến khích trẻ tự tin diễn đạt ý kiến và thích nghi trong các tình huống xã hội đa dạng [39]. Cha mẹ cũng tập trung giáo dục tính tự lập và khả năng tự chịu trách nhiệm cho trẻ, khuyến khích con tự thực hiện công việc và đưa ra quyết định phù hợp [47]; [21]). Nhìn chung, cha mẹ Việt Nam đang tích cực chuyển đổi để trở thành người đồng hành, trang bị cho con những kỹ năng số toàn diện, đồng thời không ngừng củng cố các kỹ năng sống thiết yếu để trẻ phát triển hài hòa trong tương lai.

1.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục tri thức và kỹ năng cho trẻ em

Một số nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục tri thức, kỹ năng cho trẻ em, người cha trong gia đình thường có xu hướng tập trung vào việc phát triển tri thức công nghệ cho con cái thông qua tìm hiểu kỹ năng kỹ thuật và tư duy phản biện liên quan. Một số nghiên cứu cho thấy cha thường là người giới thiệu công nghệ mới cho con, hướng dẫn con cách sử dụng các phần mềm phức tạp, và khuyến khích con khám phá các khía cạnh kỹ thuật của thiết bị số [100]. Trong giáo dục lối sống và đạo đức, vai trò của người cha thường mang tính định hướng, tập trung vào việc rèn luyện sự tự lập, khả năng giải quyết vấn đề và đối mặt với thách thức trong môi trường số. Tuy nhiên, cũng có nghiên cứu chỉ ra rằng vai trò của cha trong việc giám sát nội dung số của con có thể kém chủ động hơn so với mẹ [139]. Tuy nhiên, một số nghiên cứu cũng chỉ ra rằng vẫn còn nhiều người cha ở Việt Nam chưa thực sự chủ động trong việc tìm hiểu và áp dụng các phương pháp

giáo dục con trong không gian số, một phần do áp lực công việc hoặc quan niệm truyền thống về vai trò của cha mẹ và năng lực số của họ trong bối cảnh hiện nay [58].

Trình độ học vấn có mối quan hệ chặt chẽ với giáo dục tri thức và kỹ năng cho trẻ em, đặc biệt là tri thức số và kỹ năng sử dụng các thiết bị số. Cha mẹ có trình độ học vấn cao thường chú trọng vào nội dung giáo dục mang tính toàn diện về phẩm chất và kỹ năng cho con cái. Đối với giáo dục tri thức và kỹ năng, cha mẹ không chỉ tập trung vào kiến thức mà còn chú trọng tới tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, khai thác và tận dụng công nghệ số để phục vụ cho việc học. Trong bối cảnh chuyển đổi số, họ trang bị cho con cái những kỹ năng số tiên tiến như sử dụng mạng xã hội an toàn, nhận diện thông tin không chính thống và sử dụng công nghệ có trách nhiệm. Trong giáo dục đạo đức, lối sống, bên cạnh truyền đạt những giá trị cốt lõi, cha mẹ còn khuyến khích con suy nghĩ độc lập, tôn trọng sự khác biệt và có lối sống trách nhiệm với cộng đồng cả trong không gian số và không gian thực.

Theo Trần Thị Minh Tâm, (2021) cha mẹ có trình độ học vấn thấp thường tập trung vào giáo dục con cái trực quan, cụ thể và chú trọng vào việc tuân thủ các quy tắc hơn là phát triển tư duy phản biện. Trong giáo dục tri thức, họ thường tập trung vào các cách học truyền thống và những kiến thức cơ bản từ sách giáo khoa. Trong không gian số, nội dung giáo dục của họ thường tập trung xoay quanh việc cảnh báo hoặc hạn chế tiếp xúc với công nghệ để tránh rủi ro. Về giáo dục đạo đức, lối sống cha mẹ trình độ học vấn thấp nhấn mạnh khuôn phép và tuân theo các quy tắc truyền thống hơn là khuyến khích sự tự chủ trong suy nghĩ và hành vi của trẻ.

Tại Việt Nam, ảnh hưởng của một số đặc điểm cha mẹ cũng khá rõ nét, đặc biệt là độ tuổi, cha mẹ trẻ tuổi ở đô thị có xu hướng tiếp cận công nghệ linh hoạt hơn. Trong không gian số, để hỗ trợ tri thức cho con cái, họ sẽ chủ động tìm hiểu các ứng dụng để học tập trực tuyến và chủ động trang bị cho

con những kỹ năng số cơ bản như tìm kiếm thông tin phù hợp, sử dụng công nghệ để học online và nhận diện một số nguy cơ trên mạng xã hội [25]; [78]). Cha mẹ thường sử dụng phương pháp đồng hành, chia sẻ cởi mở các về đề của mạng xã hội, hướng dẫn con ứng xử văn minh trong môi trường số [32]. Theo Trần Thị Thanh Thủy, cha mẹ còn quan tâm đến việc giúp con phát huy tư duy sáng tạo và đi học các lớp lập trình cơ bản từ sớm Trong không gian thực, họ vẫn sử dụng phương pháp làm gương trong giáo dục đạo đức, lối sống hoặc làm gương trong học tập và rèn luyện kể cả sử dụng các thiết bị số có kiểm soát.

Ngược lại, các nghiên cứu cũng chỉ ra, các cha mẹ lớn tuổi ở Việt Nam, đặc biệt sống ở vùng nông thôn hoặc những người ít tiếp xúc với công nghệ thường gặp nhiều khó khăn trong việc thích nghi với tốc độ chuyển đổi số. Trong cuộc sống hàng ngày, họ chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống truyền thống cùng với các giá trị của gia đình [67]. Khi chuyển qua không gian số, do năng lực tiếp cận bị hạn chế nên họ áp dụng các phương pháp kiểm soát chặt chẽ, cấm đoán [58]. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng những người lớn tuổi họ thiếu tự tin vào việc giúp con khai thác công nghệ cho mục đích học tập và giải trí lành mạnh mà chủ yếu tập trung vào việc ngăn chặn rủi ro.

Các nghiên cứu tại Việt Nam cũng xác nhận, cha mẹ có mức sống khó khăn có khả năng hạn chế về việc tiếp cận thông tin giáo dục số và năng lực hỗ trợ con phát triển kiến thức và kỹ năng số [38]). Tương tự theo Lê Minh Huệ (2022) cũng nhấn mạnh rằng năng lực số của cha mẹ, vốn liên quan chặt chẽ đến trình độ học vấn và điều kiện kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng họ hỗ trợ con phát triển kỹ năng số và nhận diện rủi ro trên mạng. Mỗi liên hệ này làm nổi bật tầm quan trọng của các chính sách hỗ trợ và can thiệp giáo dục nhằm giảm thiểu bất bình đẳng do yếu tố kinh tế xã hội gây ra, đảm bảo mọi trẻ em đều có cơ hội phát triển toàn diện trong kỷ nguyên số.

1.3. CHỦ ĐỀ VỀ PHƯƠNG PHÁP CHA MẸ GIÁO DỤC CHO TRẺ EM

Nhiều nghiên cứu trên thế giới đã chỉ ra rằng, hiện nay dưới sự tác động của công nghệ, các bậc cha mẹ khuyến khích trẻ tham gia các hoạt động thể chất, đối mặt với khó khăn và tương tác trực tiếp với mọi người để tạo nên một lối sống lành mạnh [109]. Theo Lim và Oh, để tránh sự lạm dụng các thiết bị điện tử, cha mẹ đã chủ động tạo ra không gian và thời gian riêng để tương tác gia đình bằng các bữa ăn, hoạt động ngoại khoá cho cả gia đình mà không có sự xuất hiện của các thiết bị điện tử. Ngoài ra, phương pháp làm gương đóng vai trò thiết yếu, các hành vi ứng xử trong cuộc sống hàng ngày của cha mẹ tác động tích cực đến nhận thức và hành vi của con trong từng lĩnh vực của cuộc sống [91].

Trong bối cảnh chuyển đổi số, nhiều phương pháp giáo dục mà cha mẹ thường sử dụng để định hướng con cái trong kỷ nguyên số là can thiệp bằng cách đặt ra giới hạn và tương tác tích cực với con. Việc đặt ra giới hạn liên quan đến việc cha mẹ thiết lập quy tắc rõ ràng về thời gian sử dụng thiết bị, nội dung được phép truy cập. Trong khi đó, việc tương tác tích cực nhấn mạnh cha mẹ tham gia vào các hoạt động trực tuyến cùng con, thảo luận về nội dung và hướng dẫn con cách sử dụng công nghệ an toàn [130]. Bên cạnh đó, đối thoại cởi mở và thảo luận thường xuyên là một phương pháp cốt lõi để cha mẹ hiểu được trải nghiệm của con trên không gian mạng và truyền đạt các giá trị cũng như kỹ năng sống số. Bên cạnh đó, khuyến khích trẻ phát triển năng lực tự chủ (autonomy) trong việc sử dụng công nghệ, thông qua việc cùng con tạo ra các kế hoạch sử dụng phương tiện truyền thông gia đình và cân bằng giữa các hạn chế với cơ hội phát triển kỹ năng số và đọc hiểu phương tiện truyền thông. Phương pháp làm gương (modeling) của cha mẹ cũng được đánh giá cao, khi cha mẹ tự mình quản lý thời gian sử dụng thiết bị và thể hiện hành vi số có trách nhiệm [91]. Phương pháp tạo môi trường hỗ trợ học tập số bằng cách cung cấp thiết bị, kết nối internet và hỗ trợ kỹ thuật

cũng được ghi nhận. Nhìn chung, các nghiên cứu quốc tế đều cho thấy sự dịch chuyển từ kiểm soát đơn thuần sang hướng dẫn, đồng hành, trao quyền và tạo điều kiện để trẻ tự chủ và có trách nhiệm trong môi trường số.

Các nghiên cứu tại Việt Nam cho thấy cha mẹ vẫn đề cao vai trò của các hoạt động truyền thống như học tập tại nhà, tham gia các hoạt động ngoại khóa không liên quan đến màn hình, và các buổi trò chuyện gia đình. Tuy nhiên, sự xuất hiện của các thiết bị số đã tạo ra những thách thức mới. Theo Nguyễn Thị Mai Lan (2020) [38], việc trẻ em sử dụng thiết bị số quá mức ảnh hưởng đến các hoạt động gia đình truyền thống. Do đó, phương pháp quản lý thời gian sử dụng thiết bị và thiết lập không gian “phi công nghệ” trong nhà (ví dụ: khu vực không dùng điện thoại trong bữa ăn) đang được cha mẹ quan tâm và áp dụng. Nhiều cha mẹ cũng đang tìm cách tăng cường tương tác trực tiếp với con để bù đắp cho sự thiếu hụt giao tiếp do công nghệ gây ra [31].

Trong bối cảnh chuyển đổi số, các công trình nghiên cứu cũng ghi nhận sự thay đổi trong phương pháp giáo dục của cha mẹ để thích ứng, trong đó phản ánh cả những đặc điểm văn hóa và xã hội. Phương pháp kiểm soát và quản lý thời gian sử dụng thiết bị vẫn là một trong những cách tiếp cận phổ biến nhất, nhằm hạn chế tác động tiêu cực đến học tập và sức khỏe của trẻ. Theo Lê Minh Huệ (2022) [31] các chiến lược mà cha mẹ sử dụng để giáo dục con về an toàn mạng, từ việc thiết lập quy tắc đến việc trao đổi cởi mở về các vấn đề trực tuyến đã được nghiên cứu. Nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng nhiều cha mẹ còn lúng túng trong việc tìm kiếm thông tin và hỗ trợ để nâng cao năng lực số cho bản thân. Tuy nhiên, phương pháp này đang dần được bổ sung bằng cách tiếp cận mềm dẻo hơn.

Cha mẹ Việt Nam ngày càng chú trọng phương pháp đối thoại và giải thích về những lợi ích và rủi ro của internet, thay vì chỉ cấm đoán [32]; [72]). Họ thường xuyên trò chuyện với con về các nội dung trên mạng xã hội, hướng dẫn con cách ứng xử văn minh và an toàn. Một phương pháp quan

trọng khác là hướng dẫn và đồng hành cùng con trong việc học tập và khai thác công nghệ, đặc biệt trong bối cảnh học trực tuyến gia tăng. Cha mẹ giúp con tìm kiếm các nguồn học liệu số, sử dụng các nền tảng học tập online và tận dụng công nghệ để hỗ trợ kiến thức [25].

Ngoài ra, các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng cha mẹ Việt Nam đang nỗ lực áp dụng phương pháp khuyến khích trẻ tham gia các hoạt động ngoại khóa không liên quan đến thiết bị điện tử để tạo sự cân bằng, đồng thời tăng cường các hoạt động tương tác trực tiếp trong gia đình [22]. Một số công trình còn đề cập đến việc cha mẹ làm gương trong việc sử dụng công nghệ và giúp trẻ phát triển tư duy phản biện khi tiếp nhận thông tin từ các nguồn trực tuyến [75]. Việc cha mẹ dần chuyển từ phong cách giáo dục độc đoán sang phong cách dân chủ, lắng nghe và tôn trọng nhu cầu của trẻ, cũng là một xu hướng được ghi nhận [67]. Nhìn chung, các phương pháp giáo dục của cha mẹ Việt Nam đang chuyển dịch từ kiểm soát chặt chẽ sang sự kết hợp hài hòa giữa giám sát, hướng dẫn và tạo điều kiện cho trẻ phát triển năng lực số một cách chủ động và có trách nhiệm, đồng thời duy trì các giá trị truyền thống.

Đối với phương pháp giáo dục, trình độ học vấn của cha mẹ tạo nên một sự khác biệt đáng kể. Cha mẹ có trình độ học vấn cao thường thực hiện các phương pháp giáo dục dân chủ, khuyến khích, chia sẻ và lắng nghe ý kiến của con cái. Họ có phương pháp hiện đại thông qua các buổi hội thảo, qua tìm hiểu sách báo, chính vì vậy mà họ linh hoạt điều chỉnh theo sự phát triển tâm lý của trẻ. Trong không gian số, họ cùng con khám phá công nghệ, thảo luận về các nội dung và cách thức tiếp cận, sử dụng mạng xã hội an toàn. Họ cũng có xu hướng làm gương cho con trong việc sử dụng công nghệ và quản lý thời gian phù hợp.

Trong sử dụng các phương pháp giáo dục con, cha mẹ có trình độ học vấn thấp thường gặp nhiều rào cản hơn trong việc tiếp cận các phương pháp giáo dục hiện đại. Phương pháp giáo dục con cái của họ thường mang tính áp đặt, kiểm soát và hạn chế chia sẻ [139]. Nhận thức về công nghệ không đầy

đủ hoặc thiếu kiến thức làm cho các phương pháp chậm đổi mới, dẫn đến việc lạm dụng biện pháp cấm đoán hoặc giám sát thụ động. Điều này làm cho trẻ thiếu đi sự chỉ dẫn cần thiết để phát triển năng lực số một cách toàn diện và chủ động. Mặc dù có một số cha mẹ vẫn chủ động tìm tòi, nỗ lực để học hỏi nhưng họ thường cần sự giúp đỡ của cộng đồng và các chương trình giáo dục nhiều hơn. Có thể thấy, trình độ học vấn ảnh hưởng đến nội dung và phương pháp giáo dục của cha mẹ.

Trong không gian số, cha mẹ lớn tuổi sẽ tập trung vào cấm đoán, giới hạn thời gian sử dụng một cách cực đoan, giám sát chặt chẽ các hoạt động sử dụng mạng xã hội của con cái. Họ cũng có thể thiếu tự tin hơn trong việc hỗ trợ con cái đối phó với những khó khăn khi sử dụng công nghệ, trong cách phân biệt và lựa chọn thông tin tiếp nhận, sử dụng công nghệ cho việc học hành, do năng lực tiếp cận của cha mẹ còn hạn chế đối với công nghệ số [100];. Mặc dù vậy, nhưng họ vẫn có một vai trò quan trọng trong việc lưu giữ và truyền đạt các giá trị cũng như đảm bảo gia đình ổn định.

Các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, cha mẹ trẻ tuổi (thường là thế hệ Y, Z) họ sống làm việc và thực hành công nghệ sớm có xu hướng tích hợp nội dung và phương pháp giáo dục trong cả không gian thực và không gian số thành thạo hơn. Trong không gian thực họ vừa có thể duy trì các giá trị truyền thống nhưng cũng có thể lồng ghép các trải nghiệm trực tuyến cùng con, đồng thời làm gương cho con cái cả về những hành vi thực tế lẫn hành vi sử dụng thiết bị công nghệ một cách cân bằng và lành mạnh [95]. Trong không gian số, họ chủ động trang bị cho con các kỹ năng số hiện đại như tư duy về công nghệ, an toàn trong sử dụng các thiết bị số. Kỹ năng hình thành tư duy phản biện và khuyến khích con cái khai thác công nghệ để học tập và sáng tạo [99]; [141]). Theo Marsh et al, cha mẹ trẻ có xu hướng tìm kiếm và sử dụng các ứng dụng giám sát hoặc công cụ hỗ trợ giáo dục số một cách tinh vi hơn [122]. Trong phương pháp giáo dục, họ thường đồng hành với con cái cách sử dụng hiệu quả và an toàn [121].

Phương pháp giáo dục của con của các gia đình có mức sống cao thiên về sự dân chủ, bình đẳng, đồng hành và hướng dẫn con cái khai thác công nghệ để phục vụ học tập một cách hiệu quả [139]; [154]). Gia đình có mức sống thấp hơn sẽ hạn chế về nguồn lực chính vì vậy sẽ tập trung vào giáo dục cơ bản và truyền thống nhiều hơn. Trong không gian số, do điều kiện kinh tế hạn chế nên khả năng tiếp cận thiết bị và kiến thức nên phương pháp giáo dục nghiêng về kiểm soát chặt chẽ hoặc cấm đoán [100]; [116]). Đối với địa bàn nghiên cứu, phương pháp giáo dục hướng đến sự đồng hành cùng con và khám phá thế giới mạng xã hội phong phú trên tinh thần dân chủ, bình đẳng. Theo Eamon [104], trong môi trường trực tiếp, cha mẹ ở thành thị thường ưu tiên các hoạt động ngoại khoá đa dạng, phong phú, phát triển kỹ năng mềm và khuyến khích lối sống độc lập, thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của xã hội. Các nghiên cứu Việt Nam cũng khẳng định xu hướng, theo Lê Minh Huệ và Nguyễn Thị Thu Trang cha mẹ ở đô thị có nhận thức cao hơn về tầm quan trọng của chuyển đổi số và tác dụng của công nghệ đối với sự phát triển của con cái. Chính vì vậy, cha mẹ sẽ chủ động hơn trong việc trang bị kỹ năng công nghệ cho con từ sớm.

Phương pháp giáo dục của cha mẹ nông thôn thường mang tính truyền thống và thiếu kiến thức để hướng dẫn con cái một cách hiệu quả [147]; [100]. Chính vì thế, họ chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, tình yêu quê hương đất nước, lối sống giản dị và những kỹ năng sống cơ bản trong không gian thực [38]. Như vậy, các công trình đã phản ánh được sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn trong nội dung và giáo dục con cái về đạo đức, lối sống, tri thức và kỹ năng trong bối cảnh chuyển đổi số. Đặc biệt là giáo dục đạo đức, lối sống và tri thức số.

1.4. KHOẢNG TRỐNG VÀ NHỮNG GỢI MỞ CHO NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN

Trên đây là sự tóm lược ngắn gọn những thành tựu và quan điểm của các nhà nghiên cứu đi trước ở trong nước và nước ngoài giáo dục trẻ em

trong gia đình. Đến đây cần rút ra một số nhận xét nhằm định hướng cho đề tài nghiên cứu mà nghiên cứu sinh đã lựa chọn.

Tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy, mặc dù nội dung và phương pháp giáo dục của cha mẹ trong gia đình được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau, song vẫn tồn tại nhiều khoảng trống nhất định, đặc biệt là trong bối cảnh chuyển đổi số. Tại Việt Nam, các nghiên cứu hiện nay mới chỉ tập trung vào việc truyền thụ các giá trị đạo đức, lối sống truyền thống, kỹ năng và tri thức cũng chủ yếu là quan tâm, chỉ bảo con trong không gian thực tức là đời sống hàng ngày với các phương pháp chủ yếu là trực tiếp, giám sát hoặc chia sẻ hơn trong những năm gần đây. Trong khi đó, các nghiên cứu quốc tế đã có xu hướng mở rộng sang các hành vi ứng xử trên mạng xã hội nhiều khu vực trên thế giới, nhưng chưa có một nghiên cứu nào có sự kết nối chặt chẽ với bối cảnh văn hoá - xã hội đặc thù của một đô thị đang chuyển dịch mạnh mẽ như ở thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với các yếu tố ảnh hưởng, xu hướng chung là theo đặc trưng tuổi của cha mẹ như tuổi, giới tính, khu vực cư trú, mức sống gia đình... đa số các nghiên cứu đều cho thấy những khó khăn và thách thức của cha mẹ phải đối mặt khi giáo dục con cái. Đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số do hạn chế về nhận thức, kỹ năng và kiến thức trong tiếp cận công nghệ đặc biệt là “khoảng cách số”.

Sự thiếu hụt lớn nhất hiện nay là vẫn chưa có một nghiên cứu thực nghiệm chuyên sâu mang tính thực tiễn hợp và hệ thống có khả năng bao quát đồng thời cả bốn trụ cột: đạo đức, lối sống, tri thức, kỹ năng và phương pháp giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số. Phần lớn các công trình hiện có mới chỉ tập trung rời rạc từng khía cạnh hoặc là đạo đức, hoặc là lối sống, thiếu kỹ năng số chưa làm rõ được quá trình gia đình định hướng cho trẻ cách vận dụng tri thức và thực hành đạo đức, lối sống, tri thức, kỹ năng trên môi trường mạng xã hội, đặc biệt là nhóm trẻ em từ 11-15 tuổi- độ tuổi có sự độc lập

tương đối cao về công nghệ nhưng lại thiếu bản lĩnh vẫn chưa được tập trung nghiên cứu sâu trong giáo dục gia đình ở bối cảnh số.

Xuất phát từ thực tế đó, tác giả đề xuất đề tài “*Chức năng xã hội hoá của gia đình trong bối cảnh chuyển đổi số, nghiên cứu trường hợp tại TP HCM*” với phạm vi về nội dung là “*cha mẹ giáo dục con cái trong độ tuổi từ 11-15 tuổi trong bối cảnh chuyển đổi số*” là một yêu cầu cấp thiết nhằm lấp đầy khoảng trống lý luận và thực tiễn. Nghiên cứu không chỉ dừng lại ở việc mô tả thực trạng “*cha mẹ giáo dục cái gì*” mà còn đi sâu tìm hiểu “*cha mẹ giáo dục như thế nào*” và những rào cản tự nhận thức đến kỹ năng của phụ huynh trong kỷ nguyên số. Việc giải quyết thấu đáo vấn đề này góp phần hình thành nên một thể hệ công dân số toàn diện về “*thể lực, trí lực, tâm lực, kỹ lực*” đồng thời cung cấp các luận cứ khoa học để kiến toàn chức năng giáo dục gia đình trước những thách thức không mong muốn của bối cảnh công nghệ phát triển.

Tiểu kết chương 1

Đúng như tên gọi, chương này điểm lại những công trình đã nghiên cứu được công bố của các tác giả đi trước kể cả quốc tế và ở Việt Nam về chức năng xã hội hoá của gia đình mà cụ thể là giáo dục của cha mẹ đối với trẻ em trên nhiều phương diện khác nhau cả ở truyền thống tới hiện đại. Chẳng hạn, về nội dung đó là giáo dục của cha mẹ đối với con cái, là việc thực hiện hoạt động đó với con cái thông qua những hành vi cụ thể. Điểm luận cho thấy, các nghiên cứu tìm hiểu khá sâu nhiều khía cạnh của đối tượng nghiên cứu, song đến nay vẫn chưa được nghiên cứu cụ thể bài bản đối với giáo dục trẻ em trong độ tuổi từ 11-15 tuổi trong bối cảnh chuyển đổi số. Nói cách khác, chủ đề về giáo dục trẻ em hiện nay vẫn cần được quan tâm nghiên cứu cần tiếp tục khảo sát, nghiên cứu và khái quát hoá trên cả phương diện lý luận lẫn thực tiễn.

Về cách tiếp cận và phương pháp, các tác giả đi trước đã xuất phát từ nhiều góc nhìn khác nhau để giải quyết vấn đề nghiên cứu. Tuy nhiên, riêng

cách tiếp cận xã hội học việc kết hợp phương pháp định lượng và định tính để giải quyết vấn đề nghiên cứu cho giáo dục trẻ em còn khá thưa vắng. Trên cơ sở phân tích đó, tác giả đã chỉ ra luận án sẽ đi sâu tìm hiểu về nội dung và phương pháp giáo dục trẻ em từ 11-15 tuổi của các bậc cha mẹ trong bối cảnh chuyển đổi số tại TP HCM theo hướng tiếp cận xã hội học, sự kết hợp giữa phương pháp định lượng và định tính nhằm làm phong phú thêm cho các nguồn tri thức về chủ đề vừa phong phú, phức tạp và khá lý thú này.

Như vậy, có thể nói việc làm tổng quan không chỉ để phát hiện các khoảng trống cần phải tiếp tục được lấp đầy, không chỉ để kế thừa các thành tựu và bài học kinh nghiệm của những người đi trước và còn mở ra những tri thức khoa học, những nghiên cứu mới mẻ của vấn đề nghiên cứu trong bối cảnh chuyển đổi số Việt Nam nói chung và ở Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN, ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1.1. Khái niệm xã hội hoá

Khái niệm “Xã hội hoá” (socialization) có nhiều cách hiểu khác nhau, trong Từ điển Xã hội học Oxford được định nghĩa như sau: Xã hội hóa là quá trình mà qua đó các cá nhân học hỏi và tiếp thu các giá trị, chuẩn mực, vai trò và hành vi xã hội cần thiết để trở thành thành viên tích cực của xã hội. Quá trình này diễn ra suốt đời và được thực hiện qua các tương tác xã hội, đặc biệt trong các giai đoạn đầu đời [123]. Theo Trần Hữu Quang, xã hội hoá được các nhà xã hội học dùng để chỉ quá trình mà theo đó con người học cách thích ứng với xã hội và tuân thủ các quy tắc xã hội - quá trình này cho phép xã hội tồn tại và luân chuyển nền văn hoá của mình từ thế hệ này sang thế hệ khác, quá trình này được xem như diễn ra hầu như trong suốt cuộc đời mỗi con người [54, tr.57]. Trước đó nhà xã hội học người Mỹ gốc Áo Peter Berger và Thomas Lu Marshall, G. (1994). Oxford dictionary of sociology. Oxford: Oxford University Press.ckman đã cho rằng con người lúc sinh ra đời chưa phải là một con người, hiểu theo nghĩa là thành viên của xã hội và “...Cá nhân không chào đời là một thành viên của xã hội, anh ta chào đời với một bẩm tính thiên về xã hội tính (sociality), và rồi anh ta trở thành một thành viên trong xã hội” [49]. Như vậy, “Xã hội hoá là quá trình dẫn dắt một cá nhân một cách toàn diện và bền bỉ bước vào trong thế giới khách quan của một xã hội hay một khu vực xã hội” [49, tr.193].

Theo Lê Ngọc Văn thì xã hội hoá chỉ “*quá trình các cá thể tiếp thu, học tập, nền văn hoá xã hội mà anh ta được sinh ra và sống - tức là lĩnh hội*

các kinh nghiệm xã hội, học những cái gì phải làm, những cái gì không được làm, học ngôn ngữ, học các chuẩn mực, giá trị xã hội để thích ứng với xã hội” [84, tr.200]. Tác giả Đinh Thị Vân Chi, con người sinh học sẽ trở thành con người xã hội thông qua một quá trình học tập, tiếp thu văn hoá cộng đồng để hoà nhập vào xã hội đó. “Xã hội hoá cá nhân là quá trình hình thành nhân cách cá nhân, quá trình con người học tập và lĩnh hội các quy tắc, các giá trị, khuôn mẫu ứng xử của xã hội để từ một con người sinh học trở thành một con người xã hội. Đây là quá trình mà con người tiếp nhận văn hoá cộng đồng để trở thành một thành viên của cộng đồng ấy” [10]. Xã hội hoá không chỉ là học hỏi để trở thành thành viên của xã hội, không chỉ thông qua việc tiếp thu những “chuẩn mực” và “giá trị của xã hội mà còn bằng việc chúng ta học đóng những “vai trò xã hội của mình” (là người lao động, người bạn, người công dân...) [11].

Trong phạm vi của Luận án này, chức năng xã hội hoá của gia đình được hiểu như sau: Xã hội hóa là khái niệm chỉ quá trình trẻ em từ 11-15 tuổi học tập, tiếp thu, học hỏi các chuẩn mực xã hội, giá trị xã hội qua việc giáo dục của cha mẹ các nội dung và phương pháp giáo dục từ cha mẹ mà cụ thể là giáo dục về đạo đức, lối sống, tri thức và kỹ năng để thích ứng với môi trường xã hội trong bối cảnh chuyển đổi số, thực hiện tốt các vai trò xã hội tương ứng.

2.1.1.2. Khái niệm gia đình

Trong tác phẩm Hệ tư tưởng Đức, C.Mac và Ph.Ăngghen cho rằng: *Hằng ngày tái tạo ra đời sống của bản thân mình, con người bắt đầu tạo ra những người khác, sinh sôi, nảy nở - đó là quan hệ giữa chồng và vợ, cha mẹ và con cái, đó là gia đình*” [42, tr.41].

Theo Đại từ điển tiếng Việt “*Gia đình là tập hợp những người có quan hệ hôn nhân và huyết thống sống chung một nhà*” [87, tr.719]. Tác giả Ngô Công Hoàn đã đưa ra khái niệm: “*Gia đình là một nhóm nhỏ xã hội, có quan hệ gắn bó về hôn nhân hoặc huyết thống, tâm sinh lý, có chung các giá*

trị vật chất, tinh thần, ổn định trong các thời điểm lịch sử nhất định” [27, tr.9]. dưới góc độ luật học, nhà nghiên cứu Nguyễn Quốc Tuấn lại cho rằng:

“Gia đình là một tập hợp dựa trên các quan hệ về hôn nhân và huyết thống và về nuôi dưỡng đã gắn bó những người có quan hệ với nhau bởi các quyền và nghĩa vụ về tài sản và nhân thân, bởi sự cộng đồng về đạo đức và vật chất, để tương trợ nhau, cùng làm kinh tế chung và nuôi dạy con cái” [80, tr.15-16].

Trong sách Tục ngữ, ca dao về quan hệ gia đình. Phạm Việt Long định nghĩa:

“Gia đình là một thực thể vừa mang tính tự nhiên, vừa mang tính xã hội, gắn bó với nhau thông qua quan hệ hôn nhân, thân tình và dòng máu để đáp ứng nhu cầu về tình cảm, bảo tồn nòi giống, giữ gìn và phát huy những giá trị văn hoá của cộng đồng và tộc người, góp phần nuôi dưỡng nhân cách con người, phát triển kinh tế - xã hội, phản ánh sự vận động của cộng đồng và quốc gia trong tiến trình lịch sử” [41, tr.24].

Theo luật pháp Việt Nam, gia đình được xác định là một tập hợp cá nhân dựa trên các quan hệ về hôn nhân và huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng; làm phát sinh các quyền lợi (kinh tế, văn hóa, tình cảm) và trách nhiệm pháp lý, được Nhà nước thừa nhận và bảo vệ (Luật Hôn nhân và gia đình, 2014).

Như vậy, tùy vào những cách nhìn nhận khác nhau qua các thời điểm, quan niệm mà có những định nghĩa khác nhau về gia đình. Ở Việt Nam, định nghĩa về gia đình có thể hiểu như sau: *“Gia đình là một nhóm người, có quan hệ với nhau bởi hôn nhân, huyết thống hoặc quan hệ nghĩa dưỡng, có đặc trưng giới tính qua quan hệ hôn nhân, cùng chung sống, có ngân sách chung”* [84]. Định nghĩa trên thể hiện được tất cả những đặc trưng của gia đình và phù hợp với mẫu nghiên cứu của Luận án

2.1.1.3. Chức năng xã hội hoá của gia đình

Chức năng xã hội hoá của gia đình (socialization function of the family) được nghiên cứu từ lâu trong lịch sử. Nhiều tác giả đã nhấn mạnh đến tầm quan trọng của chức năng xã hội hoá của gia đình đối với một con người. Tác giả Jan Szezepanski đã khẳng định *“Người ta sinh ra không phải đã là con người, mà chỉ trở thành con người trong quá trình giáo dục”* [35, tr.49]. Quá trình này, theo đúng nghĩa đen là “tạo ra xã hội” của một cá nhân bắt đầu từ lúc sinh ra cho đến khi chết (dẫn theo Rodney Stark). Theo Philippe Aries trong cuốn sách *“Đứa trẻ và gia đình thời cổ đại”* đã nhấn mạnh rằng *“đứa trẻ không tồn tại như một phạm trù nhân học độc lập vào thời Trung Cổ, nó được coi là phiên bản thu nhỏ của những người lớn tuổi”*. Và gia đình là nhóm xã hội đầu tiên trong cuộc sống của con người, nơi diễn ra việc tiếp thu các giá trị, vai trò xã hội cơ bản, kinh nghiệm về hành vi xã hội, là nơi một con người chập chờn những bước đi đầu tiên, trải qua những vui buồn đầu tiên và là nơi trú ẩn những khi có biến cố, khó khăn từ xã hội.

Theo tác giả Lê Thi (1997), mục tiêu xã hội hoá cũng như việc bồi dưỡng, xây dựng nhân cách con người của gia đình là căn cứ vào yêu cầu của xã hội, vào hệ thống giá trị thay đổi tuỳ vào mỗi thời kỳ lịch sử. Gia đình tác động đến sự hình thành tình cảm, tâm lý, hành vi đối xử, hành vi văn hoá, kinh nghiệm lao động của trẻ em (qua lời nói, việc làm) (Lê Thi, 1997). Như vậy, trong bất kỳ giai đoạn nào của quá trình phát triển xã hội, gia đình đều đóng một vai trò then chốt, quyết định trong việc tạo dựng các giá trị, chuẩn mực hiện hữu qua mỗi con người cụ thể. Như khẳng định của tác giả Lê Ngọc Văn, gia đình không chỉ tái sản xuất con người về mặt thể chất mà còn tái sản xuất ra đời sống tình cảm, tâm hồn văn hoá, tức là đang thực hiện chức năng xã hội hoá. Góp phần to lớn trong việc hình thành nhân cách của một con người, góp phần vào việc hình thành một thế hệ tương lai đáp ứng được nhu cầu phát triển của xã hội.

Quá trình xã hội hoá một con người theo Lê Ngọc Văn (2012) [84] được chia thành những giai đoạn sau đây:

- *Giai đoạn tuổi ấu thơ*: Gia đình là cơ sở giáo dục đầu tiên của mỗi con người. Ngay từ lúc mới sinh ra những cách thức mà cha mẹ chăm sóc cho trẻ sơ sinh từ ăn, ngủ và sự hình thành các thói quen. Sự bắt chước các giác quan nghe, nhìn, cử động theo âm thanh, ánh sáng đều thu nhận từ các thành viên trong gia đình. Trong giai đoạn này, gia đình là môi trường xã hội hoá và tác nhân xã hội hoá duy nhất.

- *Giai đoạn tuổi mẫu giáo*: Trẻ bắt đầu có những mối quan hệ bên ngoài là bạn bè và thầy, cô giáo. Tuy nhiên, trẻ tiếp tục hình thành những thói quen, bắt chước, đóng vai người lớn thông qua các hoạt động trò chơi và các quan hệ xã hội với bạn bè đồng trang lứa. Trong giai đoạn này, trẻ được học cái gì đúng, cái gì sai thông qua sự chỉ bảo của những người xung quanh, học cái gì được làm, cái gì không được làm và bắt đầu nhận biết những quy định, hình thành ý thức trách nhiệm thông qua các hành vi và bước đầu biết giúp đỡ mọi người những việc nhỏ.

- *Giai đoạn tuổi thiếu niên*: Đây là giai đoạn trẻ bước vào độ tuổi dậy thì, bắt đầu hình thành những giá trị, chuẩn mực, có những mối quan hệ với những người xung quanh. Nhân cách độc lập bắt đầu được hình thành trong giai đoạn này, gia đình mà cụ thể là bố mẹ cần giúp đỡ và giáo dục những kinh nghiệm, hành vi ứng xử, đối nhân xử thế, sự sẻ chia, cảm thông, biết ơn hoặc những giá trị xã hội mới. Sự gần gũi, quan tâm là rất cần thiết trong giai đoạn này để giúp cho trẻ có thể tự chủ, độc lập và trưởng thành ở các giai đoạn sau.

- *Giai đoạn lứa tuổi trưởng thành*: Xã hội hoá sơ cấp đã hoàn thành, sự hình thành cái tôi và kinh nghiệm xã hội đã ổn định, bước vào các tổ chức, cộng đồng xã hội và bắt đầu lựa chọn nghề nghiệp, lựa chọn bạn đời, định hướng lối sống.

- *Giai đoạn kết hôn và chuẩn bị làm cha mẹ*: Lúc này mỗi cá nhân bắt đầu học cách đóng những vai mới làm vợ, làm chồng, làm cha, làm mẹ thông qua

học hỏi cách ứng xử giữa cha mẹ với nhau. Mẫu hình hôn nhân thường được học hỏi từ cha mẹ trong thời gian dài quan sát. Mẫu hình này rất quan trọng cho con cái trong việc thực hiện vai trò làm cha mẹ và vai trò trong hôn nhân.

- *Giai đoạn bước sang tuổi già và chuẩn bị đón cái chết*: Trong quá trình sống và làm việc, người trẻ có thể hình dung được cuộc sống của mình khi bước vào tuổi già. Chính vì vậy, họ sẽ học cách chuẩn bị cho tuổi già của mình, học cách phụ thuộc vào người khác, học cách sống và đón nhận cái chết, chuẩn bị cho cái chết của mình lúc về già.

Như vậy, chức năng xã hội hoá của gia đình thực hiện rất nhiều nội dung và được thực hiện qua rất nhiều giai đoạn khác nhau. Trong khuôn khổ luận án này, do không thể bao quát hết được các giai đoạn của quá trình xã hội hoá của một con người, NCS chỉ chọn một số nội dung trong chức năng xã hội hoá của gia đình ở giai đoạn tuổi từ 11-15 tuổi. Chính vì vậy, chức năng xã hội hoá của gia đình trong luận án được hiểu là *quá trình giáo dục của gia đình mà trực tiếp là của cha mẹ với con cái trong độ tuổi từ 11 -15 về những nội dung như: đạo đức, lối sống, tri thức, kỹ năng nhằm giúp con cái hòa nhập/ thích ứng tốt hơn với những giá trị, chuẩn mực trong bối cảnh chuyển đổi xã hội hiện nay*.

2.1.1.4. Giáo dục gia đình

Gia đình là thiết chế đầu tiên có chức năng giáo dục con người, đây là chức năng quan trọng không thể thay thế. Hồ Chủ Tịch đã từng dạy rằng “*Giáo dục trong nhà trường dù tốt đến mấy, nhưng thiếu giáo dục gia đình và ngoài xã hội thì kết quả cũng không hoàn toàn*” [45]. Gia đình chính là trường học đầu tiên xây dựng nhân phẩm cho thế hệ trẻ, xây dựng nền móng cho tính cách, năng khiếu của con người mới tương lai.

Theo Hà Văn Tác (2011) [57], giáo dục xã hội và giáo dục nhà trường là những yếu tố quyết định để có thể định hướng nhân cách. Tuy nhiên giáo dục gia đình lại có vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển và hình thành nhân cách, nội dung giáo dục gia đình bao gồm các yếu tố văn hoá gia đình, đạo đức, phương thức ứng xử, lao động, kỹ năng, kỹ nghệ và khoa học. Theo

Nguyễn Thị Thọ (2011) [65] giáo dục gia đình chính là giáo dục con người, điều đặc biệt của giáo dục gia đình là giáo dục đạo đức, giáo dục tri thức, giáo dục các hành vi ứng xử, nền nếp, gia phong, gia lễ... Đây là những nền tảng đạo đức đầu đời của mỗi con người. Bên cạnh giáo dục đạo đức, gia đình cần giáo dục hướng nghiệp cho con cái, giáo dục giới tính cho trẻ, giáo dục trẻ em lòng nhân nghĩa nhân hậu khi tiếp xúc với mọi người trong xã hội, giúp trẻ ngày càng hướng tới cái đẹp, cái thiện hơn.

Như vậy, trên cơ sở kế thừa các khái niệm trước đó, giáo dục gia đình là *toàn bộ quá trình giáo dục, định hướng và hình thành nhân cách cho trẻ em diễn ra trong môi trường gia đình, là nền tảng đầu tiên có ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển của một cá nhân thông qua vai trò của cha mẹ.*

2.1.1.5. Khái niệm vai trò của cha mẹ

Trong giáo dục gia đình, vai trò của cha mẹ vô cùng quan trọng và không thể thay thế trong việc giáo dục con cái, định hướng tương lai và hình thành nhân cách. Các vai trò chính của cha mẹ được nhiều nhà nghiên cứu đề cập như là người thầy đầu tiên, trực tiếp ảnh hưởng đến hành vi, lời nói và cách ứng xử của con cái như một cách ví von “*sống trước đổ đâu, sống sau đổ đó*”, “*giỗ nhà ai, quai nhà nấy*” [65]. Trong xã hội truyền thống cha mẹ thường có vai trò quyết định khi “*cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy*”, cha mẹ giáo dục con cái đúng như chuẩn mực mà xã hội yêu cầu. Trong xã hội công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cha mẹ giáo dục con cái thành những con người của xã hội mới, đáp ứng kỳ vọng của quá trình phát triển xã hội nhờ vào sự định hướng, hình thành ý thức đúng sai, biết yêu thương, chia sẻ, tôn trọng mọi người. Chính sự yêu thương và chăm sóc con vô điều kiện đã giúp cho trẻ cảm thấy an toàn, được bảo vệ và có sự tự tin để khám phá thế giới [63].

Vai trò của cha mẹ xuất phát từ vai trò xã hội, mà “vai trò xã hội” theo Trần Hữu Quang, đôi khi người ta không phân định được vị trí và vai trò, có nhiều người dùng lẫn lộn hai khái niệm này, nhưng vị trí xã hội là chỗ đứng của người đó trong không gian xã hội đó, vai trò xã hội là khái niệm dùng để

chỉ toàn bộ quyền và nghĩa vụ vốn gắn liền với vị trí xã hội nào đó. Tức là “vị trí” cho biết họ là ai? còn vai trò cho biết họ cần phải làm gì ở vị trí ấy. Xuất phát từ khái niệm này, vai trò của cha mẹ trong giáo dục con cái là *“tập hợp các mong đợi, kỳ vọng của gia đình, xã hội trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ gắn cho cha mẹ trong giáo dục con cái ở mỗi giai đoạn của quá trình phát triển xã hội”*

Như vậy, ở mỗi giai đoạn khác nhau của quá trình phát triển kinh tế - xã hội, sự kỳ vọng vào mỗi con người là khác nhau và để đáp ứng được kỳ vọng này không ai khác chính là cha mẹ, những người đầu tiên đặt nền móng cho con cái trở thành những con người của xã hội tương lai.

2.1.1.6. Khái niệm chuyển đổi số

Chuyển đổi số dù có lịch sử ra đời và phát triển khoảng 3 thập kỷ nhưng đến nay vẫn chưa có định nghĩa thống nhất trong giới nghiên cứu dẫn đến khó khăn trong việc nhận định, phân tích và nghiên cứu cũng như cải tạo thực tiễn [128], [127], [148]. Theo diễn tiến thời gian, nghiên cứu này chỉ chất lọc một số định nghĩa điển hình về chuyển đổi số, từ đó làm rõ cách tiếp cận về chuyển đổi xã hội số. Trong nghiên cứu của mình, Stolterman & Fors (2004) cho rằng, chuyển đổi số là *sự thay đổi mà ở đó công nghệ số đã tạo ra sự tác động, ảnh hưởng đến tất cả phương diện của đời sống con người* [142, tr.687-692]. Martin (2008) [124, tr.151-176] thì cho rằng, chuyển đổi số là *việc sử dụng công nghệ thông tin không chỉ thúc đẩy tự động hoá ở mức cao mà còn tạo ra các năng lực mới trong các doanh nghiệp, chính phủ, trong mỗi người dân và đời sống xã hội*.

Ở Việt Nam, chuyển đổi số được thảo luận nhiều khoảng năm 2018 [7, tr.21]. Tuy vậy, hiện nay, nhận thức về quá trình này vẫn còn nhiều khác biệt. Bộ Thông tin và truyền thông (2021) cho rằng, chuyển đổi số *“đơn giản là chuyển đổi hoạt động của chính quyền, của nền kinh tế và của xã hội lên môi trường số”* [6, tr.28]. Định nghĩa này đã đề cập một cách có hệ thống về chuyển đổi số khi nhấn mạnh đến 3 trụ cột căn bản, quan trọng nhất của

chuyển đổi số mà Việt Nam tiếp cận là chuyển đổi số trong lĩnh vực kinh tế, chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý nhà nước và chuyển đổi số trong lĩnh vực xã hội. Theo Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng “*Chuyển đổi số đơn giản là chuyển đổi hoạt động của chính quyền, của nền kinh tế và của xã hội lên môi trường số*” [6]. Có thể thấy từ khái niệm trên có ba ý cơ bản của chuyển đổi số. Một là chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện. Hai là chuyển đổi số là quá trình chuyển đổi về cách sống (thường về cá nhân con người) cách làm việc và phương thức sản xuất để thích ứng với môi trường số. Ba là sự thay đổi trong chuyển đổi số dựa vào công nghệ số. Trên cơ sở các cách tiếp cận quốc tế, thực tiễn tại Việt Nam chuyển đổi số được hiểu là “*quá trình thay đổi một cách tổng thể và toàn diện phương thức hoạt động (cách sống, làm việc, quản lý và phương thức lao động, sản xuất) của xã hội trên môi trường số gắn liền với ứng dụng các công nghệ số*” [6, tr.28]. Bối cảnh chuyển đổi số hiện nay được định hình bởi sự phát triển mạnh mẽ và hội tụ của nhiều công nghệ đột phá, tạo nên một môi trường kinh tế và xã hội biến đổi sâu sắc. Sự tiến bộ nhanh chóng của công nghệ thông tin và truyền thông, đặc biệt là điện toán đám mây và kết nối vạn vật (IoT), sự bùng nổ của dữ liệu số (digital data) với khối lượng, tốc độ và đa dạng chưa từng có. Đặc biệt sự phát triển của truyền thông xã hội đã tác động không nhỏ đến các lĩnh vực của đời sống xã hội trong đó có thiết chế gia đình.

Tuy nhiên, trong Luận án này, trên cơ sở kế thừa những khái niệm đi trước, chuyển đổi số trong luận án được hiểu là *một bối cảnh của quá trình phát triển, trong bối cảnh đó, cha mẹ giáo dục con cái những nội dung như đạo đức; lối sống; tri thức; kỹ năng phù hợp với giá trị chuẩn mực của xã hội trên không gian thực và không gian công nghệ phát triển.*

2.1.1.7. Chức năng giáo dục của gia đình trong bối cảnh chuyển đổi số

Từ việc khảo lược cách tiếp cận giáo dục gia đình mà các nhà nghiên cứu đưa ra, trong luận án này, trên cơ sở kế thừa các quan điểm, nội dung hợp lý từ các nhà nghiên cứu đi trước thúc đẩy việc đưa ra định nghĩa chung nhất

cho luận án này. Theo đó, *chức năng giáo dục gia đình trong bối cảnh chuyển đổi số là khả năng cha mẹ thể hiện vai trò của mình trong việc định hướng, hỗ trợ và đồng hành để con cái phát triển toàn diện, thích ứng được với bối cảnh chuyển đổi số*. Chức năng này bao gồm việc trang bị nền tảng đạo đức, lối sống, tri thức và kỹ năng cần thiết để con cái có thể thích nghi, tận dụng những cơ hội và đối phó với những thách thức trong môi trường số một cách hiệu quả và an toàn. Cha mẹ chuyển từ vai trò kiểm soát sang vai trò đồng hành, tạo ra môi trường thuận lợi để con cái phát triển năng lực tự chủ và giải quyết vấn đề.

Từ cách tiếp cận trên, một số đặc điểm lõi của chức năng giáo dục gia đình trong quá trình chuyển đổi số cần nhấn mạnh:

Thứ nhất, trong lịch sử phát triển của gia đình từ truyền thống tới hiện đại, vai trò quan trọng của giáo dục là để từng bước hình thành nhân cách con người đáp ứng kỳ vọng của gia đình và xã hội. Bối cảnh chuyển đổi số mang đến cho gia đình nhiều tiện ích hơn trong cuộc sống và sự thay đổi trên nhiều phương diện. Chính sự thay đổi này làm cho gia đình cân nhắc, tính toán điều chỉnh hợp lý, cân bằng lựa chọn những nội dung và phương pháp giáo dục phù hợp với các thành viên trong gia đình nói chung và nhóm tuổi 11-15 nói riêng. Nhóm tuổi mà trong bối cảnh chuyển đổi số dễ bị cuốn theo những trào lưu, xu hướng trên môi trường số. Độ tuổi này hầu hết trẻ em đều sống trong môi trường công nghệ và việc tự khẳng định cái tôi khá cao, dễ bị sa đà, chệnh mảng, chạy theo lối sống hưởng thụ, coi trọng vật chất, xem nhẹ tính gắn kết trong gia đình và ngoài xã hội. Chính vì vậy, theo Ratner (2014) trong công trình *Nuôi dạy con cái trong thời đại kỹ thuật số* đã nhấn mạnh rằng, trong bối cảnh nào - kể cả thời đại kỹ thuật số đều không thể thiếu bóng dáng của gia đình và cha mẹ là một trong những người mang yếu tố quyết định trong việc hình thành nhân cách, lối sống cho trẻ.

Thứ hai, Tính xã hội của quá trình giáo dục trong gia đình ở bối cảnh chuyển đổi số của Luận án thể hiện ở quá trình giáo dục trẻ em 11-15 tuổi

trên các lĩnh vực về đạo đức, lối sống, tri thức, kỹ năng. Quá trình này phản ánh, tô đậm “phông” văn hoá, lịch sử, bối cảnh và cả biến cố có tính thời đại mà gia đình phải đương đầu và trải qua. Việc thay đổi thái độ, sự hiểu biết, quan điểm cũng như thói quen, lối sống, khuôn mẫu sinh hoạt, làm việc hay quản lý, giáo dục con cái, định hướng lối sống, nghề nghiệp, giáo dục giới tính,... trong thế giới đương đại ngày nay, cả trên thế giới thực (vật lý) và không gian ảo chính là sự phản ánh và “*phóng chiếu*” hiện thực của tiến trình chuyển đổi số và tác động của CMCN4 đến gia đình hiện nay.

Thứ ba, giáo dục gia đình trong bối cảnh chuyển đổi số là quá trình có tính chất chất lọc, chọn lọc trên nhiều phương diện của cá, nhân, cộng đồng, gia đình, xã hội với những chuẩn mực chung đang được thiết lập để có thể lựa chọn tốt nhất nội dung và phương pháp giáo dục phù hợp với nhóm tuổi 11-15. Trong quá trình này sẽ có những nhóm gia đình thuận chiều, tích cực hưởng ứng, cập nhật những cái mới, sẵn sàng chuyển đổi nhanh chóng và hoà nhập nhanh vào những khuôn mẫu mới, sẵn sàng chuyển đổi nhanh và cập nhật những kiến thức mới của bối cảnh vào việc giáo dục con cái trên cơ sở những giá trị, chuẩn mực riêng có trước đây theo tiêu chuẩn mới để thích ứng, tồn tại và phát triển. Tuy vậy, sẽ có những nhóm gia đình vì các lí do khác nhau sẽ phản ứng tiêu cực lại với những thay đổi, hệ quả là “*thích ứng cưỡng bức*” với thái độ có thể là cự tuyệt, quan điểm bàn quang, hành vi ngại đổi mới, sợ thay đổi và đứng ngoài quá trình biến đổi xã hội. Đáng chú ý, sẽ có những nhóm gia đình yếu thế, thiệt thòi, dễ bị loại trừ và bỏ lại phía sau trong tiến trình thích ứng với các biến đổi to lớn của đời sống xã hội, trong đó có chuyển đổi số. Thực tế “*bất bình đẳng số*”, “*khoảng cách số*” hay “*gánh nặng số*” chính là sự phản ánh rào cản, thách thức mà các gia đình phải đương đầu và dung nạp trong bối cảnh đầy biến động trong kỷ nguyên này.

Thứ tư, Bối cảnh chuyển đổi số đã tạo ra những tác động đặc biệt đến giáo dục trẻ em trong độ tuổi từ 11-15, một giai đoạn phát triển đầy biến động. Thứ nhất, công nghệ đã trở thành một kênh xã hội hóa thứ hai, bên

cạnh gia đình và nhà trường. Điều này buộc cha mẹ phải điều chỉnh nội dung giáo dục, từ việc truyền thụ các giá trị đạo đức truyền thống sang việc hướng dẫn con trở thành “công dân số” có trách nhiệm. Thứ hai, khả năng tiếp cận thông tin vô hạn trên mạng xã hội và các nền tảng trực tuyến đã giúp trẻ em mở rộng tri thức, nhưng cũng tạo ra những thách thức lớn về an toàn mạng, phân biệt thông tin thật giả và quản lý thời gian sử dụng thiết bị. Cuối cùng, sự phổ biến của công nghệ đã làm thay đổi cả phương pháp giáo dục của cha mẹ, chuyển từ kiểm soát sang đồng hành, đối thoại, nhằm giúp trẻ phát triển khả năng tự chủ và tư duy phản biện để thích nghi với một thế giới số luôn thay đổi.

Chuyển đổi số là một quá trình không thể đảo ngược, và ảnh hưởng của nó lên chức năng xã hội hoá gia đình là rõ rệt. Việc ứng dụng công nghệ trong gia đình không chỉ tạo ra những cơ hội mới mà còn đặt ra những thách thức cần được giải quyết. Để đảm bảo rằng chức năng giáo dục của gia đình vẫn được duy trì và phát triển trong bối cảnh chuyển đổi số, cần có sự quan tâm không chỉ từ phía các bậc phụ huynh mà còn từ xã hội nhằm tạo ra một môi trường gia đình tích cực, lành mạnh, giúp trẻ em có thể phát triển toàn diện cả về kỹ năng sống lẫn kiến thức. Chỉ khi đó, chuyển đổi số mới thực sự mang lại lợi ích cho các gia đình và xã hội nói chung.

2.1.1.8. Đặc điểm tâm lý của trẻ em lứa tuổi 11-15

Trẻ em ở lứa tuổi 11-15 tương đương với tuổi thiếu niên, là nhóm trẻ từ lớp 6 tới lớp 9 ở các trường Trung học cơ sở. Theo các nhà nghiên cứu, đây là nhóm trẻ có đặc điểm riêng về thể chất, nhận thức, cảm xúc và có những có những nhu cầu khác với nhóm nhi đồng và cả nhóm người lớn hơn. Nếu như ở bậc mầm non hoạt động của trẻ vui chơi, bậc tiểu học hoạt động chuyển dần qua học tập. Thì độ tuổi từ 11-15 là độ tuổi vừa vui chơi, vừa học tập vừa có những chuyển biến phức tạp về tâm sinh lý. Trong độ tuổi này trẻ chưa đủ ý thức, phẩm chất và năng lực như một công dân trưởng thành, dễ bị ảnh hưởng bởi những tác động xung quanh nên cần sự quan

tâm, giúp đỡ của người lớn, của gia đình, nhà trường và xã hội. Chính vì vậy, việc hiểu được đặc điểm tâm sinh lý của trẻ, nhận thức của trẻ để lựa chọn những nội dung và phương pháp giáo dục phù hợp là cần thiết nhằm đạt được hiệu quả cao hơn. Về cơ bản độ tuổi 11-15 tuổi có những đặc điểm cơ bản sau:

Đặc điểm về thể chất: Đối với trẻ em có độ tuổi từ 11-15, sự phát triển thể chất trong giai đoạn này khá toàn diện. Sự hoạt động tổng hợp của tuyến giáp trạng, tuyến thượng thận, tuyến giáp trạng đã tạo ra nhiều thay đổi trong cơ thể của trẻ. Sự phát triển thể lực nhanh chóng, nhảy vọt về chiều cao và bắt đầu phát triển các cơ quan sinh dục, tuyến sinh dục bắt đầu hoạt động, vì vậy còn gọi là độ tuổi dậy thì. Điều này làm cho cơ thể của lứa tuổi 11-15 phát triển mạnh mẽ về chiều cao, cân nặng và sự thay đổi trong thể hình. Bên cạnh sự phát triển thể chất, hoạt động thể thao cũng trở nên quan trọng hơn trong giai đoạn này. Trẻ em bắt đầu tham gia vào các môn thể thao, thu hút sự chú ý từ thầy cô và bạn bè, góp phần phát triển kỹ năng xã hội và cải thiện sức khỏe. Tuy nhiên, áp lực học tập đôi khi khiến trẻ không có đủ thời gian cho hoạt động thể chất, dẫn đến tình trạng béo phì và các vấn đề sức khỏe khác. Hiểu những đặc điểm này về cơ thể, giúp các bậc cha mẹ có thể giáo dục trẻ những tri thức về chăm sóc sức khỏe giới tính bằng những nội dung và phương pháp phù hợp.

Đặc điểm về tri giác: Ở độ tuổi 11-15 tuổi, tri giác đã gần như phát triển toàn diện, trẻ em có khả năng khái quát, tổng hợp các sự vật, hiện tượng phức tạp, có khả năng phân tích được vấn đề. Khối lượng tri giác tăng lên, trình tự và bắt đầu hoàn thiện hơn, mọi việc các em làm trở nên có kế hoạch và có chủ đích hơn

Đặc điểm về trí nhớ: Trong giai đoạn này, hoạt động thần kinh cao cấp với đặc trưng là quá trình hưng phấn chiếm ưu thế rõ rệt. Dẫn đến trong nhiều trường hợp không làm chủ được cảm xúc, dễ bị kích động, cáu gắt, bực tức và dẫn đến những hành vi không kiểm soát. Tuy nhiên, do ảnh

hưởng của công nghệ, trẻ em hiện nay cũng dễ bị phân tâm hơn. Sự xuất hiện của các thiết bị điện tử và mạng xã hội khiến trẻ có thể gặp khó khăn trong việc tập trung vào việc học. Những thông tin tràn lan và sự ảnh hưởng của các nội dung không phù hợp có thể làm giảm khả năng tập trung và khả năng ghi nhớ. Cha mẹ cần tìm hiểu những đặc điểm về trí nhớ và sự chú ý của trẻ em trong giai đoạn này để sắp xếp dành thời gian bên con, nhắc nhở, kèm cặp con học tập, định hướng tiếp cận nội dung có chọn lọc hơn. Giúp con học tập có hiệu quả và tránh các căng thẳng không đáng có trong quá trình dạy dỗ các tri thức cho con.

Đặc điểm nhân cách: Tính cách con người là biểu hiện những hành vi đặc trưng mối quan hệ của người đó với thế giới xung quanh. Trẻ em 11-15 tuổi là độ tuổi tâm sinh lý dễ bị thay đổi [46], là tuổi dậy thì sự thay đổi về cơ thể tạo cho các em cảm giác tính người lớn thật sự của mình. Trong gia đình, đã có sự thay đổi về vai trò, được cha mẹ, anh chị giao cho những công việc nhằm phụ giúp cha mẹ như: trông em, nấu cơm, phơi đồ... trong trường học, thích thể hiện lập trường quan điểm riêng, thích lập luận, triết lý. Trong xã hội, độ tuổi từ 11-15 tuổi có một tâm lý không thích phụ thuộc vào người lớn ở một mức độ nhất định, mong muốn người lớn đối xử bình đẳng với mình như đối xử với người lớn. Không thích và tỏ thái độ khi người lớn can thiệp quá tỉ mỉ vào một số mặt của đời sống cá nhân. Ở độ tuổi này, bắt đầu có xu hướng chống đối và bảo vệ ý kiến của mình cả trong hành vi lẫn lời nói. Muốn mở rộng quyền hạn của mình và thu hẹp quyền hạn của cha mẹ đối với mình, mong muốn được tự chủ là đặc trưng dễ thấy tính cách của tuổi 11-15. Tuy nhiên, những phẩm chất, năng lực, kinh nghiệm, tri thức, kiến thức xã hội, những trải nghiệm cá nhân các em bị giới hạn trong một mức độ nhất định, nên dễ bị cuốn theo những xu hướng của xã hội. Đặc biệt trong bối cảnh công nghệ thông tin và sự phát triển của công nghệ số, các ứng dụng trên các thiết bị điện tử với những chương trình, nội dung hấp dẫn độ tuổi này. Khả năng đánh giá và chọn lọc thông tin còn nhiều hạn chế và

nhều trẻ em dễ bị cuốn theo các trào lưu, xu hướng không lành mạnh trên mạng xã hội [53, tr.25]. Bên cạnh đó, việc thiếu hụt các kỹ năng sống cũng sẽ làm cho độ tuổi 12-15 dễ rơi vào những tệ nạn xã hội, góp phần ảnh hưởng xấu đến gia đình, nhà trường và xã hội [43, tr.18]. Chính vì vậy, để bảo vệ được con cái mình, cha mẹ cần phối hợp với nhà trường để tăng cường sự giám sát nhằm đảm bảo sự phát triển nhân cách lành mạnh cho trẻ (Học tập, lao động và các mối quan hệ khác). Đặc biệt những vấn đề như sức khỏe, giáo dục giới tính, mang thai ngoài ý muốn [46]... Những đặc trưng nhân cách của thời kỳ này, đòi hỏi cha mẹ phải lựa chọn những nội dung và phương pháp giáo dục phù hợp, phải luôn là những tấm gương tốt về hành vi ứng xử trong các hoạt động sống để con cái học tập và noi theo.

Như vậy, tìm hiểu về đặc điểm của lứa tuổi 11-15 giúp cho luận án khai thác sâu và đi đúng hơn vào các khía cạnh nội dung, các chỉ báo thể hiện sự quan tâm tới giáo dục của cha mẹ đối với con cái trong độ tuổi từ 11-15.

2.1.2. Hệ các biến số về nội dung, phương pháp giáo dục trẻ em và những yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục trẻ em 11-15 tuổi

Để nhận diện nội dung và phương pháp giáo dục trẻ em trong bối cảnh chuyển đổi số của cha mẹ, các nghiên cứu trước đây đã xác định được một số nội dung cụ thể. Trong xã hội truyền thống của các nước Á Đông thì đạo đức, lối sống là việc cha mẹ phải giáo dục con cái đầu tiên sau đó mới đến các nội dung khác (Lê Ngọc Văn, 2012; Takahashi, 2016; Xue và Hong, 2015). Theo Theo Xue và Hong (2015) và Takahashi (2016) trong xã hội truyền thống Nhật Bản và Nhật Bản cha mẹ sẽ chú trọng giáo dục trẻ em đạo đức và lối sống là chủ yếu (lòng hiếu thảo, sự tôn trọng, lòng nhân ái cho trẻ em khi ứng xử với gia đình và cộng đồng). Đến xã hội bắt đầu xuất hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá, ngoài đạo đức, lối sống trẻ em cần được giáo dục thêm tri thức, kỹ năng thì mới đảm bảo những kỳ vọng, mong đợi của xã hội (Nguyễn Thị Thọ, 2011; Nikken & Schols, 2015). Trong bối cảnh chuyển đổi số, Theo Cheng (2020), giáo dục đạo đức, lối sống trên môi

trường số (ứng xử lịch sự, tôn trọng và thấu hiểu cảm xúc, không chia sẻ thông tin của người khác trên MXH, không bịa đặt, không lừa đảo trên MXH)... Bên cạnh đó, Wong, Lau và Lo (2022) còn dạy trẻ thể hiện lòng hiếu thảo thông qua việc quan tâm người thân, dạy ông bà sử dụng công nghệ và mình sử dụng công nghệ để hỏi thăm, quan tâm ông bà cha mẹ.

Không dừng lại ở đạo đức, lối sống, theo Nikken & Schols (2015), tri thức và kỹ năng trong môi trường số hoá cũng được các bậc cha mẹ chú trọng (khai thác và chọn lọc thông tin, học tập trực tuyến, kiểm soát nội dung...). Chính trong bối cảnh này, trẻ cũng cần có kỹ năng (giao tiếp, kỹ năng làm việc từ xa qua các thiết bị công nghệ, tư duy phản biện, kỹ năng quản lý cảm xúc để cân bằng được giữa môi trường thực và môi trường số (Park & Kim, 2018; Nguyễn Thị Thanh Hải, 2011).

Về phương pháp giáo dục, xã hội truyền thống cha mẹ sử dụng phổ biến nhất trước đây là áp đặt, ép buộc rồi đến làm gương (Lê Ngọc Văn, 2012; Đặng Cảnh Khanh, Lê Thị Quý 2007). Tuy nhiên, theo Nikken & Schols, (2015) và Phạm Thị Thuý (2022) trong giáo dục đạo đức, lối sống, tri thức, kỹ năng trong bối cảnh số phương pháp giáo dục hướng tới bình đẳng, dân chủ (chia sẻ, đồng hành cùng con), phương pháp kiểm soát và quản lý con cái (quản lý thời gian, quản lý nội dung). Theo Balakrishnan & Charania, 2023, phương pháp làm gương và tạo môi trường hỗ trợ học tập (mua sắm thiết bị, kết nối internet, hỗ trợ kỹ thuật...) cũng được các nhà nghiên cứu đề cập.

Trên cơ sở nhận diện nội dung và phương pháp giáo dục của cha mẹ đối với trẻ em từ các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước. Luận án kết thừa và phát triển phù hợp với điều kiện hoàn cảnh kinh tế - xã hội và đặc điểm gia đình ở thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, nội dung và phương pháp cha mẹ giáo dục trẻ em ở Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh chuyển đổi số được thể hiện trong Luận án như sau:

Bảng 2.1. Nội dung và phương pháp cha mẹ giáo dục trẻ em từ 11-15 tuổi

Nội dung giáo dục	Chỉ báo nội dung giáo dục	Phương pháp giáo dục
Giáo dục đạo đức	+ Đạo đức trên không gian thực (Sự tôn trọng, lòng hiếu thảo, tính trung thực, lòng nhân ái, tinh thần trách nhiệm) + Đạo đức trên không gian số: (Tôn trọng quyền riêng tư; không tham gia các xu hướng bắt nạt trên MXH; chia sẻ gương người tốt việc tốt; không lan truyền tin đồn; hỗ trợ ông bà, bố mẹ công nghệ; thăm hỏi ông bà thông qua công nghệ...	- Cấm đoán, áp đặt: quản lý sử dụng thời gian sử dụng thiết bị, quản lý nội dung... - Phương pháp đồng hành chia sẻ (chia sẻ, đồng hành, thảo luận cởi mở, lắng nghe ý kiến) - Làm gương: hành vi sử dụng thiết bị, thời gian sử dụng, nội dung truy cập...
Giáo dục lối sống	- Ứng xử văn minh trong không gian công cộng - Lịch sự với mọi người - Giúp đỡ chia sẻ với người già, trẻ em, người yếu thế - Ăn uống lành mạnh, rèn luyện thể chất - Xây dựng thói quen sử dụng công nghệ hợp lý - Tiếp cận nội dung lành mạnh - Ứng xử văn minh trên mạng xã hội - Suy nghĩ kỹ trước khi bình luận trên mạng xã hội - Tạo ra nội dung tích cực - Hòa hòa giữa thời gian sử dụng công nghệ và thời gian vui chơi giải trí, hoạt động trực tiếp	
Giáo dục tri thức	- Chuẩn bị không gian học tập đầy đủ - Nhắc nhở con học tập - Đưa con đi học thêm, học tiếng anh, tin học - Mua sắm thiết bị công nghệ cho con học tập - Giáo dục tâm sinh, sinh lý tuổi dậy thì - Giáo dục tình yêu tình bạn khác giới - Cùng con xem một số chương trình để mở rộng tri thức - Đăng ký các cuộc thi trên internet và bảo con tham gia - Cùng con tìm hiểu về công nghệ - Đăng ký các khoá học online cho con tham gia trên internet - Giới thiệu cho con các công cụ học tập hiệu quả - Dạy con những dấu hiệu quấy rối tình dục trên không gian mạng xã hội	
Giáo dục kỹ năng	- Kỹ năng giao tiếp - Kỹ năng làm việc nhóm - Kỹ năng thuyết trình trước đám đông - Nhận diện và phòng tránh rủi ro trên MXH - Kỹ năng quản lý và tìm kiếm thông tin (nhận diện tin giả, xác định độ tin cậy thông tin) - Kỹ năng tư duy phản biện - Kỹ năng nhận diện lừa đảo và dụ dỗ trực tuyến - Kỹ năng giải quyết vấn đề kỹ thuật số	

Nguồn: Tác giả tổng hợp 2025

Các yếu tố ảnh hưởng đến nội dung và phương pháp giáo dục con cái

Trên cơ sở kết quả tổng quan tài liệu nghiên cứu, Luận án sử dụng các yếu tố ở bảng 2.2 chi phối đến nội dung và phương pháp giáo dục con cái của cha mẹ nhằm trả lời cho câu hỏi “các yếu tố nhân khẩu học của cha mẹ ảnh hưởng như thế nào đến nội dung và phương pháp giáo dục của con cái? Bên cạnh đó, luận án đề xuất thêm một số yếu tố khác như sự hiểu biết của cha mẹ về công nghệ số, thời gian cha mẹ dành cho con cái, bởi vì những yếu tố này ảnh hưởng trực tiếp nội dung và phương pháp của cha mẹ. Đây có thể là điểm mới trong nghiên cứu của Luận án, góp phần lấp đầy khoảng trống của các nghiên cứu trước đó.

Bảng 2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến nội dung và phương pháp giáo dục trẻ em từ 11-15 tuổi

STT	Các yếu tố	Nguồn
1	Giới tính (nam/nữ)	Livingstone & Helsper, 2008; Nikken & Schols, 2015; Valkenburg & Piotrowski, 2017; Nguyễn Thị Mai Lan, 2020; Lê Minh Huệ, 2022
2	Học vấn (THCS trở xuống, THPT và Trung cấp, Cao đẳng trở lên)	Holloway et al., 2013; Russell et al., 2019; Trần Thị Minh Tâm, 2021; Lê Minh Huệ, 2022
3	Độ tuổi (chia làm 3 nhóm: 30-39 tuổi; 40-49 tuổi; trên 50 tuổi)	Valkenburg & Piotrowski, 2017; Courtois & Vanacker, 2019; Trần Thị Thanh Thùy, 2023, Lương Thị Thu Trang; 2023)
4	Mức sống: khá giả; trung bình và nghèo.	Eamon, 2005; Li, 2013; Zhang, 2016; Lê Minh Huệ, 2022.
5	Địa bàn (Thành thị, nông thôn)	Livingstone & Helsper, 2008; Nikken & Schols, 2015; Valkenburg & Piotrowski, 2017; Nguyễn Thị Mai Lan, 2020
6	Vốn xã hội số	

Nguồn: Tác giả tổng hợp 2025

2.1.3. Vận dụng một số lý thuyết trong nghiên cứu chức năng xã hội hoá của gia đình trong bối cảnh chuyển đổi số

2.1.3.1. Lý thuyết xã hội hoá

Con người khi mới sinh ra chủ yếu mang trong mình bản chất tự nhiên và chưa có nhiều yếu tố xã hội. Trong suốt quá trình sống và trưởng thành, dưới sự tác động của các yếu tố xã hội, bản chất xã hội của từng cá nhân dần dần được hình thành và phát triển. Đây chính là quá trình xã hội hoá và quá trình này xây dựng ý thức xã hội cho mỗi cá nhân. Theo Parsons xã hội hóa là “*một phần cụ thể của việc học*” qua đó các chủ thể có được “những định hướng cần thiết để thực hiện một cách thỏa đáng vai trò” [133] hay Xã hội hoá là quá trình xây dựng và hình thành con người xã hội, con người ấy có năng lực hội nhập vào các tình huống xã hội cụ thể [81]. Nói một cách đơn giản, xã hội hóa là cách mà mỗi người tiếp nhận văn hóa từ xã hội nơi họ sinh ra, từ đó hình thành các đặc điểm xã hội cá nhân, cùng với cách suy nghĩ và hành xử phù hợp với xã hội đó.

Trong năm thành tố chính của xã hội hóa (gồm gia đình, nhà trường, nhóm bạn, các tổ chức xã hội và nhà nước), gia đình được xem là yếu tố quan trọng nhất. Gia đình là môi trường đầu tiên hình thành đời sống của mỗi con người, nơi mà cá nhân được trao đổi, tương tác, học hỏi và trải nghiệm trong cuộc sống ngay từ những năm tháng đầu đời cho tới khi kết thúc cuộc sống. Hiện nay, các nhà xã hội học, tâm lý học và giáo dục học đang nỗ lực xây dựng các mô hình xã hội hóa cho trẻ em. Những mô hình này được định hình thành các mục tiêu và nhiệm vụ rõ ràng, phù hợp với từng độ tuổi và nhóm đối tượng khác nhau. Họ cũng xác định các nội dung và phạm vi ứng dụng của những mô hình này trong thực tế. Ví dụ, về mặt sinh học, cần chú ý đến dinh dưỡng và điều kiện sống để nâng cao sức khỏe thể chất và trí tuệ của trẻ. Về mặt tri thức, cần xác định mức độ xã hội hóa và hiểu biết cần thiết cho các em, cũng như cách nuôi dưỡng và phát triển tài năng bẩm sinh. Trong bối cảnh hiện tại, các nhà khoa học nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giáo dục

trẻ về cách ứng xử và giải quyết mối quan hệ trong gia đình và cộng đồng, cùng với việc nhận thức rõ quyền lợi và nghĩa vụ của bản thân trong xã hội. Điều này hoàn toàn đúng và phù hợp với quan niệm truyền thống của ông cha ta, việc học của trẻ em trước hết là để trở thành con người có ích. Khía cạnh này chính là yếu tố then chốt trong giai đoạn xã hội hóa của trẻ.

Xã hội hóa đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nhân cách và xây dựng các mẫu hành vi trong các mối quan hệ xã hội. Chính vì vậy, quá trình này có ý nghĩa rất lớn đối với sự phát triển của mỗi cá nhân. Sự hình thành của một người tốt hay không phần lớn phụ thuộc vào khả năng và điều kiện của cá nhân để tiếp cận cũng như thực hiện quá trình xã hội hóa một cách hiệu quả. Đối với trẻ em, xã hội hóa không chỉ là việc học hỏi và hòa nhập vào xã hội, mà còn là một quá trình kế thừa và sáng tạo các giá trị văn hóa từ những thế hệ trước trong lịch sử. Do đó, việc tạo ra một môi trường sống tốt và môi trường xã hội phù hợp cho trẻ, với điều kiện thuận lợi để học tập, sinh hoạt, vui chơi và phát triển, là vô cùng quan trọng.

Khi áp dụng lý thuyết xã hội hóa vào nghiên cứu này, chúng tôi đặc biệt chú trọng đến quá trình xã hội hóa ở nhóm trẻ em từ 11 đến 15 tuổi, độ tuổi mà trẻ bắt đầu có những nhận thức rõ ràng về cuộc sống hơn so với giai đoạn ấu thơ (0-5 tuổi) và giai đoạn 6-10 tuổi. Trong giai đoạn này, sự quan tâm, chăm sóc và giáo dục của cha mẹ đối với con cái sẽ có ảnh hưởng lâu dài đến sự phát triển của trẻ vì đây là giai đoạn trẻ bắt đầu phát triển, thể hiện những quan điểm cá nhân về những vấn đề cuộc sống trong bối cảnh xã hội mới hơn so với trước đây. Quá trình xã hội hóa ở trẻ em cũng sẽ khác nhau tùy thuộc vào đặc điểm cá nhân của cha mẹ và của trẻ em. Luận án này sẽ tập trung phân tích các hình thức xã hội hóa, với nội dung và phương pháp giáo dục đạo đức; lối sống; tri thức; kỹ năng của các bậc cha mẹ dành cho con cái trong độ tuổi 11-15 tuổi, lứa tuổi sống trong môi trường công nghệ và chịu sự tác động mạnh mẽ từ sự phát triển của công nghệ. Tuy nhiên, để giải thích rõ

hơn quá trình này chịu ảnh hưởng của những yếu tố nào thì Luận án sử dụng phân tích thêm lý thuyết vốn xã hội của Pierre Bourdieu.

2.1.3.2. Lý thuyết Vốn Xã hội của Pierre Bourdieu (Social Capital Theory)

Vốn xã hội, theo quan điểm của nhà xã hội học lỗi lạc Pierre Bourdieu, không chỉ là một khái niệm đơn thuần mà là một hình thái quyền lực ẩn tàng, cấu thành nên tổng thể tài sản mà một cá nhân hoặc nhóm sở hữu, bên cạnh vốn kinh tế và vốn văn hóa. Bourdieu định nghĩa vốn xã hội là tổng hợp các nguồn lực thực tế hoặc tiềm năng có được từ việc sở hữu một mạng lưới các mối quan hệ quen biết hoặc được công nhận một cách bền vững. Bản chất của vốn xã hội không nằm ở những tài sản vật chất mà ở chính cấu trúc và chất lượng của các mối quan hệ xã hội. Nó được hiện thực hóa thông qua sự quen biết, sự công nhận lẫn nhau, sự tin tưởng và những nghĩa vụ qua lại giữa các thành viên trong một nhóm hay mạng lưới. Vốn xã hội hoạt động như một loại tiền tệ vô hình, cho phép các cá nhân tiếp cận thông tin, sự hỗ trợ, những cơ hội quý giá và thậm chí là quyền lực mà không thể có được nếu chỉ dựa vào sự giàu có vật chất hay trình độ học vấn đơn thuần. Việc duy trì và phát triển vốn xã hội đòi hỏi một sự đầu tư liên tục vào các mối quan hệ, bao gồm việc xây dựng niềm tin, thực hiện những cam kết và nghĩa vụ, đồng thời duy trì tính gắn kết và sự năng động của mạng lưới. Sự tích lũy vốn xã hội thường là kết quả của một quá trình chủ động đầu tư vào việc thiết lập và duy trì các mối quan hệ xã hội có giá trị, mang lại lợi ích nhất định cho cá nhân trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống.

Vận dụng lý thuyết Vốn xã hội, đặc biệt là khía cạnh vốn xã hội số, để phân tích vai trò của cha mẹ trong giáo dục đạo đức, lối sống, tri thức và kỹ năng cho trẻ em trong bối cảnh chuyển đổi số, ta có thể thấy rõ tầm quan trọng của khả năng cha mẹ trong việc xây dựng, quản lý và sử dụng các mạng lưới trực tuyến. Cha mẹ sở hữu vốn xã hội số dồi dào có khả năng vượt trội trong việc tiếp cận và khai thác các nguồn thông tin và tài nguyên giáo dục chất lượng cao trên Internet. Điều này bao gồm việc tìm kiếm các khóa học

trực tuyến uy tín, các diễn đàn giáo dục chuyên sâu, các bài viết khoa học đáng tin cậy về phương pháp nuôi dạy con trong kỷ nguyên số, và các tài liệu hướng dẫn về an toàn mạng. Hơn nữa, những cha mẹ này có thể xây dựng và duy trì các mối quan hệ hỗ trợ mạnh mẽ với các phụ huynh khác, giáo viên, chuyên gia tâm lý và các nhà giáo dục trên các nền tảng số. Sự tham gia tích cực vào các nhóm cộng đồng trực tuyến của phụ huynh cho phép họ chia sẻ kinh nghiệm, thảo luận về những thách thức khi con sử dụng thiết bị công nghệ, và cùng nhau tìm kiếm giải pháp hoặc nhận được lời khuyên chuyên môn. Hơn thế nữa, vốn xã hội số của cha mẹ còn ảnh hưởng sâu sắc đến khả năng định hướng và định hình lối sống số lành mạnh cho trẻ. Khi cha mẹ có thể dễ dàng tiếp cận các hình mẫu tích cực trên mạng xã hội (ví dụ: các kênh giáo dục có giá trị, những người có ảnh hưởng truyền tải thông điệp tích cực), các chương trình cộng đồng trực tuyến khuyến khích tư duy phản biện, sự sáng tạo và sử dụng công nghệ có trách nhiệm, họ có thể truyền tải những giá trị này một cách hiệu quả hơn cho con cái. Việc cha mẹ chủ động kết nối với giáo viên và quản lý trường học qua các nền tảng số (ví dụ: nhóm Zalo của lớp, cổng thông tin điện tử của trường) cũng giúp tạo ra sự đồng nhất và liên tục trong môi trường giáo dục của trẻ, từ đó củng cố việc giáo dục tri thức và kỹ năng. Sự nhất quán giữa những gì trẻ học ở nhà và ở trường về hành vi trực tuyến và đạo đức số là cực kỳ quan trọng.

Bên cạnh đó, lý thuyết Vốn xã hội của Bourdieu đặc biệt khi được mở rộng thành vốn xã hội số, có khả năng giải thích được những yếu tố ảnh hưởng của nhân khẩu học cha mẹ đến việc lựa chọn nội dung và phương pháp giáo dục con cái. Các yếu tố nhân khẩu học như trình độ học vấn, mức sống của cha mẹ thường tỷ lệ thuận với khả năng tích lũy và sử dụng vốn xã hội (và vốn xã hội số). Cha mẹ có trình độ học vấn cao hơn hoặc làm việc trong các lĩnh vực yêu cầu kỹ năng số thường có lợi thế trong việc tiếp cận thông tin, kết nối với các chuyên gia, và nhận biết các cơ hội giáo dục trực tuyến chất lượng. Họ có thể có những mối quan hệ rộng hơn trong các lĩnh vực chuyên môn hoặc giáo

dục, từ đó cung cấp cho con cái những lời khuyên, sự định hướng và nguồn lực tốt hơn về tri thức và kỹ năng số. Ngược lại, cha mẹ có trình độ học vấn thấp hơn hoặc thu nhập hạn chế có thể gặp khó khăn trong việc tiếp cận các nền tảng số, thiếu kỹ năng giao tiếp trực tuyến hiệu quả, hoặc không có các mối quan hệ chất lượng cao trong không gian số, từ đó hạn chế vốn xã hội số của họ. Điều này trực tiếp ảnh hưởng đến nội dung (những gì họ có thể truyền đạt) và phương pháp (cách họ tiếp cận việc giáo dục) mà họ áp dụng. Vốn xã hội số của cha mẹ còn có thể bị ảnh hưởng bởi độ tuổi (cha mẹ trẻ có thể quen thuộc hơn với công nghệ), vị trí địa lý (khu vực đô thị thường có điều kiện tiếp cận tốt hơn), và thậm chí cả giới tính (tùy thuộc vào định kiến xã hội về vai trò trong gia đình và khả năng tiếp cận công nghệ). Những yếu tố này góp phần tạo ra sự khác biệt trong vốn xã hội số giữa các gia đình, từ đó dẫn đến sự chênh lệch trong chất lượng và hiệu quả của việc giáo dục trẻ em trong bối cảnh chuyển đổi số. Như vậy, vốn xã hội số không chỉ là một công cụ giúp cha mẹ tiếp cận thông tin mà còn là một yếu tố then chốt, bị ảnh hưởng bởi các đặc điểm nhân khẩu học của cha mẹ, quyết định khả năng của họ trong việc tạo dựng một môi trường giáo dục toàn diện, giúp trẻ phát triển đạo đức, lối sống, tri thức và kỹ năng cần thiết để trở thành công dân số có trách nhiệm.

2.1.3.3. Lý thuyết tiếp cận công nghệ

Lý thuyết Tiếp cận Công nghệ (Technology Acceptance Model - TAM) được phát triển bởi Fred D. Davis vào năm 1989, ra đời từ Lý thuyết Hành động có Lý do (Theory of Reasoned Action - TRA) của Fishbein và Ajzen. Lý thuyết Tiếp nhận Công nghệ (TAM) chủ yếu thuộc lĩnh vực Hệ thống Thông tin (Information Systems - IS) và Quản lý (Management). Tuy nhiên, nó cũng có mối liên hệ chặt chẽ và thường được áp dụng trong lĩnh vực xã hội học, đặc biệt là trong các nghiên cứu về xã hội học công nghệ (sociology of technology), tâm lý học xã hội và hành vi tổ chức. Lý do là bởi TAM tập trung vào việc giải thích hành vi của cá nhân (người dùng) trong việc chấp nhận và sử dụng công nghệ, một chủ đề mang tính chất xã hội và tâm lý học rất cao.

Khi nghiên cứu sự tương tác giữa con người và công nghệ, đặc biệt là cách các yếu tố xã hội, văn hóa, và nhận thức cá nhân ảnh hưởng đến việc tiếp nhận công nghệ, các nhà xã hội học thường xuyên sử dụng hoặc tham chiếu đến TAM. Vì vậy, có thể nói TAM nằm ở giao thoa giữa các ngành khoa học quản lý/hệ thống thông tin và khoa học xã hội (trong đó có xã hội học).

TAM là một trong những mô hình lý thuyết có ảnh hưởng và được ứng dụng rộng rãi nhất trong lĩnh vực công nghệ thông tin nhằm dự đoán và giải thích ý định sử dụng công nghệ của người dùng. Mô hình này tập trung vào hai biến số nhận thức cốt lõi: Tính hữu ích cảm nhận (Perceived Usefulness), tức là niềm tin của người dùng rằng việc sử dụng một công nghệ sẽ nâng cao hiệu suất công việc hoặc đạt được mục tiêu; và Tính dễ sử dụng cảm nhận (Perceived Ease of Use), tức là mức độ mà người dùng tin rằng việc sử dụng công nghệ đó sẽ không đòi hỏi nhiều nỗ lực. Theo TAM, những nhận thức này trực tiếp tác động đến thái độ của người dùng đối với việc sử dụng công nghệ, từ đó hình thành ý định và dẫn đến hành vi sử dụng thực tế. Sự phát triển của TAM đã trải qua nhiều giai đoạn với các biến thể như TAM2 (phiên bản mở rộng của TAM, được phát triển bởi Venkatesh và Davis (2000)) và UTAUT (Unified Theory of Acceptance and Use of Technology - Lý thuyết Thống nhất về Chấp nhận và Sử dụng Công nghệ, được phát triển bởi Venkatesh, Morris, Davis và Davis (2003)). Nhằm tích hợp thêm các yếu tố xã hội, ảnh hưởng của nhóm và các điều kiện thuận lợi khác, làm cho mô hình trở nên toàn diện hơn trong việc giải thích hành vi chấp nhận công nghệ trong các bối cảnh đa dạng.

Trong nghiên cứu về giáo dục gia đình, đặc biệt là trong bối cảnh chuyển đổi số, Lý thuyết Tiếp nhận Công nghệ (TAM) đóng một vai trò phân tích quan trọng trong việc lý giải hành vi và thái độ của cha mẹ đối với việc tích hợp công nghệ vào quá trình giáo dục con cái. TAM cung cấp một khung phân tích mạnh mẽ để hiểu được tại sao cha mẹ lại có những lựa chọn khác nhau trong việc chấp nhận và sử dụng các công cụ, phương pháp giáo dục số

(như các khóa học trực tuyến, ứng dụng học tập, nền tảng giao tiếp kỹ thuật số). Lý thuyết này giúp làm rõ rằng quyết định của cha mẹ không chỉ dựa trên sự tồn tại của công nghệ mà còn phụ thuộc sâu sắc vào cách họ nhận thức về giá trị mà công nghệ đó mang lại cho sự phát triển của con cái (tính hữu ích cảm nhận) và mức độ dễ dàng trong việc tiếp cận, vận hành, kiểm soát công nghệ. Các phát hiện từ việc ứng dụng TAM giúp các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách giáo dục nhận diện được những rào cản và yếu tố thúc đẩy việc sử dụng công nghệ trong môi trường gia đình, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp để tăng cường vai trò của cha mẹ trong kỷ nguyên số.

Vận dụng lý thuyết tiếp cận công nghệ trong luận án để tìm hiểu các đặc điểm nhân khẩu học của cha mẹ ảnh hưởng như thế nào tới việc tiếp cận công nghệ để giáo dục con cái thông qua trình độ học vấn của cha mẹ, trình độ học vấn cao thường đi kèm với khả năng tiếp nhận thông tin tốt hơn và mức độ hiểu biết sâu sắc hơn về tầm quan trọng của kỹ năng số. Cha mẹ có học vấn cao có xu hướng nhận thấy rõ ràng hơn tính hữu ích của công nghệ trong việc hỗ trợ học tập của con và thường có kỹ năng tự học để vượt qua các rào cản về tính dễ sử dụng, từ đó thúc đẩy sự chấp nhận công nghệ cao hơn. Mức sống gia đình/Điều kiện kinh tế, đây là một yếu tố ngoại sinh quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tiếp cận công nghệ. Cha mẹ có điều kiện kinh tế khá giả có thể dễ dàng đầu tư vào thiết bị hiện đại, đường truyền internet ổn định và các khóa học trực tuyến chất lượng cao, làm tăng tính hữu ích thực tế và giảm các rào cản về tính dễ sử dụng. Ngược lại, khó khăn tài chính có thể khiến cha mẹ cảm thấy công nghệ vừa không hữu ích (do không thể tận dụng tối đa) vừa không dễ tiếp cận (do chi phí), từ đó hạn chế việc chấp nhận và ứng dụng công nghệ trong giáo dục con cái. Địa bàn cư trú và độ tuổi, cha mẹ ở khu vực đô thị thường có điều kiện tiếp xúc sớm và thường xuyên hơn với công nghệ, cũng như tiếp cận các nguồn tài nguyên giáo dục số phong phú. Điều này có thể nâng cao tính dễ sử dụng cảm nhận và giúp họ

nhận ra các lợi ích tiềm năng (tính hữu ích cảm nhận). Tương tự, cha mẹ trẻ tuổi, những người lớn lên trong kỷ nguyên số, thường có kinh nghiệm sử dụng công nghệ sẵn có, giúp họ dễ dàng hơn trong việc tích hợp công nghệ vào vai trò giáo dục so với các nhóm cha mẹ lớn tuổi hơn. Như vậy, việc sử dụng Lý thuyết tiếp cận công nghệ trong Luận án là hoàn toàn hợp lý và có thể giải thích được các đặc điểm nhân khẩu học của cha mẹ trong giáo dục con cái.

2.1.4. Quan điểm của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về vai trò của gia đình trong giáo dục trẻ em

Sinh thời chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm vấn đề chăm sóc và giáo dục trẻ em, Người nhấn mạnh: *“Thiếu niên, nhi đồng là người chủ tương lai của nước nhà. Vì vậy chăm sóc và giáo dục tốt các cháu là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân. Công tác đó phải kiên trì, bền bỉ... Vì tương lai các con em ta, dân tộc ta, mọi người, mọi nhà phải có quyết tâm chăm sóc và giáo dục các cháu bé cho tốt”* [44, tr.467-468]. Một trong những tư tưởng của Người về giáo dục trẻ em và giáo dục con người vẫn còn nguyên giá trị cho đến hôm nay là *“Vì lợi ích 10 năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người”*. Kế thừa và phát triển tư tưởng của Người, trong mọi giai đoạn phát triển của Đất nước, công tác chăm sóc, giáo dục trẻ em từ trong gia đình, nhà trường và ngoài xã hội luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm thực hiện. Nhiều chính sách thiết thực được đề ra và thực hiện trong mọi giai đoạn phát triển của Đất nước, nhất là thời công nghiệp hoá, hiện đại hoá và chuyển đổi số quốc gia hiện nay.

Trong Văn kiện Đại hội VI của Đảng nhấn mạnh *“Gia đình là tế bào của xã hội, có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, con người mới. Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng cần đề ra phương hướng, chính sách và có biện pháp tổ chức thực hiện về xây dựng gia đình văn hóa mới, bảo đảm hạnh phúc gia đình”* [15, tr.429-430]. Trong Luật hôn nhân gia đình năm 2000 cũng quy định rõ *“Gia đình là tế bào của xã hội, là*

cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng hình thành và giáo dục nhân cách, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [55]. Trong chiến lược xây dựng gia đình giai đoạn 2005-2010 khẳng định tầm quan trọng của gia đình trong việc quyết định sự phát triển bền vững của xã hội, là nhân tố quyết định sự thành công của quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Để xây dựng con người mới trong thời kỳ hội nhập và phát triển, Đảng ta khẳng định cần phải kết hợp và phát huy của ba trụ cột gia đình, nhà trường và xã hội chăm lo cho con người mới. Con người mới hiện nay phải là những người có “*ý thức làm chủ, ý thức trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khoẻ và lao động giỏi; sống có văn hoá và tình nghĩa*”. Đây là những định hướng đúng đắn của Đảng ta trong xây dựng con người mới đáp ứng yêu cầu phát triển, con người có lối sống mới, nếp sống mới năng động, sáng tạo tự chủ, dám nghĩ dám làm, tiếp cận nhanh với khoa học công nghệ. Bên cạnh đó “*gia đình là cái nôi thân yêu nuôi dưỡng cả đời người, là môi trường quan trọng giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách*” [16, tr.140-141].

Quyết định phê duyệt *Chương trình giáo dục ĐĐ, LS trong gia đình đến năm 2023* của Thủ tướng Chính phủ ký ngày 19/01/2022 đã đưa ra mục tiêu giáo dục ĐĐ, LS trong gia đình nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và phát huy vai trò của gia đình, nhà trường, xã hội và mỗi người dân trong việc xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, định hướng giá trị, giáo dục thế hệ trẻ, góp phần hoàn thiện nhân cách, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện từ gia đình, khơi dậy khát vọng cống hiến góp phần xây dựng và phát triển đất nước [68]. Kèm theo đó là *Nội dung bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình* của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã ký số 224/QĐ-BVHTTDL ngày 28/1/2022 với mục đích là từng bước đưa vào cuộc sống các chuẩn mực, giá trị đạo đức, văn hoá con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế; củng cố ý thức pháp luật, đề cao đạo đức, lương tâm, trách nhiệm của mỗi người với bản thân, gia đình,

cộng đồng, xã hội [8]. Trong đó quy định tiêu chí *ứng xử giữa cha mẹ và con, ông bà với cháu* phải gương mẫu, yêu thương. *Ứng xử giữa con với cha mẹ, cháu với ông bà* phải hiếu thảo, lễ phép; *ứng xử giữa anh, chị em* phải hoà thuận, chia sẻ "*Hành động vì gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh*"; "*Gia đình - nơi của yêu thương và chia sẻ*"; "*Ông bà, cha mẹ mẫu mực - con, cháu thảo hiền*"; "*Giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa ứng xử tốt đẹp trong gia đình*"; "*Xây dựng nhân cách người Việt Nam từ giáo dục ĐĐ, LS trong gia đình*" [8]. Tại TPHCM, Theo Quyết định số 1306/QĐ-UBND Phê duyệt Đề án “Nghiên cứu xây dựng tiêu chí đánh giá gia đình hạnh phúc ở TP hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2030” với 5 tiêu chí cơ bản. Trong đó *Tiêu chí về ứng xử trong gia đình*: Các thành viên trong gia đình thực hiện nguyên tắc: Tôn trọng - Bình đẳng - Yêu thương - Chia sẻ - Gương mẫu; Các mối quan hệ ứng xử trong gia đình được đảm bảo. *Tiêu chí về giáo dục*: Các thành viên gia đình trong độ tuổi đi học đều được đến trường; Gia đình luôn đề cao việc học hành, nâng cao hiểu biết bản thân [29].

Nhấn mạnh sự cần thiết của việc giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, tại Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư đã chỉ rõ: “*Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ luôn được Đảng, Nhà nước, gia đình, nhà trường và toàn xã hội quan tâm. Giáo dục về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ không ngừng được tăng cường và đổi mới*” [1], trong đó đầu tư cho giáo dục, nhất là giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hoá cho thế hệ trẻ là đầu tư cho tương lai của đất nước. Giáo dục con người, đặc biệt là thế hệ trẻ là nhiệm vụ lâu dài, khó khăn và phức tạp, đòi hỏi sự tham gia, đóng góp của nhiều chủ thể và nhiều nguồn lực. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: “*Xây dựng môi trường văn hóa một cách toàn diện ở gia đình, nhà trường, cộng đồng dân cư... Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa, con người giàu lòng nhân ái, khoan dung,*

chân thành, tín nghĩa, trọng đạo lý...” [17]. Như vậy, có thể thấy rằng, liên quan đến giáo dục con người có ba chủ thể chính, đó là: gia đình, nhà trường và xã hội. Mỗi chủ thể có vị trí, vai trò, nội dung, cách thức giáo dục khác nhau và giữa các chủ thể này có sự liên hệ, tác động qua lại với nhau, hỗ trợ nhau trong quá trình giáo dục con người phát triển toàn diện.

Mới đây nhất, *Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia* đóng vai trò là “đòn bẩy” kỹ thuật khi nhấn mạnh vào đột phá phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số quốc gia. Việc xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao thích ứng với kỷ nguyên mới đòi hỏi một sự thay đổi mạnh mẽ từ tư duy của cha mẹ trong giáo dục gia đình. Nghị quyết định hướng việc phổ cập kỹ năng số và phát triển các không gian sáng tạo số, tạo điều kiện cho trẻ em sớm tiếp cận với các thành tựu khoa học hiện đại. Song hành với khoa học, công nghệ, *Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo* đã tạo ra một bước đột phá trong tư duy về giáo dục và đào tạo khi khẳng định đây là “quốc sách hàng đầu” và là động lực then chốt để phát triển đất nước. Trong bối cảnh chuyển đổi số toàn diện, giáo dục không chỉ dừng lại ở truyền thụ tri thức mà phải hướng tới phát triển “nguyên khí quốc gia” thông qua việc hiện đại hóa nội dung và phương pháp. Cụ thể, việc chú trọng giáo dục tư tưởng, đạo đức và kỹ năng sống cho trẻ em từ bậc phổ thông được nhấn mạnh là nền tảng để hình thành thế hệ con người mới có đủ năng lực cạnh tranh quốc tế. Điều này đòi hỏi gia đình phải phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc định hướng trẻ em tiếp cận công nghệ thông minh và trí tuệ nhân tạo một cách có kiểm soát, nhằm phục vụ tối ưu cho việc học tập và sáng tạo. Bên cạnh đó, việc thực hiện các mục tiêu chiến lược của Đảng về phát triển con người hiện nay được đặt trong sự gắn kết chặt chẽ giữa giáo dục gia đình, nhà trường và xã hội dưới tác động của kỷ nguyên số. Theo *Nghị quyết số 80-NQ/TW về phát triển văn hoá*, Đảng xác định việc xây

dựng môi trường văn hóa lành mạnh phải bắt đầu từ hạt nhân là gia đình, từ đó mở rộng ra nhà trường và xã hội số. Một nhiệm vụ then chốt được đặt ra là khơi dậy và phát huy hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời đại mới, lấy việc xây dựng nhân cách con người làm trung tâm, đồng thời hình thành các chuẩn mực hành xử văn hóa trong không gian số để tạo "màng lọc" trước các tác động tiêu cực. Ý nghĩa chủ đạo ở đây là chuyển hóa các giá trị văn hóa truyền thống thành sức mạnh nội sinh, giúp trẻ em không chỉ có "tâm lực" vững vàng mà còn có bản lĩnh để hội nhập quốc tế.

Như vậy, Đảng và Nhà nước Việt Nam rất quan tâm đến vai trò của gia đình trong giáo dục và chăm sóc trẻ em, luôn dành những gì tốt đẹp nhất cho trẻ em. Điều này đã giúp bảo vệ trẻ em, tạo điều kiện để trẻ em được sống khỏe mạnh, được chăm sóc chu đáo, được đến trường, hưởng các chính sách và phúc lợi xã hội, đúng như phương châm "*trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai*". Quan tâm và phát huy tới vai trò của gia đình là quan tâm tới thế hệ tương lai của đất nước, là đảm bảo cho sự phát triển bền vững. Có thể thấy, hệ thống pháp luật khá đầy đủ về bảo vệ trẻ em, quan điểm của Đảng khá rõ ràng và chặt chẽ qua các kỳ Đại hội và vai trò của gia đình là không thể thay thế trong bất kỳ giai đoạn nào của quá trình phát triển, đặc biệt là vai trò chăm sóc và giáo dục trẻ em. Tuy nhiên, hệ thống văn bản của Đảng và Nhà nước liên quan đến việc nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng cho các bậc cha mẹ trong giáo dục trẻ em ở các thời kỳ phát triển vẫn chưa thực sự đầy đủ và thực hiện hiệu quả. Điều này cũng đưa ra những gợi ý, trăn trở cho luận án nhiều vấn đề cần quan tâm khi tiến hành nghiên cứu trên thực địa.

2.2. ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

2.2.1. Đôi nét về Thành phố Hồ Chí Minh sau sáp nhập

Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương nằm ở vùng Đông Nam Bộ và thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Sau khi sáp nhập, Thành phố Hồ Chí Minh mới (bao gồm Bà Rịa - Vũng Tàu và Bình Dương) sẽ có vị trí địa lý

thuận lợi với diện tích tăng gấp hơn 3 lần với 6772,59 km² và dân số 14.002.598 triệu người. Thành phố tiếp giáp với tỉnh Tây Ninh, Đồng Nai, Tiền Giang, Long An và Biển Đông, trở thành một trung tâm liên kết vùng rộng lớn. Thành phố Hồ Chí Minh là một trong số ít các địa phương luôn tiên phong trong đổi mới, cải cách và thực hiện thí điểm mô hình quản lý mới, xây dựng đô thị thông minh, trung tâm đổi mới sáng tạo gắn với cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số hàng đầu của cả nước.

Đến nay, theo thống kê Thành phố Hồ Chí Minh sau sáp nhập Sau khi sắp xếp, TP. Hồ Chí Minh có tổng cộng 168 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 113 phường, 54 xã và 1 đặc khu. Từ năm 2017, Thành phố đã ban hành Quyết định số 6179/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 phê duyệt Đề án “Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2017 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025”. Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 2393/QĐ- UBND ngày 03/7/2020 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số của Thành phố Hồ Chí Minh tầm nhìn đến năm 2030. Đại dịch COVID-19 với những tác động và hậu quả to lớn để lại cho Thành phố Hồ Chí Minh như là 1 phép thử và “cú hích” mạnh, tiếp tục tạo sức ép tích cực cho việc đẩy nhanh, mạnh mẽ và thực chất hơn quá trình chuyển đổi số toàn diện trên các trụ cột kinh tế, chính trị, quản lý và xã hội ở Thành phố. Đại dịch đã giúp người dân, doanh nghiệp và xã hội nhận thức rõ ràng hơn và thừa nhận tầm quan trọng của một xã hội số, của việc thích ứng với quá trình biến đổi xã hội to lớn này.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, Ủy ban nhân dân TPHCM đã ban hành kế hoạch số 1327/KH-UBND về việc thực Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển gia đình, xây dựng gia đình trong tình hình mới giai đoạn 2022-2030 trên địa bàn TPHCM. Trong đó có mục tiêu xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, là hạt nhân, tế bào lành mạnh của xã hội, tổ ấm của mỗi người; là nơi nuôi dưỡng, bồi đắp nhân cách, lối sống tôn trọng đạo lý truyền thống tốt đẹp của dân tộc; phát huy, nhân rộng các giá trị tốt đẹp góp

phần thúc đẩy phát triển bền vững đất nước làm nền tảng xây dựng cộng đồng hạnh phúc, quốc gia phồn thịnh, hạnh phúc. Phần đầu đến năm 2025 đạt 93% và năm 2030 đạt 95% trở lên hộ gia đình đạt chuẩn gia đình tiêu biểu, hạnh phúc, văn hóa; Phần đầu đến năm 2025 đạt 80% và năm 2030 đạt 90% trở lên hộ gia đình được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về giáo dục đạo đức lối sống và văn hóa giao tiếp ứng xử trong gia đình; về chăm sóc bảo vệ phòng chống xâm hại trẻ em, bảo đảm quyền tham gia của trẻ em trong gia đình; về chăm sóc phụng dưỡng và phát huy vai trò người cao tuổi trong gia đình.

Như vậy, với tình hình kinh tế - xã hội của TPHCM như trên, Đối với người dân, kinh tế gia đình phát triển, điều kiện hưởng thụ và chăm lo cuộc sống gia đình và bản thân tốt hơn, mức sống và sinh hoạt văn hóa được nâng lên. Do đó mà nhân sinh quan về giá trị cuộc sống, về hạnh phúc hôn nhân, về giáo dục con cái trong đó các nội dung và phương pháp xã hội hoá trong gia đình cũng có nhiều thay đổi.

2.2.2. Chuyển đổi số và những thách thức đối với trẻ em tại Thành phố Hồ Chí Minh

Chuyển đổi số đang mở ra những cơ hội cho cuộc sống con người, cho giáo dục trẻ em của cha mẹ, nhà trường và xã hội, tuy nhiên cũng đặt ra vô vàn thách thức và những rủi ro đối với trẻ em nói chung và trẻ em trong độ tuổi 11-15 nói riêng - giai đoạn nhạy cảm với môi trường xung quanh do những thay đổi về tâm sinh lý của trẻ. Nhiều báo cáo và dữ liệu gần đây của các tổ chức quốc tế uy tín như UNICEFF, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), cùng với các nghiên cứu chuyên sâu của các viện, các trung tâm, các bài báo trong nước và đặc biệt là ở Thành phố Hồ Chí Minh đã cho thấy những nguy cơ, thách thức tiềm ẩn của lứa tuổi này đối với chuyển đổi số.

Thứ nhất nghiên công nghệ ở trẻ em: Nghiên công nghệ bao gồm nghiên Internet, mạng xã hội và các trò chơi điện tử đã trở thành một vấn đề liên quan đến sức khỏe cộng đồng trẻ em đáng báo động trên phạm vi toàn

cầu, đặc biệt là các khu đô thị trung tâm như thành phố Hồ Chí Minh. Tổ chức Y tế Thế giới đã chính thức đualoạn chơi game (Gaming disorder) vào danh mục bệnh ICD-11 từ năm 2018 [152], khẳng định đây là một tình trạng bệnh lý cần được can thiệp ở trẻ.

Tại Việt Nam, các số liệu từ năm 2024 tiếp tục cho thấy mức độ phổ biến và nghiêm trọng của vấn đề này. Theo Báo Đại biểu Nhân dân (Tháng 11/2024) [2], 83.9% trẻ em có sử dụng điện thoại và 86.1% trẻ em được khảo sát có sử dụng mạng xã hội. Đáng chú ý, 97% trẻ em được khảo sát sử dụng điện thoại từ 1 giờ/ngày, trong đó gần 27% sử dụng từ 5 giờ/ngày, chủ yếu cho mục đích giải trí (86%). Những con số này cho thấy việc tiếp xúc sớm và liên tục với công nghệ đã trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống của trẻ em. Dân trí (Tháng 6/2024) cũng tiếp tục nhấn mạnh “Nghiện game để lại hậu quả nặng nề đối với trẻ”, và một trường hợp cực đoan được Dân trí (Tháng 12/2024) [13] đưa tin là “Vấn đề pháp lý từ vụ 2 thiếu niên nghiện game sát hại cụ bà 70 tuổi”, cho thấy hệ lụy khôn lường của nghiện game khi không được kiểm soát. Nghiên cứu từ Viện Sức khỏe Tâm thần (Bệnh viện Bạch Mai) cũng cho thấy thêm mức độ báo động khi công bố có tới 53% bệnh nhân điều trị về nghiện Internet là trẻ em và thanh thiếu niên trong độ tuổi học sinh [12]. Tại Thành phố Hồ Chí Minh, dù chưa có nghiên cứu chuyên biệt từ các tổ chức lớn năm 2024 được công bố rộng rãi, các bài báo địa phương tiếp tục phản ánh tình trạng này. Khi thế giới “ảo lẫn át cuộc sống thật” mô tả chi tiết cách các em dành hàng giờ liền dán mắt vào điện thoại, dẫn đến các hệ lụy như thiếu ngủ, mệt mỏi kéo dài, và giảm khả năng tập trung vào việc học. Các chuyên gia tại các trung tâm tâm lý ở TP.HCM, như Psychub [52], cũng đã phân tích mối liên hệ giữa thời gian sử dụng thiết bị điện tử và các vấn đề tâm lý như trầm cảm, tự sát, tuy nhiên cũng lưu ý rằng không phải tất cả các trường hợp sử dụng nhiều đều dẫn đến vấn đề nếu có sự cân bằng với các hoạt động khác.

Thứ hai, sức khỏe thể chất và tinh thần của trẻ em bị ảnh hưởng nặng nề: Về sức khỏe thể chất, việc sử dụng thiết bị số quá mức gây hại rõ rệt. Theo Bộ Y tế (2023) [9], tỷ lệ cận thị ở trẻ em và thanh thiếu niên Việt Nam ngày càng gia tăng, và một trong những nguyên nhân chính được xác định là do tiếp xúc sớm và liên tục với thiết bị điện tử, ánh sáng xanh từ màn hình. “Cẩm nang bảo vệ trẻ em” của Bộ Thông tin và Truyền thông và UNICEF Việt Nam (Tháng 12/2024) [83] cũng chỉ ra rằng việc tiếp xúc thiết bị công nghệ giai đoạn sớm có thể gây ra hiện tượng mất cân bằng trong quá trình phát triển trí não của trẻ nhỏ, chậm phát triển ngôn ngữ, và các vấn đề về khả năng tập trung và phản xạ khi lớn lên. Về sức khỏe tinh thần, đây là khía cạnh đáng lo ngại nhất ở lứa tuổi dậy thì. Áp lực từ mạng xã hội là nguyên nhân hàng đầu gây ra các vấn đề như lo âu, trầm cảm, và tự ti. Báo Phụ nữ TP.HCM (2023) [3] trong bài “Áp lực 'nghiên like’, “nghiên comment bào mòn tâm lý trẻ dậy thì” đã phân tích sâu về việc các em liên tục phải sống trong nỗi sợ bị đánh giá, bị “bỏ rơi” nếu không theo kịp các trào lưu, hoặc không có số lượng “like”, “comment” như bạn bè.

Nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội (ISDS) năm 2021 tại Việt Nam đã đưa ra con số đáng báo động 22% thanh thiếu niên có các vấn đề về sức khỏe tâm thần, trong đó áp lực từ mạng xã hội là một yếu tố đáng kể (ISDS, 2021). Các nghiên cứu và thảo luận vào năm 2024 tiếp tục củng cố mối lo ngại này. VOV (Tháng 1/2024) trong bài “*Trí tuệ nhân tạo có thể ảnh hưởng đến hành vi và tâm sinh lý trẻ ra sao?*” cảnh báo rằng việc tương tác quá nhiều với AI có thể dẫn đến tình trạng trầm cảm, lo lắng bất an ở trẻ em. Trích dẫn thống kê cho thấy 81% học sinh cho rằng mạng xã hội giúp kết nối nhanh, nhưng khi lạm dụng, có thể gặp các tình trạng rối loạn giấc ngủ, trầm cảm, bị cô lập xã hội, bị bắt nạt qua mạng và làm gia tăng tỉ lệ tội phạm. Tại TP.HCM, các trung tâm và chuyên gia tâm lý ghi nhận sự gia tăng đáng kể số lượng học sinh tìm đến sự giúp đỡ. Báo Thanh

Niên TP.HCM (2024) [4] đã đưa tin về việc nhiều trường học phải tăng cường đội ngũ tư vấn tâm lý để hỗ trợ học sinh đối phó với căng thẳng từ mạng xã hội và áp lực đồng trang lứa.

Thứ ba, bắt nạt trực tuyến và các nội dung độc hại: Bắt nạt trực tuyến (cyberbullying) là vấn nạn nhức nhối trong các trường học và cộng đồng mạng. Báo cáo năm 2023 của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, dựa trên nghiên cứu của UNICEF, chỉ ra rằng cứ 5 trẻ em, thanh thiếu niên Việt Nam thì có 1 người (tức 20%) bị bắt nạt trên mạng, và đáng báo động hơn, 3/4 trong số đó không biết tìm kiếm sự giúp đỡ ở đâu [28].

Theo Lê Võ Hồng Tuyết và cộng sự (2024) [82], có 13.8% học sinh trung học phổ thông tại TP.HCM đã từng bị bắt nạt trực tuyến. Con số này cao gấp đôi so với tỷ lệ bắt nạt học đường truyền thống (6.8%). Nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng học sinh nam ít bị bắt nạt trực tuyến hơn học sinh nữ. Các báo cáo như PLO (2024) [51] thường xuyên đưa tin về những trường hợp cụ thể và cảnh báo từ các chuyên gia tâm lý về hậu quả nghiêm trọng của bắt nạt trực tuyến, gây ra lo âu, sợ hãi, thậm chí là ý nghĩ tự tử ở trẻ. Nguy cơ tiếp xúc với nội dung độc hại, thông tin sai lệch và các hình thức bóc lột trực tuyến cũng rất cao. Nếu không có sự bảo vệ phù hợp, trẻ em trên không gian mạng có thể dễ dàng bị bóc lột, lạm dụng và thậm chí bị buôn người [146].

Thứ tư, kỹ năng giao tiếp và tương tác xã hội trực tiếp giảm đáng kể: Sự phụ thuộc vào công nghệ còn làm suy yếu kỹ năng giao tiếp và tương tác xã hội trực tiếp của trẻ em dậy thì, một yếu tố quan trọng cho sự phát triển toàn diện. Khi các em dành quá nhiều thời gian cho thế giới ảo, các em có thể mất đi cơ hội rèn luyện kỹ năng đọc hiểu ngôn ngữ cơ thể, lắng nghe chủ động, và xây dựng mối quan hệ trong thế giới thực. Trong “Cẩm nang bảo vệ trẻ em” (Tháng 12/2024) của Bộ Thông tin và Truyền thông và UNICEF Việt Nam cũng gián tiếp đề cập đến vấn đề này khi nhấn mạnh nguy cơ chậm phát triển ngôn ngữ, các vấn đề về khả năng tập trung do tiếp xúc quá sớm với

thiết bị điện tử, những yếu tố nền tảng cho giao tiếp xã hội hiệu quả. Nhiều học sinh gặp khó khăn trong việc thể hiện cảm xúc, bắt chuyện với bạn bè hoặc giải quyết mâu thuẫn ngoài đời thực, vì các em đã quen với việc giao tiếp qua màn hình. Báo Tuổi Trẻ TP.HCM (2023) [5] cũng cảnh báo về sự cô lập xã hội ở một số trẻ, khi các em quá tập trung vào các mối quan hệ ảo mà bỏ bê gia đình và bạn bè thật. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến khả năng hòa nhập xã hội hiện tại mà còn tạo ra rào cản cho sự phát triển kỹ năng mềm quan trọng trong tương lai, như kỹ năng làm việc nhóm, đàm phán, và xây dựng mạng lưới quan hệ.

Như vậy, từ báo cáo quốc tế đến nghiên cứu chuyên sâu và báo chí TP.HCM, rõ ràng công nghệ số đang đặt ra những thách thức nghiêm trọng và đa chiều đối với trẻ em, đặc biệt là lứa tuổi dậy thì. Để giảm thiểu rủi ro và tối đa hóa lợi ích của công nghệ, cần có sự chung tay của gia đình, nhà trường và các tổ chức xã hội cùng với các chính sách bảo vệ trẻ em trên không gian mạng của chính phủ, nhằm xây dựng một môi trường số an toàn và lành mạnh cho sự phát triển toàn diện của thế hệ trẻ. Đặc biệt vai trò của gia đình trong việc quản lý thời gian sử dụng thiết bị và định hướng nội dung giáo dục cho trẻ em từ đạo đức, lối sống, tri thức và kỹ năng trong môi trường số để có thể tạo ra một thế hệ công dân có trách nhiệm, thích ứng được với mọi sự thay đổi của xã hội trong tương lai.

2.3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Luận án sử dụng phối kết hợp cả nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính để giúp nghiên cứu tìm hiểu thực trạng nội dung và phương pháp giáo dục con cái và có thể lý giải được động cơ của cha mẹ trong việc lựa chọn nội dung và phương pháp giáo dục con cái. Vì thế, luận án nghiên cứu định lượng bằng bản hỏi (phân tích, kiểm định giả thuyết) và định tính bằng phỏng vấn sâu (tìm hiểu, giải thích các nhận định từ kết quả định lượng).

Các phương pháp thu thập dữ liệu:

2.3.1. Phân tích tài liệu có sẵn

Tác giả phân tích và tổng hợp những tài liệu liên quan đến chức năng xã hội hoá nói chung và giáo dục của cha mẹ với trẻ em trong các gia đình nói riêng theo các chủ đề giáo dục đạo đức, lối sống, tri thức và kỹ năng. Đây được xem là một trong những phương pháp quan trọng nhất trong quá trình phân tích và viết luận án. Việc tham khảo các tài liệu liên quan của các tác giả trong và ngoài nước giúp cho tác giả biết được những gì họ đã làm, những gì họ chưa làm được, những gì làm được nhưng chưa đầy đủ và những gì luận án có thể kế thừa hoặc tìm kiếm những khoảng trống từ các nghiên cứu trước đó. Ở cả phương diện phương pháp và nội dung nghiên cứu. Từ đó xác định hướng đi phù hợp cho luận án, các tài liệu tác giả tiếp cận như:

(1) Các sách, báo in, báo mạng, tạp chí khoa học và công trình nghiên cứu tại các hội thảo quốc gia, quốc tế.

(2) Các Văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng bộ TPHCM, các văn bản pháp luật có liên quan đến đối tượng nghiên cứu;

(3) Báo cáo kinh tế - xã hội, Báo cáo tổng kết thực hiện phong trào toàn dân xây dựng đời sống văn hoá, báo cáo về tình hình tội phạm trẻ em của Ban chỉ đạo xây dựng đời sống văn hoá của Thành phố cũng như của các phường An Phú, Trường Thạnh, thành phố Thủ Đức và Thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ.

2.3.2. Phương pháp khảo sát, điều tra thực tế

** Phương pháp chọn mẫu*

- Quy mô (cỡ mẫu): Để đảm bảo quy mô mẫu tối thiểu ($n=100$), đối tượng được chọn phải đảm bảo thỏa mãn một số đặc trưng nhân khẩu học với chủ đích nghiên cứu. Mẫu dự kiến 450 người có con trong độ tuổi 11-15¹, đang sinh sống tại TPHCM, chia đều cho 3 địa bàn nghiên cứu. Tuy nhiên, để

¹ Chọn phụ huynh những người có con trong độ tuổi 11-15 tuổi.

đủ số lượng mẫu dự kiến, chúng tôi đã phát ra số phiếu là 480 để bảo đảm đủ thông tin phù hợp với Luận án.

- Địa bàn: phường An Khánh, phường Long Phước và xã Cần Giờ

- Kỹ thuật chọn mẫu: Luận án sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên theo cụm, Đề tài chọn ra 3 phường, xã tại thành phố Hồ Chí Minh, trong ba phường, xã chọn hai trường Trung học cơ sở hệ công lập như đã trình bày ở mục 2.4.1. Như vậy tổng cộng số trường được chọn là 6 trường.

- Đặc điểm mẫu: Khách thể nghiên cứu chính của đề tài là những bậc cha mẹ ở các gia đình có con trong độ tuổi từ 11-15 tuổi. Các gia đình này chủ yếu là gia đình hai thế hệ gồm cha mẹ và con cái và có ít nhất một đứa con đang học Trung học cơ sở. Với kích thước mẫu tác giả lựa chọn là 480 mẫu, Mỗi phường, xã trong địa bàn nghiên cứu chọn 160 mẫu, nguyên tắc chọn mẫu được mô hình hoá dưới đây (Xem bảng 2.3).

Bảng 2.3. Mô hình chọn mẫu

Bảng hỏi/xã		Lứa tuổi trẻ em	Số cha/mẹ được phỏng vấn
Phường An Khánh	160 bảng hỏi	Học sinh lớp 6 (11-12 tuổi)	40 cha/mẹ
		Học sinh lớp 7 (12-13 tuổi)	40 cha/mẹ
		Học sinh lớp 8 (13-14 tuổi)	40 cha/mẹ
		Học sinh lớp 9 (14-15 tuổi)	40 cha/mẹ
Phường Long Phước	160 bảng hỏi	Học sinh lớp 6 (11-12 tuổi)	40 cha/mẹ
		Học sinh lớp 7 (12-13 tuổi)	40 cha/mẹ
		Học sinh lớp 8 (13-14 tuổi)	40 cha/mẹ
		Học sinh lớp 9 (14-15 tuổi)	40 cha/mẹ
Xã Cần Giờ	160 bảng hỏi	Học sinh lớp 6 (11-12 tuổi)	40 cha/mẹ
		Học sinh lớp 7 (12-13 tuổi)	40 cha/mẹ
		Học sinh lớp 8 (13-14 tuổi)	40 cha/mẹ
		Học sinh lớp 9 (14-15 tuổi)	40 cha/mẹ

Sau khi liên hệ với các trường trung học ở các phường, xã đã nêu trên và có danh sách của các bậc cha mẹ có con trong độ tuổi 11-15 tuổi và đang học Trung học cơ sở, tác giả xin phép các giáo viên chủ nhiệm của từng lớp được gửi bảng câu hỏi trực tiếp cho các bậc cha mẹ theo tỷ lệ đã chia sẵn như trên bảng 2.3 trong buổi họp phụ huynh của từng lớp được lựa chọn (những người đi họp phụ huynh không phù hợp với khách thể nghiên cứu như ông, bà, anh chị hay cô dì chú bác, họ hàng...được loại ra). Các bậc cha mẹ tự trả lời về hoạt động giáo dục của hai vợ chồng đối với con cái trong gia đình họ theo nội dung bảng hỏi đã đưa ra. Dữ liệu được thu thập vào tháng 5/2024 Tổng số bảng câu hỏi được phát ra là 480, kết quả thu về 480, trong đó có 450 bảng hợp lệ được đưa vào sử dụng và phân tích, tỷ lệ hồi đáp là 95,8%.

+ Nội dung bảng hỏi

Luận án xây dựng bảng hỏi để tiến hành khảo sát với số lượng mẫu như trên, nội dung bảng hỏi bao gồm:

- + Nội dung giáo dục về đạo đức, lối sống, tri thức, kỹ năng
- + Phương pháp giáo dục đạo đức, lối sống, tri thức, kỹ năng
- + Thông tin cá nhân

Tổng mẫu là 480 phụ huynh sinh có con từ 11-15 tuổi, sinh sống tại thành phố Thủ Đức và huyện Cần Giờ (TPHCM). Các câu hỏi trong bản hỏi được xây dựng dưới dạng câu hỏi đơn lựa chọn (có/ không); câu hỏi đa lựa chọn (multiple answers); câu hỏi trên thang đo Likert 5 mức độ và một số câu hỏi mở để thu thập thêm một số dữ liệu xét thấy cần thiết. Sau khi tiến hành khảo sát tại địa bản, các thông tin thu nhận được đều được kiểm tra kỹ lưỡng tại thực địa để tránh những thông tin bị bỏ sót.

** Thông tin về người trả lời*

Đặc điểm của người trả lời được phân tổ sau khi khảo sát theo các nhóm xã hội dưới đây.

Bảng 2.4. Đặc điểm của người trả lời phân theo nhóm xã hội (%)

Nhóm xã hội		Số lượng (N)	Tỷ lệ (%)
1. Giới tính	Nam	151	33,6
	Nữ	299	66,4
2. Tuổi	Từ 30-39 tuổi	177	39,3
	Từ 40 đến 49 tuổi	204	45,3
	Trên 50 tuổi	69	15,3
3. Nghề nghiệp	Công chức, viên chức	233	51,8
	Công nhân	48	10,7
	Nông dân	59	13,1
	Kinh doanh, LĐTD	110	24,4
4. Trình độ học vấn	TH và THCS	153	34
	THPT và Trung cấp	195	43,3
	Cao đẳng trở lên	102	22,7
5. Mức sống	Khá giả	87	19,3
	Trung bình	243	54
	Nghèo	120	26,7
6. Địa bàn	Xã Cần Thạnh	145	32,2
	Phường Long Phước	153	34
	Phường An Khánh	152	33,8
7. Giới tính con cái	Gia đình có con trai	176	39,1
	Gia đình có con gái	150	33,3
	Gia đình có cả con trai và con gái	124	27,5

Nguồn: Số liệu khảo sát từ luận án

** Kỹ thuật xử lý dữ liệu định lượng*

Sau khi thu thập xong dữ liệu, NCS sử dụng kỹ thuật xử lý dữ liệu định lượng, tính toán thống kê trên phần mềm SPSS phiên bản 27.0, NCS sẽ thực hiện các phân tích định lượng ở các cấp độ khác nhau như thống kê mô tả,

phân tích và kiểm định Chi bình phương (Chi-square); phân tích mối liên hệ, sự khác biệt T-Test: (Independent - Samples T-Test).v.v. định lượng cùng các kỹ thuật này đặc biệt hữu ích khi xem xét và kiểm định sự khác biệt về mặt thống kê khi đánh giá những nội dung và phương pháp giáo dục con cái của cha mẹ tại TPHCM xét theo đặc điểm nhân khẩu học.

**Phương pháp phân tích:* Bên cạnh việc trình bày bảng tần suất của các bậc cha mẹ thực hiện các hoạt động giáo dục con cái thì luận án còn phân tích sự khác biệt và tương đồng về thực hiện các hoạt động này theo nhóm xã hội khác nhau trên địa bàn như: Tuổi của cha, mẹ; giới tính cha, mẹ; trình độ học vấn cha, mẹ; nghề nghiệp cha, mẹ; thu nhập cha, mẹ; số con trong gia đình; giới tính của con trong gia đình.

** Phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA:*

- Phân tích dữ liệu trên thang đo Likert các mức độ: Ở các câu hỏi dạng này, chúng tôi thường đưa ra nhiều nội dung thành phần (biến quan sát) để thu thập dữ liệu, đo lường cho nội dung/ chủ đề của câu hỏi đó. Đối với các câu hỏi dạng này, trong phân tích định lượng, nhóm nghiên cứu tập trung sử dụng kỹ thuật phân tích sau:

- Phân tích mô tả thông qua giá trị trung bình (Mean) đã đề cập ở trên.

- Kiểm định độ tin cậy, phù hợp với mô hình: Bản chất của kiểm định này là xem xét về mặt thống kê các nội dung thành phần (biến quan sát) được nhóm nghiên cứu xây dựng ban đầu ở mỗi câu hỏi dạng Likert có phù hợp và đủ khả năng thu thập, biểu đạt ý nghĩa cho chủ đề của câu hỏi đó hay không. Để kiểm định sự phù hợp này, xử lý trên SPSS 27.0 sẽ kết xuất giá trị hệ số Cronbach Alpha. Theo nguyên tắc trong xử lý định lượng:

+ Nếu $0.7 \leq \text{Cronbach Alpha} \leq 0.8$ thì các nội dung thành phần (biến quan sát) xây dựng ban đầu có thể dùng được cho nghiên cứu.

+ Nếu $0.8 < \text{Cronbach Alpha} \leq 1.0$ thì các nội dung thành phần (biến quan sát) xây dựng ban đầu có chất lượng tốt.

- Phân tích nhân tố khám phá (EFA): Kỹ thuật này thực hiện trên SPSS với 2 hàm ý chính như:

+ Trình bày một cách tóm tắt, khái quát và ngắn gọn lại các nội dung thành phần (biến quan sát) ở câu hỏi dạng Likert thành một vài nhân tố. Nghĩa là thay vì sử dụng quá nhiều nội dung thành phần (biến quan sát), bằng phần mềm SPSS, NCS sử dụng phương pháp khám phá nhân tố EFA để có thể gom và chuyển chúng thành một vài nhân tố nhất định có thể đại diện và khái quát hoá tốt hơn cho nhiều biến quan sát trước đó.

+ Chuyển dạng dữ liệu của các nội dung thành phần (biến quan sát) trên thang đo Likert từ dạng bán định lượng sang dữ liệu định lượng. Sau khi phân tích EFA, các nội dung thành phần (biến quan sát) từ dữ liệu bán định tính sẽ được SPSS tính toán tự động chuyển thành các nhân tố và các nhân tố này chuyển thành dữ liệu định lượng. Việc này là cần thiết cho các phân tích chuyên sâu như kiểm định T-Test hay One-Way ANOVA hoặc phân tích các dạng hồi quy chuyên sâu.

2.3.3. Phương pháp phỏng vấn sâu đối với đối tượng được khảo sát

+ NCS sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu bằng bản câu hỏi dành cho các bậc cha mẹ và đã thực hiện 18 cuộc PVS nhằm thu thập những thông tin cụ thể, chi tiết về thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng tới nội dung và phương pháp giáo dục con cái của cha mẹ. Đối tượng phỏng vấn sâu là cha mẹ đã từng tham gia phỏng vấn bằng bản câu hỏi trước đó theo tiêu chí: giới tính, nhóm tuổi; địa bàn sống; mức sống; trình độ học vấn sở dĩ luận án thực hiện 18 cuộc phỏng vấn sâu là vì sau khi phỏng vấn nhận thấy thông tin đã có sự bão hoà, có xu hướng lặp lại.

+ Bên cạnh đó NCS cũng thực hiện 2 cuộc PVS đối với 2 chuyên gia nghiên cứu gia đình và trẻ em nhằm bổ sung thêm cho dữ liệu cho luận án.

Tiêu chí nội dung phỏng vấn sâu: Các nội dung và phương pháp cha mẹ lựa chọn, các yếu tố ảnh hưởng tới việc lựa chọn nội dung và phương pháp giáo dục của cha mẹ, mức độ hiệu quả các nội dung và phương pháp.

- Cách thức phỏng vấn sâu: Thời gian phỏng vấn tối thiểu 30 phút/cuộc; phỏng vấn lại được 1-2 lần đối với một số trường hợp. Mục đích của cách thức phỏng vấn này giúp cho luận án xây dựng nghiên cứu trường hợp nhằm xác định rõ hơn các nội dung và phương pháp giáo dục. Tiêu chí là cha mẹ trong gia đình đầy đủ, có con trong độ tuổi THCS và đảm bảo tính đại diện về giới tính, nhóm tuổi, trình độ, mức sống và địa bàn cư trú.

Về phân tích dữ liệu thu nhập từ PVS: Kết thúc các cuộc phỏng vấn sâu, dữ liệu định tính được thu về và tiến hành giai đoạn tổng hợp gỡ băng ghi âm và được lưu giữ bằng phần mềm exell, giúp truy xuất thông tin của người trả lời. một cách dễ dàng hơn. Sau đó tiến hành tổng hợp và phân tích theo các tiêu chí PVS của Luận án.

* *Hạn chế của dữ liệu và khắc phục:* Do cha mẹ tự trả lời các phiếu câu hỏi trong các cuộc họp phụ huynh trên lớp học, nên không có nhiều thời gian trả lời. Phỏng vấn bằng bản hỏi không phải là mặt đối mặt với điều tra viên nên có sự nhầm lẫn một số nội dung như đạo đức, lối sống, tri thức, kỹ năng nên thiếu tính chính xác về thông tin. Với những trường hợp này, NCS đã liên hệ lại và PVS để làm rõ những nội dung mà phụ huynh đã lựa chọn, đảm bảo tính xác thực thông tin tốt hơn.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 tác giả tập trung làm rõ những cơ sở lý luận địa bàn nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu của luận án, trong đó bao gồm việc định nghĩa và giải thích các khái niệm làm việc, thao tác hoá các khái niệm gốc, lựa chọn lý thuyết cho luận án và phương pháp nghiên cứu. Trong chương này cũng chỉ ra cơ sở thực tiễn có liên quan mật thiết tới đối tượng nghiên

cứu của đề luận án. Đặc biệt, vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử để xem xét sự vận hành của đối tượng nghiên cứu.

Với tinh thần đó, tác giả đặt chức năng xã hội hoá mà cụ thể là chức năng giáo dục của các bậc cha mẹ thông qua các hoạt động giáo dục với con cái tại TPHCM vào bối cảnh kinh tế - xã hội chung của thời đại và đất nước, chứ không cô lập hoặc tách rời môi trường mà nó vận động. Những nhân tố nổi lên cơ bản mà luận án tiếp cận là sự tác động của quá trình chuyển đổi số và nền kinh tế thị trường, là sự chi phối của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, là chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, là sức sống của văn hoá truyền thống gia đình Việt Nam.

Những cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn và phương pháp nghiên cứu được xây dựng sẽ đóng vai trò như một mô hình lý thuyết để xây dựng chương trình nghiên cứu, làm cho những thông tin thực nghiệm thu được có ý nghĩa và vì vậy việc giải thích các vấn đề trở nên thuyết phục và logic hơn. Ngoài ra đây cũng là tiền đề không thể thiếu để so sánh và đối chiếu trong việc kiểm chứng tính phổ biến và mức độ chính xác của lý thuyết đã chọn bằng các nguồn số liệu mới ở chương nghiên cứu thực nghiệm.

Chương 3

NỘI DUNG CHA MẸ GIÁO DỤC TRẺ EM TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chủ đề xuyên suốt của nghiên cứu này là *chức năng xã hội hoá của gia đình trong bối cảnh chuyển đổi số (nghiên cứu trường hợp tại TPHCM)*. Như mục thao tác hoá khái niệm ở Chương 2 đã chỉ rõ: Chức năng xã hội hoá của gia đình trong luận án được khai thác dựa trên chức năng giáo dục của gia đình đối với trẻ em từ 11-15 tuổi, được khái quát trên 4 nội dung giáo dục cơ bản phù hợp với lứa tuổi là giáo dục về đạo đức; lối sống; tri thức và kỹ năng. Dưới đây, bằng sự kết hợp giữa các phương pháp nghiên cứu khác nhau, ở nội dung Chương 3, tác giả sẽ đi sâu tìm hiểu thực trạng việc cha mẹ giáo dục con cái từ 11-15 tuổi về đạo đức, lối sống, tri thức và kỹ năng và các yếu tố ảnh hưởng tới việc giáo dục các nội dung trên cho con cái trong bối cảnh chuyển đổi số tại Thành phố Hồ Chí Minh.

3.1. THỰC TRẠNG VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO TRẺ EM TỪ 11-15 TUỔI CỦA CHA MẸ TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

3.1.1. Thực trạng cha mẹ giáo dục đạo đức cho trẻ em từ 11-15 tuổi trong bối cảnh chuyển đổi số

Nhìn vào kết quả khảo sát ở bảng 3.1 cho thấy, cha mẹ tại địa bàn nghiên cứu trong bối cảnh xã hội hiện đại vẫn duy trì sự ưu tiên cao và thực hiện giáo dục "*rất thường xuyên*" các giá trị đạo đức truyền thống như "*tôn trọng người khác*" (79.1%), "*tuân thủ pháp luật, quy định*" (72.2%) và "*ngay thẳng, thật thà*" (53,3%). Điều này cho thấy những giá trị này đã ăn sâu vào tiềm thức văn hóa và được coi là nền tảng cốt lõi cho sự hình thành nhân cách của trẻ. Ngay cả đức tính "*có lòng nhân ái*", dù không đạt tỷ lệ "*rất thường xuyên*" cao như hai mục đầu (44.4%) nhưng lại không có trường hợp nào "*rất không thường xuyên*" (0%), khẳng định tầm quan trọng bất biến của nó.

Những giá trị đạo đức truyền thống này đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì trật tự xã hội, sự ổn định và sự gắn kết cộng đồng. Cha mẹ, với tư cách là tác nhân xã hội hóa chính, nhận thức được tầm quan trọng của việc truyền tải những giá trị này để đảm bảo con cái họ có thể hội nhập nhưng vẫn giữ gìn được những giá trị truyền thống gia đình trong xã hội hiện đại.

Khi chuyển sang các nội dung liên quan đến hành vi ứng xử trên không gian mạng, mức độ giáo dục “*rất thường xuyên*” giảm đáng kể, ở một số khía cạnh tỷ lệ “*rất không thường xuyên*” lại tăng lên. Ví dụ, “*tiếp cận nội dung lành mạnh trên MXH*” chỉ đạt 19.1% “*rất thường xuyên*”, và “*chia sẻ gương người tốt việc tốt trên MXH*” thậm chí còn thấp hơn với 18.4% “*rất thường xuyên*” và 6.2% “*rất không thường xuyên*” - cao nhất trong tất cả các chỉ số. Các nội dung mang tính phòng ngừa tiêu cực như “*không lan truyền tin đồn*” (35.8%) và “*không tham gia bắt nạt*” (37.1%) có tỷ lệ “*rất thường xuyên*” cao hơn. Nhìn chung cha mẹ vẫn giáo dục con cái những hành vi trên MXH nhưng vẫn không sánh được với những giá trị đạo đức cha mẹ vẫn thường giáo dục con cái hàng ngày trong cuộc sống. Điều này cho thấy những di sản truyền thống vẫn ăn sâu vào trong nhận thức và hành động của cha mẹ trong quá trình giáo dục con cái.

**Bảng 3.1. Nội dung cha mẹ giáo dục đạo đức cho trẻ em
từ 11-15 tuổi (%)**

Nội dung giáo dục	Mức độ				
	Rất không thường xuyên	Không thường xuyên	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
1. Tôn trọng người khác	3.1	0.9	13.3	3,6	79.1
2. Tuân thủ pháp luật, quy định, quy chế của nhà trường, địa phương	2.4	1.3	14.9	9.1	72.2

Nội dung giáo dục	Mức độ				
	Rất không thường xuyên	Không thường xuyên	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
3. Ngay thẳng, thật thà	0	4.0	21.3	21.3	53.3
4. Có lòng nhân ái với mọi người	3.6	7.3	17.3	27.3	44.4
5. Bao dung với mọi người	0.9	10.2	13.8	28.4	46.7
6. Tôn trọng quyền riêng tư trên MXH	2.9	23.1	25.1	9.6	39.3
7. Tiếp cận nội dung lành mạnh trên MXH	2.9	21.1	21.1	35.8	19.1
8. Chia sẻ gương người tốt việc tốt trên MXH	6.2	24.7	15.8	34.9	18.4
9. Không lan truyền tin đồn trên MXH	2.4	21.3	26.0	14.4	35.8
10. Không tham gia các xu hướng bắt nạt trên MXH.	2.7	24.0	26.9	9.3	37.1

Nguồn: Số liệu khảo sát từ luận án

Để củng cố những phát hiện của nghiên cứu định lượng về những nội dung cha mẹ đang thực hiện giáo dục cho con cái trong độ tuổi từ 11-15 tuổi tại địa bản, nghiên cứu đã thực hiện phỏng vấn sâu và sau đó lựa chọn một số trường hợp đại diện cho 3 nhóm tuổi của cha mẹ để xây dựng nghiên cứu trường hợp. Ở Hộp 3.1, các câu chuyện được xây dựng từ kết quả phỏng vấn sâu, kết quả phân tích từng trường hợp cho thấy, các bậc cha mẹ vẫn rất quan tâm giáo dục con cái những giá trị đạo đức nền tảng ở cả không gian thực và trên MXH, xem đây là nền tảng cơ bản để giúp hình thành nhân cách của con cái họ mà không giá trị nào thay thế được. Họ cũng biết được phải giáo dục con ứng xử trên MXH để con có thể ứng phó tốt hơn với những thách thức trong bối cảnh mới.

Hộp 3.1. Cha mẹ lựa chọn nội dung giáo dục trẻ em trong một số trường hợp

Trường hợp 1

Với tôi, nền tảng của con người vẫn là gốc rễ, con người ta dù có giỏi giang đến mấy mà không biết lễ nghĩa, không biết trên dưới, không kính trọng người khác thì cũng khó thành công. Tôi thấy tụi nhỏ bây giờ, nhiều đứa giỏi lắm, nhưng ăn nói cộc lốc, thiếu lễ phép, thậm chí là cộc cằn, thô lỗ, xem mình là nhất chứ không được như trẻ em trước đây. Điều này làm tôi thấy lo lắng dạy con kỹ lắm, trước hết vẫn là tôn trọng, lễ phép sau rồi mới tới những thứ khác để con trở thành người tử tế đã. Còn nói dạy tụi nó ứng xử trên mạng thì tui cũng chịu vì thật sự là tui cũng không có biết nhiều về MXH nên cũng không thể dạy cho tụi nó được. (Nữ, 50 tuổi, Nội trợ, Cần Giờ).

Trường hợp 2:

Tôi nghĩ kể cả xã hội có phát triển thì cái nền tảng đạo đức vẫn là cái quan trọng, cái cốt lõi vì ông bà từ xưa đến nay vẫn giáo dục con cái. Trẻ em trước hết cần phải biết “tôn trọng người khác”, phải “lễ phép”, “chia sẻ”, “bao dung” và “tuân thủ pháp luật”. Khi có những cái nền tảng đó thì sẽ biết hành vi ứng xử đúng đắn với cuộc sống của nó. Mạng internet phức tạp, tôi cũng thường lo lắng về điều này lâu lâu tôi cũng có nhắc nhở là không được làm theo MXH, không được chia sẻ thông tin linh tinh, nhưng cũng chỉ nhắc nhở khi nó dùng điện thoại hay máy tính học tập thôi. (Nữ, 43 tuổi, giáo viên, Long Phước)

Trường hợp 3:

Thời đại internet bùng nổ, nhà tôi có tất cả 5 thiết bị công nghệ, hầu như mỗi người đều có một cái kể cả hai đứa con. Tụi nó dùng thì tôi vẫn nhắc nhở không được xem linh tinh, không chia sẻ thông tin không chính thống, không được lan truyền tin đồn hay ăn nói bậy bạ trên đó. Tuy nhiên, bản thân tôi vẫn thấy cần giáo dục con cái những giá trị đạo đức truyền thống vì nó hình thành nên nhân cách của tụi nhỏ, vẫn phải giữ nền nếp, gia phong, phải ngoan ngoãn, nghe lời chứ không cũng dễ hư, dễ sa đoạ vào công nghệ. (Nam, 40 tuổi, viên chức, An Khánh)

Nguồn: Dữ liệu khảo sát từ Luận án

Kết quả khảo sát cho thấy, mức độ giáo dục đạo đức cho con cái từ 11-15 tuổi có sự khác nhau theo từng nhóm đặc trưng nhân khẩu học (Xem thêm Phụ lục 1,2,3,4,5,), cụ thể như sau:

+ *Theo giới tính*, trong giáo dục những giá trị đạo đức trên MXH có sự khác biệt giữa cha và mẹ, những chỉ báo liên quan trực tiếp đến MXH như “tôn trọng quyền riêng tư trên MXH” mức độ giáo dục của người mẹ là 3,35 điểm trong khi người cha là 2,95 điểm. Tương tự, không lan truyền tin đồn trên MXH hay không tham gia các xu hướng bắt nạt trên MXH điểm trung bình của người mẹ luôn cao hơn người cha. Điểm khác biệt này phản ánh vai trò truyền thống của người mẹ trong gia đình vẫn không có nhiều thay đổi.

+ *Theo trình độ học vấn của cha mẹ*, trình độ học vấn của cha mẹ cao giúp cha mẹ có nền tảng kiến thức vững chắc và khả năng tiếp cận thông tin tốt hơn đặc biệt là giáo dục con cái những hành vi chuẩn mực trên không gian MXH. Thể hiện ở các nội dung như “không tham gia các xu hướng bắt nạt trên MXH” điểm số của nhóm cha mẹ có trình độ học vấn từ cao đến thấp 3,6; 3,4 và 3,05. Điều này chứng tỏ có một mối tương quan mạnh mẽ giữa trình độ học vấn và mức độ thực hiện các nội dung giáo dục đạo đức trên MXH.

+ *Theo địa bàn*, cha mẹ ở khu vực trung tâm đô thị như phường An Khánh có mức độ thực hiện các nội dung đạo đức trên MXH nhiều hơn ở khu vực vùng ven. Cụ thể ở chỉ báo “không lan truyền tin đồn trên MXH” điểm trung bình ở phường An Khánh là 4.0, phường Long Phước 3,5 và xã Cần Giờ là 3.0. Sự chênh lệch này phản ánh điều kiện kinh tế-xã hội và môi trường sống, nơi hạ tầng công nghệ và các vấn đề xã hội số phát triển hơn ở khu vực trung tâm. Thách thức là sự bất bình đẳng trong giáo dục đạo đức số giữa các khu vực, khiến trẻ em ở vùng ven và ngoại thành có thể thiếu sự trang bị cần thiết để đối phó với các thách thức trên không gian mạng.

+ *Theo độ tuổi*, Có một sự khác biệt đáng kể giữa các thế hệ. Nhóm cha mẹ trẻ tuổi (30-39 tuổi) thực hiện giáo dục đạo đức số một cách thường xuyên nhất, với điểm trung bình cho chỉ báo “Tôn trọng quyền riêng tư trên MXH” đạt 3.95. Ngược lại, nhóm 50 tuổi trở lên có mức độ thực hiện rất thấp, với điểm số tương ứng chỉ là 2.8. Khoảng cách thế hệ về sự am hiểu và sử dụng công nghệ là nguyên nhân chính. Cha mẹ trẻ tuổi lớn lên cùng với sự phát triển của công nghệ, do đó họ có sự đồng cảm và hiểu biết tốt hơn về môi trường số.

Thách thức lớn là làm thế nào để thu hẹp khoảng cách thế hệ, hỗ trợ cha mẹ lớn tuổi nâng cao năng lực số để họ đủ tự tin và kiến thức hướng dẫn con cái.

+ *Theo mức độ hiểu biết công nghệ của cha mẹ.* Đây là yếu tố có mối tương quan rõ ràng nhất: mức độ hiểu biết của cha mẹ về công nghệ càng cao, mức độ thực hiện giáo dục càng thường xuyên. Ví dụ, nhóm “Hiểu biết nhiều” có điểm trung bình của chỉ báo “Tôn trọng quyền riêng tư trên MXH” là 4.1, thể hiện mức độ thực hiện rất thường xuyên. Ngược lại, nhóm “Không hiểu biết” có mức độ thực hiện thấp nhất, với điểm tương ứng chỉ là 2.2. Mức độ hiểu biết về công nghệ là yếu tố then chốt, quyết định trực tiếp đến khả năng giáo dục đạo đức trên MXH cho con cái của cha mẹ.

Bảng 3.2. Giáo dục đạo đức cho trẻ em theo mức độ hiểu biết về công nghệ của cha mẹ

Nội dung giáo dục	Điểm TB	Hiểu biết nhiều	Bình thường	Hiểu biết ít	Không hiểu biết
Tôn trọng người khác	3.70	4.25	4.05	3.5	2.8
Tuân thủ pháp luật, quy định...	3.80	4.2	4.15	3.65	2.9
Ngay thẳng, thật thà	3.53	4.15	3.75	3.3	2.8
Có lòng nhân ái với mọi người	3.65	4.25	3.95	3.4	2.2
Bao dung với mọi người	3.58	4.2	3.85	3.25	2.0
Tôn trọng quyền riêng tư trên MXH	3.13	4.1	3.35	2.85	1.8
Tiếp cận nội dung lành mạnh trên MXH	2.95	4.05	3.15	2.6	2.3
Chia sẻ gương người tốt việc tốt trên MXH	2.73	3.7	2.95	2.45	2.4
Không lan truyền tin đồn trên MXH	3.23	4.3	3.45	2.9	2.8
Không tham gia các xu hướng bắt nạt trên MXH	3.33	4.3	3.55	3.05	2.9

Nguồn: số liệu khảo sát từ luận án

Như vậy, kết quả khảo sát cho thấy bức tranh đa chiều về thực trạng giáo dục con cái tuổi 11-15 của cha mẹ. Kết quả phản ánh vẫn có sự ưu tiên rõ ràng của cha mẹ trong giáo dục đạo đức thiên về các giá trị đạo đức truyền thống trong không gian thực, mặc dù trong bối cảnh mới cha mẹ cũng đang có xu hướng giáo dục con cái các chuẩn mực đạo đức mới thông qua các hành vi có trách nhiệm trong không gian số. Việc kết hợp cả sự tương tác lành mạnh trên mạng xã hội và việc sử dụng công nghệ để duy trì các giá trị gia đình như giáo dục con cái phòng tránh các hành vi tiêu cực và thể hiện tình cảm với ông bà, cha mẹ linh hoạt hơn thông qua các ứng dụng công nghệ. Tuy nhiên, những hành vi này lại chưa thực sự được chú trọng và thực hiện thường xuyên, vấn đề này xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác mà các cha mẹ đã giải thích. Nhiều cha mẹ không có đủ kiến thức về các mối đe dọa này để giải thích một cách thuyết phục cho con cái. Trong khi đó, trẻ em lại thường tin tưởng vào thế giới ảo, dễ dàng chia sẻ thông tin cá nhân hoặc rơi vào bẫy của kẻ xấu. Sự thiếu hiểu biết về công nghệ của cha mẹ trở thành một rào cản lớn, khiến họ không thể trang bị cho con những kỹ năng cần thiết để tự bảo vệ bản thân trên không gian mạng. Chính vì vậy, trong việc trau dồi những tri thức và kỹ năng trong giáo dục đạo đức cho con cái một cách toàn diện cả ở không gian thực và không gian số trong bối cảnh công nghệ phát triển nhanh chóng như hiện nay.

Các phát hiện chính từ kết quả cũng cho thấy mức độ thực hiện giáo dục các chỉ báo về đạo đức trên không gian MXH có sự chênh lệch rõ rệt, tỷ lệ thuận với trình độ học vấn, độ tuổi trẻ hơn, mức sống khá giả và đặc biệt là mức độ hiểu biết về công nghệ của cha mẹ. Xu hướng này chỉ ra rằng, các bậc phụ huynh trẻ tuổi, có trình độ và am hiểu công nghệ, sống tại khu vực đô thị có xu hướng chủ động và thường xuyên hơn trong việc giáo dục con cái về các vấn đề trên mạng. Ngược lại, những nhóm cha mẹ có trình độ học vấn thấp, lớn tuổi, sống ở vùng ven, có mức độ hiểu biết về công nghệ hạn chế đang gặp phải những thách thức lớn, dẫn đến một “khoảng trống”

trong giáo dục đạo đức số, làm tăng nguy cơ trẻ em từ các gia đình này dễ bị tổn thương trên không gian mạng.

3.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến nội dung cha mẹ giáo dục trẻ em từ 11-15 tuổi trong bối cảnh chuyển đổi số

- Tương quan giữa nội dung giáo dục đạo đức cho con cái và các đặc điểm nhân khẩu học của cha mẹ

NSC đã khảo sát nội dung cha mẹ giáo dục đạo đức cho trẻ em từ 11-15 tuổi tại địa bàn nghiên cứu ở mục 3.1.1. Qua phân tích 10 chỉ báo thành phần trên thang đo Likert 5 mức độ (1 Rất không thường xuyên và 5 rất thường xuyên), kiểm tra độ nhất quán và phù hợp, kết quả cho thấy các chỉ báo từ 1 đến 10 là phù hợp với nội dung mà cha mẹ cần giáo dục con cái trong bối cảnh hiện nay. Sau khi thực hiện kiểm định độ tin cậy của thang đo bằng hệ số Cronbach Alpha, tiếp tục thực hiện bước phân tích nhân tố khám phá (EFA).

Bảng 3.3. Phân tích EFA đối với 14 chỉ báo về giáo dục đạo đức cho trẻ em

Một số quan điểm giáo dục ĐĐ, LS (Cronbach Alpha = 0,881)	Nhân tố	
	1	2
1. Tôn trọng người khác	0,916	
2. Tuân thủ pháp luật, quy định, quy chế của nhà trường, địa phương	0,913	
3. Ngay thẳng, thật thà	0,909	
4. Có lòng nhân ái với mọi người	0,906	
5. Bao dung với mọi người	0,583	
6. Tôn trọng quyền riêng tư trên MXH		0,686
7. Tiếp cận nội dung lành mạnh trên MXH		0,913
8. Chia sẻ gương người tốt việc tốt trên MXH		0,669
9. Không lan truyền tin đồn trên MXH		0,915
10. Không tham gia các xu hướng bắt nạt trên MXH.		0,668

Nguồn: Số liệu khảo sát của Luận án

Kết quả phân tích cho thấy, hệ số KMO = 0,758 > 0,5 [79]; hệ số (Sig.) = 0,000 < 0,05 có ý nghĩa về mặt thống kê [64]. Từ bảng 3.3 xuất hiện 2 nhân tố, các nhân tố này có thể đại diện và giải thích cho 14 chỉ báo thành phần. Nhân tố 1 được đặt tên “*giáo dục đạo đức trong không gian thực*”; nhân tố 2 được đặt tên mới “*giáo dục đạo đức trên MXH*”. Từ đây, chúng tôi sẽ sử dụng 2 nhân tố này để thay thế cho 14 chỉ báo thành phần và tiến hành phân tích chuyên sâu. Đây cũng chính là những nội dung cha mẹ đã giáo dục con cái trong bối cảnh hiện nay. Kiểm định T-Test và One -way ANOVA với những đặc điểm nhân khẩu học (giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, mức sống và địa bàn), kết quả cụ thể như sau:

Kiểm tra T-test cho thấy, về *giới tính*, dựa trên kết quả kiểm định độc lập cho thấy có sự khác biệt về vai trò của cha và mẹ trong giáo dục đạo đức trong không gian thực với giá trị (Sig.= 0,042 < 0,005) và giáo dục đạo đức trên MXH (Sig= 0.038 > 0.05), đều có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa cha và mẹ trong giáo dục con cái. Như vậy, mặc dù đã có nhiều thay đổi về vai trò giới trong gia đình, có sự chia sẻ trách nhiệm làm cha, làm mẹ trong giáo dục và nuôi dạy con cái, nhưng nhìn chung trong giáo dục con cái dấu ấn người mẹ vẫn rõ ràng và đậm nét. (*Xem thêm số liệu bảng 7 phần Phụ lục*)

Về địa bàn nghiên cứu, kiểm định Anova cho thấy *địa bàn cư trú* của cha mẹ có ý nghĩa thống kê đáng kể đối với nội dung giáo dục đạo đức trong không gian thực (Sig. = 0.03), Cha mẹ ở các khu vực trung tâm đô thị như phường An Khánh ít thường xuyên cha mẹ ở xã Cần Giờ. Lý giải cho điều này một phụ huynh ở phường An Khánh chia sẻ “*Mình vẫn dạy con cái những giá trị đạo đức vốn có từ lâu trong gia đình, tuy nhiên đi làm cả tuần bận rộn, không có nhiều thời gian để sát sao con cái nên đôi khi chỉ mang tính chất nhắc nhở chứ chưa sát sao được*” (Nam, 45 tuổi, công chức, An Khánh). Còn phụ huynh ở Cần Giờ nhận mạnh: “*Dù ở quê hay phố thì cái đạo làm người, đạo làm con phải hiểu thảo với ông bà, cha mẹ là mình phải dạy cho con từ bé. Tôi thấy con nít bây giờ dù ở đâu thì cha mẹ cũng đều muốn con mình ngoan ngoãn, biết lễ nghĩa thôi*” (Nữ, 45 tuổi, nội trợ, Cần Giờ).

Ngược lại địa bàn cư trú lại có ý nghĩa thống kê đến nội dung giáo dục đạo đức trong không gian số (Sig. = 0.001). Sự khác biệt này phản ánh rõ nét những khu vực trung tâm đô thị nên cha mẹ thường chú ý nhiều hơn tới các hành vi của con cái trên MXH vì mức độ con họ sử dụng internet và mạng xã hội rộng rãi và đa dạng hơn. Điều này buộc họ phải chủ động hơn trong việc giáo dục con về những nội dung này.

Về độ tuổi, với hệ số sig.=0,039 <0,05, có sự khác biệt giữa các độ tuổi của cha mẹ, cha mẹ từ 50 tuổi trở lên chú trọng giáo dục con cái những giá trị đạo đức trong không gian thực nhiều hơn trong khi cha mẹ trẻ tuổi lại chú trọng tới các nội dung thuộc đạo đức số (Sig. = 0.049) nhiều hơn cha mẹ lớn tuổi, sự khác biệt này phản ánh khoảng cách thế hệ trong nhận thức và kinh nghiệm về công nghệ số. Một phụ huynh chia sẻ *“thật sự là tôi không có biết nhiều trên mạng xã hội, thấy tụi nhỏ học trên đó nhiều thì mua điện thoại, máy tính cho nó học, nó chơi game thì nhắc nó không chơi chứ có biết gì về quyền riêng tư hay đạo đức số gì đâu”* (Nữ, 50 tuổi, nội trợ, Cần Giờ). Điều này giúp chúng ta khẳng định rằng, có sự khác biệt về độ tuổi của cha mẹ trong giáo dục đạo đức số cho con cái.

Về trình độ học vấn của cha mẹ, Kết quả định lượng chỉ ra rằng trình độ học vấn của cha mẹ có ý nghĩa thống kê đáng kể đối với nội dung giáo dục đạo đức trong không gian thực (Sig. = 0.025), mặc dù các nghiên cứu trước đây cũng có những quan điểm rằng các giá trị đạo đức truyền thống được cha mẹ truyền dạy một cách tự nhiên thông qua các hoạt động hàng ngày và kinh nghiệm sống, không phụ thuộc nhiều vào bằng cấp học thuật. Lý thuyết xã hội hóa đã minh chứng rõ hơn khi giải thích gia đình là nơi các giá trị văn hóa được thấm nhuần qua các tương tác xã hội, các hành vi trong gia đình không nhất thiết phải thông qua giáo dục hàn lâm và được truyền dạy cho trẻ em từ khi con nhỏ tới khi lớn lên thông qua quá trình xã hội hoá. Còn đối với những nội dung liên quan đến hành vi chuẩn mực trên không gian số (Sig. = 0.001), kết quả cho thấy trình độ học vấn cao hơn thường đi kèm với khả năng tiếp

cận và xử lý thông tin phức tạp, tư duy phản biện tốt hơn và có vốn xã hội rộng hơn, bao gồm cả vốn xã hội số. Những cha mẹ có trình độ học vấn cao có xu hướng tìm hiểu sâu hơn về các mối đe dọa trên mạng, các quy định pháp luật liên quan đến không gian mạng, từ đó trang bị kiến thức và kỹ năng toàn diện hơn cho con cái về không gian số.

Về mức sống, cha mẹ khi giáo dục những hành vi chuẩn mực trên không gian MXH (Sig. = 0.002) lại có tác động đáng kể, mức sống cao các gia đình có thể trang bị cho con cái các thiết bị công nghệ hiện đại, đường truyền internet tốc độ cao, và có khả năng chi trả cho các khóa học kỹ năng số hoặc các phần mềm giám sát. Điều này không chỉ tạo điều kiện cho trẻ em tiếp xúc đa dạng hơn với môi trường số mà còn giúp cha mẹ có thêm nguồn lực để giáo dục con về các khía cạnh đạo đức số nhiều hơn.

Về mức độ hiểu biết công nghệ; Cha mẹ có mức độ hiểu biết về công nghệ nhiều hơn sẽ giáo dục con cái những nội dung về đạo đức trên MXH nhiều hơn so với nhóm cha mẹ hiểu biết ít hoặc không hiểu biết. Điều này phản ánh khoảng cách số trong giáo dục con cái của cha mẹ.

- Mô hình hồi quy đa biến đối với nội dung giáo dục đạo đức cho trẻ em từ 11-15 tuổi

Trên cơ sở phân tích mô tả mối quan hệ giữa các đặc trưng nhân khẩu học của cha mẹ với những nội dung giáo dục đạo đức cho con cái. Nghiên cứu tiến hành xây dựng mô hình ảnh hưởng của các yếu tố này với 2 nội dung là đạo đức trong không gian thực và xem đây là biến phụ thuộc. Kết quả mô hình ở bảng 3.4 cho thấy, biến số tác động mạnh nhất đến giáo dục các giá trị đạo đức trong không gian thực cho con cái từ 11-15 tuổi trình độ học vấn, độ tuổi tiếp đến là mức sống gia đình. Tức là trình độ học vấn cao, tuổi nhiều và mức sống cao thì cha mẹ sẽ giáo dục con cái những giá trị đạo đức trong không gian thực nhiều hơn. Kết quả hồi quy các biến số tác là biến địa bàn nghiên cứu, điều này cho thấy môi trường đô thị có thể làm cho các bậc cha mẹ ít chú trọng hơn giáo dục con cái các nội dung thuộc giá trị truyền thống.

Bảng 3.4. Mô hình hồi quy đa biến tuyến tính về các yếu tố ảnh hưởng đến “nội dung giáo dục đạo đức trong không gian thực” của cha mẹ với trẻ em từ 11-15 tuổi

Biến số	Mô hình (Hệ số beta)	Sai số chuẩn	VIF	Mức độ tác động
Hằng số	0,0261	0,045	-	
Giới tính				
Nam	0,05	0,062	1,112	Thấp
Nữ	-	-	1,211	
Địa bàn				
Cần Giờ	-	-	1,341	-
An Khánh	-0,12*	0,044	1,241	Thấp
Long Phước	-0,05	0,054	1,330	Thấp
Trình độ học vấn				
THCS trở xuống	-	-	1,272	-
THPT và trung cấp	0,26***	0,071	1,074	Mạnh
Cao đẳng trở lên	0,31***	0,064	1,157	Rất mạnh
Độ tuổi				
30-39 tuổi	-	-	1,182	-
40-49 tuổi	-0,06	0,044	1,263	Thấp
50 tuổi trở lên	0,16***	0,053	1,129	Rất mạnh
Mức sống gia đình				
Nghèo	-	-	1,185	-
Trung bình	0,17**	0,064	1,243	Bình thường
Khá giả	0,32***	0,066	1,123	Mạnh
Thông tin: $R^2=0.62$, $Sig=0.000$ ($p < 0.001$); $N=450$, *, **, ***: Ý nghĩa thống kê $\leq 10\%$, $\leq 5\%$, $\leq 1\%$				

Nguồn: Số liệu khảo sát của Luận án

Ở bảng 3.5, mô hình hồi quy tuyến tính về các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục các nội dung đạo đức trên MXH cho con cái của cha mẹ cho thấy, trình độ học vấn có tác động mạnh nhất, rồi đến mức sống của gia đình, tiếp đến là địa bàn nghiên cứu. Nhóm tuổi cũng có tác động mạnh, đặc biệt là nhóm tuổi từ 50 trở lên, điều này củng cố cho nhận định khoảng cách số giữa các thế hệ, lý

thuyết vốn xã hội (vốn xã hội số) tỏ ra phù hợp khi giải thích cho vấn đề này, khi vốn xã hội số cha mẹ nhiều thì mức độ giáo dục con cái trong bối cảnh số có xu hướng phù hợp và đáp ứng tốt hơn với mọi sự thay đổi của xã hội.

Bảng 3.5. Mô hình hồi quy đa biến tuyến tính về các yếu tố ảnh hưởng đến “nội dung giáo dục đạo đức trên MXH” của cha mẹ với trẻ em từ 11-15 tuổi

Biến số	Mô hình (Hệ số beta)	Sai số chuẩn	VIF	Mức độ tác động
(Hằng số)	0,0249	0,052	-	
Giới tính				
Nam	-	-	1,00	Thấp
Nữ	0,2*	0,062	1,01	
Địa bàn				
Cần Giờ	-	-	1,02	-
An Khánh	0,26***	0,044	1,03	Mạnh
Long Phước	0,14**	0,053	1,03	Bình thường
Trình độ học vấn				
THCS trở xuống	-	-	1,05	-
THPT và trung cấp	0,13**	0,072	1,06	Bình thường
Cao đẳng trở lên	0,41***	0,064	1,03	Rất mạnh
Độ tuổi				
30-39 tuổi	-	-	1,04	-
40-49 tuổi	0,08**	0,043	1,05	Bình thường
50 tuổi trở lên	-0,16*	0,052	1,02	Thấp
Mức sống gia đình				
Nghèo	-	-	1,07	-
Trung bình	0,17**	0,061	1,06	Bình thường - mạnh
Khá giả	0,32***	0,062	1,08	Mạnh
Thông tin: $R^2=0.70$, $Sig=0.000$ ($p < 0.001$); $N=450$, *, **, ***: Ý nghĩa thống kê $\leq 10\%$, $\leq 5\%$, $\leq 1\%$				

Nguồn: Số liệu khảo sát của Luận án

Tóm lại, trong giáo dục đạo đức cho con cái từ 11-15 tuổi hiện nay, phần lớn các bậc cha mẹ vẫn ưu tiên giáo dục con cái những giá trị đạo đức trong không gian thực, những giá trị này tuy có bị ảnh hưởng các đặc điểm nhân khẩu học của cha mẹ nhưng không đáng kể. Điều này khẳng định rằng cách giáo dục vẫn theo thói quen được duy trì từ thế hệ này qua thế hệ khác không có nhiều thay đổi. Ngược lại, đối với những nội dung liên quan đến đạo đức trên MXH lại có sự phân hoá rõ rệt và chịu tác động bởi các đặc điểm nhân khẩu học của cha mẹ. Điều này ngụ ý rằng môi trường xã hội kỹ thuật số mà cha mẹ trải nghiệm (thông qua địa bàn) và khả năng nhận thức, xử lý thông tin của họ (thông qua trình độ học vấn) là những yếu tố then chốt quyết định mức độ sâu sắc, toàn diện và phù hợp của nội dung giáo dục đạo đức số mà họ truyền tải cho con cái. Mức sống cũng là một yếu tố quan trọng, liên quan mật thiết đến khả năng tiếp cận và đầu tư vào vốn xã hội số. Chính vì vậy, việc nâng cao năng lực số và vốn xã hội số cho các bậc cha mẹ là ưu tiên hàng đầu, đặc biệt là những người ở khu vực nông thôn, có trình độ học vấn và mức sống thấp hơn, để họ có thể chủ động và hiệu quả hơn trong việc giáo dục con cái về đạo đức số, từ đó góp phần xây dựng một thế hệ công dân số có trách nhiệm và an toàn.

3.2. THỰC TRẠNG VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁO DỤC LỐI SỐNG CHO TRẺ EM TỪ 11-15 TUỔI CỦA CHA MẸ TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

3.2.1. Thực trạng cha mẹ giáo dục lối sống cho trẻ em từ 11-15 tuổi trong bối cảnh chuyển đổi số

Số liệu khảo sát từ bảng 3.6 cho thấy mức độ tích cực cao trong việc giáo dục lối sống cho con cái thể hiện qua giá trị điểm trung bình (mean) ở hầu hết các nội dung đều trên 3.0 (thang đo 5 mức độ). Điều này cho thấy các phụ huynh đều quan tâm và thực hiện giáo dục lối sống cho con cái trong bối cảnh hiện nay. Tuy nhiên, mức độ tích cực này đang có sự phân hoá khá rõ rệt ở các khía cạnh giáo dục, đặc biệt là giữa giáo dục lối sống giữa đời thực và giáo dục lối sống (hành vi ứng xử) liên quan đến mạng xã hội và sự phát triển của công nghệ.

Bảng 3.6. Nội dung cha mẹ giáo dục lối sống cho trẻ em từ 11-15 tuổi (%)

Nội dung giáo dục lối sống	Mức độ					
	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Rất đồng ý	Trung bình
1. Ứng xử văn minh trong không gian công cộng	0.7	2.9	3.6	12.7	80.2	4.58
2. Lịch sự với mọi người	0.4	2.7	9.6	15.1	72.2	4.48
3. Biết giúp đỡ, chia sẻ với người già và trẻ em, người yếu thế	2.2	2.7	13.8	26.7	54.7	4.16
4. Trách nhiệm với cá nhân và cộng đồng	3.3	6.0	20.2	27.1	43.3	4.01
5. Ăn uống lành mạnh, rèn luyện thể chất	1.1	2.2	10.2	30.2	56.2	4.17
6. Hòa hoà giữa thời gian sử dụng công nghệ và thời gian vui chơi giải trí trực tiếp	0.9	2.9	9.6	24.9	61.8	4.26
7. Xây dựng thói quen sử dụng công nghệ hợp lý	1.8	2.9	49.8	10.2	35.3	4.33
8. Sử dụng công nghệ phục vụ cuộc sống (đi lại, mua sắm, học tập, giải trí..)	2.9	8.4	22.7	22.9	43.1	3.75
9. Ứng xử văn minh trên mạng xã hội	6.2	19.3	22.9	34	17.6	3.34
10. Suy nghĩ kỹ trước khi bình luận hoặc đưa ra ý kiến trên MXH	4.2	14.7	24.2	32.2	24.7	3.58
11. Tạo ra những nội dung tích cực trên MXH	6.4	16.9	19.6	37.3	19.8	3.44

Nguồn: Số liệu khảo sát từ Luận án

Số liệu từ bảng khảo sát về những nội dung cha mẹ giáo dục lối sống cho con cái trong bối cảnh hiện nay tại địa bàn nghiên cứu cho thấy có sự phân hoá rõ rệt trong mức độ đồng thuận của cha mẹ với các nội dung giáo dục khác nhau. Những nội dung liên quan đến lối sống trong không gian thực thường tập trung nhiều vào “đồng ý” và “rất đồng ý”, cho thấy mức độ đồng nhất và quan điểm rõ ràng của cha mẹ. Ngược lại, các nội dung về giáo dục lối sống có liên quan đến

mạng xã hội và công nghệ có sự phân tán rộng hơn, tỷ lệ đáng kể ở mức “*bình thường*”, “*không đồng ý*” và thậm chí có tỷ lệ “*rất không đồng ý*”, phản ánh sự thiếu hiểu biết về công nghệ của cha mẹ trong bối cảnh chuyển đổi số.

Một số nội dung như “*ứng xử văn minh trong không gia công cộng*” với 80,2% rất đồng ý và 12,7% đồng ý, “*lịch sự với mọi người*” với tỷ lệ 72,2% đồng ý và 15,1% đồng ý, “*biết giúp đỡ người già và trẻ em*” với tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý lên tới 81%. Điều này cho thấy sự đồng thuận và nhất quán trong giáo dục lối sống truyền thống cho con cái trong gia đình và hầu hết các phụ huynh đều chú trọng những nội dung này. Một điểm đáng chú ý là giáo dục con cái về lối sống “*ăn uống lành mạnh, rèn luyện thể chất*” với tỷ lệ hơn 86% ở mức “*đồng ý*” và “*rất đồng ý*” cho thấy trước thực trạng béo phì và lười vận động đang tăng cao ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay đã làm cho phụ huynh quan tâm và chú trọng trong giáo dục con cái biết quan tâm và chăm sóc sức khỏe cho bản thân mình.

Những thay đổi trong xu hướng giáo dục lối sống trong gia đình cũng phản ánh được những trăn trở của phụ huynh trong giai đoạn hiện nay. Phỏng vấn sâu một phụ huynh chia sẻ: “*dạy tụi nhỏ trong độ tuổi này khó lắm phải dạy tính tự lập, ý thức trách khi làm việc của mình, không được xâm phạm đến đồ dùng của người khác khi chưa xin phép*” (Nữ, 43 tuổi, công chức, phường An Khánh) hay “*Độ tuổi này dễ bị lôi kéo theo bạn theo bè, ăn uống không lành mạnh, cứ suốt ngày thức ăn nhanh, trà sữa làm đứa nào đứa nấy béo ú nên lo lắng lắm em ạ*” (Nữ, 48 tuổi, phường Long Phước).

Tuy nhiên, ở các chỉ báo từ 6 đến 10 trong bảng kết quả cho thấy sự phân tán, trải đều ở các mức độ. Ví dụ ở nội dung “*xây dựng thói quen sử dụng công nghệ hợp lý*” tỷ lệ bình thường ở nội dung này lại khá lớn tới gần một nửa phụ huynh 49,8%. Nội dung “*sử dụng công nghệ phục vụ cuộc sống*” ngoài tỷ lệ “*đồng ý*” và “*rất đồng ý*” cơ bản thì các tỷ lệ khác lại chiếm tới 34%. Điều này cho thấy một bộ phận phụ huynh trong xây dựng thói quen sử dụng công nghệ và định hướng con cái sử dụng công nghệ phục vụ cho cuộc sống vẫn còn chưa thật sự quan tâm và chú trọng. Tương tự, ở nội dung giáo dục con “*suy nghĩ*

trước khi bình luận hoặc đưa ra ý kiến trên MXH” và “tạo ra những nội dung tích cực trên MXH” tỷ lệ phân tán cao và mức độ đồng thuận thấp khi tỷ lệ “bình thường”, “không đồng ý” và “rất không đồng ý” cũng chiếm một tỷ lệ đáng kể.

Tìm hiểu sâu hơn về vấn đề qua dữ liệu định tính phỏng vấn sâu một số phụ huynh tại địa bàn nghiên cứu cho thấy mỗi người có một góc nhìn khác nhau về vấn đề này. Có những người họ thiên về giáo dục những lối sống trong không gian thực do họ có kinh nghiệm và sự hiểu biết về cuộc sống thực. Có người cố gắng thích nghi nhưng cũng gặp nhiều khó khăn trong quan điểm sống và trong việc thiếu cập nhật kiến thức trên MXH để có thể giáo dục con cái hợp lý hơn. Có những phụ huynh thì chú trọng giáo dục con cái trên MXH nhiều để hình thành một lối sống có trách nhiệm hơn trên MXH, để con cái thích ứng tốt hơn với cuộc sống hiện tại.

Hộp 3.2. Một số ý kiến của phụ huynh trong giáo dục lối sống cho trẻ em

“Tôi vẫn dạy con những kiến thức và kinh nghiệm tôi có về ứng xử trong lối sống hàng ngày như phải lịch sự với mọi người, tuân thủ quy định nơi công cộng, biết chia sẻ hay rèn luyện lối sống lành mạnh vì trước đây tôi cũng được dạy như thế. Nhưng dạy con trên MXH như thế nào thì tôi không biết, vì bản thân tôi không hiểu được trên đó có những gì mà bọn trẻ đam mê như vậy, chỉ nhắc nhở không xem điện thoại nhiều và lo mà học thôi” (Chị Thanh, 45 tuổi, nội trợ, xã Cần Giờ).

Giáo dục con cái giờ khó hơn xưa nhiều lắm, trước đây chỉ ảnh hưởng từ cha mẹ và hàng xóm chứ giờ tụi nó toàn tiếp xúc với bạn bè và MXH nên khó bảo. Quan điểm về cách sống khác nhau nên đôi khi không biết nói thế nào cho con cái hiểu, lo lắm vì trên mạng nhiều thứ linh tinh, bày bả nhưng không biết làm cách nào để nói cho con cái hiểu và giáo dục chúng nó có lối sống lành mạnh bây giờ” (Anh Thọ, 48 tuổi, nhân viên văn phòng, phường An Khánh)

“Vợ chồng tôi thường giáo dục con cái cách hành xử cả ở không gian thực và cả MXH và thậm chí là tôi dạy chúng cách sử dụng MXH còn nhiều hơn vì chúng tiếp xúc trên đó nhiều hơn cả không gian thực, học trên đó, bạn bè trên đó, thầy cô trên đó, nhiều khi bạn con cái tôi còn tự gọi Grap đi học, tự đặt đồ ăn. Tuy nhiên, do thời gian không nhiều nên cũng không sát sao con cái được...” (Nữ, 43 tuổi, giáo viên, phường Long Phước)

Nguồn: Dữ liệu khảo sát từ Luận án

Như vậy, trong giáo dục lối sống cho trẻ em từ 11-15 tuổi hiện đang xuất hiện hai nhóm khác biệt, một nhóm thiên về giáo dục lối sống thực thì được củng cố vững chắc và được thực hiện thường xuyên. Tuy nhiên, nhóm này đối với vấn đề giáo dục lối sống trên không gian mạng xã hội vẫn còn nhiều bỏ ngỏ, nguyên nhân xuất phát từ những khó khăn cha mẹ gặp phải do không bắt kịp xu hướng, không cùng quan điểm với con cái và thiếu những kiến thức, kinh nghiệm, thiếu thời gian để có thể giáo dục con cái tốt hơn trong bối cảnh hiện nay. Để hiểu rõ nguyên nhân tại sao, chúng ta cùng tìm hiểu một số những yếu tố ảnh hưởng đến vấn đề nghiên cứu này.

3.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến nội dung giáo dục lối sống cho trẻ em từ 11-15 tuổi trong bối cảnh chuyển đổi số

- Tương quan giữa nội dung giáo dục lối sống cho con cái và các đặc điểm nhân khẩu học của cha mẹ

Mối quan hệ giữa các đặc điểm nhân khẩu học của cha mẹ và việc lựa chọn nội dung giáo dục lối sống cho con cái trong bối cảnh hiện nay được phân tích thông qua kiểm định T-Test và Anova thông qua hai nhân tố được NCS thực hiện bởi kỹ thuật khám phá nhân tố để thu gọn nội dung của 11 chỉ báo cụ thể ở bảng 3.7.

Bảng 3.7. Phân tích nhân tố EFA đối với 11 chỉ báo về giáo dục lối sống của cho trẻ em của cha mẹ

Nội dung giáo dục lối sống (Crobach Alpha = 0,826)	Nhân tố	
	1	2
1. Ứng xử văn minh trong không gian công cộng	0.541	
2. Lịch sự với mọi người	0.813	
3. Biết giúp đỡ, chia sẻ với người già và trẻ em, người yếu thế	0.762	
4. Trách nhiệm với cá nhân và cộng đồng	0.780	
5. Ăn uống lành mạnh, rèn luyện thể chất	0.705	
6. Hòa hoà giữa thời gian sử dụng công nghệ và thời gian vui chơi giải trí trực tiếp	0.679	

Nội dung giáo dục lối sống (Crobach Alpha = 0,826)	Nhân tố	
	1	2
Lối sống thực		
7. Xây dựng thói quen sử dụng công nghệ hợp lý		0.807
8. Sử dụng công nghệ phục vụ cuộc sống (đi lại, mua sắm, học tập, giải trí..)		0.639
9. Ứng xử văn minh trên mạng xã hội		0.524
10. Suy nghĩ kỹ trước khi bình luận hoặc đưa ra ý kiến trên MXH		0.684
11. Tạo ra những nội dung tích cực trên MXH		0.575
Lối sống trên MXH		

Nguồn: Kết quả khảo sát từ luận án

Kiểm định T-Test về giáo dục lối sống nói chung, lối sống thực và lối sống trên MXH nói riêng cho thấy một số khác biệt đáng chú ý. Khi xét riêng về việc lựa chọn các nội dung thì nhận thấy có một số khác biệt cơ bản. Đối với những nội dung liên quan đến lối sống thực, với giá trị $\text{sig.} = 0.006 < 0.05$, điều này có ý nghĩa về mức độ biến động trong cách giáo dục lối sống thực của cha và mẹ là khác nhau một cách có ý nghĩa thống kê và trong lối sống số với giá trị $\text{sig.} = 0.003$ cũng cho thấy sự khác nhau giữa cha và mẹ trong giáo dục lối sống số. Người mẹ trong gia đình truyền thống hay trong gia đình hiện đại ở đô thị vẫn là người được xem là “trụ cột” trong việc giáo dục con cái về đạo đức, lối sống và các quy tắc ứng xử trong cuộc sống hàng ngày. Nguyên nhân này xuất phát từ vai trò chăm sóc và nuôi dưỡng con cái ở xã hội truyền thống để lại và cũng được khẳng định qua dữ liệu PVS “*Vợ tôi vẫn là người chịu trách nhiệm chính trong nuôi dưỡng và giáo dục con cái, kể cả ở hiện tại, việc dạy con ứng xử thế nào, ăn uống ra sao đều do cô ấy quyết định*” (Nam, 43 tuổi, NVVP, phường An Khánh). Thực tiễn quan sát ở các gia đình đô thị cũng cho thấy, người mẹ vẫn là người lên kế hoạch, giáo dục con cái trong hành vi ứng xử, trong hình thành thói quen học tập hay lối sống trên không gian MXH. Sự nhạy cảm với những tác động tâm lý và việc sử dụng MXH quá mức hoặc không đúng cách của trẻ em làm cho người mẹ

chủ động hơn trong việc điều chỉnh, hướng dẫn con một lối sống lành mạnh trên MXH. Một phụ huynh chia sẻ: *“Tôi vẫn là thường trò chuyện với con cái về những hành vi liên quan đến sử dụng công nghệ, làm sao để hạn chế những tiêu cực ảnh hưởng đến lối sống của mình, nhưng cũng phải khai thác được những tích cực trên MXH để cuộc sống của mình tiện nghi và tiết kiệm thời gian hơn”* (Nữ 43 tuổi, NVVP, phường Long Phước). Trong khi đó, người cha có vai trò ủng hộ hoặc tham gia cùng con cái các hoạt động thể chất nhiều hơn. Một phần do thời gian của người cha dành cho con cái ít hơn người mẹ, phần nữa là người mẹ vẫn là người *“quản lý vi mô”* con cái, mặc dù xu hướng bình đẳng giới đã có những tiến bộ nhất định (Xem thêm số liệu bảng 9 phần Phụ lục).

Kiểm định Anova để xem xét sự khác biệt giữa địa bàn nghiên cứu (3 địa bàn), độ tuổi (3 nhóm), trình độ học vấn (3 mức) và mức sống gia đình (3 mức) kết quả kiểm định cho thấy như sau (Xem thêm số liệu bảng 10) phần Phụ lục

Về địa bàn nghiên cứu, kết quả kiểm định cho thấy *“lối sống thực”* (Sig.=0.028) và *“lối sống trên MXH”* (Sig.=0.012) cho biết địa bàn nghiên cứu có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trong giáo dục con cái về lối sống của cha mẹ. Cha mẹ ở trung tâm đô thị phường An Khánh và phường Long Phước sẽ tập trung giáo dục con cái lối sống trên MXH nhiều hơn cha mẹ ở khu vực vùng ven là Xã Cần Giờ. Điều này có xuất phát từ nguyên nhân đô thị là nơi phát triển công nghệ mạnh mẽ, trẻ em tiếp xúc với các thiết bị công nghệ nhiều hơn do sự thiếu hụt về không gian giải trí và vui chơi, bố mẹ bận rộn không có nhiều thời gian dành cho con cái. Chính vì vậy, việc giáo dục con cái lối sống số như: Tận dụng công nghệ để phục vụ cuộc sống như đặt đồ ăn, xe công nghệ.. phục vụ cuộc sống là điều dễ hiểu. Bên cạnh đó, việc trẻ tiếp xúc với công nghệ thường xuyên làm cho cha mẹ phải điều chỉnh, hướng dẫn con mình có lối sống số phù hợp như ứng xử văn minh trên MXH, sáng tạo những nội dung tích cực hoặc hài hoà lối sống thực và lối sống số... Một phụ

huynh chia sẻ *“Tôi và chồng đều đi làm cả ngày, không có thời gian dạy con nhiều thứ, nhưng vẫn tranh thủ dạy con khi sử dụng công nghệ phải hợp lý, không sử dụng nhiều, không lan truyền tin đồn và chia sẻ linh tinh trên MXH”* (Nữ, 45 tuổi, công nhân, phường An Khánh). Như vậy, Mức độ đô thị hóa càng cao, giáo dục lối sống thực càng chuyển dịch sang các kỹ năng mềm và giá trị xã hội, trong khi giáo dục lối sống số trở thành một trọng tâm không thể thiếu với yêu cầu cao về quản lý và hướng dẫn con cái để trở thành những người có lối sống hiện đại.

Về độ tuổi, kiểm định Anova cho thấy, tuổi của cha mẹ có ảnh hưởng và có ý nghĩa thống kê đến nội dung giáo dục ở cả *“lối sống thực”* và *“lối sống trên MXH”*. Cụ thể, cha mẹ trẻ tuổi, lớn lên và làm việc trong môi trường công nghệ, đặc biệt cha mẹ ở trung tâm đô thị thường có xu hướng linh hoạt, cởi mở hơn trong giáo dục con cái lối sống số. Trong khi cha mẹ ở độ tuổi từ 50 trở lên, sống ở khu vực vùng ven chịu ảnh hưởng những giá trị truyền thống, đề cao tính chuẩn mực trong hành vi ứng xử như lịch sự, chia sẻ với mọi người nhiều hơn. Một nguyên nhân khác nữa là họ cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức hơn khi nhận diện các vấn đề trên MXH của con cái, thậm chí họ thường được *“xã hội hoá ngược”* từ con cái để có thể biết và sử dụng công nghệ vào đời sống. Khẳng định điều này, phụ huynh chia sẻ *“Tôi thường phải hỏi con cái về cách sử dụng điện thoại để mua đồ hoặc theo dõi thông tin, còn việc dạy chúng nó làm gì trên MXH thì hầu như tôi không biết, chỉ bảo không được sử dụng nhiều nhưng đôi khi tụi nó cũng không nghe”* (Nam, 54 tuổi, buôn bán, phường Long Phước). Như vậy, điều này cho chúng ta khẳng định một điều, khoảng cách thế hệ tuổi tác là yếu tố định hình mạnh mẽ đến các nội dung giáo dục lối sống cho con cái, đặc biệt là lối sống số trong bối cảnh công nghệ phát triển không ngừng. Đặc biệt các cha mẹ lớn tuổi sống ở nông thôn cần được trang bị những kiến thức về công nghệ số để có thể hỗ trợ con mình tốt hơn.

Về trình độ học vấn, tương tự với địa bàn nghiên cứu và độ tuổi của cha mẹ, trình độ học vấn theo kết quả kiểm định cũng là yếu tố ảnh hưởng mạnh

và có ý nghĩa thống kê tới nội dung giáo dục lối sống cho con cái từ 11-15 tuổi. Cha mẹ có học vấn từ cao đẳng trở lên thường cập nhật nhanh chóng các xu hướng công nghệ, hiểu rõ hơn về các mối đe dọa trực tuyến và cách phòng tránh. Họ có thể giáo dục con về lối sống thực và những hành vi ứng xử trong không gian số số một cách bài bản, không chỉ dừng lại ở việc kiểm soát mà còn hướng dẫn sử dụng công nghệ cho mục đích học tập và phát triển tốt hơn là các cha mẹ có trình độ học từ trung học cơ sở trở xuống. Chia sẻ của một phụ huynh ở xã Cần Giờ cho thấy *“con tôi đang học lớp 9, tôi thì không biết gì đến điện thoại hay máy tính, nên mọi thứ là tự nó, nó bảo nó học thì tui cũng biết thế chứ có hiểu gì đâu mà bảo nó phải này phải kia, chỉ bảo là không được chơi game nhiều để khỏi bị nghiện game thôi”* (Nữ, 46 tuổi, nội trợ, xã Cần Giờ). Điều này giúp chúng ta khẳng định, trình độ học vấn cao sẽ giúp cha mẹ thích nghi tốt hơn với lối sống hiện đại, lối sống số, từ đó có kiến thức giáo dục con cái thích nghi tốt hơn với sự thay đổi của lối sống hiện đại, lối sống công nghệ phát triển.

Về mức sống: Mức sống của cha mẹ có ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến cả giáo dục “lối sống thực” (Sig.=0.030) và “lối sống trên MXH” (Sig.=0.013). Điều này như đã giải thích ở nội dung 3.1.1, cha mẹ có mức sống khá giả có nguồn lực để đầu tư các thiết bị công nghệ tốt hơn cho con cái. Tuy nhiên, điều này giúp con cái có điều kiện tiếp cận các cơ hội lối sống công nghệ từ sớm. Tuy nhiên, đây cũng là một thách thức khi trẻ em được cung cấp đầy đủ các thiết bị từ điện thoại, ipad, máy tính thì sẽ bị mất cân bằng giữa đời sống thực và đời sống ảo, đây cũng là một vấn đề nhiều phụ huynh băn khoăn *“hầu như lúc nào rảnh là tui nhỏ cắm mặt vào điện thoại, không có thời gian nói chuyện với bố mẹ, tối thì ăn cơm xong là vô phòng ôm điện thoại đến khuya, hỏi thì bảo là học bài nhưng thật ra làm gì trên đó đôi khi mình không quản lý được”* (Nữ, 43 tuổi, kinh doanh, phường An Phú).

Nhìn chung, kiểm định T-test và Anova đã chứng minh rằng những đặc điểm về nhân khẩu học của cha mẹ (giới tính, địa bàn, tuổi, trình độ học vấn, mức sống gia đình) đều có ý nghĩa thống kê trong việc định hình cách cha mẹ

lựa chọn những nội dung giáo dục về lối sống cho con cái từ 11-15 tuổi tại địa bàn nghiên cứu. Việc lựa chọn nội dung giáo dục lối sống đang chịu tác động mạnh mẽ của quá trình đô thị hoá và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ. Xu hướng chung từ kết quả nghiên cứu định tính và định lượng cho thấy, cha mẹ trẻ tuổi, có trình độ học vấn cao và sống ở đô thị có xu hướng giáo dục con cái hài hoà cả về lối sống thực và chủ động hơn trong giáo dục con cái thích ứng với lối sống của xã hội số một cách chủ động, mặc dù vẫn gặp những khó khăn nhất định. Tuy nhiên, đối với những nhóm cha mẹ khác như sống ở vùng ven, trình độ học vấn thấp, độ tuổi từ 50 trở lên gặp phải nhiều thách thức trong nhận thức về công nghệ đã gặp phải những vấn đề trong giáo dục con cái thích nghi với lối sống trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ hiện nay.

- Mô hình hồi quy đa biến đối với nội dung giáo dục lối sống cho trẻ em từ 11-15 tuổi

Trên cơ sở phân tích mô tả mối quan hệ giữa các đặc trưng nhân khẩu học của cha mẹ với việc lựa chọn nội dung giáo dục lối sống cho con cái trong độ tuổi 11-15 tuổi, nghiên cứu đã phân tích hai mô hình ảnh hưởng đến giáo dục lối sống của cha mẹ là “giáo dục lối sống thực” và “lối sống trên MXH”, nhằm Đánh giá mức độ ảnh hưởng của các biến số đến nội dung giáo dục lối sống của cha mẹ được thể hiện như sau:

Ở bảng số liệu 3.8, tương tự như các mô hình đã phân tích ở bảng số liệu 3.5, ở mô hình này, biến số giới tính và học vấn, tuổi là biến có tác động mạnh nhất tới mức độ giáo dục lối sống thực cho con cái của cha mẹ. Có nghĩa là, so với người cha thì người mẹ giáo dục lối sống thực cho con cái thường xuyên hơn và nhiều hơn, học vấn của cha mẹ cao thì mức độ giáo dục con cái lối sống thực thường xuyên và sâu sắc hơn. Điều này cũng đã được nhiều ý kiến phụ huynh chia sẻ: *“Để thành công có rất nhiều yếu tố, nhưng nền móng cho một đứa trẻ có thành công hay không là phải biết dạy con một lối sống biết giữ gìn và rèn luyện sức khoẻ, dạy con biết tư duy độc lập, biết tự học, biết bao dung, chia sẻ, biết phân biệt đúng sai và dám làm dám chịu đến cùng những việc mình làm”* (Nam, 40 tuổi, doanh nhân, phường An Khánh).

Bảng 3.8. Mô hình hồi quy đa biến tuyến tính về các yếu tố ảnh hưởng đến “nội dung giáo dục lối sống thực” của cha mẹ với trẻ em từ 11-15 tuổi

Biến số	Mô hình (Hệ số beta)	Sai số chuẩn	VIF	Mức độ tác động
Hằng số	0,025	0,055	-	-
Giới tính				
Nam	-	-	-	-
Nữ	0,27**	0,062	1,013	Mạnh
Địa bàn				
Cần Giờ	-	-	-	Thấp
An Khánh	-0,17*	0,046	1,047	
Long Phước	-0,06	0,055	1,033	-
Trình độ học vấn				
THCS trở xuống	-	-	-	-
THPT và trung cấp	0,24**	0,074	1,078	Mạnh
Cao đẳng trở lên	0,34***	0,063	1,054	Rất mạnh
Độ tuổi				
30-39 tuổi	-	-	-	-
40-49 tuổi	0,08**	0,042	1,064	Bình thường
50 tuổi trở lên	0,26*	0,053	1,026	Mạnh
Mức sống gia đình				
Nghèo	-	-	-	-
Trung bình	0,19**	0,064	1,084	Bình thường
Khá giả	0,12*	0,063	1,072	Bình thường
Thông tin: $R^2=0.56$, $Sig=0.000$ ($p < 0.001$); $N=450$, *, **, ***: Ý nghĩa thống kê $\leq 10\%$, $\leq 5\%$, $\leq 1\%$				

Nguồn: Kết quả khảo sát từ luận án

Ở mô hình 3.9 cho thấy, đối với giáo dục lối sống trên MXH, yếu tố tác động mạnh là địa bàn, trình độ học vấn và mức sống gia đình, điều này có nghĩa là, cha mẹ ở trung tâm đô thị, trình độ học vấn cao tiếp cận thông tin, kiến thức giáo dục hiện đại tốt hơn. Chính vì vậy, cha mẹ các nhóm này giáo dục con cái lối sống trên MXH tốt hơn các nhóm còn lại, điều này được lý giải theo lý thuyết vốn xã hội, đặc biệt là vốn xã hội số của cha mẹ, thông qua

việc kết nối, xây dựng vốn xã hội bắc cầu thông qua các nhóm cha mẹ, các diễn đàn, các hội thảo, các chuyên gia họ dễ dàng tiếp cận công nghệ và giáo dục con cái lối sống trên không gian MXH thông qua công nghệ tốt hơn và thường xuyên hơn. Độ tuổi có tác động với giáo dục lối sống trên MXH của cha mẹ, cha mẹ càng lớn tuổi có thể gặp khó khăn về khoảng cách thế hệ và ít linh hoạt hơn trong việc tiếp cận công nghệ. Điều này hạn chế khả năng xây dựng vốn xã hội số của họ, khiến họ ít cập nhật các xu hướng giáo dục mới và khó khăn hơn trong việc giao tiếp, định hướng cho con cái tuổi Teen trong môi trường số hóa hiện nay.

Bảng 3.9. Mô hình hồi quy đa biến tuyến tính về các yếu tố ảnh hưởng đến “nội dung giáo dục lối sống trên MXH” của cha mẹ với trẻ em từ 11-15 tuổi

Biến số	Mô hình (Hệ số beta)	Sai số chuẩn	VIF	Mức độ tác động
Hằng số	0,024	0,053	-	-
Giới tính				
Nam	-	-	1,123	
Nữ	0,07	0,062	1,231	
Địa bàn				
Cần Giờ	-	-	1,142	-
An Khánh	0,28**	0,043	1,213	Mạnh
Long Phước	0,17*	0,052	1,121	Bình thường
Trình độ học vấn				
THCS trở xuống	-	-	1,076	-
THPT và trung cấp	0,28**	0,070	1,063	Mạnh
Cao đẳng trở lên	0,38***	0,062	1,072	Rất mạnh
Độ tuổi				
30-39 tuổi	-	-	1,066	-
40-49 tuổi	-0,18*	0,044	1,078	Thấp
50 tuổi trở lên	-0,23**	0,053	1,043	Bình thường
Mức sống gia đình				
Nghèo	-	-	1,084	-
Trung bình	0,18**	0,062	1,086	Bình thường
Khá giả	0,22***	0,064	1,072	Mạnh
Thông tin: $R^2=0.70$, $Sig=0.000$ ($p < 0.001$); $N=450$, *, **, ***: Ý nghĩa thống kê $\leq 10\%$, $\leq 5\%$, $\leq 1\%$				

Nguồn: Kết quả khảo sát từ luận án

Trong bối cảnh giáo dục lối sống cho trẻ em từ 11-15 tuổi, việc tổng hợp các yếu tố từ hai mô hình hồi quy đa biến cho thấy sự phân hóa rõ rệt trong các tác động. Các yếu tố như trình độ học vấn cao và mức sống khá giả của cha mẹ luôn thể hiện tác động mạnh mẽ, góp phần tích cực vào mọi khía cạnh giáo dục lối sống. Tuy nhiên, để tối ưu hóa hiệu quả giáo dục, cần đặc biệt chú trọng đến các đặc điểm gây tác động không mong muốn, cụ thể, độ tuổi của cha mẹ (từ 50 tuổi trở lên) là một yếu tố tác động đáng kể khi giáo dục lối sống trên MXH, do khoảng cách thế hệ và sự hạn chế trong việc thích nghi với các công cụ công nghệ mới. Từ những đặc điểm tác động này, xu hướng giáo dục lối sống hiện nay cần tập trung vào việc trang bị cho cha mẹ, đặc biệt là những người ở nhóm tuổi lớn và sinh sống tại vùng ven các kỹ năng cần thiết để thu hẹp khoảng cách thế hệ, nâng cao năng lực sử dụng công nghệ để tiếp cận thông tin và phương pháp giáo dục hiện đại, đồng thời chủ động lồng ghép và duy trì các giá trị văn hóa truyền thống trong môi trường sống đương đại, nhằm tạo nên một thế hệ trẻ phát triển hài hòa giữa truyền thống và hội nhập trong bối cảnh chuyển đổi số.

3.3. THỰC TRẠNG VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁO DỤC TRI THỨC CHO TRẺ EM TỪ 11-15 TUỔI CỦA CHA MẸ TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

3.3.1. Thực trạng cha mẹ giáo dục tri thức cho trẻ em từ 11-15 tuổi trong bối cảnh chuyển đổi số

Phân tích EFA nhằm khám phá ra những cấu trúc bên trong của dữ liệu cha mẹ hỗ trợ giáo dục tri thức cho con cái. Kết quả từ bảng 3.10 cho thấy, cha mẹ ưu tiên các hình thức hỗ trợ tri thức mang tính trực tiếp và có kết quả rõ ràng, tập trung các hoạt động cụ thể như “*đưa con đi học thêm, học tiếng Anh, tin học*” đạt điểm trung bình cao nhất (4.32) và tỷ lệ thực hiện “*thường xuyên*” lên đến 85.6%. Tương tự, việc “*nhắc nhở con học tập*” và “*chuẩn bị không gian học tập đầy đủ*” cũng được thực hiện “*rất thường xuyên*” trên 80%. Nguyên nhân chính xuất phát từ tâm lý coi trọng việc học cho con cái của cha mẹ, cha mẹ tin rằng việc đầu tư vào học tập là đầu tư xứng đáng nhất, vì thế mà chỉ cần con cái

chịu học thì có khó khăn bao nhiêu cũng cố gắng nuôi con ăn học, tư tưởng này vốn đã ăn sâu vào trong tiềm thức của người Việt Nam qua bao thế hệ.

Phòng vẫn sâu một số ý kiến của phụ huynh cho thấy “*giờ phải đầu tư cho học hành chứ người giỏi cũng nhiều, nên phải học h đến nơi đến chốn, đặc biệt là ngoại ngữ, tuổi này không học thì sau ra xã hội làm được gì đâu có*” Chính vì vậy mà “*chỉ cần con cái chịu học thì cái gì nhà tui cũng có thể đầu tư cho nó, từ bàn ghế, sách vở đến máy tính, điện thoại, không thiếu thứ gì*” (Nữ, 45 tuổi, nội trợ, Cần Giờ).

Bảng 3.10. Mức độ cha mẹ tham gia hỗ trợ giáo dục tri thức cho trẻ em từ 11-15 tuổi

Nội dung giáo dục tri thức cho con cái	Trung bình	STD	Thường xuyên* (%)
Hỗ trợ tri thức trực tiếp Crobach's Alpha = 0,825	4.08	0.89	77.0
Chuẩn bị không gian học tập đầy đủ	4.24	0.89	78.6
Nhắc nhở con học tập	4.21	0.88	83.4
Đưa con đi học thêm, học tiếng anh, tin học	4,32	0.82	85.6
Mua sắm thiết bị công nghệ cho con học tập	4.08	0.82	81.8
Giáo dục tâm sinh, sinh lý tuổi dậy thì	3.82	1.02	66.7
Giáo dục tình yêu tình bạn khác giới	3.75	1.01	66.3
Hỗ trợ tri thức trên MXH Crobach's Alpha = 0,745	3.75	1.05	58.2
Cùng con xem một số chương trình để mở rộng tri thức	3.62	1.03	58.9
Đăng ký các cuộc thi trên internet và bảo con tham gia	3.70	1.02	57.6
Cùng con tìm hiểu về công nghệ	3.88	1.01	61.4
Đăng ký các khoá học online cho con tham gia trên internet	4.01	1.07	68.2
Giới thiệu cho con các công cụ học tập hiệu quả	3.68	1.14	54.3
Dạy con những dấu hiệu quấy rối tình dục trên không gian mạng xã hội	3.61	1.05	48.8

Ghi chú: *Tổng tỷ lệ ý kiến đánh giá thường xuyên (mức 4) và rất thường xuyên (mức 5).

SĐT: Độ lệch chuẩn

Nguồn: Số liệu khảo sát từ luận án

Trong nhóm tri thức trực tiếp, các hoạt động hỗ trợ tri thức giới tính lại có điểm trung bình từ (từ 3.75 đến 3.82) và tần suất thực hiện khá hạn chế (chỉ khoảng 60% phụ huynh thực hiện thường xuyên). Đặc biệt, việc dạy con tình yêu, tình bạn khác giới có tỷ lệ 66,3%. Chia sẻ của một người mẹ cho thấy *“Những chuyện về giới tính rồi này kia khó nói quá, mình không biết bắt đầu từ đâu. Hỏi mình bằng tuổi tụi nó cũng không ai nói, rồi từ từ cũng tự biết. Giờ có mạng xã hội, con cái xem trên đó, chắc nó cũng biết hết rồi”* (Nữ, 50 tuổi, kinh doanh, phường Long Phước).

Một phụ huynh khác cho biết: *“Nói thật là không biết bắt đầu từ đâu nên tôi cũng chưa nói với con bao giờ, có nói chỉ là dạy con cách vệ sinh thân thể sạch sẽ rồi này kia. Chứ nói mấy vấn đề nhạy cảm sợ con cái tò mò quá lại sinh hư. Còn tôi cũng có nghe nói về quấy rối trên mạng, nhưng con tôi cũng ngoan, nên tôi nghĩ cũng không cần nói”*. (Nữ, 45 tuổi, công chức, phường An Khánh). Nhìn chung đối với việc cung cấp tri thức giới tính cha mẹ vẫn đang loay hoay trong việc phá bỏ rào cản văn hóa và tâm lý, việc thiếu vắng các cuộc đối thoại cởi mở trong gia đình và sự thiếu kiến thức về các rủi ro mới trên không gian mạng khiến việc giáo dục giới tính chưa được thực hiện một cách chủ động và toàn diện.

Ngoài hỗ trợ tri thức trực tiếp, trong bối cảnh chuyển đổi số, cha mẹ thể hiện sự quan tâm đến việc hỗ trợ tri thức trên MXH cho con cụ thể: Hoạt động được thực hiện nhiều nhất là *“đăng ký các khoá học online cho con tham gia”* (trung bình 4.01, tần suất 68.2%), trong khi các hoạt động mang tính chủ động hơn như *“giới thiệu các công cụ học tập hiệu quả”* lại có điểm trung bình thấp nhất trong nhóm (3.68). Điều này cho thấy một sự chuyển dịch trong nhận thức nhưng chưa có sự chuyển biến mạnh mẽ trong hành động của cha mẹ. Nguyên nhân của việc này xuất phát từ việc nhiều phụ huynh còn e ngại học online không hiệu quả, con cái không chú ý học, sợ con tiếp xúc nhiều với công nghệ thì con lại nghiện game, nghiện mạng xã hội và các rủi ro khác khi chính bản thân mình không thể giám sát và theo dõi con cái.

Tuy nhiên, bên cạnh những e ngại cho việc học trực tuyến thì cũng có những ý kiến của phụ huynh chấp nhận nó như một lẽ đương nhiên và coi như giải pháp khi mà lịch học con cái quá dày và việc đưa đón mất quá nhiều thời gian, một số ý kiến cho rằng *“Giờ các khoá online khá phổ biến, để tiết kiệm thời gian đi lại, đưa đón, tôi đăng ký cho con học online nhưng tôi theo dõi con, hướng dẫn nó và giới thiệu cho con cách học trên mạng sao cho hiệu quả, tìm một số kho tư liệu và hướng dẫn con vào đó nghiên cứu tìm hiểu”* (Nam, 42 tuổi, NVVP, phường An Khánh).

Nhìn chung, cha mẹ thường dễ dàng tham gia cùng con vào những hoạt động có sẵn vì có thể kiểm soát được con cái trên MXH như *“xem cùng con một số chương trình”*. Tuy nhiên, sự thiếu hụt kiến thức chuyên sâu về các công cụ và nền tảng học tập trực tuyến hiệu quả là một rào cản lớn, cha mẹ không tự tin để hướng dẫn con, dẫn đến việc họ ít chủ động và nghi ngại trong chất lượng của các chương trình online. Một mặt vừa muốn con tiếp cận công nghệ để phát triển, mặt khác vừa lo sợ các rủi ro, sự mâu thuẫn này dẫn đến một cách tiếp cận thận trọng, kiểm soát nhiều hơn là khuyến khích sự tự chủ và sáng tạo của trẻ trong môi trường số *“Việc học online trong giai đoạn Covid đã làm cho thằng con tôi nghiện game, một số bạn nó cũng vậy do không có ai kiểm soát tại nhà. Đi làm riết, giờ lại học trên máy là chủ yếu nên tôi ngại lắm, ngại một lần nữa con lại sa vào nghiện game là khổ lắm cô ạ”* (Nữ, 45 tuổi, Công chức, phường Long Phước). Bên cạnh đó, việc nghi ngại con cái không chủ động, không tập trung cũng là một trở ngại khi đăng ký các khoá học online cho con *“Việc học online cũng khá hiệu quả với những bạn có tinh thần tự học, chứ con tôi ngồi học online mà cứ ngó chỗ này, ngó chỗ kia, rồi đi uống nước, lấy đồ hết buổi nên chẳng hiệu quả gì”* (Nữ, 43 tuổi, công nhân, xã Cần Giờ)

Từ thực trạng giáo dục tri thức cho con cái từ 11-15 tuổi hiện nay tại địa bàn nghiên cứu, cho thấy một bức tranh rõ nét về sự ưu tiên của cha mẹ trong giáo dục tri thức cho con cái họ vẫn tập trung vào các giá trị thuộc hệ thống giáo dục trực tiếp, trong khi đó, các lĩnh vực mới nổi như tri thức trên

MXH hay các chủ đề nhạy cảm như giới tính trên MXH vẫn đang còn khá mới mẻ. Nên việc hỗ trợ giáo dục con cái vẫn còn nhiều lúng túng, nghi ngại đòi hỏi nhiều hơn sự hỗ trợ từ các tổ chức xã hội và trường học để việc chuyển đổi số trong trường học và tận dụng nền tảng số để phát triển tri thức cho trẻ em và cha mẹ trong bối cảnh mới ngày càng hiệu quả hơn.

3.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến nội dung giáo dục tri thức của cha mẹ với trẻ em từ 11-15 tuổi

- Tương quan giữa nội dung giáo dục tri thức cho con cái và các đặc điểm nhân khẩu học.

Các yếu tố ảnh hưởng đến các nội dung giáo dục tri thức của cha mẹ với con cái từ 11-15 tuổi trong bối cảnh hiện nay được phân tích thông qua kiểm định T-Test và Anova thông qua hai nhân tố được NCS thực hiện ở mục 3.3.2. Kết quả cho thấy kiểm định cho thấy.

Về giới tính, phân tích T-Test về mức độ hỗ trợ tri thức trực tiếp cho con cái có sự khác biệt về ý nghĩa thống kê giữa cha và mẹ ($\text{Sig.} = 0.018 < 0.05$). Người mẹ vẫn là người hỗ trợ con cái tri thức trực tiếp nhiều hơn người bố, kết quả này một lần nữa phản ánh vai trò truyền thống của của người phụ nữ trong gia đình Việt Nam từ xưa đến nay, nơi người mẹ vẫn là người có mối quan hệ gắn kết, gần gũi, dành nhiều thời gian cho việc chăm sóc và dạy dỗ con cái nhiều hơn người bố, khẳng định về vấn đề này một phụ huynh chia sẻ: “*Từ nhỏ đến lớn con cái trong gia đình từ việc chăm sóc đến học hành đều một mình tôi chịu trách nhiệm là chính, bây giờ cũng vậy tôi cũng phải nhắc nhở, kèm cặp con cái học hành, mua sắm dụng cụ học tập... đều một tay tôi lo liệu*” (Nữ, 46 tuổi, NVVP, Long Phước) (Xem thêm số liệu bảng 11 phần Phụ lục).

Đối với việc hỗ trợ tri thức trên không gian số, kiểm định cho thấy không có sự khác biệt giữa có ý nghĩa thống kê giữa cha và mẹ ($\text{Sig.} = 0.262 > 0.05$). Phải chăng trong bối cảnh chuyển đổi số, cả cha và mẹ đang cố gắng tham gia và chia sẻ về việc hỗ trợ tri thức số cho con cái trên không gian mạng. Không còn sự phân chia vai trò rõ ràng như trong hoạt động giáo dục

truyền thống, sự thay đổi này được thúc đẩy bởi sự phổ biến của công nghệ số, khiến cả hai giới đều phải thích nghi và học hỏi để hỗ trợ con cái trong bối cảnh hiện tại, một một cha chia sẻ: *“phần lớn những hoạt động liên quan đến giáo dục thì vẫn mẹ chịu trách nhiệm là chính, tuy nhiên khi công nghệ phát triển, những vấn đề liên quan đến máy tính, công nghệ thì mình rành hơn thành ra cũng thường hỗ trợ con cái nhiều hơn về việc này”* (Nam, 42 tuổi, kinh doanh, phường An Khánh). Đây là hiện tượng phổ biến phản ánh xu hướng trong bối cảnh chuyển đổi số, nơi công nghệ làm chủ thì ranh giới về vai trò giữa cha và mẹ cũng mờ đi, thúc đẩy sự tham gia bình đẳng hơn của cha và mẹ trong việc định hình vốn xã hội số cho con cái.

Kiểm định phương sai Anova về sự ảnh hưởng của địa bàn nghiên cứu, độ tuổi cha mẹ, trình độ học vấn, mức sống gia đình với mức độ lựa chọn các nội dung giáo dục tri thức cho con cái hiện nay, kết quả chính thu được (Xem thêm số liệu bảng 12 phần Phụ lục) như sau:

Về địa bàn nghiên cứu: Kết quả Anova cho thấy, địa bàn nghiên cứu có ảnh hưởng đến giáo dục tri thức trực tiếp và giáo dục tri thức số. Cha mẹ ở khu vực đô thị thường có xu hướng hỗ trợ con cái trong học tập tri thức số tốt hơn cha mẹ ở khu vực vùng ven, lý thuyết vốn xã hội và lý thuyết tiếp cận công nghệ đã giải thích tính hợp lý khi ở trung tâm đô thị cha mẹ có điều kiện tiếp cận trường học chất lượng hơn, các chương trình giáo dục phong phú hơn, đa dạng hơn. Chính vì vậy, vốn xã hội của cha mẹ ở đây không chỉ là mối quan hệ mà là nguồn lực thông tin, cơ sở vật chất, là các mối quan hệ xã hội với những người hiểu biết về công nghệ số từ trong gia đình ra ngoài xã hội. Trong khi đó cha mẹ ở nông thôn lại hạn chế về nguồn lực này, thậm chí ngay cả đường truyền internet cũng là một vấn đề cho con cái tiếp cận tri thức số.

Về độ tuổi cha mẹ: Kết quả Anova chỉ ra rằng tuổi của cha mẹ có tác động đáng kể đến cả hỗ trợ tri thức trực tiếp ($F = 3,456$, Sig. = 0,000) và hỗ trợ tri thức số ($F = 0,34$, Sig. = 0,002). Thể hiện xu hướng cha mẹ càng trẻ thì mức độ hỗ trợ càng tích cực và thường xuyên hơn, đặc biệt trong hỗ trợ tri thức số, nhóm 30-39 tuổi là những người chủ động nhất trong việc mua sắm

thiết bị, đăng ký khóa học online và tích cực cùng con tìm hiểu công nghệ. Hầu hết các cha mẹ đều phải chủ động trong việc này “*Không muốn cũng không được, phải cập nhật liên tục xem công nghệ thay đổi thế nào để có thể hỗ trợ con học tập chứ giờ tụi nhỏ học trên mạng nhiều hơn học trực tiếp ở thầy cô nữa*” (Nữ, 39 tuổi, Công chức, Long Phước). Trong khi phụ huynh từ 50 tuổi trở lên xu hướng này có vẻ thấp hơn.

Về trình độ học vấn: Kiểm định Anova chỉ ra rằng trình độ học vấn của cha mẹ tạo ra sự khác biệt có ý nghĩa thống kê đối với cả hỗ trợ tri thức trực tiếp ($F = 2,346$, $\text{Sig.} = 0,002$) và hỗ trợ tri thức số ($F = 0,957$, $\text{Sig.} = 0,001$), khẳng định mối tương quan dương mạnh mẽ giữa học vấn và mức độ hỗ trợ. Trong hỗ trợ tri thức số, cha mẹ có trình độ cao đẳng trở lên thể hiện mức độ hỗ trợ vượt trội. Họ không chỉ có khả năng tài chính tốt hơn mà còn có nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của kỹ năng số, chủ động đầu tư thiết bị và đăng ký các khóa học online chất lượng. Xu hướng này kiểm định mạnh mẽ lý thuyết vốn xã hội (Social Capital Theory) trình độ học vấn của cha mẹ là “*vốn con người*” và “*vốn văn hóa*” dồi dào, giúp họ có khả năng tiếp cận thông tin, nhận thức và tự tin hơn trong việc định hướng con cái trong kỷ nguyên số, đồng thời thúc đẩy sự chấp nhận công nghệ theo lý thuyết tiếp nhận công nghệ (TAM). Ngược lại, cha mẹ có trình độ THCS trở xuống đối mặt với rào cản về kiến thức công nghệ, tài chính và nhận thức, dẫn đến mức độ hỗ trợ tri thức số thấp hơn.

Về mức sống cha mẹ: Kiểm định Anova cho thấy mức sống tạo ra sự khác biệt có ý nghĩa thống kê đối với cả hỗ trợ tri thức trực tiếp ($F = 1,518$, $\text{Sig.} = 0,000$) và hỗ trợ tri thức số ($F = 0,203$, $\text{Sig.} = 0,000$), khẳng định đây là yếu tố quyết định trực tiếp đến khả năng tiếp cận nguồn lực. Xu hướng thực tiễn cũng cho thấy mức sống càng cao thì khả năng hỗ trợ càng toàn diện cho con cái càng lớn. Trong hỗ trợ tri thức trên MXH, cha mẹ khá giả có khả năng vượt trội trong việc mua sắm thiết bị công nghệ hiện đại và đăng ký các khóa học online chất lượng cao. Ngược lại, cha mẹ có mức sống nghèo đói đối mặt với những rào cản gần như không thể vượt qua, thiếu thốn cả thiết bị và khả năng

chi trả cho internet hay các khóa học, Ở đây, ngoài vốn xã hội, vốn kinh tế là yếu tố trực tiếp chuyển hóa thành khả năng mua sắm các tài nguyên công nghệ và giáo dục số. Đồng thời, đây là “*điều kiện thuận lợi*”, chi phối khả năng cha mẹ chấp nhận và ứng dụng công nghệ để hỗ trợ con học tập, góp phần tạo ra bất bình đẳng trong giáo dục tri thức số.

Như vậy, nhóm cha mẹ sống ở đô thị, trong độ tuổi 30-39, có trình độ học vấn cao đẳng trở lên và mức sống khá giả là những người có khả năng và xu hướng cao nhất trong việc cung cấp một sự hỗ trợ giáo dục toàn diện, đặc biệt là trong lĩnh vực tri thức số. Họ được hưởng lợi từ sự kết hợp của vốn xã hội (thông tin, mạng lưới, nhận thức giáo dục từ môi trường đô thị và trình độ học vấn cao) và khả năng tiếp nhận công nghệ (do yếu tố tuổi tác và điều kiện kinh tế cho phép tiếp cận). Ngược lại, các nhóm cha mẹ ở vùng ven, lớn tuổi hơn, có trình độ học vấn thấp hơn và mức sống nghèo hơn thường đối mặt với nhiều rào cản hơn trong việc cung cấp hỗ trợ tri thức, đặc biệt là tri thức số. Điều này tạo ra một “khoảng cách số” và “khoảng cách giáo dục” đáng kể giữa các nhóm, làm nổi bật tầm quan trọng của các giải pháp khuyến nghị nhằm thu hẹp những bất bình đẳng này.

- *Mô hình hồi quy đa biến về các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục tri thức của cha mẹ với con cái từ 11-15 tuổi*

Mô hình hồi quy ở bảng 3.11 đã xác định được một số yếu tố nhân khẩu học của cha mẹ có ảnh hưởng đáng kể đến mức độ “hỗ trợ tri thức trực tiếp” dành cho con cái trong độ tuổi từ 11-15. Các yếu tố cho thấy tác bao gồm giới tính nữ của cha mẹ, trình độ học vấn và mức sống gia đình. Cụ thể, các bà mẹ có xu hướng hỗ trợ tri thức trực tiếp nhiều hơn so với các ông bố, trình độ học vấn của cha mẹ càng cao (từ THPT trở lên, đặc biệt là cao đẳng trở lên) càng liên hệ tích cực với mức độ hỗ trợ trực tiếp mạnh mẽ. Điều này hàm ý rằng nền tảng kiến thức và nhận thức của cha mẹ về tầm quan trọng của giáo dục có vai trò thiết yếu trong việc thúc đẩy sự đồng hành trực tiếp. Tương tự, điều kiện kinh tế gia đình tốt hơn (mức sống trung bình và khá giả) cũng tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và nguồn lực cho việc hỗ trợ này.

Ngược lại, độ tuổi của cha mẹ lại là yếu tố tác động ngược chiều, cha mẹ ở nhóm tuổi lớn hơn (từ 40-49 tuổi và đặc biệt là từ 50 tuổi trở lên) có xu hướng giảm mức độ hỗ trợ tri thức trực tiếp, sự sụt giảm này có thể do sự tự lập của con cái lớn hơn hoặc do khoảng cách thế hệ trong phương pháp giáo dục. Yếu tố khu vực sinh sống (thành thị hay nông thôn) không tạo ra sự khác biệt đáng kể đối với mức độ hỗ trợ trực tiếp về tri thức.

Bảng 3.11. Mô hình hồi quy tuyến tính các yếu tố ảnh hưởng đến “hỗ trợ tri thức trực tiếp” của cha mẹ với trẻ em từ 11-15 tuổi

Biến số	Mô hình (Hệ số beta)	Sai số chuẩn	VIF	Mức độ tác động
Hằng số	0,0224	0,045	-	
Giới tính				
Nam	-	-	1,031	
Nữ	0,13*	0,063	1,023	Bình thường
Địa bàn				
Cần Giờ	-	0,054	1,052	
An Khánh	0,24****	0,050	1,024	Mạnh
Long Phước	0,08*	-	1,042	Bình thường
Trình độ học vấn				
THCS trở xuống	-	-	1,081	-
THPT và trung cấp	0,12*	-	1,072	Bình thường
Cao đẳng trở lên	0,39****	0,065	1,042	Rất mạnh
Độ tuổi				
30-39 tuổi	-	-	1,071	-
40-49 tuổi	-0,12*	0,045	1,012	Bình thường
50 tuổi trở lên	-0,24**	0,054	1,033	Mạnh
Mức sống gia đình				
Nghèo	-	-	1,054	-
Trung bình	0,08*	0,061	1,094	Bình thường
Khá giả	0,12**	0,065	1,051	mạnh
Thông tin: $R^2=0.68$, $Sig=0.000$ ($p < 0.001$); $N=450$, *, **, ****: Ý nghĩa thống kê $\leq 10\%$, $\leq 5\%$, $\leq 1\%$				

Nguồn số liệu khảo sát từ luận án

Đối với mô hình hỗ trợ tri thức trên MXH, mô hình hồi quy ở bảng 3.12 xác định các yếu tố tác động bao gồm trình độ học vấn của cha mẹ, mức sống gia đình. Có nghĩa là trình độ học vấn cao hơn không chỉ giúp cha mẹ hiểu biết hơn về giáo dục truyền thống mà còn giúp họ dễ dàng tiếp cận và làm chủ các công cụ, nền tảng học tập số. Gia đình có mức sống khá giả có điều kiện đầu tư vào các thiết bị công nghệ và kết nối Internet ổn định, tạo nền tảng cho việc hỗ trợ số. Đặc biệt, mức độ thành thạo và thường xuyên tiếp xúc với CNTT của chính cha mẹ là yếu tố dự báo mạnh mẽ nhất cho mức độ hỗ trợ tri thức số. Cha mẹ càng có kinh nghiệm và tự tin với công nghệ, họ càng dễ dàng hướng dẫn con tìm kiếm thông tin, sử dụng phần mềm học tập và quản lý thời gian sử dụng thiết bị hiệu quả. Ngược lại, các yếu tố tác động thấp là độ tuổi của cha mẹ và khu vực sinh sống nông thôn. Cha mẹ ở nhóm tuổi lớn hơn (từ 40-49 tuổi và 50 tuổi trở lên) có xu hướng hỗ trợ tri thức trên MXH thấp hơn, có thể do những rào cản về thích ứng công nghệ mới. Tương tự, cha mẹ ở khu vực nông thôn cũng thể hiện mức độ hỗ trợ số hạn chế hơn, điều này có thể liên quan đến sự thiếu hụt về cơ sở hạ tầng công nghệ và điều kiện tiếp cận Internet so với khu vực thành thị. Giới tính của cha mẹ và mức sống gia đình trung bình không tác động đáng kể với việc hỗ trợ tri thức số.

Bảng 3.12. Mô hình hồi quy tuyến tính các yếu tố ảnh hưởng đến “hỗ trợ tri thức trên MXH” của cha mẹ với trẻ em từ 11-15 tuổi

Biến số	Mô hình (Hệ số beta)	Sai số chuẩn	VIF	Mức độ tác động
Hằng số	0,021	0,049	-	
Giới tính				
Nam	-	-	1,031	
Nữ	0,13*	0,063	1,023	Bình thường
Địa bàn				
Cần Giờ	-	0,051	1,035	
An Khánh	0,26***	0,050	1,012	Mạnh
Long Phước	0,06*	-	1,043	Bình thường

Biến số	Mô hình (Hệ số beta)	Sai số chuẩn	VIF	Mức độ tác động
Trình độ học vấn				
THCS trở xuống	-	-	1,065	-
THPT và trung cấp	0,16*	-	1,061	Bình thường
Cao đẳng trở lên	0,31***	0,062	1,025	Rất mạnh
Độ tuổi				
30-39 tuổi	-	-	1,052	-
40-49 tuổi	-0,12*	0,048	1,031	Bình thường
50 tuổi trở lên	- 0,24**	0,051	1,013	Mạnh
Mức sống gia đình				
Nghèo	-	-	1,044	-
Trung bình	0,07*	0,061	1,072	Bình thường
Khá giả	0,14**	0,063	1,018	mạnh
Thông tin: $R^2=0.68$, $Sig=0.000$ ($p < 0.001$); $N=450$, *, **, ***: Ý nghĩa thống kê $\leq 10\%$, $\leq 5\%$, $\leq 1\%$				

Nguồn: Số liệu khảo sát từ luận án

Như vậy, từ kết quả của kiểm định T-Test, Anova và mô hình hồi quy tuyến tính cho thấy, nhóm cha mẹ ảnh hưởng tới việc hỗ trợ tri thức cho con cái, đặc biệt là hỗ trợ tri thức trên MXH trong giai đoạn hiện nay tại địa bàn nghiên cứu là nhóm cha mẹ lớn tuổi (từ 50 tuổi trở lên). Đây là nhóm đối tượng có khoảng cách thế hệ về công nghệ và thường gặp khó khăn hơn trong việc cập nhật các xu hướng số. Nhóm cha mẹ sống ở khu vực vùng ven, nhóm cha mẹ có trình độ học vấn thấp nhóm này cần được hỗ trợ cả về kiến thức sử dụng công nghệ và tiếp cận hạ tầng số để có thể đồng hành cùng con trong học tập trực tuyến, các nhóm này thường có điểm xuất phát thấp hơn trong việc tiếp cận thông tin và công nghệ, đòi hỏi sự hỗ trợ cơ bản để phát triển năng lực số giúp họ tự tin và hiệu quả hơn trong vai trò là người đồng hành giáo dục con cái trong kỷ nguyên số.

3.4. THỰC TRẠNG VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁO DỤC KỸ NĂNG CHO TRẺ EM TỪ 11-15 TUỔI CỦA CHA MẸ TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

3.4.1. Thực trạng cha mẹ giáo dục kỹ năng cho trẻ em từ 11-15 tuổi trong bối cảnh chuyển đổi số

Tương tự như lập luận ở mục 3.3.1, việc khám phá nhân tố để thu gọn các biến quan sát trong nội dung này. Kết quả chỉ số KMO = 0.850, khá cao; đồng thời, hệ số tương quan giữa các biến lớn hơn 0,3. Điều này, khẳng định các biến quan sát là phù hợp, có thể đại diện cho các nội dung giáo dục kỹ năng và có thể tiến hành phân tích EFA, các biến quan sát được xếp thành 2 nhóm với tên gọi: Giáo dục kỹ năng cơ bản (4 biến) và giáo dục kỹ năng trên MXH (6 biến).

Kết quả từ bảng 3.13 thể hiện mức độ ưu tiên vượt trội từ phía cha mẹ việc giáo dục con cái những kỹ năng cơ bản. (kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng tư duy phản biện...) với điểm trung bình chung là 4.26 và tỷ lệ “*thường xuyên*” ở mức rất cao là 78,5%. Độ lệch chuẩn chỉ 0.86 khẳng định sự đồng thuận cao và tương đối nhất quán trong nhận thức của phụ huynh về tầm quan trọng không thể bàn cãi của nhóm kỹ năng này. Nguyên nhân sâu xa của sự ưu tiên này nằm ở việc các kỹ năng trong nhóm này được nhận thức là nền tảng cốt lõi cho sự phát triển con người và khả năng thích ứng trong mọi bối cảnh. Một phụ huynh khẳng định “*kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm hay tư duy thì đều cần thiết, kiến thức có nhưng thiếu mấy kỹ năng này cũng khó mà thành công nên nó rất quan trọng, sẽ giúp con giải quyết vấn đề, xây dựng các mối quan hệ tốt đẹp*” (Nữ, 45 tuổi, NVVP, phường An Khánh). Hơn nữa, việc giáo dục các kỹ năng này thường có thể được lồng ghép vào các hoạt động hàng ngày của gia đình và chương trình học tập truyền thống, khiến việc thực hiện trở nên tự nhiên và ít đòi hỏi sự can thiệp từ các chương trình chuyên biệt có chi phí cao. Điều này cũng góp phần làm tăng mức độ sẵn lòng của cha mẹ trong việc ưu tiên và đầu tư vào nhóm kỹ năng này

Bảng 3.13. Nội dung cha mẹ giáo dục kỹ năng cho trẻ em từ 11-15 tuổi trong bối cảnh chuyển đổi số

Nội dung giáo dục kỹ năng cho con cái	Trung bình	STD	Thường xuyên* (%)
Nhóm kỹ năng cơ bản Crobach's Alpha = 0,865	4.26	0.84	78.5
Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm	4.28	0.81	79.6
Kỹ năng thuyết trình trước đám đông	4.21	0.88	76,2
Kỹ năng tư duy phản biện	4,22	0.87	76.5
Kỹ năng giải quyết vấn đề	4.32	0.82	81.9
Nhóm kỹ năng sử dụng MXH Crobach's Alpha = 0,756	3.83	1.07	63.6
Kỹ năng nhận diện và phòng tránh rủi ro trên MXH	3.88	0.94	65.5
Kỹ năng quản lý và tìm kiếm thông tin	3.78	1.01	57.9
Kỹ năng sử dụng MXH an toàn	3.89	1.20	61.5
Kỹ năng chọn lọc thông tin hiệu quả	3.78	1.03	68.5
Kỹ năng nhận diện tin giả, tin không chính thống trên MXH	3.86	1.12	64.3
Kỹ năng an toàn và bảo mật thông tin trực tuyến	3.81	1.14	64.3

*Ghi chú: *Tổng tỷ lệ ý kiến đánh giá thường xuyên (mức 4) và rất thường xuyên (mức 5). SDT: Độ lệch chuẩn*

Nguồn: Số liệu khảo sát từ luận án

Ngược lại với giáo dục những kỹ năng cơ bản, việc giáo dục kỹ năng sử dụng MXH cho con cái từ 11-15 tuổi có phần khác biệt cho thấy mức độ ưu tiên thấp hơn đáng kể với điểm trung bình là 3.83 và tỷ lệ “*thường xuyên*” chỉ 63.6%. Đặc biệt, độ lệch chuẩn cao hơn (1.07) chỉ ra sự phân hóa lớn trong nhận thức của phụ huynh, với một bộ phận đáng kể vẫn chưa hoàn toàn chú trọng hoặc gặp khó khăn trong việc giáo dục nhóm kỹ năng này. Sự chênh lệch này có thể được lý giải bởi sự phức tạp, tính mới mẻ và những thách thức đặc thù của môi trường kỹ thuật số. Nguyên nhân chính dẫn đến mức độ ưu tiên thấp hơn là khoảng cách thế hệ số và sự thiếu hụt năng lực số của phụ huynh, một phụ huynh chia sẻ “*tôi có biết sử dụng điện thoại hay máy tính gì đâu, biết mỗi nghe gọi và lướt facebook, nên chẳng biết dạy con cái gì cả*” (Nam, 55 tuổi, lao động tự do, xã Cần Giò)

hay “ở nhà tôi muốn sử dụng hay làm gì trên điện thoại đều phải hỏi con, vì thế nên có biết gì đâu mà chỉ tui nó, chỉ có thể nhắc nhở chung chung chứ biết gì mà hướng cho con cái” (Nữ, 45 tuổi, nội trợ, phường Long Phước). Lập luận này nhấn mạnh sự thiếu tự tin và năng lực của chính cha mẹ trong việc đối phó với thế giới số, khiến họ khó có thể định hướng và giáo dục con một cách hiệu quả.

Thêm vào đó, tốc độ phát triển vũ bão của công nghệ và sự đa dạng của các nền tảng trực tuyến tạo ra một thách thức lớn trong việc cập nhật kiến thức. Các mối đe dọa trên mạng xã hội, như bắt nạt trực tuyến, lừa đảo, hoặc tiếp xúc với nội dung độc hại, luôn thay đổi và trở nên tinh vi hơn, đòi hỏi sự theo dõi và thích nghi liên tục mà nhiều phụ huynh không thể đáp ứng. Một số người còn có quan điểm rằng trẻ em, vốn là “công dân số”, sẽ tự động biết cách điều hướng và bảo vệ bản thân trên mạng, một quan niệm đã được chứng minh là sai lầm bởi các nghiên cứu về an toàn trực tuyến. Bằng chứng khoa học chỉ ra rằng trẻ em và thanh thiếu niên, dù am hiểu công nghệ, vẫn dễ bị tổn thương trước các rủi ro trực tuyến do thiếu kinh nghiệm và khả năng đánh giá hậu quả [110]. Do đó, sự thiếu hụt các chương trình giáo dục kỹ năng số toàn diện và hệ thống từ nhà trường, cùng với nguồn lực hạn chế cho các khóa học bên ngoài, càng làm gia tăng khoảng trống trong việc trang bị cho trẻ nhóm kỹ năng thiết yếu này.

Sự chênh lệch trong mức độ ưu tiên giữa hai nhóm kỹ năng phản ánh một thực tế phức tạp trong giáo dục kỹ năng cho trẻ 11-15 tuổi. Trong khi các kỹ năng giao tiếp, hợp tác và tư duy cơ bản được nhận thức là nền tảng vững chắc và được ưu tiên cao do tính phổ quát và quen thuộc, thì các kỹ năng kỹ thuật số và an toàn thông tin, dù ngày càng quan trọng trong kỷ nguyên số, vẫn đang đối mặt với những rào cản về năng lực của phụ huynh, tốc độ thay đổi của công nghệ và sự thiếu hụt hệ thống giáo dục phù hợp. Để đảm bảo sự phát triển toàn diện cho trẻ, việc thu hẹp khoảng cách trong giáo dục kỹ năng số là một yêu cầu cấp bách, cần sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và các chính sách giáo dục quốc gia.

3.4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến nội dung giáo dục kỹ năng của cha mẹ với trẻ em từ 11-15 tuổi

- *Tương quan giữa nội dung giáo dục kỹ năng cho con cái và các đặc điểm nhân khẩu học.*

Kiểm định T-test đã chỉ ra những sắc thái riêng biệt trong vai trò của cha và mẹ đối với việc giáo dục kỹ năng cho con cái ở độ tuổi 11-15. Đối với kỹ năng cơ bản, kết quả giả định cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa cha và mẹ (Sig. (2-tailed) = 0.396 > 0.05). Điều này phản ánh sự đồng thuận rộng rãi của cả hai giới tính phụ huynh về tính chất nền tảng và phổ quát của các kỹ năng này, vốn được coi là cốt lõi cho sự phát triển nhân cách và khả năng thích ứng trong mọi bối cảnh xã hội, không phân biệt vai trò truyền thống của từng giới.

Tuy nhiên, sự khác biệt trở nên rõ rệt đối với kỹ năng sử dụng MXH. Dữ liệu chỉ ra rằng người mẹ có xu hướng chú trọng giáo dục nhóm kỹ năng này hơn đáng kể so với cha (Sig. (2-tailed) = 0.012 < 0.05; Mean Difference = 0.239). Sự phân hóa này bắt nguồn từ một số yếu tố đặc trưng. Thứ nhất, phụ nữ thường có vai trò chủ động hơn trong việc bảo vệ con cái khỏi các mối nguy hiểm, đặc biệt là trong môi trường trực tuyến phức tạp. Mối lo ngại về bắt nạt trên mạng, thông tin độc hại, hay vấn đề sức khỏe tinh thần liên quan đến việc sử dụng internet có thể thúc đẩy người mẹ tìm hiểu và can thiệp sâu hơn. Thứ hai, mặc dù cả cha và mẹ đều tiếp xúc với công nghệ, nhưng có thể tồn tại những khác biệt về nhận thức rủi ro hoặc cách tiếp cận giáo dục kỹ thuật số. Người mẹ có xu hướng tập trung vào khía cạnh an toàn trong khi người cha có thể chú trọng hơn vào việc khai thác công nghệ cho mục đích phát triển kỹ năng kỹ thuật hoặc giải trí. Tóm lại, mặc dù cả cha và mẹ đều nhận thức giá trị của kỹ năng cơ bản, vai trò và mối bận tâm đặc thù của từng giới tính đã tạo ra sự khác biệt rõ nét trong ưu tiên giáo dục các kỹ năng kỹ thuật số cho con cái (*Xem thêm số liệu bảng 13 phần Phụ lục*).

Kiểm định phương sai Anova cho các biến nhân khẩu học của cha mẹ về địa bàn nghiên cứu, độ tuổi, trình độ học vấn, mức sống, kết quả cho thấy như sau:

Đối với nhóm kỹ năng cơ bản, các yếu tố như Địa bàn (Sig.=0.213), Độ tuổi (Sig.=0.102) và Mức sống (Sig.=0.198) của cha mẹ không có ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến mức độ chú trọng giáo dục nhóm kỹ năng này. Điều này phản ánh rằng, bất kể cha mẹ sống ở đô thị hay nông thôn, thuộc độ tuổi nào, hay có mức sống ra sao, họ đều có nhận thức khá đồng đều về tầm quan trọng của các kỹ năng nền tảng như giao tiếp, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề. Những kỹ năng này được coi là giá trị cốt lõi, mang tính phổ quát, không bị giới hạn bởi các yếu tố kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, Trình độ học vấn của cha mẹ lại có ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến việc giáo dục kỹ năng Cơ bản (Sig.=0.006 < 0.05). Điều này ngụ ý rằng cha mẹ có trình độ học vấn cao hơn có xu hướng chú trọng hoặc có phương pháp hiệu quả hơn trong việc giáo dục các kỹ năng giao tiếp, hợp tác và tư duy cho con. Cha mẹ có trình độ học vấn cao thường có khả năng tiếp cận thông tin giáo dục tốt hơn, nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của các kỹ năng mềm trong xã hội hiện đại và có thể sở hữu chính những kỹ năng đó một cách thành thạo hơn để làm gương và hướng dẫn con.

Đối với nhóm kỹ năng số, cho thấy một bức tranh phức tạp và có nhiều yếu tố nhân khẩu học có ảnh hưởng đáng kể. Yếu tố địa bàn (Sig.=0.137) và mức sống (Sig.=0.081) của cha mẹ chưa thể khẳng định có ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến mức độ chú trọng giáo dục kỹ năng số. Điều này cho thấy rằng, mặc dù có thể có sự khác biệt về khả năng tiếp cận công nghệ, nhưng nhận thức về sự cần thiết của an toàn thông tin và kỹ năng số có thể đã lan rộng hơn, không còn quá phụ thuộc vào khu vực sống hay tình hình kinh tế gia đình. Tuy nhiên, cả độ tuổi (Sig.=0.018) và trình độ học vấn (Sig.=0.007) của cha mẹ đều cho thấy ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến việc giáo dục Kỹ năng số. Có nghĩa là cha mẹ trẻ tuổi hơn thường là những “*công dân số*” (digital natives hoặc early digital immigrants), có sự quen thuộc và am hiểu công nghệ hơn. Họ nhận thức rõ hơn về cả tiềm năng và rủi ro của môi trường số, đồng thời có khả năng cập

nhật các xu hướng và mối đe dọa mới nhanh chóng hơn. Tương tự, Cha mẹ có trình độ học vấn cao thường có khả năng tiếp cận và xử lý thông tin phức tạp tốt hơn, giúp họ nhanh chóng nắm bắt các vấn đề mới liên quan đến an toàn mạng và kỹ năng số. Họ cũng có thể có tư duy cởi mở hơn, sẵn sàng tìm hiểu và chấp nhận những yêu cầu giáo dục mới trong kỷ nguyên số (*Xem thêm số liệu bảng 14 phần Phụ lục*)

Như vậy, sự cần thiết của các kỹ năng cơ bản được cha mẹ nhận thức một cách khá đồng đều qua các yếu tố nhân khẩu học, thì việc giáo dục kỹ năng số lại chịu ảnh hưởng đáng kể bởi độ tuổi và trình độ học vấn của cha mẹ. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nâng cao nhận thức và năng lực số cho các nhóm phụ huynh nhất định, đặc biệt là những người lớn tuổi và có trình độ học vấn thấp hơn, để đảm bảo rằng tất cả trẻ em đều được trang bị đầy đủ hành trang kỹ năng cần thiết trong kỷ nguyên số.

- *Mô hình hồi quy đa biến về các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng của cha mẹ với con cái từ 11-15 tuổi.*

Mô hình hồi quy ở bảng 3.14 giải thích được 63% do ($R^2 = 0.63\%$) phương sai trong giáo dục các kỹ năng cơ bản cho con cái và mô hình tổng thể có ý nghĩa thống kê (Sig. = 0.000). Điều này cho thấy có mối liên hệ nhất định, dù không quá mạnh, giữa các đặc điểm của cha mẹ và mức độ chú trọng kỹ năng cơ bản. Cụ thể, các yếu tố giới tính (Beta = 0.06, Sig. = 0.360), địa bàn (Beta = 0.07, Sig. = 0.178), độ tuổi (Beta = 0.05, Sig. = 0.460) đều không có tác động có ý nghĩa thống kê đến việc giáo dục kỹ năng cơ bản.

Tuy nhiên, trình độ học vấn của cha mẹ lại là yếu tố tác động một cách rất mạnh và có ý nghĩa thống kê (Beta = 0.32). Điều này có nghĩa là, khi trình độ học vấn của cha mẹ tăng lên, mức độ chú trọng và đầu tư vào việc giáo dục kỹ năng cơ bản cho con cũng tăng lên đáng kể, họ nhận thức sâu sắc hơn về tầm quan trọng của các kỹ năng mềm trong bối cảnh xã hội hiện đại, nơi mà thành công không chỉ dựa vào kiến thức học thuật. Họ có khả năng tiếp cận các thông tin, nghiên cứu giáo dục tiên tiến hơn và thường tự sở hữu những kỹ năng này một cách thành thạo, tạo điều kiện

thuận lợi cho việc làm gương và hướng dẫn con. Họ cũng có thể có xu hướng áp dụng các phương pháp giáo dục khoa học, khuyến khích con tham gia vào các hoạt động phát triển tư duy phản biện và giải quyết vấn đề một cách có ý thức.

Bảng 3.14. Mô hình hồi quy tuyến tính về các yếu tố ảnh hưởng đến “mức độ giáo dục kỹ năng cơ bản” cho trẻ em từ 11-15 tuổi

Biến số	Mô hình (Hệ số beta)	Sai số chuẩn	VIF	Mức độ tác động
(Hằng số)	0,0271	0,053	-	
Giới tính				
Nam	-	-	1,021	
Nữ	0,06	0,0631	1,022	Thấp
Địa bàn				
Cần Giờ	-	-	1,051	Thấp
An Khánh	0,17**	0,044	1,052	Mạnh
Long Phước	0,08	0,043	1,043	Bình thường
Trình độ học vấn				
THCS trở xuống	-	-	1,081	-
THPT và trung cấp	0,22**	0,071	1,084	Mạnh
Cao đẳng trở lên	0,32***	0,0643	1,061	Rất mạnh
Độ tuổi				
30-39 tuổi	-	-	1,072	-
40-49 tuổi	0,03	0,045	1,071	Thấp
50 tuổi trở lên	0,05	0,045	1,031	Thấp
Mức sống gia đình				
Nghèo	-	-	1,092	-
Trung bình	0,05	0,065	1,092	Thấp
Khá giả	0,03	0,059	1,081	Thấp
Thông tin: $R^2 = 0.63$, Sig=0.000 ($p < 0.001$); N=450, *, **, ***: Ý nghĩa thống kê $\leq 10\%$, $\leq 5\%$, $\leq 1\%$				

Nguồn: Số liệu khảo sát từ luận án

Tương tự, ở mô hình 3.15 giải thích được 65% sự biến đổi của biến phụ thuộc ($R^2 = 0.65$). Điều này cho thấy các đặc điểm nhân khẩu học có ảnh hưởng mạnh mẽ hơn đến việc giáo dục kỹ năng sử dụng MXH. Các yếu tố tác

động là giới tính người mẹ, trình độ học vấn và mức sống của cha mẹ, cha mẹ có học vấn cao hơn càng chú trọng giáo dục kỹ năng số. Điều này là do họ có khả năng tiếp cận và xử lý thông tin mới tốt hơn, hiểu được tầm quan trọng của việc hiểu biết công nghệ trong kỷ nguyên số, và có thể tự học hỏi để hướng dẫn con. Bên cạnh đó, yếu tố độ tuổi của cha mẹ cũng có tác động tới việc giáo dục con cái sử dụng MXH, cha mẹ càng lớn tuổi thì mức độ chú trọng giáo dục kỹ năng sử dụng MXH càng giảm. Đây là một hệ quả của khoảng cách thế hệ số. Cha mẹ lớn tuổi hơn thường ít quen thuộc với công nghệ mới, có thể cảm thấy khó khăn trong việc cập nhật thông tin về các rủi ro trực tuyến và do đó, ít tự tin hơn trong việc hướng dẫn con.

Bảng 3.15. Mô hình hồi quy tuyến tính về các yếu tố ảnh hưởng đến “mức độ giáo dục kỹ năng sử dụng MXH” cho trẻ em từ 11-15 tuổi

Biến số	Mô hình (Hệ số beta)	Sai số chuẩn	VIF	Mức độ tác động
(Hằng số)	0,0271	0,053	-	
Giới tính				
Nam	-	-	1,023	
Nữ	0.19**	0,0632	1,022	Thấp
Địa bàn				
Cần Giờ	-	-	1,054	Thấp
An Khánh	0,08	0,043	1,052	Mạnh
Long Phước	0.05	0,041	1,047	Bình thường
Trình độ học vấn				
THCS trở xuống	-	-	1,081	-
THPT và trung cấp	0.24**	0,075	1,086	Mạnh
Cao đẳng trở lên	0.36***	0,0645	1,062	Rất mạnh
Độ tuổi				
30-39 tuổi	-	-	1,072	-
40-49 tuổi	-0.15*	0,041	1,076	Thấp
50 tuổi trở lên	-0.23*	0,048	1,032	Thấp
Mức sống gia đình				
Nghèo	-	-	1,092	-
Trung bình	-	0,067	1,091	Thấp
Khá giả	0.12*	0,058	1,084	Thấp
Thông tin: $R^2 = 0.63$, Sig=0.000 ($p < 0.001$); N=450, *, **, ***: Ý nghĩa thống kê $\leq 10\%$, $\leq 5\%$, $\leq 1\%$				

Nguồn: Số liệu khảo sát từ luận án

Như vậy, trong giáo dục con cái những nội dung về kỹ năng, đặc biệt là kỹ năng số cần chú ý tới nhóm cha mẹ có học vấn thấp từ THCS trở xuống, nhóm cha mẹ từ 50 tuổi trở lên. Việc nhận diện các nhóm cần hỗ trợ là chìa khóa để các nhà hoạch định chính sách giáo dục và các tổ chức cộng đồng xây dựng các chương trình can thiệp hiệu quả, phù hợp với từng đặc điểm nhân khẩu học, nhằm nâng cao năng lực giáo dục kỹ năng cho cha mẹ và đảm bảo sự phát triển toàn diện cho thế hệ trẻ trong kỷ nguyên mới.

Tiểu kết chương 3

Kết quả nghiên cứu từ Chương 3 cho thấy, các bậc cha mẹ giáo dục đạo đức; lối sống, tri thức, kỹ năng hiện cho con cái không chỉ bó hẹp trong khuôn khổ những giá trị truyền thống mà mở rộng ra những phẩm chất và kỹ năng phù hợp với bối cảnh xã hội mới, xã hội 4.0.

Đối với giáo dục đạo đức cho trẻ, trong bối cảnh chuyển đổi số, giáo dục đạo đức không còn giới hạn ở các không gian thực tế mà đã mở rộng sang môi trường mạng xã hội (MXH). Kết quả nghiên cứu cho thấy cha mẹ vẫn giữ vững vai trò là chủ thể xã hội hóa quan trọng nhất trong việc truyền thụ các giá trị đạo đức cơ bản như sự trung thực, lòng nhân ái và sự hiếu thảo. Tuy nhiên, đạo đức trên MXH đang có sự phân hóa rõ rệt trong nội dung giáo dục. Thông qua lăng kính Lý thuyết Xã hội hóa, người mẹ vẫn đóng vai trò chủ động và chịu trách nhiệm chính trong việc định hình nhân cách và chuẩn mực đạo đức cho trẻ. Phân tích hồi quy và kiểm định Anova cho thấy các yếu tố nhân khẩu học như trình độ học vấn và địa bàn cư trú tác động mạnh mẽ đến nội dung này. Cụ thể, nhóm cha mẹ trẻ, có học vấn cao tại khu vực trung tâm có xu hướng giáo dục đạo đức số một cách toàn diện hơn. Ngược lại, nhóm cha mẹ ở vùng ven, học vấn thấp đang gặp khó khăn trong việc giáo dục đạo đức cho con trên không gian mạng xã hội, phản ánh sự thiếu hụt về Vốn xã hội số trong việc bảo vệ và định hướng giá trị cho trẻ em từ 11-15 tuổi.

Đối với giáo dục lối sống cho trẻ trong kỷ nguyên số hiện nay là sự giao thoa phức tạp giữa nếp sống truyền thống và các trào lưu hiện đại trên không gian mạng. Cha mẹ tại TP.HCM đang nỗ lực điều chỉnh phương pháp để giúp con hình thành lối sống lành mạnh, cân bằng giữa sinh hoạt thực tế và tương tác ảo. Kết quả thực nghiệm chỉ ra rằng các yếu tố như độ tuổi và trình độ học vấn của cha mẹ là những biến số quyết định: nhóm cha mẹ lớn tuổi thường có xu hướng áp đặt các khuôn mẫu lối sống cũ, trong khi cha mẹ trẻ cởi mở hơn với lối sống số. Vận dụng Lý thuyết Tiếp nhận công nghệ, sự dè dặt hay chấp nhận các hình thức giải trí, giao tiếp trực tuyến của cha mẹ bị chi phối bởi nhận thức về rủi ro và lợi ích. Sự hỗ trợ từ người cha trong giáo dục lối sống đang dần tăng lên, cho thấy xu hướng bình đẳng giới trong gia đình hiện đại, tuy nhiên cần có sự can thiệp đặc biệt để nâng cao năng lực giáo dục lối sống số cho các nhóm yếu thế về nguồn lực văn hóa và kinh tế.

Đối với nội dung giáo dục tri thức hiện nay vẫn ưu tiên các giá trị mang tính truyền thống và củng cố kết quả học tập tại trường. Mặc dù cha mẹ đã nhận thức được tầm quan trọng của tri thức số, nhưng phương thức hỗ trợ còn khá thụ động, chủ yếu dừng lại ở việc nhắc nhở thay vì đồng hành chuyên sâu. Điều này phản ánh một nghịch lý: cha mẹ mong muốn con tiếp cận kho tàng tri thức nhân loại nhưng lại lo ngại những tác động tiêu cực từ công nghệ như nghiện game hay mạng xã hội. Dưới góc độ Lý thuyết Vốn xã hội, trình độ học vấn và mức sống khá giả tạo điều kiện cho cha mẹ cung cấp môi trường giáo dục tri thức toàn diện hơn. Khoảng cách về tri thức giữa cha mẹ và con cái (khoảng cách thế hệ số) đang đặt ra thách thức lớn cho nhóm phụ huynh trên 50 tuổi và có trình độ học vấn từ THCS trở xuống, khiến họ khó lòng dẫn dắt con cái khai thác tri thức một cách hiệu quả trong kỷ nguyên chuyển đổi số.

Đối với giáo dục kỹ năng cho trẻ em từ 11-15 tuổi đang chuyển dịch từ các kỹ năng sinh hoạt cơ bản sang các kỹ năng mềm và kỹ năng sử dụng công nghệ an toàn. Tuy nhiên, nghiên cứu chỉ ra rằng cha mẹ thường thiên về các hoạt động kiểm soát hơn là khuyến khích sự tự chủ, sáng tạo của trẻ trong môi trường số. Sự tác động tổng hợp của các yếu tố nhân khẩu học cho thấy một sự phân hóa sâu sắc: cha mẹ ở khu vực đô thị có mức sống cao thường sở hữu vốn con người và vốn kỹ thuật tốt hơn để hướng dẫn con các kỹ năng số cần thiết. Ngược lại, cha mẹ ở vùng ven gặp nhiều rào cản trong việc cung cấp một lộ trình giáo dục kỹ năng đầy đủ. Kết quả nghiên cứu nhấn mạnh sự cần thiết phải thu hẹp “khoảng cách số” thông qua các chương trình can thiệp cộng đồng, giúp cha mẹ không chỉ là người quản lý mà còn là người đồng hành, hỗ trợ trẻ hình thành bộ kỹ năng của một công dân số toàn diện về “Thể lực, trí lực, tâm lực và kỹ lực”.

Chương 4

PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC TRẺ EM CỦA CHA MẸ TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phương pháp giáo dục con cái của cha mẹ trong gia đình Việt Nam truyền thống là sử dụng quyền uy của chủ thể giáo dục, tức là người đứng đầu gia đình - người cha. Phương pháp giáo dục là phải tuân theo, phải chấp hành, cha bảo sao con nghe vậy, không được phép phân tích đúng sai hay tranh luận. Để đảm bảo uy quyền đó được thi hành trong thực tế, gia đình Việt Nam truyền thống có một cơ chế kiểm soát khá chặt chẽ từ gia đình đến họ hàng thân tộc, đến dư luận xã hội và trong làng xã kèm theo đó là những hình thức xử phạt. Tuy nhiên, trong xã hội hiện đại, phương pháp giáo dục con cái đã có những thay đổi theo hướng phù hợp hơn trên cơ sở vừa kết hợp phương pháp truyền thống và phương pháp hiện đại phù hợp hơn với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế hiện nay. Trong nội dung chương này, Luận án tập trung tìm hiểu một số quan điểm trong hành vi ứng xử với con cái khi làm được việc tốt hoặc mắc lỗi, một số phương pháp cha mẹ sử dụng để giáo dục con cái trong độ tuổi 11-15 như: phương pháp áp đặt ép buộc, đồng hành chia sẻ, làm gương chia sẻ tâm sự, làm gương và tiềm hiểu một số các yếu tố ảnh hưởng tới việc thực hiện các phương pháp giáo dục con cái. Đây cũng là cơ sở khách quan giúp cho việc tổng hợp, từ đó rút ra các kết luận khái quát ở phần tiếp theo.

4.1. THỰC TRẠNG VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG CÁC PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC CỦA CHA MẸ VỚI TRẺ EM TỪ 11-15 TUỔI

4.1.1. Thực trạng cha mẹ sử dụng các phương pháp giáo dục với trẻ em từ 11-15 tuổi trong bối cảnh chuyển đổi số

Nhìn vào bảng số liệu 4.1 cho thấy, cha mẹ trong địa bàn nghiên cứu vẫn đang sử dụng những phương pháp giáo dục như “*áp đặt con cái*”, trong

sử dụng MXH thì “*kiểm soát thời gian và nội dung sử dụng internet*” và “*thiết lập những quy tắc trong sử dụng công nghệ*”. Bên cạnh đó, cha mẹ còn sử dụng thêm các phương pháp mang tính chất chia sẻ, đồng hành như: “*tâm sự cùng con*”; “*thảo luận các quy tắc sử dụng internet*” hay “*trò chuyện đồng hành cùng con*”. Mặt khác cha mẹ còn sử dụng các phương pháp “*làm gương trong cuộc sống và làm gương cả việc sử dụng công nghệ*”.

**Bảng 4.1. Một số phương pháp
giáo dục trẻ em từ 11-15 tuổi của cha mẹ**

Phương pháp giáo dục con cái	Trung bình	STD	Quan trọng * (%)
Áp đặt con cái	4.12	0.87	74.6
Kiểm soát thời gian và nội dung sử dụng mạng xã hội của con cái	4.31	0.83	83,4
Sử dụng Camera để giám sát con cái	4,02	0.92	65,6
Thiết lập quy tắc rõ ràng trong sử dụng internet	4.18	0.82	82.8
Chia sẻ tâm sự cùng con	3.62	1.12	63.7
Cùng con thảo luận về quy tắc ứng xử trên mạng xã hội	3.75	1,15	69.3
Tham khảo các hội, nhóm về nuôi dạy con cái trên mạng xã hội	3.41	1.15	58.8
Trò chuyện cởi mở và đồng hành cùng với con cái trong học tập và giải trí	3.78	1.05	61.5
Cho con trải nghiệm thực tế, học qua trực quan	3.55	1.05	64.5
Cho con tham gia các hoạt động cộng đồng để nâng cao các kỹ năng cần thiết	3.65	1.07	65.5
Khuyến khích con cái trải nghiệm và khám phá tri thức và kỹ năng trên không gian MXH	3.55	1.15	64.5
Làm gương trong hành vi ứng xử	3.62	0.88	68.9
Làm gương trong sử dụng công nghệ	3.71	0.92	49.3

Ghi chú: *Tổng tỷ lệ ý kiến đánh giá quan trọng (mức 4) và rất quan trọng (mức 5); STD: Độ lệch chuẩn

Nguồn: Số liệu khảo sát từ luận án

Chia sẻ điều này, một số ý kiến của phụ huynh cho thấy: *“hễ không học bài là con bé nhà tôi nó dán mắt vào điện thoại, thậm chí vừa học lại vừa bấm điện thoại nhắn tin, nói chuyện và lướt youtube. Vì vậy mà tôi phải quy định giờ giấc được cầm điện thoại chứ không là nó ôm cả ngày”* (Nữ, 45 tuổi, Nội trợ, phường An Khánh). Một ý kiến khác cũng tương tự *“Hai vợ chồng đi làm cả ngày, có hôm phải tăng ca rồi đi họp các kiểu nên không có thời gian giám sát nhất là trong dịp hè tụi nó nghỉ cả 3 tháng. Chính vì vậy mà tui tui phải giám sát bằng camera hoặc phải quy định giờ giấc sử dụng chứ không nghiệm điện thoại mất cô ạ”* (Nữ, 47 tuổi, nhân viên văn phòng, phường Long Phước). Kết quả này phản ánh một xu hướng thể hiện quan điểm khá truyền thống về kỷ luật con cái vốn có trong xã hội truyền thống là nghiêm khắc và áp đặt từ trong các hành vi ứng xử của thế giới thực và bây giờ kể cả trong không gian mạng, thế giới số và công nghệ.

Bên cạnh việc sử dụng phương pháp mang tính chất nghiêm khắc, một tỷ lệ lớn phụ huynh trong bảng 4.1 cũng cho thấy việc chia sẻ, tâm sự cùng con cái mang một ý nghĩa quan trọng trong giáo dục trẻ em hiện nay, đặc biệt là độ tuổi 11-15 tuổi *“phải làm bạn cùng con, chia sẻ cùng con thì mới thấu hiểu được tâm lý của nó. Khi mình hiểu được nó thì có chuyện gì con cũng sẵn sàng chia sẻ với mình”* (nữ, 41 tuổi, Phường Long Phước). Tuy nhiên, nhiều người hiểu được điều này, nhưng không phải ai cũng làm được điều này vì nhiều nguyên nhân: *“Công việc quá bận nên thật ra không thể sát sao con cái, chia sẻ với nó nhiều được, thời gian về nhà còn phải cố gắng làm việc nhà, đôi khi xong việc chỉ muốn ngả lưng nghỉ ngơi một chút”* (Nữ, 42 tuổi, nhân viên văn phòng, phường An Khánh).

Đối với phương pháp làm gương đặc biệt là làm gương trong sử dụng công nghệ, mức độ quan trọng khá thấp (49,3%). Thực tế cho thấy, việc cha mẹ thường xuyên sử dụng điện thoại, máy tính bảng cho công việc và giải trí là hành vi ảnh hưởng trực tiếp đến nhận thức của con cái những cha mẹ lại ít

khi để ý thậm chí là ngang nhiên sử dụng điện thoại mọi lúc, mọi nơi. Một phụ huynh chia sẻ *“công việc mình chủ yếu là xử lý trên máy tính và điện thoại nên hầu như hai vật đó là bất li thân luôn, giờ nói về nhà bỏ điện thoại xuống cũng không thể vì phải xử lý công việc.”* (Nam, 43 tuổi, NVVP, xã Cần Giò). Tuy nhiên, cũng có ý kiến thừa nhận rằng bản thân cũng là người nghiện điện thoại và dùng mọi lúc mọi nơi, thiếu điện thoại là buồn và cũng chưa bao giờ nghĩ phải làm gương cho con trong việc sử dụng các thiết bị công nghệ. Điều này để thấy rằng, cha mẹ chưa thật sự quan tâm tới hành vi làm gương trong việc sử dụng các thiết bị công nghệ trong bối cảnh hiện nay.

Bên cạnh đó, cũng có những ý kiến chia sẻ *“Không biết dùng phương pháp nào cho hợp lý, áp đặt không được, chia sẻ thì tui nó cho mình lắm lời, làm gương thì không có thời gian, nên nhiều khi tui kệ luôn, phần thì không có thời gian, phần thì không hiểu được tui nhỏ”* (Nam, 48 tuổi, kinh doanh, phường An Phú). Đây cũng đang là vấn đề không ít gia đình ở Việt Nam đang phải đối diện. Trong nghiên cứu Gia đình học của nhóm tác giả Đặng Cảnh Khanh và Lê Thị Quý đã nói về những lúng túng, khó khăn trong giáo dục con cái khi những pháp giáo dục mới chưa được định hình rõ ràng mà phương pháp giáo dục của gia đình Việt Nam truyền thống lại không còn phù hợp. Quá trình đô thị hoá, hiện đại hoá và chuyển đổi số ngày càng nhanh và mạnh như hiện nay đã làm cho nhiều gia đình mất hút hẫng, mất phương hướng đã có những phản ứng khác nhau xoay quanh vấn đề giáo dục gia đình [36, tr.284].

Những dữ liệu trên đây cho chúng ta thấy rằng, mặc dù thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế - xã hội lớn nhất cả nước, đi đầu trong chuyển đổi số ở hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội, có những gia đình họ nhận thức được và hiểu được tâm lý của trẻ để áp dụng những phương pháp phù hợp, nhưng có những gia đình không nhận thức được sự thay đổi và thậm chí không lường hết được hết những mối nguy hại từ không gian số cho độ tuổi

của con mình dẫn đến vẫn chưa có những phương pháp phù hợp. Sự bận rộn trong công việc, áp lực kinh tế tạo ra hoặc đơn giản là khoảng cách thế hệ, sự biến đổi quá nhanh của khoa học công nghệ cũng có thể là những rào cản khiến cha mẹ khó thực hiện các phương pháp này một cách nhất quán và sâu rộng. Có thể họ vẫn nhận thức được tầm quan trọng của việc chia sẻ và đồng hành cùng con trong độ tuổi này là quan trọng nhưng việc để biến nhận thức thành hành động đôi khi vẫn là một thách thức.

Như vậy, có thể thấy xu hướng cha mẹ tại địa bàn nghiên cứu vẫn đang sử dụng phương pháp theo hướng kiểm soát con cái trong môi trường số môi trường số chứ chưa thực sự chủ động chuyển mình sang vai trò “*người đồng hành và làm gương*” cho con cái trong quá trình tiếp cận và sử dụng mạng xã hội. Để có kết quả cao nhất cho quá trình xã hội hoá trẻ em từ 11-15 tuổi trong kỷ nguyên số hoá cần có các giải pháp nâng cao vốn xã hội số cho các bậc cha mẹ. Khuyến khích họ không chỉ áp đặt và còn phải tích cực tham gia vào các cộng đồng xã hội, cộng đồng nuôi dạy con cái, học cách làm gương về sử dụng công nghệ trách nhiệm và tăng cường chia sẻ, đồng hành cởi mở cùng con cái để bên cạnh việc kiểm soát còn có thể định hướng, đồng hành và trang bị cho con những kỹ năng cần thiết, giúp con cái trở thành những công dân số có đạo đức, lối sống, tri thức, kỹ năng cần thiết thích ứng với xã hội hiện đại.

4.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng các phương pháp giáo dục của cha mẹ với trẻ em từ 11-15 tuổi

- *Tương quan giữa các đặc điểm nhân khẩu học của cha mẹ với phương pháp giáo dục con cái hiện nay.*

Để khám phá các cấu trúc tiềm ẩn trong dữ liệu về một số phương pháp của cha mẹ giáo dục con cái từ 11-15 tuổi hiện nay, chúng tôi đã tiến hành Phân tích Yếu tố Khám phá (EFA). Trước tiên, mức độ phù hợp của dữ liệu được đánh giá thông qua các tiêu chí quan trọng. Chỉ số Kaiser-Meyer-

Olkin (KMO) đo lường sự phù hợp của các biến để hình thành yếu tố và kiểm định Bartlett đánh giá mối tương quan giữa các biến. Kết quả cho thấy chỉ số KMO đạt 0.865 một giá trị rất tốt, đồng thời hệ số tương quan giữa các biến đều lớn hơn 0.3. Điều này xác nhận rằng các biến quan sát đủ phù hợp và có tương quan để đại diện cho một cấu trúc, cho phép tiếp tục phân tích EFA.

Trong quá trình phân tích EFA, chúng tôi sử dụng phương pháp trích PCA (Principal Component Analysis) và phép xoay Varimax. Các yếu tố được trích giữ lại phải có giá trị Eigen lớn hơn 1, và các biến quan sát phải có hệ số tải (factor loading) từ 0.50 trở lên trên yếu tố đó. Kết quả phân tích 14 biến được nhóm thành 3 yếu tố. Ba yếu tố này cùng nhau giải thích được 68.2% tổng phương sai của dữ liệu ban đầu, hoàn toàn đáp ứng yêu cầu về mức độ giải thích. Các yếu tố được đặt tên dựa trên nội dung của các biến thành phần: Phương pháp áp đặt (4 biến); phương pháp đồng hành, chia sẻ (8 biến); phương pháp làm gương (2 biến).

Mối quan hệ giữa các đặc điểm nhân khẩu học của cha mẹ và việc lựa chọn phương pháp giáo dục cho con cái từ 11-15 tuổi trong bối cảnh hiện nay được phân tích thông qua kiểm định T-Test và Anova, kết quả cho thấy.

Về giới tính, kiểm định T-Test thấy rằng với phương pháp áp đặt, giá trị Sig. (2-tailed) = 0.004 < 0.05 có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ sử dụng phương pháp áp đặt của cha và mẹ. Người cha có xu hướng sử dụng phương pháp áp đặt đáng kể hơn so với người mẹ. Điều này đã được nhiều nhà nghiên cứu trước đây đưa ra, xu hướng giáo dục con cái của các bà mẹ thường nhẹ nhàng, nuông chiều hơn các ông bố, trong khi các ông bố thường nghiêm khắc với con cái, có thể do ảnh hưởng của phong cách giáo dục truyền thống ở một số gia đình và ngay chính bản thân người bố đã được áp dụng bởi chính cha mẹ mình. Chính vì vậy, mặc dù ít xuất hiện trong giáo dục con cái nhưng người bố vẫn tỏ rõ được uy quyền của mình trong giáo dục con

cái. Đối với phương pháp “*đồng hành, chia sẻ*” với giá trị Sig. (2-tailed) = 0.00 < 0.05 cũng khẳng định có sự khác biệt giữa cha và mẹ trong sử dụng phương pháp này. Dựa vào giá trị trung bình mean thấy rằng, người mẹ sử dụng phương pháp này cao hơn so với người cha. Bên cạnh đó, với phương pháp làm gương, giá trị Sig.(2-tailed) = 0.235 > 0.05 cho thấy không có sự khác biệt về việc sử dụng phương pháp này giữa cha và mẹ, điều này có nghĩa là trong việc sử dụng các phương pháp làm gương cha và mẹ có mức độ tương đồng nhau (*Xem thêm số liệu bảng 9 phần Phụ lục*).

Kiểm định Anova về sự khác biệt giữa các đặc điểm như độ tuổi, trình độ học vấn, mức sống và địa bàn nghiên cứu, kết quả như sau:

Về địa bàn nghiên cứu, phân tích Anova cho thấy nơi ở của cha mẹ có tác động đáng kể tới việc sử dụng phương pháp áp đặt con cái ($F=7.705$, $p<0.001$), trong khi không có ảnh hưởng thống kê rõ rệt đối với “*phương pháp chia sẻ - đồng hành*” ($F=1.401$, $p=0.125$) và “*phương pháp làm gương*” ($F=3.226$, $p=0.102$). Cụ thể, ở khu vực xã Cần Giờ cha mẹ sử dụng phương pháp áp đặt nhiều hơn khu vực trung tâm phường An Khánh và phường Long Phước. Nguyên nhân có thể do nông thôn và vùng ven, quá trình xã hội hóa thường chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các giá trị truyền thống và cấu trúc xã hội mang tính thứ bậc. Các chuẩn mực và tri thức thường được truyền tải một chiều từ thế hệ trước sang thế hệ sau hoặc từ người có thẩm quyền xuống. Ngược lại, ở khu vực trung tâm đô thị môi trường xã hội hóa đa dạng và tiếp xúc với nhiều luồng tư tưởng hiện đại, giáo dục tiến bộ hơn, khuyến khích sự tự chủ, đối thoại và phản biện do đó xu hướng áp dụng phương pháp áp đặt có thể giảm đi. Tuy nhiên, với phương pháp “*đồng hành chia sẻ*” và “*làm gương*” lại không có sự khác biệt, một phụ huynh ở Cần Giờ chia sẻ “*trò chuyện, lắng nghe, sát sao con cái hay làm gương thì cha mẹ nào cũng phải làm nếu muốn con mình tốt và tử tế lên*” (Nữ, 50 tuổi, nội trợ, Cần Giờ). Điều này cho thấy tầm quan trọng của việc truyền đạt giá trị thông qua sự

tương tác và hành vi mẫu mực vượt ra ngoài giới hạn địa lý, phản ánh nhận thức chung về tầm quan trọng của việc xây dựng và duy trì các mối quan hệ xã hội lành mạnh.

Về độ tuổi cha mẹ, kết quả kiểm định phương sai Anova cho thấy độ tuổi của cha mẹ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trong sử dụng phương pháp “*đồng hành, chia sẻ*” và “*làm gương*”. Độ tuổi cha mẹ càng trẻ sử dụng “*đồng hành chia sẻ*” càng nhiều, một phần cha mẹ trẻ lớn lên trong một môi trường phát triển và cởi mở hơn, được tiếp cận nhiều phương pháp giáo dục hiện đại. họ có xu hướng khuyến khích con cái sự tự chủ và phát triển các kỹ năng cần thiết: “*tôi luôn cố gắng hỏi han và quan tâm con cái, muốn con xem mình như một người bạn để chia sẻ đồng hành cùng với con trong cuộc sống*” (Nữ, 38 tuổi, giảng viên, An Khánh) hay “*Làm gương cho con cũng quan trọng, đặc biệt cái tuổi ảm ương, nói chưa xong đã cãi như này, mình không làm gương nó lại bảo ba mẹ có làm đâu mà kêu con làm thì cũng mệt. Thành ra, trong cuộc sống, trong ứng xử cha mẹ tôi đều phải để ý kỹ lắm*” (Nữ, 43 tuổi, phường An Phú).

Tuy nhiên, đối với phương pháp “*áp đặt*” thì không có sự khác biệt đáng kể theo độ tuổi, đây có thể là một phương pháp mang tính công cụ, được sử dụng khi cần thiết mà không cần liên quan đến yếu tố thể hệ. Điều này cũng phản ánh một phần của tiếp cận công nghệ trong bối cảnh rộng hơn: mặc dù thế hệ trẻ có xu hướng tiếp cận thông tin đa chiều hơn, nhưng các tình huống xã hội và vai trò cụ thể vẫn có thể đòi hỏi các phương pháp truyền thống trong giáo dục con cái.

Về trình độ học vấn, trình độ học vấn của cha mẹ càng cao mức độ sử dụng các phương pháp “*đồng hành, chia sẻ*” và “*làm gương*” càng nhiều. Họ có kiến thức và kỹ năng để tạo ra môi trường đối thoại cởi mở và khuyến khích tư duy phản biện ở con cái. Họ nhận thức rõ ràng hơn về vai trò của cha mẹ như một “*tấm gương*” thông qua hành vi ứng xử, lời nói, đạo đức, lối

sống. Tương tự, “*phương pháp áp đặt*” lại không có sự khác biệt độ tuổi của cha mẹ, vì lứa tuổi nào trong một số trường hợp cụ thể việc áp đặt thường được cha mẹ sử dụng, không phụ thuộc vào trình độ của bố mẹ, cha mẹ có học vấn cao đến đâu vẫn có thể áp dụng phương pháp áp đặt trong những tình huống yêu cầu sự kỷ luật, an toàn, hoặc khi có ít thời gian để giải thích. Điều này gợi ý rằng sự “áp đặt” có thể xuất phát từ vai trò, kinh nghiệm, hoặc yêu cầu của tình huống, hơn là từ trình độ học vấn.

Về mức sống gia đình, những gia đình có mức sống nghèo thường sử dụng phương pháp “*áp đặt*” nhiều hơn so với nhóm khá giả và trung bình với lý do là “*con cái phải nghiêm khắc, nghiêm khắc để con học hành đến nơi đến chốn, để biết tôn ti trật tự chứ không là hư hết*” (Nam, 50 tuổi, lao động tự do, xã Cần Giờ). Trong khi “*phương pháp chia sẻ - đồng hành*” và “*phương pháp làm gương*”, các gia đình có mức sống “*khá giả*” hơn thường có điều kiện thuận lợi hơn trong việc đầu tư vào giáo dục toàn diện cho con cái, không chỉ về kiến thức mà còn về kỹ năng mềm, khả năng tương tác và đạo đức. Họ có thể có nhiều thời gian hơn để trò chuyện, lắng nghe con cái, và cùng con thực hiện các hoạt động, từ đó tăng cường “*phương pháp chia sẻ - đồng hành*” (Xem thêm số liệu bảng 10 phần Phụ lục).

Kiểm định T-test và Anova đã cung cấp bằng chứng thống kê quan trọng về sự ảnh hưởng đa dạng của các đặc điểm nhân khẩu học của cha mẹ đến phương pháp giáo dục con cái trong độ tuổi 11-15. Trong khi phương pháp “*áp đặt*” có thể bị chi phối bởi địa bàn và mức sống, phản ánh các yếu tố văn hóa, kinh tế và áp lực cuộc sống, thì “*phương pháp chia sẻ - đồng hành*” và “*làm gương*” lại chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của tuổi tác, trình độ học vấn và mức sống, phản ánh sự phát triển tư duy giáo dục, sự tiếp cận thông tin, và khả năng đầu tư vào việc xây dựng mối quan hệ chất lượng. Những phát hiện này không chỉ cung cấp cái nhìn sâu sắc về hành vi giáo dục của cha mẹ mà

còn nhấn mạnh vai trò của các yếu tố xã hội và cá nhân trong việc định hình sự phát triển của trẻ vị thành niên.

- *Mô hình hồi quy về các yếu tố ảnh hưởng đến phương pháp giáo dục của cha mẹ với trẻ em từ 11-15 tuổi.*

Căn cứ vào bảng 4.2 mô hình hồi quy tuyến tính các yếu tố như địa bàn, mức sống ảnh hưởng đến “phương pháp áp đặt” của cha mẹ. Điều ngạc nhiên là các địa bàn trung tâm thành phố như An Khánh, Long Phước và có mức sống khá giả lại sử dụng phương pháp áp đặt nhiều nhất. Khi tìm hiểu nguyên nhân của vấn đề này một số ý kiến của phụ huynh cho biết “Giờ học hành, thi cử khó lắm, với các bé toàn học các trường top đầu của thành phố, vì vậy phải nghiêm khắc, phải kiểm soát chứ không sao nhãng học hành sau này là thi cử không như mong muốn” (nữ, 39 tuổi, công chức, An Khánh). Bên cạnh đó, cũng có những lý do như “hai bé nhà tôi sử dụng điện thoại quá nhiều, chính vì thế mà tôi cũng phải nghiêm khắc, tôi phải kiểm soát thời gian và cả nội dung chúng tiếp cận chứ không là dễ bị lừa và ảnh hưởng xấu từ MXH” (Nữ, 39 tuổi, NVVP, phường An Khánh). Điều này khác với kết quả của Anova là khu vực vùng ven thì thường sử dụng phương pháp áp đặt nhiều hơn nhưng thực tế thì ở những khu đô thị phát triển, dưới áp lực cuộc sống và mong muốn con thành công nên cha mẹ có điều kiện thường hay áp đặt con cái nhiều hơn các nhóm khác. Các yếu tố về giới tính, trình độ học vấn, độ tuổi có tác động không đáng kể. Có thể, dù cha mẹ có học vấn cao hay thấp, trẻ hay già, thì với con cái vẫn cần có sự nghiêm khắc nhất định, vẫn phải áp đặt con cái đặc biệt là trong sử dụng các thiết bị công nghệ.. Điều này cho thấy sự đồng nhất trong phản ứng trước những lo ngại chung về công nghệ thay vì sự khác biệt dựa trên các đặc điểm cá nhân.

Bảng 4.2. Mô hình hồi quy tuyến tính các yếu tố ảnh hưởng đến phương pháp “áp đặt” của cha mẹ cho trẻ em từ 11-15 tuổi

Biến số	Mô hình (Hệ số beta)	Sai số chuẩn	VIF	Mức độ tác động
Hằng số	0.281	0.052		
Giới tính				
Nam	-	-	1,021	
Nữ	0.06	0,059	1,023	
Địa bàn				
An Khánh	0,25**	-	1,057	Mạnh
Long Phước	0.16*	0,0452	1,054	Bình thường
Cần Giờ	-	-	1,045	-
Trình độ học vấn				
THCS trở xuống	-	-	1,087	-
THPT và trung cấp	0.2	0,069	1,082	Thấp
Cao đẳng trở lên	0.05	0,067	1,061	Thấp
Độ tuổi				
30-39 tuổi	-	-	1,074	-
40-49 tuổi	-0.08*	0,049	1,076	Thấp
50 trở lên	-0.14	0,056	1,038	Thấp
Mức sống gia đình				
Nghèo	-	-	1,093	-
Trung bình	0,19**	0,065	1,092	Mạnh
Khá giả	0.26***	0,062	1,083	Rất mạnh
Thông tin: $R^2=0.72$, $Sig=0.000$ ($p < 0.001$); $N=450$, *, **, ***: Ý nghĩa thống kê $\leq 10\%$, $\leq 5\%$, $\leq 1\%$				

Nguồn: Số liệu khảo sát từ luận án

Trong mô hình 4.3, trong việc sử dụng phương pháp đồng hành, chia sẻ cùng con cái trong bối cảnh chuyển đổi số, cha mẹ trình độ học vấn càng cao, việc sử dụng các phương pháp “*đồng hành- chia sẻ*” với con cái càng nhiều. Vấn đề này khi học vấn của cha mẹ cao giúp cho họ tiếp cận và thấu hiểu các phương pháp giáo dục hiện đại, đề cao sự tương tác, lắng nghe và tôn trọng con cái. Đặc biệt, trong không gian số việc đồng hành cùng con là cách hiệu quả để định hướng và bảo vệ con cái trong độ tuổi dậy thì.

Độ tuổi của cha mẹ cũng có tác động đáng kể, cha mẹ tuổi càng cao thì càng ít sử dụng các phương pháp “*đồng hành, chia sẻ*” so với nhóm tuổi trẻ hơn, xu hướng ít chia sẻ với con cái có thể do thiếu kỹ năng, họ cảm thấy khó khăn trong việc có thể hiểu được con cái trong độ tuổi 11-15 tuổi hoặc có thói quen giáo dục truyền thống ít đối thoại cởi mở, khoảng cách số cũng là một lý do khiến cho cha mẹ không tự tin để có thể chia sẻ hoặc đồng hành cùng con cái, Lý do này được một phụ huynh bộc bạch: “*Mạng xã hội nó còn rành hơn tui, cái gì không biết đều phải hỏi con cái chứ mình có biết gì để mà trò chuyện hay chia sẻ với nó đâu*” (Nữ 52 tuổi, nội trợ, phường An Khánh). Lý thuyết vốn xã hội (vốn xã hội số) giải thích cho vấn đề này, sự thiếu hụt về vốn số trong việc tương tác trên nền tảng số có thể khiến họ ngại sử dụng các phương pháp này với con cái. Chính vì vậy, cần nâng cao kỹ năng và nhận thức về tầm quan trọng của việc đồng hành cùng con trong bối cảnh số cho nhóm cha mẹ có trình độ học vấn thấp và độ tuổi cao là cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

Bảng 4.3. Mô hình hồi quy tuyến tính các yếu tố ảnh hưởng đến phương pháp “đồng hành, chia sẻ” của cha mẹ cho trẻ em từ 11-15 tuổi

Biến số	Mô hình (Hệ số beta)	Hệ số Sig.	VIF	Mức độ tác động
(Hằng số)	0,0281	0,052	-	
Giới tính				
Nam	-	-	1,025	
Nữ	0,16*	0,061	1,026	Bình thường
Địa bàn				
Cần Giờ	-	-	1,058	Thấp
An Khánh	0,07	0,046	1,055	Thấp
Long Phước	0,02	0,055	1,043	-
Trình độ học vấn				
THCS trở xuống	-	-	1,089	-
THPT và trung cấp	0,27**	0,071	1,081	Mạnh
Cao đẳng trở lên	0,39***	0,062	1,062	Rất mạnh
Độ tuổi				
30-39 tuổi	-	-	1,075	-
40-49 tuổi	0,19*	0,043	1,077	Mạnh
50 tuổi trở lên	- 0,24***	0,056	1,034	Thấp
Mức sống gia đình				
Nghèo	-	-	1,098	-
Trung bình	0,16*	0,062	1,093	Bình thường
Khá giả	0,21**	0,065	1,082	Mạnh
Thông tin: $R^2=0.65$, $Sig=0.000$ ($p < 0.001$); $N=450$, *, **, ***: Ý nghĩa thống kê $\leq 10\%$, $\leq 5\%$, $\leq 1\%$				

Nguồn: Số liệu khảo sát từ luận án

Tương tự, ở mô hình 4.4 về mô hình hồi quy tuyến tính các yếu tố ảnh hưởng đến phương pháp “làm gương” là độ tuổi. Dữ liệu cho thấy,

cha mẹ lớn tuổi với kinh nghiệm sống phong phú và sự trưởng thành về nhận thức giúp họ hiểu rằng cần phải “làm gương” cho con cháu. Họ ý thức hơn về vai trò là hình mẫu không chỉ trong cuộc sống hàng ngày và còn trong việc sử dụng các thiết bị công nghệ. Một người mẹ làm giáo viên chia sẻ “*Trẻ con thường làm theo những gì chúng thấy hơn là những gì chúng nghe, vì vậy, nhà tôi có nguyên tắc khi về nhà hạn chế tối đa các thiết bị công nghệ trừ khi làm việc hoặc phải xử lý gấp. Đặc biệt là khi ăn cơm thì cả nhà không xem ti vi hay điện thoại mà dành thời gian để nói chuyện vui vẻ*” (Nữ, 43 tuổi, giáo viên, phường Long Phước). Bên cạnh đó, người mẹ cũng thường có xu hướng làm gương tốt hơn người cha trong quản lý thói quen sử dụng công nghệ của bản thân việc làm gương là một giá trị giáo dục phổ quát, không bị giới hạn bởi địa bàn sinh sống. Dù ở đô thị hay nông thôn, cha mẹ đều nhận thức được tầm quan trọng của việc trở thành hình mẫu cho con cái. Điều này thể hiện sự đồng điệu trong nhận thức về trách nhiệm xã hội của người làm cha mẹ trong việc định hình nhân cách và hành vi của con cái.

Bảng 4.4. Mô hình hồi quy tuyến tính các yếu tố ảnh hưởng đến phương pháp “làm gương” của cha mẹ cho trẻ em từ 11-15 tuổi

Biến số	Mô hình (Hệ số beta)	Hệ số Sig.	VIF	Mức độ tác động
		0,049	-	
Giới tính				
Nam	-	-	1,023	
Nữ	0.07	0,060	1,021	
Địa bàn				
An Khánh	0,28**	-	1,054	Mạnh
Long Phước	0.17*	0,046	1,058	Bình thường
Cần Giờ	-	0,059	1,042	-

Biến số	Mô hình (Hệ số beta)	Hệ số Sig.	VIF	Mức độ tác động
Trình độ học vấn				
THCS trở xuống	-	-	1,085	-
THPT và trung cấp	0.28**	0,073	1,089	Mạnh
Cao đẳng trở lên	0.38***	0,065	1,061	Rất mạnh
Độ tuổi				
30-39 tuổi	-	-	1,074	-
40-49 tuổi	-0.18*	0,0422	1,075	Thấp
50 trở lên	-0.23**	0,058	1,039	Bình thường
Mức sống gia đình				
Nghèo	-	-	1,089	-
Trung bình	0,18**	0,062	1,092	Bình thường
Khá giả	0.22***	0,069	1,079	Mạnh
Thông tin: $R^2=0.70$, $Sig=0.000$ ($p < 0.001$); $N=450$, *, **, ***: Ý nghĩa thống kê $\leq 10\%$, $\leq 5\%$, $\leq 1\%$				

Nguồn: Số liệu khảo sát từ luận án

Như vậy, các bằng chứng phân tích từ các mô hình về phương pháp giáo dục con cái từ 11-15 tuổi về các yếu tố ảnh hưởng đặc điểm nhân khẩu học của cha mẹ cho thấy, các phương pháp áp đặt, đồng hành, chia sẻ và làm gương được các bậc cha mẹ sử dụng xuyên suốt trong quá trình giáo dục con cái trong bối cảnh hiện nay. Phương pháp áp đặt có xu hướng tăng lên ở nhóm cha mẹ sống ở các khu đô thị phát triển và những người có mức sống khá giả, Đối với phương pháp “*đồng hành, chia sẻ*”, xu hướng cha mẹ có trình độ học vấn cao, độ tuổi trẻ và mức sống khá giả thường sử dụng với con cái nhiều hơn, độ tuổi càng lớn việc sử dụng phương pháp này càng giảm. Bên cạnh đó, phương pháp làm gương cũng tương tự, cha mẹ có trình độ học vấn cao, mức sống khá giả và độ tuổi càng cao có xu hướng tác động đáng kể. Đây là những

bằng chứng để nghiên cứu đề xuất kiến nghị hàm ý chính sách liên quan đến nâng cao nhận thức vai trò của cha mẹ trong giáo dục con cái ở bối cảnh chuyển đổi số ngày càng nhanh và mạnh tại Thành phố Hồ Chí Minh

4.2. MỘT SỐ QUAN ĐIỂM VÀ HÀNH VI ỨNG XỬ CỦA CHA MẸ VỚI TRẺ EM TỪ 11-15 TUỔI TRONG GIA ĐÌNH

4.2.1. Quan điểm về sự cần thiết phải trừng phạt thể chất cho trẻ em trong gia đình

Tìm hiểu về quan điểm “*Trẻ vẫn cần bị trừng phạt về thể chất (đánh đòn, la mắng) trong giáo dục trẻ từ 11-15 tuổi*” của các bậc cha mẹ tại TPHCM. Kết quả cho thấy phần lớn người trả lời (83,1%) cho rằng không cần thiết phải sử dụng biện pháp trừng phạt về thể chất trong độ tuổi này vì nó không hiệu quả trong giáo dục trẻ em. Nhưng đáng chú ý vẫn có một tỷ lệ 16,9% người trả lời cho rằng là cần thiết với phương châm “*yêu cho roi cho vọt, ghét cho ngọt, cho bùi*” trong quá trình giáo dục con cái hiện nay của cha mẹ.

Qua phỏng vấn sâu một số phụ huynh chia sẻ: “*vẫn biết phương pháp này đôi lúc không hiệu quả với con cái trong độ tuổi này, nhưng với một số trường hợp tôi nghĩ vẫn cần phải dùng đòn roi để giáo dục con cái như: hỗn láo với bố mẹ, đua đòi theo bạn bè...* (Nữ, 45 tuổi, Nội trợ, phường Phước Long).

“*Tôi vẫn cho rằng giáo dục bằng đòn roi trong một số trường hợp vẫn hiệu quả, làm cho trẻ không tái phạm lỗi nữa, chứ nhiều đứa khó bảo, nói nhẹ vẫn không nghe, như thằng con nhà tôi, lúc nào cũng phải bố mẹ quát tháo mới chịu học bài hoặc muốn nhờ nó làm một việc gì đó*” (Nam, 50 tuổi, kinh doanh, xã Cần Giờ).

Nhìn chung, giáo dục không đòn roi hay còn gọi là giáo dục không bạo lực với con cái từ địa bàn nghiên cứu vẫn chưa áp dụng triệt để khi vẫn còn tồn tại một tỷ lệ cha mẹ cho rằng vẫn cần thiết sử dụng đòn roi trong giáo dục ở độ tuổi 11-15 tuổi, ngay cả những cha mẹ có trình độ học vấn, có nghề

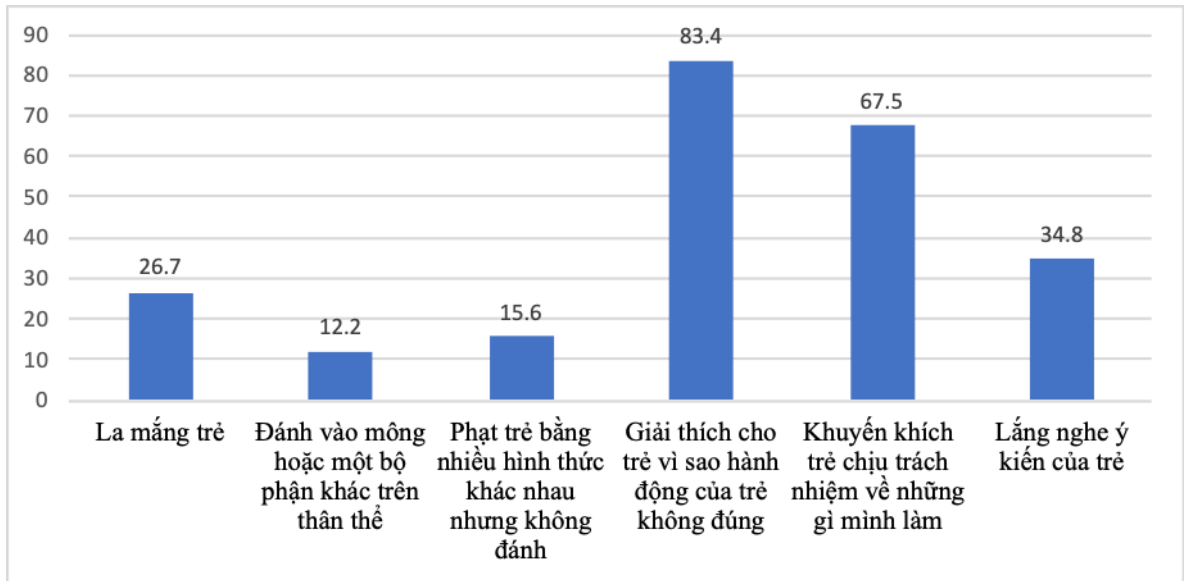
nghiệp và mức sống gia đình cao. Việc sử dụng các hình thức bạo lực có thể làm cho trẻ thiếu tự tin, tăng tự ti trong quá trình phát triển, hình phạt bằng đòn roi có thể dẫn đến nhiều hậu quả tiêu cực như lo âu và trầm cảm trong trẻ em [107], [90].

Trong bối cảnh khoa học giáo dục và tâm lý học hiện đại, quan điểm về việc sử dụng đòn roi như một hình thức trừng phạt đối với trẻ em, đặc biệt là ở lứa tuổi 11-15, đã chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng bác bỏ. Từ góc độ nghiên cứu, trừng phạt thể chất không chỉ được xác định là hành vi vi phạm quyền trẻ em, gây ra những tổn thương vật lý cấp tính, mà còn để lại hệ lụy tâm lý sâu sắc như lo âu, trầm cảm, suy giảm lòng tự trọng và tăng nguy cơ phát triển các hành vi hung hăng, bạo lực. Hiệu quả giáo dục của đòn roi bị giới hạn ở việc kìm hãm hành vi tức thời thông qua nỗi sợ hãi, chứ không thúc đẩy sự hiểu biết về hậu quả hành động hay phát triển năng lực tự điều chỉnh. Thay vào đó, việc mô hình hóa bạo lực trong gia đình có thể dẫn đến việc trẻ học cách giải quyết vấn đề bằng xung đột và bạo lực trong tương lai. Do đó, các phương pháp kỷ luật tích cực, dựa trên sự thấu hiểu tâm lý lứa tuổi, thiết lập giới hạn rõ ràng, khuyến khích đối thoại và áp dụng các hậu quả tự nhiên/hợp lý, được khẳng định là cách tiếp cận khoa học và bền vững hơn để nuôi dưỡng nhân cách và kỹ năng sống cho trẻ vị thành niên.

4.2.2. Một số hình thức xử phạt/ khen thưởng trẻ em trong gia đình của cha mẹ

+ Ứng xử của cha mẹ khi trẻ mắc lỗi

Phương pháp giáo dục con cái là một yếu tố quan trọng trong việc hình thành nhân cách và kiến thức của trẻ. Khi con cái phạm lỗi, cách ứng xử của cha mẹ có sự ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển tâm lý và hành vi của trẻ. Tùy vào tính chất, số lần vi phạm mà cha mẹ sẽ sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để giáo dục con cái.

Biểu đồ 4.1. Phương pháp giáo dục của cha mẹ khi trẻ mắc lỗi (%)

Nguồn: Số liệu khảo sát từ luận án

Kết quả phân tích cho thấy, phương pháp giáo dục phổ biến nhất của cha mẹ khi con cái mắc lỗi hiện nay là “*giải thích cho trẻ vì sao hành động của trẻ không đúng*” (83,4%). Giúp trẻ nhận diện được vấn đề đúng - sai của mình, với phương pháp này sẽ giảm được khả năng dùng bạo lực và tăng cường khả năng đánh giá đạo đức của trẻ, khi trẻ phân biệt được đúng sai, thì sẽ có năng lực đánh giá đúng sai và tăng khả năng đồng cảm. Việc cha mẹ giải thích cho trẻ, giúp trẻ mở rộng nhận thức xã hội và hiểu biết về đạo đức tốt hơn trong cuộc sống, tăng khả năng cảm thông và nhận diện cảm xúc của người khác, đặc biệt là của cha mẹ. Bên cạnh đó, những phương pháp mang xu hướng thể hiện sự dân chủ bình đẳng trong gia đình cũng được cha mẹ tại địa bàn nghiên cứu áp dụng như: *khuyến khích trẻ chịu trách nhiệm về những gì mình làm* (67,5%), *lắng nghe ý kiến của trẻ* (34,8%). Điều này thể hiện sự tiến bộ trong tư duy giáo dục con cái của cha mẹ, khi cha mẹ lắng nghe ý kiến và cảm xúc của trẻ sẽ khiến cho trẻ cảm thấy được tôn trọng, có khả năng phản ứng tốt hơn khi gặp những vấn đề tương tự về sau. Điều này cũng giúp cho trẻ cảm thấy được hỗ trợ và khuyến khích trong quá trình phát triển, giảm bớt đi cảm giác sợ hãi khi bị phê bình và chỉ trích.

Tuy nhiên, các con số từ kết quả nghiên cứu chỉ ra, vẫn còn tồn tại những phương pháp mang tính chất bạo lực về thể chất và tinh thần của trẻ, ở chỉ báo *“la mắng trẻ”*; *“quát vào mông hoặc một bộ phận khác trên cơ thể”* hay *“phạt trẻ bằng nhiều hình thức khác nhau”* vẫn được một số phụ huynh sử dụng, mặc dù tỷ lệ này không cao. Điều này thể hiện sự thiếu kiên nhẫn hoặc không đủ thời gian để lắng nghe con trẻ dẫn đến không chỉ ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái, mà còn ảnh hưởng tới sự phát triển kỹ năng xã hội của con cái và khả năng giao tiếp chia sẻ của trẻ. Phương pháp la mắng hay đánh đòn thường dẫn tới những tác động tiêu cực lâu dài như trẻ có thể gặp các chứng như lo âu, trầm cảm, các vấn đề tâm lý trong tương lai của trẻ bởi giai đoạn này sự phát triển tâm sinh, lý của trẻ khá nhạy cảm, việc áp dụng phương pháp nào cũng đang là nỗi quan tâm, băn khoăn của cha mẹ *“Dạy trẻ trong độ tuổi này là khó nhất, vì những biến đổi về tâm, sinh lý của trẻ. Nhiều khi không khéo, quát mắng hoặc xúc phạm, tội nhỏ dễ tự ái, nhiều khi không kiềm chế cảm xúc rồi làm bậy. Nên thấy nó sai phải bảo từ từ chứ đôi khi hối hận không kịp”* (Nữ, 41 tuổi, viên chức, phường An Phú).

Mặc dù quát mắng, đánh đòn không phải là hình thức phổ biến trong giáo dục con cái hiện nay, nhưng những cha mẹ sử dụng đều thể hiện sự bất lực và thiếu khả năng kiềm chế cảm xúc khi đối diện với lỗi lầm của con cái. Nguyên nhân này có thể xuất phát từ quan niệm có từ trong truyền thống *“thương cho roi, cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi”* vẫn còn tồn tại ngày nay. Giải thích cho vấn đề này có phụ huynh chia sẻ: *“tôi thỉnh thoảng phải đánh con vì quá lì và không nghe lời, thậm chí mẹ nói một câu, con nói hai ba câu, không dạy dỗ bằng cách này thì khó mà nên người được”* (Nữ, 42 tuổi, nhân viên văn phòng, Cần Giờ).

Khi tìm hiểu sâu tương quan giữa hành động *“la mắng trẻ”* và các đặc trưng cá nhân của cha mẹ và mức sống của gia đình. Kết quả thu được chỉ ra nhiều điều thú vị.

Bảng 4.5. Tỷ lệ cha mẹ la, mắng khi trẻ mắc lỗi để dạy con (%)

Đặc điểm	Phương pháp (%)	
	Số lượng (N)	Tỷ lệ có (%)
Chung	450	26,7
Giới tính		
Nam	151	19,5
Nữ	299	30,7
Tuổi**		
Từ 35-39 tuổi	177	33,1
Từ 40-49 tuổi	204	26,4
Trên 50 tuổi	69	21,4
Trình độ học vấn		
THCS và THPT	153	29,5
THPT và TC	195	30,5
Cao đẳng trở lên	83	32,0
Mức sống GD		
Khá giả	87	30,4
Trung bình	243	26,3
Nghèo	120	25,2

Nguồn: số liệu khảo sát luận án

Kết quả từ bảng 4.5 cho thấy, về giới tính, so với người bố thì người mẹ trong gia đình là người hay la mắng con khi con mắc lỗi nhiều hơn người cha. Phải chăng, do phụ nữ vẫn luôn cảm thấy trách nhiệm chính nuôi dạy con cái là của mình. Khi trẻ mắc lỗi họ thường lo lắng con sẽ tái phạm dẫn đến phản ứng la mắng trẻ. Tương tự, xét về độ tuổi, các bậc cha mẹ càng trẻ sử dụng biện pháp la mắng càng nhiều, có thể do cha mẹ còn trẻ, mức độ kỳ vọng và thiếu kinh nghiệm nuôi dạy con cái, dẫn đến thiếu kiềm chế cảm xúc hơn so với nhóm cha mẹ lớn tuổi.

Các nghiên cứu tổng hợp ở chương Tổng quan cho thấy những người có học vấn cao sẽ ít sử dụng hình thức la mắng con khi trẻ mắc lỗi mà sẽ sử dụng phương pháp khuyên bảo, chia sẻ hơn so với nhóm có học vấn thấp. Kết quả nghiên cứu mặc dù có sự chênh lệch khi nhóm cha mẹ có trình độ THCS

trở xuống là 29,5% thấp hơn 2,5 điểm phần trăm so với nhóm cha mẹ có trình độ từ cao đẳng trở lên. Tuy nhiên để giải thích cho việc sử dụng hình thức la mắng con, kết quả phỏng vấn sâu cho thấy:

“Phải la mắng con khi nó làm sai hoặc bị điểm kém, để cho nó sợ, nó hiểu được bố mẹ quan tâm nó như thế nào. Tuổi này nhận thức chưa tới, nếu chỉ nói khơi khơi là hôm sau lại quên và tái phạm” (Nữ, 46 tuổi, phường An Phú, Thủ Đức)

“Chị thử nhiều cách rồi, phân tích cũng có, chia sẻ cũng có, nhưng đôi khi vẫn phải la tui nhỏ cho nó biết sợ, chứ nói không thì nói tại này ra tại kia, độ tuổi này mà, cũng cần phải có một chút nghiêm khắc để răn đe tui nó, chứ chướng lắm, không la là không được” (Nữ, 38 tuổi, Cần Thạnh, Cần Giờ).

Khi tương quan giới tính của con cái và việc la mắng trẻ, tỷ lệ các bậc cha mẹ từng la mắng con gái và con trai không có sự khác biệt. Điều này cho thấy thái độ của cha mẹ đối với con gái cũng nghiêm khắc không khác con trai trong quá trình nuôi dạy, có khi có khắt khe hơn khi con gái làm sai. Tuy nhiên, nếu trong gia đình có cả con trai và con gái thì tỷ lệ con trai sử dụng các biện pháp la mắng nhiều hơn so với con gái (54,5% so với 45,1%).

Nhìn chung, kết quả này cho thấy, trong giáo dục trẻ em, nhất là trẻ em từ độ tuổi 11-15 tuổi ở TPHCM, các bậc cha mẹ luôn phải sử dụng kết hợp hai biện pháp song song là vừa phân tích đúng sai, khuyến khích nhận lỗi nhưng cũng la mắng, đòn roi mặc dù không nhiều. Sự kết hợp này vừa mang yếu tố truyền thống, vừa mang yếu tố hiện đại nhưng phù hợp với độ tuổi của trẻ hiện nay.

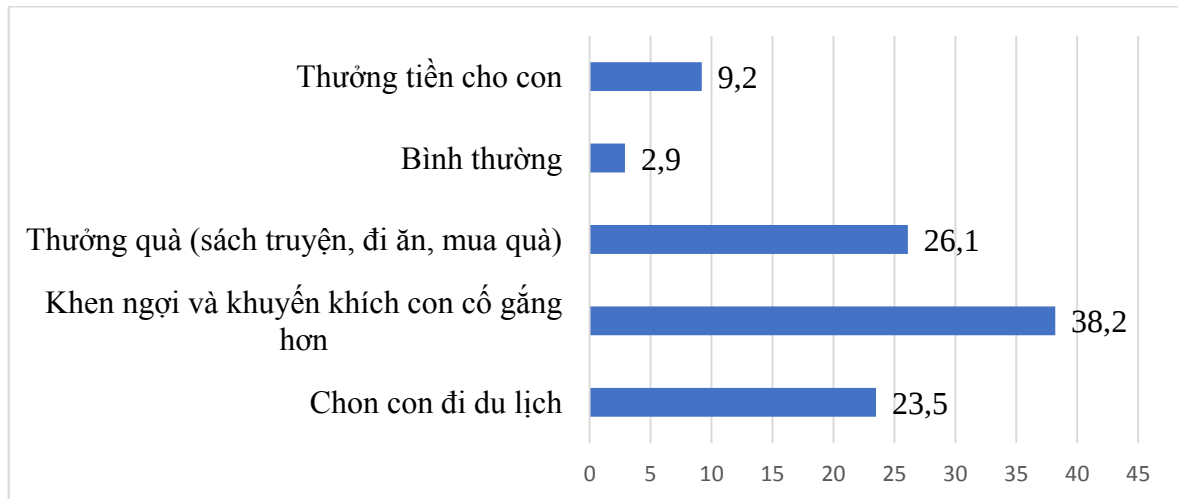
+ *Ứng xử với con khi làm được việc tốt và học giỏi.*

Hình thức khen thưởng phù hợp cũng chính là một biện pháp giáo dục hiệu quả của cha mẹ trong giáo dục con cái, đây là một cách hiệu quả để động viên những hành vi tốt, những đứa trẻ bị xử phạt khi làm sai và được khen thưởng khi làm được việc tốt sẽ giữ được thói quen này trong suốt cuộc đời của chúng.

Khảo sát hình thức khen thưởng cho con khi làm được việc tốt hay học giỏi của các bậc cha mẹ tại địa bàn nghiên cứu cho thấy, mỗi gia đình có thể

sử dụng và kết hợp nhiều hình thức khen thưởng khác nhau. Trong đó, hình thức khen ngợi và khuyến khích con cố gắng hơn nữa được cha mẹ sử dụng nhiều với tỷ lệ (38,2%), có 26,1% là thưởng quà (sách, truyện hoặc mua quà) cho con. Tỷ lệ cha mẹ cho con đi chơi, đi du lịch là 23,5%.

Biểu đồ 4.2. Hình thức khen thưởng của cha mẹ khi con đạt điểm cao hoặc làm việc tốt (%)



Nguồn: Số liệu khảo sát từ luận án

Các hình thức khen thưởng này cũng tùy vào thời gian và yếu tố kinh tế của cha mẹ. nhiều cha mẹ cho rằng: *“khuyến khích, động viên là mình vẫn làm hàng ngày khi con đạt được kết quả gì đó, còn du lịch thì tùy dịp, phải nghỉ hè và có thời gian mới đi được, nên hầu như là mình sẽ bảo con lựa chọn sách truyện con thích hoặc quà con mong muốn vì nó tiện hơn”* (Nữ, 39 tuổi, NVVP, phường Long Phước).

“Khi trẻ làm được việc tốt, học giỏi vẫn phải tán dương và động viên con chứ, ngay cả bản thân mình bây giờ còn muốn khen hướng gì là tụi nhỏ, một lời động viên hay một món quà nhỏ nhỏ tạo động lực tốt lắm, giúp tụi nhỏ càng phấn đấu nhiều hơn trong học tập và cuộc sống” (Nam, Công chức, phường Long Phước)

Kết quả khảo sát cũng cho thấy, một số cha mẹ dùng hình thức thưởng tiền cho con nhưng không đáng kể với tỷ lệ 9,2%. Khi hỏi một số cha mẹ lý do

vì sao không thưởng tiền cho con, tổng hợp một số ý kiến cho rằng: *“đầu tiên hăng hái làm việc lắm, việc gì cũng tranh thủ làm để kiếm tiền mua nước uống, mua quà vật, sau này chị phát hiện ra, khi có tiền thì con chị nó lại đi chơi game trên mạng, rồi nghiện game một thời gian dài, về sau chị không thưởng tiền nữa mà chuyển sang một hình thức khác”* hay *“Có tiền thì tự ý mua đồ linh tinh trên các aap như shopee, lazada và facebook, nhiều món hàng mua về không thể sử dụng, nên sau này, thay vì thưởng tiền thì tôi chuyển hình thức khác phù hợp hơn”* (Một số ý kiến từ PVS).

4.3. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN CỦA CHA MẸ TRONG GIÁO DỤC TRẺ EM TỪ 11-15 TUỔI TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

4.3.1. Thuận lợi

Gia đình là mối quan hệ huyết thống, thiêng liêng, một mối quan hệ đặc biệt tạo nên tình cảm sâu sắc, bền vững của các thành viên trong gia đình. Tình yêu thương và sự hy sinh vô điều kiện là minh chứng cho trách nhiệm của cha mẹ dành cho con cái. *“Tình cảm của cha mẹ đối với con cái tạo ra một sức mạnh to lớn làm cơ sở thúc đẩy tinh thần trách nhiệm cao quý của bố mẹ trong giáo dục con cái, mối quan hệ ấy gắn kết các thành viên với nhau một cách tự nhiên và thể hiện qua cuộc sống tinh thần và vật chất giữa các thành viên trong gia đình”* [69, tr.175].

Văn hoá gia đình Việt Nam truyền thống qua bao thăng trầm của lịch sử, dù xã hội luôn luôn biến đổi thì hệ giá trị gia đình vẫn được lưu giữ, truyền tải qua các thế hệ như: giá trị về ĐĐ, LS; giá trị về lòng hiếu nghĩa của con cháu với ông bà, cha mẹ, tinh thần hiếu học, hoà thuận sẻ chia, ý thức cộng đồng và lòng yêu nước. Trong bối cảnh chuyển đổi số, các giá trị đó không những vẫn được lan toả, hiện diện trực tiếp trong mỗi gia đình của người Việt Nam mà còn được phát triển, bảo tồn lưu giữ thông qua môi trường công nghệ, góp phần xây dựng một hệ giá trị gia đình Việt Nam trong bối cảnh mới.

Các chính sách của Đảng và Nhà nước luôn đầu tư quan tâm tới thế hệ trẻ, Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi

mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo xác định rõ mục tiêu: *”Phát triển toàn diện con người Việt Nam bao gồm cả phẩm chất chính trị, ĐĐ, LS, năng lực và kỹ năng”* Nghị quyết cũng nhấn mạnh đến việc phải tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng của dân tộc, bồi dưỡng lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm xây dựng bảo vệ tổ quốc. Bên cạnh đó, tại TPHCM hệ thống trường học không ngừng được mở rộng và phát triển đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của dân số. Cơ sở vật chất trường học như phòng học, phòng thí nghiệm, sân chơi, bãi tập. Đẩy mạnh công nghệ số trong giáo dục, trang bị các thiết bị công nghệ hiện đại, xây dựng phòng học thông minh, lớp học trực tuyến. Xây dựng mô hình trường học hiện đại, tiên tiến và hội nhập ở cấp Tiểu học và THCS cho học sinh tiếp cận với phương pháp học tập mới trong bối cảnh chuyển đổi số. Đây là những điều kiện thuận lợi góp phần vào sự nghiệp giáo dục trẻ em cùng với gia đình trong bối cảnh hiện nay.

Các hoạt động xã hội của Đoàn, hội cũng được chú trọng để tổ chức các hoạt động ngoại khoá, đa dạng, phong phú phù hợp với học sinh. Các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao, văn nghệ, các buổi tham quan, dã ngoại, các câu lạc bộ học thuật cũng được phát triển ở cả địa phương lẫn trong trường học. Các phòng tư vấn tâm lý cho học sinh cũng được mở rộng và có mặt hầu khắp ở các trường THCS và THPT để lắng nghe tâm tư nguyện vọng của học sinh. Đây là những hoạt động tăng cường sự kết nối giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc góp phần giáo dục thế hệ trẻ.

Đặc biệt, trong bối cảnh chuyển đổi số ngày càng nhanh và mạnh như ở TPHCM, sự phát triển về kinh tế - xã hội cũng tạo điều kiện cho cha mẹ tiếp cận được nhiều tri thức khoa học, nhiều nội dung giáo dục và phương pháp giáo dục con cái trong xã hội hiện đại từ các quốc gia phát triển. Từ đó có thêm nhiều kiến thức, kinh nghiệm để giáo dục con cái tốt hơn.

Qua các cuộc khảo sát PVS, các bậc cha mẹ cũng nhận thấy được những thuận lợi kể trên. Cha mẹ cho rằng, trong giai đoạn hiện nay, có nhiều phương tiện truyền thông hiện đại nên giúp ích cho bản thân họ những cơ

hội mới trong cập nhật thông tin về cách giáo dục con cái, giúp họ giáo dục con cái hiệu quả hơn.

“Tôi thường xuyên theo dõi các thông tin trên các phương tiện truyền thông về cách nuôi dạy con trong xã hội hiện đại, cũng học hỏi được nhiều thông tin bổ ích” (Nữ 43 tuổi, phường An Phú, Thủ Đức)

“Lâu lâu, trên các nền tảng trực tuyến, tôi thấy có một vài chuyên gia chia sẻ về cách nuôi dạy con cái, tôi cũng có tham gia một vài lớp, tìm hiểu thêm thông tin về tâm, sinh lý của tụi nhỏ” (Nữ, 45 tuổi, phường Trường Thạnh, Thủ Đức).

“Thông tin nhiều lắm, trên mạng xã hội, trên internet, nên ai cũng có thể tiếp cận được các nội dung và phương pháp giáo dục con hiệu quả” (Nữ, 43 tuổi, Thị trấn Cần Thạnh, Cần Giờ).

Một số thuận lợi do có ông bà, anh chị em, bà con ở gần cũng được các cha mẹ chia sẻ:

“Nhà có ông bà, cô chú ở cùng, nên ngoài cha mẹ còn có những người khác hỗ trợ dạy bảo các con nên cũng đỡ được phần nào” (Nam, 46 tuổi, Thị trấn Cần Thạnh, Cần Giờ)

“Nhà có mấy anh, chị em xêm xêm tuổi nhau, đứa học cấp 2, đứa học cấp 3 chơi với nhau hợp lắm, thành ra cũng thuận lợi để tụi nó học hỏi lẫn nhau được nhiều thứ” (Nữ, 39 tuổi, phường An Phú, Thủ Đức)

“Nhà có hai chị em, chị học lớp 9, em học lớp 6, nên chị dạy em thay cho bố mẹ, cũng đỡ được phần nào” (Nữ, 49 tuổi, Phường Trường Thạnh, Thủ Đức).

Một số cha mẹ làm việc tại nhà, đây cũng là thuận lợi trong việc sát sao, dạy bảo con cái:

“Mình buôn bán tại nhà nên đưa đón tụi nhỏ đi học, có thời gian để theo dõi và có điều kiện để dạy dỗ tụi nhỏ tốt hơn” (Nữ, 42 tuổi, phường An Phú, Thủ Đức)

“Mình là giảng viên nên có thời gian theo sát con cái, quan tâm, chia sẻ với tụi nhỏ nên thấy cũng yên tâm hơn” (Nữ 39 tuổi, An Phú, Thủ Đức).

Đặc biệt, không ít cha mẹ tự tin mình có tri thức và cập nhật được thường xuyên các xu hướng biến đổi của xã hội, nên thuận lợi trong việc tiếp cận nội dung và phương pháp giáo dục con cái: *“chị hay theo dõi trên internet, tham gia các hội nhóm nuôi dạy con và thậm chí là đi học các lớp làm cha mẹ nên cũng nắm bắt được tâm, sinh lý của tụi nhỏ, giáo dục tụi nhỏ cũng nghe lời và dễ dàng chia sẻ với tụi nhỏ nhiều hơn”* (Nữ, 45 tuổi, Phường An Phú, Thủ Đức).

Những thuận lợi từ gia đình, cơ chế chính sách, sự phát triển kinh tế xã hội và một vài yếu tố khác trên đây có vai trò vô cùng to lớn, hỗ trợ cha mẹ trong việc giáo dục trẻ em từ 11-15 tuổi, giai đoạn có những biến đổi về tâm, sinh lý phức tạp. Cha mẹ cần thường xuyên trao đổi, chia sẻ và thường xuyên phối hợp với các môi trường bên ngoài trong giáo dục con cái sẽ đưa lại những kết quả tốt nhất, hình thành nên những công dân tương lai có ích cho gia đình và xã hội.

4.3.2. Khó khăn

Trong giáo dục con cái, đặc biệt là trong độ tuổi 11-15 cũng có nhiều khía cạnh, nhiều mặt khó khăn mà cha mẹ đang phải đối diện, mỗi gia đình, mỗi hoàn cảnh khác khác sẽ có những khó khăn riêng. Tuy nhiên khó khăn chung mà kết quả khảo sát thu được từ bảng 4.6 như sau:

Bảng 4.6. Những khó khăn trong giáo dục trẻ em mà cha mẹ gặp phải (%)

Khó khăn	Tần số	Tần suất (%)
1. Không có nhiều thời gian dành cho con cái	279	67,6
2. Thiếu kiến thức và kỹ năng trong giáo dục con cái	197	43,7
3. Không hiểu hết được tâm lý con cái	218	52,8
4. Con cái luôn thể hiện ý kiến của bản thân trong mọi việc	135	32,7
5. Không bắt kịp xu hướng biến đổi của xã hội	129	31,2
6. Khác biệt trong quan điểm giáo dục con giữa các thế hệ	130	31,5
7. Ảnh hưởng của phương pháp giáo dục truyền thống	107	25,9

Nguồn: Số liệu khảo sát từ luận án

Kết quả cho thấy khó khăn mà cha mẹ gặp phải nhiều nhất là *“không có nhiều thời gian dành cho con cái”* với tỷ lệ cao 67,6%. Đây là một trong những vấn đề gặp phải nhiều nhất hiện nay, khi phần lớn các bậc cha mẹ lo làm ăn kinh tế để đảm bảo cuộc sống gia đình, lo kinh phí cho con cái học hành nên hầu như không có thời gian dạy dỗ con cái, phó mặc cho nhà trường và xã hội. Nhiều cha mẹ làm doanh nghiệp, buôn bán, làm việc trong các công ty nước ngoài nên không còn thời gian cho con cái. Nhiều cha mẹ đi công tác triền miên, con cái chủ yếu ở nhà với ông bà, thậm chí là người giúp việc.

“Vợ, chồng tôi làm kinh doanh buôn bán ở chợ đầu mối, nên sáng 4h đã ra khỏi nhà và 9h tối mới có mặt ở nhà nên hầu như không có thời gian để gần gũi với con cái” (Nam, 45 tuổi, phường Long Phước).

“Cả hai vợ chồng đều làm công nhân ở khu Công nghệ cao, thời gian làm việc thường 9-12h một ngày, nên tụi nhỏ đều phải tự lo, tự học, chứ bố mẹ ít có thời gian kèm cặp” (Nữ, 49 tuổi, Phường An Khánh).

Một số gia đình kinh tế khó khăn, thiếu thốn, không có điều kiện thời gian để lo cho con cái cả về vật chất lẫn tinh thần.

“Gia đình tôi ở quê vào làm công nhân, làm chỉ đủ ăn, không có điều kiện đầu tư cho con cái học hành, nên học đến đâu biết đến đó thôi cô ạ” (Nữ, 43 tuổi, Xã Cần Giờ).

Khó khăn tiếp theo mà cha mẹ đang phải đối diện trong giáo dục con cái ở độ tuổi 11-15 là *“thiếu kỹ năng và kiến thức trong giáo dục con cái”* với tỷ lệ gần một nửa mẫu nghiên cứu 43,7%. Chính điều này làm cho cha mẹ lúng túng, thiếu kiến thức, không có kinh nghiệm nên không biết dạy con thế nào cho hợp lý: *“có nhiều cái không biết nên nói với con thế nào cho đúng, đôi khi nói tụi nó bảo mình không hiểu gì hết, riết rồi không biết dạy tụi nhỏ thế nào”* (nữ, 45 tuổi, phường Long Phước). Trẻ em ở độ tuổi 11-15 là độ tuổi rất nhạy cảm về tâm, sinh lý, thích thể hiện bản thân và luôn muốn bảo vệ quan điểm của mình, nên cha mẹ *“không hiểu được tâm, sinh lý của trẻ”* (52,8%). Chính

vì vậy, nếu cha mẹ không đủ kiến thức và kỹ năng thì nhiều điều đáng tiếc xảy ra. Mặc dù có rất nhiều chương trình, lớp học, chuyên đề được mở ra nhưng do cha mẹ không có thời gian. Đặc biệt là các chuyên đề về giáo dục trẻ em trong độ tuổi dậy thì, phòng tránh xâm hại, phụ huynh thì không có thời gian tham gia do bận đi làm. Do vậy, hiệu quả của việc tuyên truyền không cao, chưa đến được với các bậc cha mẹ, nhưng người trực tiếp nuôi dạy và giáo dục con cái, dẫn đến thiếu hiểu biết về tâm sinh lý của con cái.

“Con cái trong độ tuổi này khó nói lắm, nhiều cái muốn chia sẻ với con nhưng mà không biết chia sẻ như thế nào, ví dụ như vấn đề về giới tính, mình không biết bắt đầu từ đâu thành ra cũng kệ luôn” (Nữ, 43 tuổi, Xã Cần Giờ).

Việc phát triển nhanh của xã hội và biến đổi xã hội trên nhiều lĩnh vực trong bối cảnh chuyển đổi số, quá trình này làm cho cha mẹ *“không nắm bắt kịp các xu hướng biến đổi của xã hội”* (31,2%). Sự phát triển của khoa học, công nghệ, sự du nhập của nhiều luồng văn hoá khác nhau đã kéo theo sự đa dạng về nội dung và hình thức của các chương trình làm cho các bậc cha mẹ có nhiều cơ hội lựa chọn hơn trong giáo dục con cái. Tuy nhiên, mặt trái của vấn đề này là cha mẹ lại không biết lựa chọn chương trình nào phù hợp với lứa tuổi của con mình, phù hợp với đặc điểm tâm, sinh lý của trẻ. Đặc biệt ở các nhóm phụ huynh lớn tuổi, không có thời gian và có trình độ văn hoá thấp.

Bên cạnh những thuận lợi của việc sống cùng ông, bà thì trẻ em được tiếp nhận nhiều hình thức giáo dục khác nhau. Tuy nhiên, khó khăn, trở ngại của vấn đề này là mâu thuẫn trong quan điểm và phương pháp giáo dục trẻ em của các thế hệ trong gia đình.

“Nhiều khi trẻ mắc lỗi, cha mẹ la mắng thì ông bà lại bênh vực, thậm chí là giận dỗi khi cha mẹ phạt trẻ” (Nữ, 43 tuổi, An Khánh).

“Cha mẹ bận việc, ở nhà ông bà chiều, không dạy bảo cho trẻ, khi cháu làm sai thì bao che, dẫu không cho bố mẹ biết” (Nam, 45 tuổi, Long Phước)

Cùng với việc mâu thuẫn trong giáo dục trẻ, thì việc ảnh hưởng của những phương pháp truyền thống, lạc hậu với quan điểm “*thương cho roi cho vọt*” của tư tưởng gia trưởng vẫn còn tồn tại trong nhiều gia đình ở TPHCM. Nhận thức cha mẹ còn hạn chế, khác nhau trong quan điểm giáo dục con cái của chính bản thân người cha, người mẹ. Có những gia đình, chính cha mẹ cũng làm gương xấu cho các con trong lối sống, làm việc và các hành vi ứng xử với mọi người xung quanh như: hút thuốc, cầu thả, thiếu văn minh trong ứng xử nơi công cộng, đối xử với ông bà không tốt...đây là một trong những nguyên nhân làm cho số lượng trẻ em ở thành phố nói chung, trẻ em trên địa bàn nghiên cứu nói riêng hư hỏng và sa vào các tệ nạn xã hội. Đây là những vấn đề của gia đình hiện nay và cũng là vấn đề của xã hội cần giải quyết.

Mặc dù trong thời gian qua sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục con cái đã có những bước tiến mới trong nội dung và phương pháp. Tuy nhiên, vẫn còn hạn chế và thiếu hiệu quả, chưa bao quát được hết tất cả trẻ em do nhiều nguyên nhân: trẻ chưa chủ động tham gia các hoạt động ngoại khoá, cha mẹ bận rộn làm ăn kinh tế, các lớp học, các chủ trương chính sách tuyên truyền kém hiệu quả nên cha mẹ không tiếp cận được.

Những khó khăn trên đây đã làm trở ngại trong việc giáo dục trẻ em hiện nay, tuy nhiên, những khó khăn này có thể khắc phục được nếu những người cha, người mẹ trong gia đình hiểu được tâm lý của trẻ, hiểu được nguyên tắc trong phương pháp giáo dục trẻ em trong độ tuổi 11-15, vận dụng linh hoạt theo độ tuổi của trẻ và điều kiện hoàn cảnh gia đình. Sự kiên trì và quyết tâm, sự yêu thương con cái vô điều kiện của cha mẹ, sự phối hợp giữa nhà trường và xã hội sẽ giúp cho việc giáo dục con cái tốt hơn trong bối cảnh hiện nay.

4.3.3. Một số đề nghị của cha mẹ

Kết quả nghiên cứu từ PVS cha mẹ có con trong độ tuổi 11-15 cho thấy, một số đề xuất để có thể giáo dục con cái tốt hơn trong bối cảnh hiện nay tập trung vào một số khía cạnh sau:

Thứ nhất, tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo định kỳ về giáo dục gia đình, các khoá học kỹ năng làm cha mẹ trong bối cảnh chuyển đổi số để họ có thể tiếp cận và thích ứng được với những nội dung và phương pháp giáo dục trẻ em hiện đại. Các phương pháp truyền thống hiện nay ít phát huy tác dụng và đôi khi phản tác dụng, không phù hợp trong bối cảnh hiện nay. Các lớp học này có thể được thông báo về nhà trường, và nhà trường sẽ thông tin đến các bậc phụ huynh để họ có thể cập nhật và thu xếp thời gian tham gia.

“Cần có các lớp học về kiến thức và phương pháp nuôi dạy con trong độ tuổi dậy thì để cha mẹ có thể thu xếp tham gia để có thể giáo dục con hiệu quả hơn trong độ tuổi này” (Nữ 43 tuổi, An Khánh).

“Các lớp học hay các buổi hội thảo về phương pháp nuôi dạy con chủ yếu được thực hiện ở một số tổ chức, chưa được phổ biến tới các trường học, địa phương, nên tôi hầu như không nắm được thông tin. Vì vậy cần có kênh thông tin liên lạc hiệu quả để chúng tôi có thể thu xếp tham gia” (Nữ, 45 tuổi, Long Phước).

Thứ hai, cha mẹ tại địa bàn nghiên cứu mong muốn các cơ quan truyền thông cần tăng cường truyền thông hiệu quả về tầm quan trọng của giáo dục gia đình, chính quyền địa phương cần thường xuyên tổ chức các hoạt động cộng đồng, các câu lạc bộ cha mẹ, hội nhóm nuôi dạy con. Khuyến khích các hoạt động văn hoá lành mạnh về văn hoá, thể dục thể thao, về nguồn cho trẻ em trong độ tuổi 11-15 trong các kỳ nghỉ.

“Ở địa phương hầu như chưa có các câu lạc bộ chia sẻ về nuôi dạy con, một số hoạt động liên quan đến gia đình tôi cũng thoáng thoáng có nghe nhưng chủ yếu qua truyền miệng chứ không qua kênh chính thức nào cả” (Nữ, 49 tuổi, xã Cần Giò).

Thứ ba, cần có những quy định về an toàn cho trẻ em trên mạng xã hội, có cơ chế kiểm soát ngoài gia đình cho việc trẻ em trong độ tuổi 11-15 khi tiếp cận các thông tin trên mạng xã hội hiện nay.

“Tôi thấy như ở nước Úc, Pháp và một số quốc gia khác họ quy định trẻ em dưới 16 tuổi không được truy cập một số nền tảng mạng xã hội, hoặc sử dụng phải có sự đồng ý của phụ huynh, nhưng ở Việt Nam thì chưa có quy định nào cả, tuổi nào cũng có thể sử dụng mạng xã hội” (Nam, 45 tuổi, Long Phước)

Thứ tư, Nhà nước cần quản lý các chương trình trên truyền thông hoặc các thông tin trên các nền tảng xã hội để có thể kiểm soát, ngăn chặn những thông tin vô bổ, thậm chí là tiêu cực, có hại cho trẻ em trong bối cảnh hiện nay.

“Rất nhiều các chương trình tạo ra nhưng không có tính giáo dục, thậm chí là cổ súy cho những giá trị phản văn hoá đầy rẫy trên mạng xã hội nhưng không được kiểm soát. Rất nguy hiểm cho trẻ em trong độ tuổi này, vì rất thích bắt chước và thể hiện bản thân” (Nữ, 49 tuổi, xã Cần Giờ).

“Thật sự tôi rất mong các cơ quan nhà nước có chính sách kiểm soát việc truy cập internet đối với học sinh trung học cơ sở, chứ thả lỏng thế này nhiều hệ lụy xã hội xảy ra quá, bạo lực trên mạng, tấn công nhau, nhiều vấn đề đáng tiếc đã xảy ra cho độ tuổi này rồi” (Nữ, 39 tuổi, An Khánh)

Đây là những ý kiến phản ánh tâm tư, nguyện vọng của cha mẹ trong việc giáo dục con cái nói chung và con cái trong độ tuổi 11-15 nói riêng. Đây là những nội dung họ đang cần, đang thiếu trong sự nghiệp giáo dục con cái ở bối cảnh mới mà chính quyền, nhà nước chưa đáp ứng được.

Tiểu kết chương 4

Chương này đã cung cấp một cái nhìn toàn diện về phương pháp giáo dục con cái từ 11-15 tuổi của cha mẹ trong bối cảnh chuyển đổi số ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Về việc lựa chọn phương pháp giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số, trong địa bàn cha mẹ vẫn ưu tiên việc kết hợp giữa các phương pháp một cách hài hoà hơn. Tuy nhiên trước áp lực của sự bùng nổ công nghệ, các bậc cha mẹ vẫn sử dụng các biện pháp áp đặt và kiểm soát con cái liên quan đến việc sử dụng internet nhiều hơn là đồng hành và làm gương. Cha mẹ có xu hướng

thiết lập quy tắc sử dụng thiết bị, kiểm soát nội dung và thời gian sử dụng internet của con. Điều này xuất phát từ sự lo lắng về những tiềm ẩn của không gian mạng và họ có thể coi áp đặt là giải pháp tức thời để bảo vệ con. Mặc dù các phương pháp dân chủ hơn đang được chấp nhận, sự phổ biến của việc kiểm soát trực tiếp trong môi trường số cho thấy một thách thức mới trong việc cân bằng giữa sự bảo vệ và việc trao quyền tự chủ cho trẻ vị thành niên. Về các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn phương pháp giáo dục con cái của cha mẹ như sau:

Đối với phương pháp áp đặt, phương pháp này phụ thuộc vào địa bàn sinh sống và mức sống của gia đình. Cha mẹ ở các địa bàn đô thị hóa/vùng ven phát triển và có mức sống khá giả có xu hướng áp đặt cao hơn. Điều này có thể xuất phát từ áp lực xã hội về thành tích và sự nhận thức sâu sắc về rủi ro của môi trường số, dẫn đến việc họ tăng cường kiểm soát nhằm đảm bảo con cái đạt được kỳ vọng và an toàn.

Đối với phương pháp chia sẻ - đồng hành, trình độ học vấn cao là yếu tố có tác động cùng chiều mạnh mẽ nhất. Cha mẹ có học vấn cao hơn thường có xu hướng đối thoại cởi mở, lắng nghe và đồng hành cùng con, phản ánh sự tiếp thu các phương pháp giáo dục hiện đại và khả năng xây dựng vốn xã hội thông qua giao tiếp hiệu quả. Ngược lại, cha mẹ lớn tuổi có xu hướng ít sử dụng phương pháp này hơn, do khoảng cách thế hệ và sự thiếu hụt kiến thức về công nghệ khiến họ gặp khó khăn trong việc kết nối với thế giới số của con.

Đối với phương pháp làm gương, trình độ học vấn cao cũng là yếu tố tác động cùng chiều rất mạnh mẽ. Cha mẹ có học vấn tốt thường ý thức cao về vai trò hình mẫu của mình trong cả hành vi ứng xử và việc sử dụng công nghệ một cách có trách nhiệm. Tuy nhiên, một số kết quả cho thấy cha mẹ lớn tuổi có thể có xu hướng làm gương khác hoặc ít hơn trong bối cảnh công nghệ, có thể do thói quen sử dụng công nghệ của bản thân hoặc nhận thức khác biệt về vai trò làm gương trong môi trường số.

Việc giáo dục con cái từ 11-15 tuổi hiện nay của cha mẹ cũng có những thuận lợi và khó khăn. Quan hệ cha mẹ và con cái tốt đẹp, tình cảm gia đình hoà thuận; văn hoá truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam; các chủ trương chính sách quan tâm tới gia đình và phát triển trẻ em của Đảng và Nhà nước; sự phát triển của hệ thống giáo dục toàn diện là những yếu tố giúp cho gia đình giáo dục trẻ em tốt hơn. Tuy nhiên, trong việc giáo dục trẻ em hiện nay cũng gặp không ít khó khăn lúng túng. Trước những khó khăn đó, cha mẹ mong muốn được định hướng, được hướng dẫn thông qua các lớp học, các buổi hội thảo, các chương trình, các quy định của nhà nước thay đổi trong việc sử dụng và tiếp cận thông tin trên mạng xã hội của trẻ...để con cái họ có thể phát triển toàn diện và hạnh phúc nhất. Họ cần được học làm cha mẹ, được học những kỹ năng cần thiết để tự tin giáo dục con cái nói chung và con cái trong giai đoạn 11-15 tuổi (tuổi dậy thì nói riêng) một cách trọn vẹn.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Chức năng xã hội hoá của gia đình trong bối cảnh chuyển đổi số (nghiên cứu trường hợp ở TPHCM) được hiểu là quá trình cha mẹ giáo dục con trên các nội dung cơ bản như đạo đức, lối sống, tri thức và kỹ năng cùng các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện giáo dục của cha mẹ, từ đó gợi mở các hàm ý chính sách. Các phát hiện trong nghiên cứu của Luận án chủ yếu tập trung vào nội dung và phương pháp giáo dục con cái từ 11-15 tuổi. Nhìn chung, Luận án đã đảm bảo được mục đích nghiên cứu đề ra và đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

Luận án đã hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Đây là nhiệm vụ then chốt để hình thành khung lý thuyết nghiên cứu của Luận án. Bằng phương pháp phân tích tài liệu, Luận án đã đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài từ nhiều chiều cạnh trong giáo dục con cái từ 11-15 tuổi, nhận diện thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến việc cha mẹ giáo dục con cái. Kết quả đánh giá tài liệu cho thấy, các nghiên cứu về giáo dục con cái chưa đề cập nhiều đến đối tượng nghiên cứu là con cái trong độ tuổi từ 11-15 tuổi và không gian nghiên cứu ở Thành phố Hồ Chí Minh. Trên cơ sở phân tích tổng quan nghiên cứu, Luận án đã xây dựng được khung lý thuyết nghiên cứu, hệ thống cơ sở lý luận và hệ thống các phương pháp nghiên cứu để làm rõ đối tượng nghiên cứu của Luận án. Nghiên cứu đã kết hợp cả phương pháp định lượng và định tính, từ đó giúp tìm kiếm các bằng chứng cần thiết để kiểm định tính phù hợp của các giả thuyết đã đặt ra. Để thực hiện điều này, Luận án đã sử dụng nhiều phép kiểm định thống kê như T-Test, Chi-square test, phân tích One Way - Anova và xây dựng mô hình hồi quy tuyến tính.

Nội dung cha mẹ giáo dục trẻ em từ 11-15 tuổi tại thành phố Hồ Chí Minh được đánh giá trên 4 nội dung: (1) giáo dục đạo đức; (2) giáo dục lối

sống; (3) giáo dục tri thức; (4) giáo dục kỹ năng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, cha mẹ tại địa bàn nghiên cứu vẫn ưu tiên giáo dục con cái những nội dung mang giá trị truyền thống và trong bối cảnh đời sống thực nhiều hơn là những giá trị mới trong bối cảnh chuyển đổi số. Các nội dung này được cha mẹ giáo dục cho trẻ em khác nhau theo đặc trưng nhân khẩu học của họ và có sự chênh lệch đáng kể giữa các nội dung cụ thể.

*** Về nội dung giáo dục**

Đối với giáo dục đạo đức, lối sống: Trong bối cảnh xã hội hiện đại, đặc biệt là quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi số, vai trò của gia đình đang trải qua nhiều biến đổi. Mặc dù vậy, nghiên cứu chỉ ra rằng cha mẹ tại địa bàn khảo sát vẫn ưu tiên giáo dục con cái những giá trị đạo đức truyền thống và lối sống thực. Đây là những giá trị cơ bản, lối sống hàng ngày được cha mẹ coi trọng và truyền tải qua các thế hệ thông qua quá trình xã hội hóa. Tuy nhiên, trong giáo dục đạo đức và lối sống cho trẻ em độ tuổi 11-15 trong bối cảnh chuyển đổi số, cha mẹ đang phải đối mặt với sự giao thoa giữa các yếu tố truyền thống và hiện đại, cũng như giữa môi trường thực tại và môi trường số. Mặc dù đã có những nỗ lực điều chỉnh, cha mẹ vẫn bị ảnh hưởng bởi những khuôn mẫu đã ăn sâu trong tiềm thức và kinh nghiệm giáo dục của các thế hệ trước

Đối với giáo dục tri thức, kỹ năng: Trong giai đoạn hiện nay, cha mẹ ưu tiên các nội dung giáo dục mang tính truyền thống, tập trung vào việc củng cố tri thức học thuật trực tiếp và các kỹ năng cơ bản. Nghiên cứu cũng ghi nhận cha mẹ nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục giới tính. Xu hướng giáo dục này phản ánh sự ưu tiên của cha mẹ trong việc trang bị nền tảng kiến thức và kỹ năng cần thiết cho con cái trong cuộc sống hàng ngày và quá trình học tập chính khóa. Mặc dù có sự quan tâm nhất định đến tri thức số và kỹ năng số nhưng phương thức hỗ trợ của cha mẹ còn khá thụ động và thiếu chiều sâu. Điều này thể hiện sự dè dặt nhất định trong việc thúc đẩy con cái tương tác sâu hơn với công nghệ, xuất phát từ những lo ngại về rủi ro tiềm ẩn

như nghiện mạng xã hội hoặc game. Sự mâu thuẫn giữa mong muốn con tiếp cận công nghệ để phát triển và nỗi sợ hãi trước những mặt trái của nó dẫn đến việc cha mẹ thường lựa chọn các hoạt động kiểm soát thay vì khuyến khích sự tự chủ và sáng tạo trong môi trường số.

*** Về phương pháp giáo dục**

Quan điểm của cha mẹ trong giáo dục con cái đang có xu hướng dịch chuyển từ mô hình truyền thống dựa vào uy quyền và áp đặt sang phương pháp hiện đại là chia sẻ, đồng hành và làm gương. Tuy nhiên, một số cha mẹ vẫn sử dụng các hình thức trừng phạt về thể chất và tinh thần, phản ánh sự giao thoa giữa giá trị cũ và mới. Trong bối cảnh chuyển đổi số, cha mẹ vẫn có xu hướng sử dụng các biện pháp áp đặt và kiểm soát con cái liên quan đến việc sử dụng internet nhiều hơn là đồng hành, chia sẻ, xuất phát từ lo lắng về rủi ro từ mạng xã hội. Có thể thấy, các bằng chứng này đã góp phần khẳng định tính phù hợp của giả thuyết nghiên cứu mà luận án đưa ra.

Để kiểm chứng giả thuyết về các yếu tố ảnh hưởng, Luận án đã sử dụng các kiểm định T-Test và One-Way ANOVA để so sánh sự khác biệt giữa các nhóm, kiểm định mối quan hệ tuyến tính giữa hai biến độc lập và biến phụ thuộc, tùy thuộc vào thang đo của biến độc lập mà sử dụng phép kiểm định phù hợp. Mô hình hồi quy được xây dựng để giải thích sự tác động đồng thời giữa các biến độc lập với biến phụ thuộc, đánh giá thông qua hệ số Beta để xem xét mức độ ảnh hưởng. Kết quả cho thấy, các yếu tố giới tính, địa bàn nghiên cứu, trình độ học vấn, tuổi và mức sống của cha mẹ có ảnh hưởng đến nội dung và phương pháp giáo dục trẻ em từ 11-15 tuổi. Các kết quả này là những bằng chứng kiểm định góp phần khẳng định tính phù hợp của giả thuyết nghiên cứu đặt ra, cụ thể như sau:

(1) *Đối với giáo dục đạo đức, lối sống*: các biến số trình độ học vấn cao, độ tuổi trẻ và sống ở địa bàn trung tâm thành phố có tác động mạnh nhất đến việc giáo dục đạo đức số và lối sống số. Điều này có thể được lý giải là do nhóm cha mẹ này có khả năng tiếp cận thông tin, nguồn lực tốt hơn và

nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của các giá trị mới trong bối cảnh chuyển đổi số. Ngược lại, cha mẹ lớn tuổi, có trình độ học vấn thấp và sống ở vùng ven có tác động ngược chiều, gặp nhiều khó khăn và thách thức hơn trong việc giáo dục con cái, lý do là họ có thể thiếu vốn tri thức số, gặp rào cản trong việc thích nghi với xu hướng hiện đại và tiếp cận thông tin trong bối cảnh xã hội liên tục biến đổi.

(2) *Đối với giáo dục tri thức, kỹ năng*, các biến số trình độ học vấn cao, mức sống khá giả, địa bàn cư trú tại khu vực trung tâm có tác động mạnh mẽ đến khả năng hỗ trợ giáo dục toàn diện và tiên tiến hơn cho con cái, đặc biệt trong lĩnh vực số. Điều này phản ánh sự tiếp cận tốt hơn với thông tin, nguồn lực và nhận thức về tầm quan trọng của các kỹ năng trong kỷ nguyên mới. Nhóm cha mẹ có trình độ học vấn thấp, mức sống hạn chế và sống ở vùng ven có tác động ngược chiều, gặp nhiều rào cản hơn trong việc cung cấp một môi trường giáo dục đầy đủ, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ. Xu hướng này cũng được thấy ở cha mẹ lớn tuổi, những người có thể gặp khó khăn hơn trong việc thích nghi với các xu hướng giáo dục hiện đại, các bậc cha mẹ này thường dè dặt hơn trong việc thúc đẩy con cái tương tác sâu hơn với công nghệ.

Các bằng chứng nghiên cứu trên cũng cho thấy sự vận dụng lý thuyết xã hội hoá đã góp phần nhận diện thực trạng vai trò của cha mẹ trong giáo dục cho con cái từ 11-15 tuổi. Sự vận dụng lý thuyết vốn xã hội (vốn xã hội số) vào nghiên cứu vai trò của cha mẹ trong giáo dục trẻ em từ 11-15 tuổi trong bối cảnh chuyển đổi số là hoàn toàn phù hợp, bởi lẽ vốn xã hội giúp cho cha mẹ tự tin hơn trong tiếp cận những nội dung và phương pháp giáo dục hiện đại và mang yếu tố số trong nội dung và phương pháp giáo dục con cái hiện nay. Ngoài ra, các bằng chứng nghiên cứu cũng góp phần củng cố tính hợp lý khi Luận án sử dụng lý thuyết tiếp cận công nghệ thể hiện qua sự chấp nhận hay e ngại của các nhóm cha mẹ trong việc lựa chọn nội dung và phương pháp giáo dục liên quan đến công nghệ. Như vậy, các bằng chứng

nghiên cứu đã góp phần củng cố cho tính phù hợp của các lý thuyết được sử dụng trong nghiên cứu này ở Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Khuyến nghị

Như vậy, những phát hiện trên là cơ sở để Luận án có những kiến nghị hàm ý chính sách, góp phần nâng cao vai trò của cha mẹ trong giáo dục con cái nói chung và con cái trong độ tuổi 11-15 nói riêng tại Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh chuyển đổi số. Trên cơ sở đó, Luận án có một số gợi ý kiến nghị hàm ý chính sách như sau:

Thứ nhất, xây dựng và triển khai chương trình giáo dục số toàn diện cho cha mẹ, đặc biệt tại các khu vực ngoại thành và nhóm dân cư yếu thế: Kết quả nghiên cứu Luận án chỉ rõ rằng nhóm cha mẹ lớn tuổi (từ 50 trở lên), có trình độ học vấn thấp (từ THCS trở xuống) và cư trú tại các khu vực vùng ven đang gặp nhiều khó khăn và thách thức nhất định trong việc giáo dục các khía cạnh số cho con cái. Do đó, thành phố cần có các chương trình trang bị cho cha mẹ khung năng lực số, các chương trình này cần được thiết kế với nội dung và phương pháp tiếp cận phù hợp, đơn giản, dễ hiểu, sử dụng các ví dụ thực tiễn gần gũi với đời sống của họ. Việc tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo chuyên đề tại cộng đồng, kết hợp với phát triển các tài liệu hướng dẫn dễ tiếp cận (cẩm nang, tờ rơi, video ngắn) thông qua các kênh như trường học, hội phụ nữ, tổ dân phố, trung tâm văn hóa sẽ giúp thông tin đến được đúng đối tượng và mang lại hiệu quả cao hơn trong việc trang bị tri thức và kỹ năng số cơ bản cho cha mẹ. Nội dung đào tạo nên bao gồm kiến thức về đạo đức số, kỹ năng sử dụng công nghệ an toàn, nhận diện và phòng tránh rủi ro trên không gian mạng, cũng như cách thức xây dựng "vốn xã hội số" cho con cái. Đối với các nhóm cha mẹ cụ thể cần có các giải pháp cụ thể như:

Đối với nhóm cha mẹ cư trú tại khu vực vùng ven, có trình độ học vấn và mức sống hạn chế, giải pháp trọng tâm phải hướng vào việc bù đắp sự thiếu hụt về "vốn xã hội số" và kỹ năng thực hành công nghệ. Do nhóm này thường gặp khó khăn trong việc lựa chọn nội dung cho con cái, các cơ quan chức năng và tổ chức đoàn thể tại địa phương cần triển khai các chương trình

phổ biến kiến thức theo phương thức “cầm tay chỉ việc”, đơn giản hóa các khái niệm về an toàn mạng và đạo đức số thành những chỉ dẫn cụ thể, dễ hiểu. Việc cung cấp các công cụ hỗ trợ kết nối và tài liệu hướng dẫn trực quan sẽ giúp họ từng bước xóa bỏ rào cản trong việc định hướng lối sống và tri thức cho trẻ, đảm bảo trẻ em ở các khu vực này không bị bỏ lại phía sau trong tiến trình chuyển đổi số của Thành phố.

Với nhóm cha mẹ lớn tuổi (từ 50 tuổi trở lên), thách thức lớn nhất là khoảng cách thế hệ và tư duy quản lý mang tính áp đặt truyền thống. Giải pháp cốt lõi là thúc đẩy sự chuyển đổi về nhận thức, từ tư duy “kiểm soát tuyệt đối” sang “đồng hành và chia sẻ” dựa trên sự thấu cảm tâm lý lứa tuổi 11-15. Cần khuyến khích mô hình “giáo dục đảo ngược”, nơi cha mẹ sẵn sàng đóng vai trò người học để con cái hướng dẫn về công nghệ, từ đó tạo ra không gian giao tiếp tự nhiên để lồng ghép các bài học về đạo đức và kinh nghiệm sống. Điều này không chỉ giúp cha mẹ cập nhật tri thức mới mà còn giúp trẻ cảm thấy được tôn trọng, từ đó giảm thiểu các xung đột văn hóa trong gia đình số.

Đối với nhóm cha mẹ trẻ, có học vấn và điều kiện kinh tế tại khu vực trung tâm, dù có ưu thế về kỹ năng nhưng họ lại dễ rơi vào xu hướng “khoán trắng” việc giáo dục cho các thiết bị thông minh do áp lực công việc. Giải pháp cấp thiết là phải tái lập sự hiện diện chất lượng của cha mẹ, đặc biệt là vai trò của người cha, trong việc dẫn dắt con cái khai thác các giá trị tri thức và kỹ năng số bậc cao. Cần thiết lập các “vùng xanh gia đình” - những khoảng thời gian và không gian hoàn toàn không có thiết bị số - để củng cố sự gắn kết tình cảm và giáo dục các giá trị đạo đức truyền thống thông qua tương tác trực tiếp. Nhóm này cần được định hướng để biến công nghệ từ công cụ giải trí đơn thuần thành phương tiện sáng tạo, giúp trẻ phát triển toàn diện cả về “tâm lực” và “kỹ lực” theo tinh thần của Nghị quyết số 80-NQ/TW.

Cuối cùng, đối với nhóm cha mẹ có tâm lý dè dặt và lo sợ rủi ro từ mạng xã hội, giải pháp quan trọng là chuyển dịch từ phương thức quản lý “vật

lý” (cắm đoán thiết bị) sang quản lý “nhận thức” (xây dựng năng lực tự quản cho trẻ). Cần trang bị cho phụ huynh các kiến thức chuyên sâu về bảo mật thông tin và đạo đức ứng xử trên không gian mạng để họ đủ tự tin hướng dẫn con cái tự hình thành cơ chế “miễn dịch số”. Khi cha mẹ nắm vững các quy tắc an toàn và văn hóa số, họ sẽ bớt đi sự lo âu cực đoan, từ đó tạo điều kiện cho trẻ em từ 11-15 tuổi được tự chủ khám phá tri thức và phát triển kỹ năng trong một môi trường số có sự giám sát từ xa và hỗ trợ kịp thời.

Thứ hai, khuyến khích sự tham gia tích cực và đồng hành của người cha trong giáo dục con cái ở môi trường số: Luận án cũng chỉ rõ, trong giáo dục con cái luôn mang dấu ấn của người mẹ nhiều hơn người cha kể cả giáo dục các nội dung thiên về số hoá và công nghệ. Để đảm bảo sự cân bằng và toàn diện trong giáo dục gia đình, Thành phố Hồ Chí Minh cần có các chính sách và hoạt động cụ thể nhằm thúc đẩy vai trò của người cha trong quá trình giáo dục con cái, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay. Các chương trình tập huấn, hội thảo về kỹ năng làm cha mẹ trong kỷ nguyên số nên được thiết kế để thu hút sự tham gia của cả cha và mẹ. Bên cạnh đó, cần tăng cường truyền thông xã hội để thay đổi nhận thức về vai trò của người cha, khuyến khích họ chủ động hơn trong việc tìm hiểu công nghệ, đồng hành cùng con khám phá không gian mạng một cách an toàn và lành mạnh, từ đó giảm gánh nặng cho người mẹ và xây dựng mối quan hệ gia đình bền chặt hơn.

Thứ ba, cần thay đổi phương pháp giáo dục con cái, đặc biệt là giáo dục con cái trong độ tuổi vị thành niên: Luận án cũng đưa ra một số kết quả về phương pháp giáo dục của cha mẹ hiện nay vẫn chủ yếu sử dụng phương pháp “áp đặt” bằng cách kiểm soát nội dung và thời gian sử dụng công nghệ của con hoặc theo dõi bằng camera, trong bối cảnh mới, việc sử dụng quá nhiều phương pháp này trong giáo dục trẻ con sẽ kém hiệu quả. Vì vậy, thành phố cần khuyến khích cha mẹ chuyển đổi từ phương pháp giáo dục áp đặt truyền thống sang các phương pháp hiện đại hơn như chia sẻ, đồng hành và

làm gương, đặc biệt trong việc quản lý và định hướng con cái sử dụng công nghệ. Chính sách nên tập trung vào việc trang bị cho cha mẹ kiến thức và công cụ về "*kiểm soát thông minh*", chẳng hạn như sử dụng phần mềm quản lý thời gian sử dụng thiết bị, lọc nội dung không phù hợp, và hướng dẫn cha mẹ cách đối thoại cởi mở với con về rủi ro trực tuyến. Đồng thời, cần xây dựng các chương trình tư vấn tâm lý giúp cha mẹ nhận diện và giảm thiểu nỗi lo sợ về rủi ro công nghệ, từ đó khuyến khích họ trao quyền tự chủ cho con trong khuôn khổ an toàn, tạo điều kiện cho trẻ phát triển kỹ năng tư duy phản biện và sáng tạo trong môi trường số

Thứ tư, tăng cường kết hợp giữa thiết chế gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục trẻ em trong bối cảnh chuyển đổi số tại Thành phố Hồ Chí Minh: Để giáo dục trẻ em một cách toàn diện và hiệu quả trong bối cảnh chuyển đổi số, Thành phố Hồ Chí Minh cần xây dựng một cơ chế phối hợp liên ngành chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và các thiết chế xã hội. Điều này bao gồm việc thống nhất chương trình và phương pháp giáo dục về công nghệ số, từ đạo đức số đến kỹ năng số, xuyên suốt các cấp độ giáo dục. Cụ thể, chính sách cần khuyến khích các trường học tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, câu lạc bộ cha mẹ, nơi cha mẹ có thể trao đổi kinh nghiệm với giáo viên và các chuyên gia. Đồng thời, cần tăng cường vai trò của các tổ chức xã hội như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, các trung tâm hoạt động thanh thiếu niên trong việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các chiến dịch truyền thông về an toàn mạng, sử dụng công nghệ có trách nhiệm. Sự phối hợp này sẽ tạo ra một môi trường giáo dục đồng bộ, hỗ trợ cha mẹ một cách hiệu quả nhất trong việc trang bị cho trẻ em những kỹ năng cần thiết để phát triển bền vững trong xã hội số.

Thứ năm, ban hành và thực thi chính sách quản lý việc sử dụng thiết bị di động trong trường học một cách linh hoạt và có định hướng: Qua rà soát tài liệu thứ cấp, Luận án nhận thấy rằng tình trạng trẻ em ở thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và cả nước nói chung sử dụng điện thoại di động hoặc các thiết bị điện tử sớm và nhiều hơn các quốc gia khác là đáng báo động, điều

này ảnh hưởng tới sức khoẻ tâm thần, ảnh hưởng tới học tập và có thể gây nên nhiều hệ lụy khác cho xã hội. Nhận thức được những lo ngại của cha mẹ về rủi ro từ việc sử dụng công nghệ, đồng thời tận dụng tiềm năng của thiết bị di động trong giáo dục, Thành phố Hồ Chí Minh cần xem xét ban hành một chính sách rõ ràng, linh hoạt về việc sử dụng điện thoại di động trong trường học. Chính sách này không nên đơn thuần là cấm đoán, mà cần có định hướng giáo dục. Cụ thể, cần phân cấp quy định theo từng cấp học và mục đích sử dụng. Đối với lứa tuổi 11-15 (cấp THCS), có thể cho phép sử dụng điện thoại trong giờ ra chơi, hoặc cho mục đích học tập theo chỉ định của giáo viên, nhưng hạn chế trong giờ học chính khóa để đảm bảo sự tập trung. Chính sách cần được xây dựng dựa trên sự tham vấn ý kiến từ phụ huynh, giáo viên, học sinh và các chuyên gia tâm lý, giáo dục. Đồng thời, nhà trường cần triển khai các buổi tập huấn cho học sinh về kỹ năng sử dụng điện thoại thông minh một cách có trách nhiệm, an toàn và hiệu quả, giúp các em tự giác trong việc quản lý thời gian và nội dung sử dụng, thay vì chỉ dựa vào sự kiểm soát từ cha mẹ và nhà trường. Điều này sẽ góp phần giáo dục ý thức tự chủ và trách nhiệm công dân số và trang bị năng lực số cho học sinh ngay từ môi trường học đường.

Thứ sáu, tiếp tục nghiên cứu và phát triển chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu về chức năng xã hội hoá trong gia đình trong bối cảnh chuyển đổi số là một trong những vấn đề khá mới mẻ ở Việt Nam. Luận án đã phát hiện nhiều vấn đề thú vị nhưng chưa có điều kiện để phân tích chi tiết, tỉ mỉ, cụ thể. Do đó, vấn đề này cần được tiếp tục nghiên cứu một cách sâu sắc hơn, phân tích nhiều chiều cạnh hơn của giáo dục gia đình như: Tác động của công nghệ tới việc giáo dục trẻ em ở các lứa tuổi khác nhau; Vai trò của chuyển đổi số trong giáo dục trẻ em hiện nay... Từ đó góp phần tích cực vào phát triển xã hội học gia đình nói riêng và ngành xã hội học nói chung và có cơ sở để hoạch định những chính sách về giáo dục gia đình, trẻ em, phát huy tốt nhất vai trò của gia đình trong giáo dục trẻ em ở bối cảnh mới.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ
CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Lê Thị Thuỳ Linh (2024), “Giáo dục đạo đức, lối sống của gia đình trong bối cảnh chuyển đổi số tại Thành phố Hồ Chí Minh”, Tạp chí *Lý luận chính trị và Truyền thông*, chuyên đề số 1 (5), tr.171-174.
2. Lê Thị Thuỳ Linh (2024), “Nghiên cứu xã hội hoá về lòng hiếu thảo cho trẻ em trong gia đình - một số vấn đề đặt ra trong bối cảnh hiện nay”, Tạp chí *Lý luận chính trị và Truyền thông*, chuyên đề số 2 (11). tr.202-204.
3. Lê Thị Thuỳ Linh (2025), “Xây dựng hệ giá trị gia đình Việt Nam “ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh” trong bối cảnh mới”, Tạp chí *Lý luận Chính trị* điện tử, ngày 10/4.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

* Tài liệu trong nước

1. Ban Bí thư (2015), *Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 24/3/2015 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030*, Hà Nội.
2. Báo Đại biểu Nhân dân. (2024, 25 tháng 11), *Tăng cường bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng*, Truy cập từ <https://daibieunhandan.vn/tang-cuong-bao-ve-tre-em-tren-moi-truong-mang-10352924.html>
3. Báo Phụ nữ TP.HCM (2023), *Áp lực "nghiện like", "nghiện comment" bào mòn tâm lý trẻ dậy thì*.
4. Báo Thanh niên TP.HCM (2024), *Lướt mạng xã hội tưởng vui hoá ra lại buồn*, Truy cập từ <https://thanhnien.vn/luot-mang-xa-hoi-tuong-vui-hoa-ra-lai-buon-185241214105039012.htm>
5. Báo Tuổi Trẻ TP.HCM (2023), *Nghiện game online: Hậu quả khó lường đối với học sinh*
6. Hồ Tú Bảo, Nguyễn Huy Dũng và Nguyễn Nhật Quang (2020), *Hỏi đáp về chuyển đổi số*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
7. Bộ Thông tin và Truyền thông (2021), *Cẩm nang chuyển đổi số (tái bản có chỉnh sửa, cập nhật, bổ sung năm 2021)*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
8. Bộ Văn hóa Thể thao và du lịch (2022), *Quyết định số 224/QĐ-BVHTTDL về Quyết định ban hành bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình ngày 28 tháng 1 năm 2022*, Hà Nội.
9. Bộ Y tế (2023), *Báo cáo tổng kết công tác y tế học đường năm 2023*. (Thông tin được công bố trên cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế.
10. Đinh Thị Vân Chi (2018), *Tạp chí Nghiên cứu Văn hoá*, số 23.
11. Bùi Thế Cường, Đặng Thị Việt Phương, Trịnh Huy Hoá (2010), *Từ điển Xã hội học Oxford*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

12. Dân trí (2023), *53% bệnh nhân nghiện Internet tại Viện Sức khỏe Tâm thần là học sinh*. Truy cập từ <https://dantri.com.vn/suc-khoe/53-benh-nhan-nghien-internet-tai-vien-suc-khoe-tam-than-la-hoc-sinh-20230809180721245.htm>
13. Dân trí (2024), *Vấn đề pháp lý từ vụ 2 thiếu niên nghiện game sát hại cụ bà 70 tuổi*. Truy cập từ <https://dantri.com.vn/ban-doc/van-de-phap-ly-tu-vu-2-thieu-nien-nghien-game-sat-hai-cu-ba-70-tuoi-20241223145127761.htm>
14. Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (2020), *Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ Thành phố khoá X tại Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Thành phố Hồ Chí Minh.
15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 47, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 51, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
18. Vũ Trường Giang, Trịnh Thị Thuý (2022), *Về hệ giá trị gia đình Việt Nam hiện nay, Kỷ yếu Hội thảo quốc gia, Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới*, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội.
19. Phạm Minh Hạc (2000), *Văn hóa giáo dục Việt Nam*, Nxb Giáo dục
20. Nguyễn Thị Thanh Hải (2021), “Giáo dục công dân số cho học sinh trung học cơ sở trong bối cảnh chuyển đổi số”, *Tạp chí Giáo dục*, (505), tr.30-34.
21. Trương Thị Mỹ Hạnh (2020), “Vai trò của gia đình trong việc giáo dục lối sống tự lập cho trẻ em thành phố Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh*, 245, tr.63-71.

22. Trương Thị Mỹ Hạnh (2020), *Vai trò của cha mẹ trong việc cân bằng hoạt động trực tuyến và ngoại tuyến cho trẻ*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia về Gia đình và Trẻ em trong bối cảnh mới, tr.120-130.
23. Lê Văn Hảo (2016), “Bồn phẫn và kỳ vọng về hiếu thảo: cách nhìn nhận hiện nay của thanh niên và người già Hà Nội”, *Tạp chí Tâm lý học*, số 6. tr.16-28.
24. Phạm Thị Thu Hiền (2021), “Thách thức trong giáo dục đạo đức, lối sống cho trẻ em trước tác động của công nghệ số tại Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Xã hội*, số 3, tr.35-40.
25. Đỗ Thị Ngọc Hoa (2021), “Thực trạng và giải pháp cha mẹ đồng hành cùng con học trực tuyến trong bối cảnh COVID-19”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 23(2), tr.78-89
26. Đỗ Thị Ngọc Hoa (2021), “Vai trò của gia đình trong việc định hướng học trực tuyến cho học sinh tiểu học”, *Tạp chí Giáo dục*, 508, tr.33-37
27. Ngô Công Hoàn (1991), *Tâm lý học gia đình*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
28. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (2023, 25 tháng 5), *Cứ 5 trẻ em, thanh thiếu niên Việt Nam thì có 1 người bị bắt nạt trên mạng*. Truy cập từ <https://hoilhpn.org.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/cu-5-tre-em-thanh-thieu-nien-viet-nam-thi-co-1-nguoi-bi-bat-nat-tren-mang-56146-2.html>
29. <https://baovanhoa.vn/gia-dinh/tphcm-ban-hanh-bo-tieu-chi-xay-dung-gia-dinh-hanh-phuc-63969.html>
30. <https://dangcongsan.vn/multimedia/mega-story/bai-4-phat-huy-vai-tro-cua-gia-dinh-trong-viec-xay-dung-cac-he-gia-tri-viet-nam-thoi-ky-moi-628879.html>
31. Lê Minh Huệ (2022), “Thực trạng và giải pháp nâng cao năng lực số cho cha mẹ trong giáo dục con cái ở đô thị hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 8(2), tr.45-56.

32. Nguyễn Thị Huệ (2019), “Ảnh hưởng của đối thoại gia đình đến nhận thức về an toàn mạng của trẻ em”, *Tạp chí Khoa học xã hội*, 15(4), tr.112-123.
33. Nguyễn Thị Huệ (2019), “Ảnh hưởng của mạng xã hội đến lối sống của học sinh trung học cơ sở và giải pháp giáo dục”, *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 16(2), tr.11-18.
34. Lê Ngọc Hùng (2011), *Lịch sử và lý thuyết xã hội học hiện đại*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
35. Jan Szezepanski (1969), *Những khái niệm cơ bản của xã hội học* (bản dịch tiếng Nga), Nxb Tiến bộ Matxcova.
36. Đặng Cảnh Khanh, Lê Thị Quý (2007), *Gia đình học*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
37. Nguyễn Thị Mai Lan (2018), “Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, (148), tr.26-30.
38. Nguyễn Thị Mai Lan (2020), “Tác động của công nghệ số đến sự phát triển của trẻ em và vai trò của gia đình”, *Tạp chí Giáo dục*, (477), tr.30-34.
39. Vũ Thị Lan (2017), “Kỹ năng giao tiếp xã hội của học sinh tiểu học và vai trò của gia đình”, *Tạp chí Tâm lý học*, 17(2), tr.55.
40. Đặng Thanh Lê (1995), “Phụ nữ và giới trong chức năng giáo dục của thiết chế gia đình hiện nay”, *Tạp chí Xã hội học*, số 4, tr.69-73.
41. Phạm Việt Long (2004), *Tục ngữ, ca dao về quan hệ gia đình*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
42. C.Mác và Ph.Ăngghen (2005), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
43. Mai, T. T. T., & Long, N. H. (2012), “Kỹ năng sống của thiếu niên TPHCM”, *Tạp chí Khoa học*, (35), tr.18.
44. Hồ Chí Minh (1996), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
45. Đức Minh (1982), *Suy nghĩ về trách nhiệm của gia đình đối với việc giáo dục thiếu niên nhi đồng*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

46. Nguyễn Hữu Minh (2012), “Các mối quan hệ trong gia đình Việt Nam, một số vấn đề cần quan tâm”, *Tạp chí Xã hội học*, số 4 (120).
47. Nguyễn Thị Thu Nga (2019), “Giáo dục tính tự lập cho trẻ em lứa tuổi mầm non”, *Tạp chí Giáo dục Mầm non*, (12), tr.15-19.
48. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2021), *Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021 - 2030. Theo Quyết định số 23/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 07/1/2021*, Hà Nội.
49. P.Berter, T. Luckmenn (1966), *Sự kiến tạo xã hội về thực tại*, Khảo luận về xã hội học nhận thức, Trần Hữu Quang chủ biên dịch thuật, giới thiệu và chú giải.
50. Phùng, T. Đ., Đặng, T. H., Lương, T. H., & Nguyễn, L. V. (2022), *Sự khác biệt trong hành vi sử dụng ứng dụng chăm sóc sức khỏe trên điện thoại di động của người tiêu dùng tại Việt Nam*, Differences in Vietnamese consumers' behavior of using mobile healthcare applications
51. PLO (Pháp Luật TP.HCM) (2024, 17 tháng 11), *Mạng xã hội và những cam bẫy vô hình đe dọa giới trẻ*. Truy cập từ <https://plo.vn/ky-nguyen-so/mang-xa-hoi-va-nhung-cam-bay-vo-hinh-de-doa-gioi-tre-post820326.html>
52. Psychub. (2024), *Liệu thời gian sử dụng các thiết bị điện tử có liên quan đến trầm cảm và tự sát?*. Truy cập từ <https://psychub.vn/2024/02/01/lieu-thoi-gian-su-dung-cac-thiet-bi-dien-tu-co-lien-he-den-tram-cam-va-tu-sat/>
53. Quân, B. H. (2012), “Kĩ năng tự đánh giá của thiếu niên tại các trung tâm bảo trợ xã hội trên địa bàn TPHCM”, *Tạp chí Khoa học*, (35), tr.25.
54. Trần Hữu Quang (2019), *Xã hội học nhập môn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
55. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2000), *Luật Hôn nhân gia đình năm 2000*, Hà Nội.
56. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016), *Luật trẻ em*, Quốc hội thông qua ngày 5/4/2016, Luật số 102/2016/QH13, Hà Nội.

57. Hà Văn Tác (2011), *Vai trò của gia đình đối với sự phát triển nguồn nhân lực trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Thanh niên, TP HCM.
58. Trần Thị Minh Tâm (2021), “Thực trạng quản lý việc sử dụng internet của học sinh tiểu học của phụ huynh tại thành phố Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 23(1), 57-68.
59. Lý Toàn Thắng (2005), *Đặc điểm văn hóa ứng xử của người Việt*, Nxb Văn hóa Thông tin.
60. Nguyễn Xuân Thắng (2019), *Xu hướng biến đổi các đặc điểm gia đình Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
61. Đỗ Thị Xuân Thảo (2015), “Giáo dục ý thức công dân cho học sinh trung học phổ thông tại thành phố Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 116, tr.45-50.
62. Nguyễn Thị Thu Thảo (2023), “Giải pháp quản lý thời gian sử dụng thiết bị điện tử của học sinh trung học cơ sở”, *Tạp chí Khoa học Xã hội*, 78(1), tr.45-52
63. Lê Thi (1997), *Vai trò của gia đình trong việc xây dựng nhân cách con người Việt Nam*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
64. Nguyễn Đình Thọ (2011), *Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh*, Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội.
65. Nguyễn Thị Thọ (2011), *Xây dựng đạo đức gia đình ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội.
66. Nguyễn Ngọc Thơ, Cao Thanh Tâm, Huỳnh Hoàng Ba (2021), “Giáo dục gia đình và cộng đồng người hoa vùng Tây Nam bộ”, *Tạp chí Văn hoá và Nguồn lực*, số 3 (27).
67. Lê Thị Anh Thư (2017), *Phong cách nuôi dạy con của cha mẹ hiện nay*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

68. Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 96/QĐ-TTg, Quyết định phê duyệt chương trình giáo dục ĐĐ, LS trong gia đình đến năm 2030, ngày 19/1/2022*, Hà Nội.
69. Phạm Thị Thuý (2017), *Vai trò của cha mẹ trong việc giáo dục con*, Nxb Khoa học xã hội, TP HCM.
70. Phạm Thị Thuý (2022), “Thực trạng và giải pháp giáo dục an toàn mạng cho học sinh tiểu học”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 67(1), tr.89-95.
71. Đinh Thị Thu Thủy (2020), “Giáo dục đạo đức trong môi trường mạng xã hội cho học sinh trung học phổ thông”, *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 6(3), tr.56-65.
72. Đinh Thị Thu Thủy (2020), “Vai trò của cha mẹ trong việc định hướng sử dụng internet cho trẻ vị thành niên”, *Tạp chí Tâm lý học*, 12(3), tr.45-56
73. Lê Thị Thu Thủy (2021), “Phát triển năng lực tư duy phản biện cho học sinh tiểu học thông qua hoạt động học tập”, *Tạp chí Giáo dục*, (507), tr.22-26.
74. Trần Thị Thu Thủy (2020), “Thực trạng giáo dục STEM trong gia đình Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 166, tr.78-83.
75. Trần Thị Thanh Thủy (2023), “Giáo dục tư duy phản biện cho học sinh thông qua phương pháp của cha mẹ trong kỷ nguyên số”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 25(1), tr.34-45.
76. Trần Thị Thanh Thủy (2023), “Phát triển năng lực tư duy phản biện thông tin trên mạng xã hội cho thanh thiếu niên”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 39(1), tr.1-10.
77. Lương Thị Thu Trang (2023), *Chăm sóc trẻ em trong gia đình nông thôn hiện nay, nghiên cứu trường hợp huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

78. Nguyễn Thị Thu Trang (2023), “Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng an toàn trực tuyến của học sinh trung học cơ sở và vai trò của cha mẹ”, *Tạp chí Khoa học Xã hội*, 17(1), tr.89-100.
79. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu với SPSS*, tập 1, Nxb Hồng Đức, TPHCM.
80. Nguyễn Quốc Tuấn (1995), *Tìm hiểu các quy phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
81. Trịnh Văn Tùng (2022), *Văn hoá ứng xử của người Việt Nam hiện nay trong không gian công cộng*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
82. Lê Võ Hồng Tuyết và cộng sự (2024), “Tỷ lệ bắt nạt và các yếu tố liên quan ở học sinh trung học phổ thông hệ giáo dục thường xuyên tại thành phố Hồ Chí Minh”, *Tạp chí nghiên cứu y học*, tập 27, số 2.
83. UNICEF Việt Nam (2024), *Tình hình Trẻ em Thế giới năm 2024*. Truy cập từ <https://www.unicef.org/vietnam/vi/bao-cau/tinh-hinh-tre-em-the-gioi-nam-2024>
84. Lê Ngọc Văn (2012), *Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
85. Nguyễn Khắc Viện (1995), *Về truyền thống văn hóa Việt Nam*. Nxb Thế giới, Hà Nội.
86. Trần Quốc Vượng (1998), *Văn hóa Việt Nam: Tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb Văn học.
87. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1998), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.

*** Tài liệu nước ngoài**

88. Abroto, A., Nugraheni, A. S., & Awliyah, R. F. (2022). The role of the family in the moral education of children. *Jurnal Basicedu*, 6(2), 2717-2723
89. Ahmadiyev, N. M., & Juraev, I. M. (2019). Family reading-a leading factor in the promotion of youth moral education. *Научные исследования в Кыргызской Республике*, (3), 24-27

90. American Academy of Pediatrics. (2018). Effective discipline to raise healthy children. *Pediatrics*, 142(6), e20183112. <https://doi.org/10.1542/peds.2018-3112>
91. Balakrishnan, S. R., & Charania, N. (2023), Parental digital competence and influences on parenting mediation. *Journal of Technology, Education, and Learning*, 1(1), 1-17.
92. Banks, J. A. (2008), *An introduction to multicultural education* (4th ed.). Pearson.
93. Biesta, G. J. J. (2011), *Learning in public: Pedagogies for citizenship, democracy and human rights*. Sense Publishers
94. Bourdieu, P. (1986). "The forms of capital." In J. Richardson (Ed.), **Handbook of Theory and Research for the Sociology of Education** (pp. 241-258). Greenwood Press.
95. Büchi, M., Fieseler, C., & Hoffmann, C. P. (2021), Parental mediation of digital media in the family: A conceptual review. *Media and Communication*, 9(3), 11-20.
96. Chang, L., & Hsiao, C. H. (2011), Parenting styles and academic achievement in Taiwan: A review of the literature. *International Journal of Adolescence and Youth*, 16(4), 213-228.
97. Chen, X., & Ho, Y. F. (2000), Filial piety and individual development in Chinese societies. *Journal of the American Academy of Child and Adolescent Psychiatry*, 39(6), 665-667.
98. Cheng, R. (2020). Digital parenting: A systematic review of the role of parents in children's online safety and digital literacy. *Information, Communication & Society*, 23(7), 911-926. <https://doi.org/10.1080/1369118X.2020.1715031>
99. Choi, M., Lee, J., & Kim, M. J. (2017), The effects of parental mediation on adolescents' digital literacy and online risk behavior. *Cyberpsychology, Behavior, and Social Networking*, 20(10), 654-660

100. Courtois, C., & Vanacker, R. (2019), Digital parenting styles: An exploratory study. *Media and Communication*, 7(2), 29-41
101. Dede, C. (2016). *Education in a digital age: Rethinking global citizenship education*. *Globalisation, Societies and Education, 14*(3), 294-313. <https://doi.org/10.1080/14767724.2015.1033005>
102. Diamond, A. (2013), Executive Functions. *Annual Review of Psychology*, 64, 135-168. doi:10.1146/annurev-psych-113011-143750
103. Durlak, J. A., Weissberg, R. P., Dymnicki, A. B., Taylor, R. D., & Schellinger, K. B. (2011), The impact of enhancing students' social and emotional learning: A meta-analysis of school-based universal interventions. *Child Development*, 82(1), 405-432.
104. Eamon, M. K. (2005), Social-demographic, school, neighborhood, and parenting influences on the academic achievement of Latino youth. *Journal of Family Issues*, 26(2), 173-200.
105. Emler, N., & Reicher, S. (1995), *Towards a just society: The contribution of social psychology*. Blackwell Publishers.
106. Furstenberg, F. F., & Hughes, M. E. (1995). The influence of neighborhoods on children's development: A theoretical perspective. *Sociological Forum, 10*(2), 215-240. <https://doi.org/10.1007/BF02002478>
107. Gershoff, E. T., & Grogan-Kaylor, A. (2016). Trends in public beliefs about corporal punishment in the United States, 1993-2014. *Child Abuse & Neglect*, 63, 35-48. <https://doi.org/10.1016/j.chiabu.2016.01.014>
108. Goleman, D. (1995). *Emotional intelligence: Why it can matter more than IQ*. Bantam Books.
109. Helsper, E. J., & Van den Bulck, J. (2022), *The digital well-being of children and adolescents: A global perspective*. Oxford University Press
110. Hinduja, S., & Patchin, J. W. (2010). *Bullying Beyond the Schoolyard: Preventing and Responding to Cyberbullying*. Corwin Press.

111. Ho, D. Y. F. (1994), Filial piety, authoritarian moralism, and cognitive conservatism in Chinese societies. In R. J. Sternberg & P. Ruzgis (Eds.), *Personality and intelligence* (pp. 209-224). Cambridge University Press.
112. Inglehart, R., & Baker, W. E. (2000). Modernization, cultural change, and the persistence of traditional values. *American sociological review*, 65(1), 19-51.
113. Kim Dong Hoon (2019). Family and community influence on character education in South Korea. **Korean Journal of Educational Studies**, 27(2), 145-160.
114. Kim, Y., & Roh, J. (2017), The effects of parents' communication patterns on children's social skills in South Korea. *Journal of Early Childhood Education & Care*, 12(4), 1-18.
115. Lee, H., Lee, J., & Kim, M. (2020), Parental mediation of children's digital media use: A systematic review of current research and future directions. *Journal of Broadcasting & Electronic Media*, 64(1), 1-21
116. Lee, K., & Lee, J. (2017), A study on the perception of parents about the education of future competencies for elementary school students. *The Journal of Learner-Centered Curriculum and Instruction*, 17(23), 441-460.
117. Li, G. (2013), The effects of family income on children's education: An empirical analysis of CHNS data. *Chinese Journal of Sociology*, 3(1), 11-28.
118. Lickona, T. (1991), *Educating for character: How our schools can teach respect and responsibility*. Bantam Books.
119. Lim, H. J., & Oh, I. S. (2021), Effects of parents' emotional intelligence on children's emotional regulation and peer relationships. *Journal of Child Health Care*, 25(1), 1-10
120. Lin, T. C., & Yu, S. W. (2018), Parental involvement in children's online learning: A case study of Taiwan. *International Journal of Education Technology and Society*, 21(3), 163-174.

121. Livingstone, S., & Helsper, E. J. (2008), Parental mediation of children's internet use. *Journal of Broadcasting & Electronic Media*, 52(4), 581-599
122. Marsh, J., Lahmar, J., & Clarke, L. (2021), Digital parenting: What parents say about their role in mediating young children's digital experiences. *Computers & Education*, 173, 104273
123. Marshall, G. (1994). *Oxford dictionary of sociology*. Oxford: Oxford University Press.
124. Martin, A. (2010). Digital literacy and the “digital society”. *Digit. Literacies Concepts Policies Practices* 30, 151- 176 (2008).
125. Mascheroni, G., & Ólafsson, K. (2019), *The digital generation: Growing up online*. EU Kids Online. Retrieved from https://www.eukidsonline.net/wp-content/uploads/2019/07/EU_Kids_Online_The_digital_generation_Growing_up_online_2019.pdf
126. Mascheroni, G., & Ólafsson, K. (2019), *The digital lives of European children and teenagers: The role of parents and families*. JRC Science for Policy Report. Publications Office of the European Union
127. Matzner, M., Büttgen, M., Demirkan, H., Spohrer, J., Alter, S., Fritzsche, A.,... & Neely, A. (2018). Digital transformation in service management
128. Morakanyane, R., Grace, A., O'Reilly, P., (2017). *Conceptualizing digital transformation in business organizations: a systematic review of literature*. In: *Paper Presented at the 30th Bled eConference: Digital Transformation - from Connecting Things to Transforming Our Lives, BLED*
129. Nielsen. (2010), *Global faces and networked places: A look at social networking's impact on our*.
130. Nikken, P., & Schols, M. (2015), Parents' rules for young children's media use: A media ecology perspective. *Journal of Broadcasting & Electronic Media*, 59(1), 105-125.
131. Organisation for Economic Co-operation and Development (OECD). (2019), *PISA 2018 results (Volume I): What students know and can do*. OECD Publishing

132. Park, S., & Kim, H. (2018), The effects of parents' future-oriented child rearing attitude on children's academic achievement and happiness. *Journal of the Korean Home Economics Association*, 56(5), 65-78.
133. Parsons T. 1951. *The Social System*. New York: Free
134. Pew Research Center. (2018), *Teens, social media & technology 2018*. Retrieved from
135. Piaget, J. (1965), *The moral judgment of the child* (M. Gabain, Trans.). Free Press. (Original work published 1932)
136. Ribble, M., & Miller, G. N. (2013), *Digital citizenship in schools: Nine elements all students should know* (3rd ed.). International Society for Technology in Education.
137. Ribble, M. (2021). *Digital citizenship in schools: Teaching kids how to navigate the digital world*. *Educational Leadership*, 78(6), 40-45.
138. Rozman, G. (1991), *The East Asian development experience: An alternative approach to the concept of development*. Praeger.
139. Russell, C. L., Lim, M., & Speyer, J. B. (2019), Parental mediation of children's digital media use: A systematic review of factors influencing mediation practices. *Computers in Human Behavior*, 96, 219-231.
140. Sakamoto, H., Takahashi, T., & Kaneko, S. (2014), Internet use and mental health in adolescents: A cross-sectional study in Japan. *Journal of Affective Disorders*, 166, 156-162
141. Smahel, D., & Livingstone, S. (2018), *Kids online: Opportunities and risks for children and their parents*. Sage Publications.
142. Stolterman, E., Fors, A. (2004), Information technology and the good life. In: *Information Systems Research*, pp. 687-692.
143. Takahashi, H. (2016). Moral Education in Japan: The Influence of Traditional Culture. *Journal of Moral Education*, 45(2), 245-259.
144. Takahashi, H. (2017). "Moral Education in Japanese Families: From Traditional Norms to Modern Contexts." *Japanese Journal of Sociology**, 37(3), 221-236.

145. UNESCO (2015b), *Key competencies for global citizens: An analytical overview*. UNESCO
146. UNICEF (2017), *The State of the World's Children 2017: Children in a Digital World*. Truy cập từ https://www.unicef.org/media/48581/file/SOWC_2017_ENG.pdf
147. Valkenburg, P. M., & Piotrowski, J. T. (2017), *Plugged in: How media reshape the lives of today's kids*. Yale University Press.
148. Van Veldhoven, Z., Vanthienen, J. (2019). Designing a comprehensive understanding of digital transformation and its impact. In: 32nd Bled eConference: Humanizing Technology for a Sustainable Society, pp. 745-763
149. Wang, L. (2021). "Parental Influence on Children's Moral Development in the Age of Digital Technology." *Chinese Journal of Sociology* 7(1), 34-50.
150. Watatani, S., & Sakamoto, H. (2021), Parental mediation of children's information literacy in the digital age: A study in Japan. *Journal of Information Science Theory and Practice*, 9(3), 22-35.
151. Wong, S. Y., Lau, Y. Y., & Lo, H. M. (2022), Digital parenting and children's online gaming behavior in Hong Kong. *Journal of Children and Media*, 14
152. World Health Organization (WHO) (2018), *Gaming disorder included in new WHO classification of diseases*. Truy cập từ <https://www.who.int/news/item/18-06-2018-gaming-disorder-included-in-new-who-classification-of-diseases>
153. Xue, Hong. (2015). "Family Role in Moral Education for Children in Contemporary China." *Chinese Journal of Sociology*, 3(1), 75-90.
154. Zhang, Y. (2016), The influence of family socioeconomic status on primary school students' emotional intelligence: The mediating effect of parenting styles and regional differences. *Frontiers in Psychology*, 13, 753774.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1 PHIẾU ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH VIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN CHỨC NĂNG XÃ HỘI HOÁ CỦA GIA ĐÌNH

Kính chào Quý ông/bà!

Nhóm nghiên cứu chúng tôi thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, được giao nhiệm vụ tìm hiểu chủ đề: **“Chức năng xã hội hoá của gia đình trong bối cảnh chuyển đổi số - nghiên cứu trường hợp tại Thành phố Hồ Chí Minh”**.

Nghiên cứu này mong muốn lắng nghe suy nghĩ, ý kiến và trải nghiệm của ông/bà về một số nội dung và phương pháp giáo dục con cái từ 11-15 tuổi trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay trong một số lĩnh vực như: Giáo dục đạo đức, lối sống; tri thức; kỹ năng. Từ đó đưa ra một vài gợi ý và khuyến nghị chính sách trong giáo dục gia đình hiện nay.

Thông tin mà ông/bà trả lời đều được bảo mật và chỉ phục vụ nghiên cứu khoa học.

Ông/bà vui lòng dành ít phút đọc kỹ, trả lời các câu hỏi sau đây theo đúng suy nghĩ và trải nghiệm thực tế của mình bằng cách đánh dấu (X) hoặc điền vào chỗ trống (...).

Rất mong nhận được sự hợp tác của ông/bà.

Xin chân thành cảm ơn!

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

A1: Ông/bà đang sinh sống tại:

Phường, xã, Quận/huyện

A2: Giới tính của ông, bà: 1. Nam 2. Nữ

A3: Năm sinh của ông, bà (ghi đầy đủ 4 số):.....

A4: Hiện tại, ông, bà đang làm nghề gì? (chọn 1 đáp án):

- | | |
|--|-------------|
| 1. Công chức/viên chức/nhân viên văn phòng | 6. Buôn bán |
| 2. Doanh nhân | 7. Nông dân |

3. Công nhân
4. Lao động tự do
5. Người sáng tạo nội dung số (youtube, tiktok, facebooker...)
8. Nội trợ
9. Khác

A 5: Trình độ học vấn cao nhất của ông/bà? (chọn 1 đáp án)

1. Cấp 1/Tiểu học
2. Cấp 2/Trung học cơ sở
3. Cấp 3/Trung học phổ thông
4. Trung cấp
5. Cao đẳng
6. Đại học
7. Sau đại học
8. Không đi học

A6: Ông/bà thuộc thành phần dân tộc: 1. Kinh 2. Dân tộc thiểu số

A7: Tôn giáo của ông/bà

1. Không theo tôn giáo nào
2. Đạo Phật
3. Thiên chúa giáo
4. Tôn giáo khác (ghi rõ).....

A8: Tình trạng hôn nhân của ông/bà?

1. Đang có vợ/chồng
2. Ly hôn
3. Ly thân
4. Goá
5. Bố/mẹ đơn thân
6. Sống chung như vợ/chồng

A11: Thu nhập trung bình hàng tháng của cả hai vợ chồng ông/bà khoảng bao nhiêu?.....triệu (VN đồng)

A12: Trung bình mỗi tháng gia đình ông/bà chi tiêu hết bao nhiêu tiền cho chăm sóc và giáo dục con cáitriệu (VN đồng)

A13. Trong gia đình ông/bà, ai là người ra quyết định cuối cùng trong việc dạy dỗ con cái.

1. Vợ luôn luôn quyết định
2. Vợ quyết định nhiều hơn
3. Hai vợ/chồng quyết định bằng nhau
3. Chồng quyết định nhiều hơn
5. Chồng luôn luôn quyết định
6. Những người khác trong gia đình

A14. Theo ông/bà, ai trong gia đình nên chịu trách nhiệm chính về giáo dục con cái?

1. Người vợ .
2. Người chồng .
3. Cả hai vợ chồng
4. Không biết
5. Ý kiến khác

A15. Hàng ngày, ông/bà thường dành bao nhiêu thời gian cho con cái?.....giờ/ngày

A16: Vợ chồng ông bà hiện có mấy người con trong độ tuổi 11-15 tuổi:con

Trong đó:

Số con trai:.....

Số con gái:.....

A17: Ông/bà vui lòng cho biết độ tuổi và giới tính các con từ 11-15 tuổi của ông/bà?

Con	Tuổi (ghi cụ thể)	Giới tính	
1. Con thứ nhất		1. Nam	2. Nữ
2. Con thứ hai		1. Nam	2. Nữ
3. Con thứ ba		1. Nam	2. Nữ
4. Con thứ 4		1. Nam	2. Nữ
5. Con thứ 5		1. Nam	2. Nữ

A18: Ông/bà có biết thông tin/nghe thông tin về cuộc cách mạng 4.0 hoặc chuyển đổi số trên các phương tiện truyền thông không?

1. Có
2. Không

A19. Gia đình ông/bà con cái có được sử dụng các thiết bị công nghệ có kết nối internet không?

1. Có
2. Không

A20. Nếu có, thì gồm những thiết bị công nghệ nào sau đây?

Các thiết bị	Có	Không
1. Máy tính bảng	1	2
2. Máy vi tính (laptop hoặc máy để bàn)	1	2
3. Điện thoại di động thông minh	1	2
4. Dùng chung với bố mẹ khi cần thiết	1	2
5. Không cho phép sử dụng các thiết bị điện tử	1	2

A21: Ông/bà tự đánh giá khả năng hiểu biết của ông bà về công nghệ số hiện nay?

- ☐ 1. Hiểu biết rất nhiều
- ☐ 2. Hiểu biết nhiều
- ☐ 3. Bình thường
- ☐ 4. Hiểu biết ít
- ☐ 5. Không hiểu biết

B. GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG CHO TRẺ EM TRONG GIA ĐÌNH

B1. Quan điểm của ông/bà về sự cần thiết phải giáo dục đạo đức cho con cái từ 11-15 tuổi hiện nay như thế nào?

1. Rất cần thiết

2. Cần thiết
3. Bình thường
4. Không cần thiết
5. Rất không cần thiết

B2. Mục đích ông/bà giáo dục đạo đức cho con cái trong bối cảnh hiện nay là gì?

1. Con cái có nhân cách tốt - làm người có ích
2. Giữ gìn văn hoá truyền thống gia đình
3. Định hướng dẫn dắt trẻ trưởng thành
4. Góp phần xây dựng thể hệ công dân có trách nhiệm

B3: Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, ông bà có thường xuyên giáo dục đạo đức cho con cái từ 11-15 tuổi những nội dung nào sau đây?

1= Rất không thường xuyên, 2=Không thường xuyên; 3 = thỉnh thoảng, 4= thường xuyên; 5= Rất thường xuyên;	Mức độ				
1.Tôn trọng người khác	1	2	3	4	5
2. Tuân thủ pháp luật, quy định, quy chế của nhà trường, địa phương	1	2	3	4	5
3. Ngay thẳng, thật thà	1	2	3	4	5
4. Có lòng nhân ái với mọi người	1	2	3	4	5
5. Bao dung với mọi người	1	2	3	4	5
6. Tôn trọng quyền riêng tư trên MXH	1	2	3	4	5
7. Tiếp cận nội dung lành mạnh trên MXH	1	2	3	4	5
8. Chia sẻ gương người tốt việc tốt trên MXH	1	2	3	4	5
9. Không lan truyền tin đồn trên MXH	1	2	3	4	5
10. Không tham gia các xu hướng bắt nạt trên MXH.	1	2	3	4	5

B4. Ông/bà có giáo dục con cái hiếu thảo với ông bà/cha mẹ không?

1. Có
2. Không

B5. Số lần ông/bà giáo dục con cái từ 11-15 tuổi những nội dung để thể hiện lòng hiếu thảo với ông/bà cha mẹ trong bối cảnh hiện nay không?

Nội dung	Mức độ /tháng				
	Không lần nào	2-4 lần	4-6 lần	6-8 lần	Trên 8 lần
1. Tôn trọng bố mẹ	1	2	3	4	5
2. Lễ phép với ông bà, bố mẹ	1	2	3	4	5
3. Giúp đỡ bố mẹ việc nhà	1	2	3	4	5
4. Làm theo ý kiến của bố mẹ	1	2	3	4	5
5. Thường xuyên quan tâm tới sức khoẻ ông bà, bố mẹ	1	2	3	4	5
6. Gọi điện hỏi thăm khi ông, bà nội ngoại ở xa	1	2	3	4	5
7. Giúp ông bà, bố mẹ cài các phần mềm điện tử	1	2	3	4	5
8. Nhắn tin, gọi điện hỏi thăm khi bố mẹ đi công tác	1	2	3	4	5
9. Lưu giữ những khoảng khắc bên gia đình	1	2	3	4	5
10. Gửi lời chúc mừng, cảm ơn bố mẹ vào những dịp đặc biệt	1	2	3	4	5

B6. Theo ông/bà có cần thiết phải giáo dục lối sống cho con cái trong giai đoạn hiện nay không?

1. Rất cần thiết
2. Cần thiết
3. Bình thường
4. Không cần thiết
5. Rất không cần thiết

B7. Mục đích của ông bà trong giáo dục lối sống cho con cái trong giai đoạn hiện nay là gì?

1. Giúp con có lối sống lành mạnh
2. Thích ứng với lối sống hiện đại
3. Xây dựng thói quen lành mạnh
4. Tránh rủi ro và các tệ nạn xã hội
5. Xây dựng công dân có trách nhiệm với xã hội

B8. Theo ông/bà, lối sống của ông bà ảnh hưởng như thế nào đến lối sống của con cái trong gia đình?

1. Hoàn toàn không ảnh hưởng
2. Không ảnh hưởng lắm
3. Bình thường
4. Ảnh hưởng một phần
5. Rất ảnh hưởng

1= Rất không đồng ý; 2 = không đồng ý; 3 =không quan tâm; 4= đồng ý; 5 = Rất đồng ý	Mức độ đồng ý				
1. Ứng xử văn minh trong không gian công cộng	1	2	3	4	5
2. Lịch sự với mọi người	1	2	3	4	5
3. Biết giúp đỡ, chia sẻ với người già và trẻ em, người yếu thế	1	2	3	4	5
4. Trách nhiệm với cá nhân và cộng đồng	1	2	3	4	5
5. Ăn uống lành mạnh, rèn luyện thể chất	1	2	3	4	5
6. Xây dựng thói quen sử dụng công nghệ hợp lý	1	2	3	4	5
7. Sử dụng công nghệ phục vụ cuộc sống (đi lại, mua sắm, học tập, giải trí..)	1	2	3	4	5
8. Ứng xử văn minh trên mạng xã hội	1	2	3	4	5
9. Suy nghĩ kỹ trước khi bình luận hoặc đưa ra ý kiến trên MXH	1	2	3	4	5
10. Tạo ra những nội dung tích cực trên MXH	1	2	3	4	5
11. Hòa hòa giữa thời gian sử dụng công nghệ và thời gian vui chơi giải trí trực tiếp					

B9. Ông/bà có đồng ý với những nội dung giáo dục con cái từ 11-15 tuổi về lối sống trong bối cảnh chuyển đổi số sau đây hay không?

D. GIÁO DỤC TRI THỨC, KỸ NĂNG CHO TRẺ EM

D1: Mong muốn của ông/bà về con cái trong gia đình hiện nay? (Chọn nhiều đáp án)

- ☐ 1. Có trình độ học vấn cao
- ☐ 2. Am hiểu về khoa học, kỹ thuật công nghệ
- ☐ 3. Biết sử dụng công nghệ số để phục vụ cho học tập
- ☐ 4. Có tri thức về chăm sóc sức khỏe giới tính
- ☐ 5. Ý kiến khác

D2. Ông/bà có thường xuyên hỗ trợ giáo dục tri thức cho con cái hiện nay thông qua những nội dung/ hoạt động nào sau đây?

1= không bao giờ, 2= thỉnh thoảng; 3 = không biết, 4= thường xuyên; 5= Rất thường xuyên;	Mức độ				
1. Chuẩn bị không gian học tập đầy đủ					
2. Dạy con học ở nhà	1	2	3	4	5
3. Trò chuyện, chia sẻ tri thức, kinh nghiệm học tập với con	1	2	3	4	5
4. Nhắc nhở con học tập	1	2	3	4	5
5. Giáo dục tâm sinh, sinh lý tuổi dậy thì	1	2	3	4	5
6. Giáo dục tình yêu tình bạn khác giới	1	2	3	4	5
7. Đưa con đi học thêm, học tiếng anh, tin học	1	2	3	4	5
8. Mua sắm thiết bị công nghệ cho con học tập	1	2	3	4	5
9. Đăng ký các khoá học online cho con tham gia trên internet	1	2	3	4	5
10. Đăng ký các cuộc thi trên internet và bảo con tham gia	1	2	3	4	5
11. Cùng con tìm hiểu về công nghệ	1	2	3	4	5
12. Cùng con xem một số chương trình để mở rộng tri thức	1	2	3	4	5
13. Giới thiệu cho con các công cụ học tập hiệu quả	1	2	3	4	5
14. Dạy con những dấu hiệu quấy rối tình dục trên không gian mạng xã hội	1	2	3	4	5

D3: Kỳ vọng của ông/bà về học vấn của con cái 11-15 tuổi trong gia đình hiện nay?

Nội dung	Có	Không
1. Hết trung học cơ sở	1	2
2. Hết trung học phổ thông	1	2
3. Hết trung cấp	1	2
4. Hết cao đẳng	1	2
5. Hết đại học	1	2
6. Sau đại học	1	2
7. Tuỳ theo năng lực của con	1	2

D4: Ông/bà có định hướng nghề nghiệp cho con từ 11-15 tuổi theo những ngành nghề, công việc dưới đây hay không?? (Có thể chọn nhiều đáp án)

Công việc tương lai	Có	Không
1. Công việc chuyên môn liên quan đến công nghệ, kỹ thuật hiện đại	1	2
2. Công việc chuyên môn liên quan đến xã hội, giáo dục và đào tạo	1	2
3. Công việc liên quan đến kinh tế, tài chính	1	2
4. Công việc chuyên môn liên quan đến nông, lâm, ngư nghiệp	1	2
5. Công nghiệp chuyên môn liên quan đến y, bác sĩ, dược sĩ	1	2
6. Dịch vụ/ kinh doanh/ buôn bán	1	2
7. Công nhân kỹ thuật	1	2
8. Công nhân sản xuất	1	2
9. Công việc tự do	1	2
10. Công việc giản đơn	1	2
11. Không có định hướng/ tùy vào năng lực, sở trường của con	1	2

D5: Theo ông/bà mức độ quan trọng của giáo dục kỹ năng cho con cái trong độ tuổi 11-15 như thế nào?

1. Rất quan trọng
2. Quan trọng
3. Bình Thường
4. Ít quan trọng
5. Rất không quan trọng

D6. Ông/bà giáo dục kỹ năng cho con cái từ 11-15 tuổi trong bối cảnh chuyển đổi số gồm những nội dung gì?

1= Rất không quan trọng; 2 = Ít quan trọng; 3 = Bình thường; 4= Quan trọng; 5 = Rất quan trọng	Mức độ đồng ý					
1. Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm	1	2	3	4	5	9
2. Kỹ năng thuyết trình trước đám đông	1	2	3	4	5	9
3. Kỹ năng tư duy phản biện	1	2	3	4	5	9
4. Kỹ năng giải quyết vấn đề	1	2	3	4	5	9
4. Kỹ năng nhận diện và phòng tránh rủi ro trên MXH	1	2	3	4	5	9
5. Kỹ năng quản lý và tìm kiếm thông tin	1	2	3	4	5	9

6. Kỹ năng sử dụng MXH an toàn	1	2	3	4	5	9
7. Kỹ năng chọn lọc thông tin hiệu quả	1	2	3	4	5	9
8. Kỹ năng nhận diện tin giả, tin không chính thống trên MXH	1	2	3	4	5	9
9. Kỹ năng an toàn và bảo mật thông tin trực tuyến	1	2	3	4	5	9

E. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC TRẺ EM TỪ 11-15 TUỔI

C1. Ông/bà có nghĩ rằng, trong giai đoạn 11-15 tuổi, trẻ vẫn cần bị trừng phạt về thể chất (La mắng, đánh đòn) hay không?

1: Có.

2. Không

Tại sao:

C2. Để giáo dục tri đạo đức, lối sống cho con cái từ 11-15 tuổi, theo ông bà ông/bà phương pháp giáo dục nào là quan trọng nhất sau đây?

1= Rất không quan trọng; 2 = không quan trọng; 3 = bình thường; 4= quan trọng; 5 = Rất quan trọng;	Mức độ				
1. Nghiêm khắc với con cái	1	2	3	4	5
2. Chia sẻ tâm sự cùng con	1	2	3	4	5
3. Trao đổi với con về đạo đức, lối sống hiện nay	1	2	3	4	5
4. Kiểm soát thời gian và nội dung sử dụng mạng xã hội của con cái	1	2	3	4	5
5. Khuyến khích con cái xem các chương trình lành mạnh.	1	2	3	4	5
6. Cùng con thảo luận về quy tắc ứng xử trên mạng xã hội	1	2	3	4	5
7. Tham khảo các hội, nhóm về nuôi dạy con cái trên mạng xã hội	1	2	3	4	5
8. Làm gương cho con trong cuộc sống và trong sử dụng công nghệ	1	2	3	4	5
9. Trò chuyện cởi mở và đồng hành cùng với con cái trong học tập và giải trí	1	2	3	4	5
10. Làm gương cho con (đọc sách, ứng xử, quản lý cảm xúc..)	1	2	3	4	5

11. Tham gia các hội nhóm nuôi dạy con trên internet	1	2	3	4	5
12. Cho con trải nghiệm thực tế, học qua trực quan	1	2	3	4	5
13. Cho con tham gia các hoạt động cộng đồng để nâng cao các kỹ năng cần thiết	1	2	3	4	5
14. Khuyến khích con cái trải nghiệm và khám phá tri thức và kỹ năng trên không gian MXH	1	2	3	4	5
15. Sử dụng Camera để giám sát con cái	1	2	3	4	5
16. Thiết lập quy tắc rõ ràng trong sử dụng internet	1	2	3	4	5
17. Định hướng khai thác tri thức và kỹ năng từ công nghệ	1	2	3	4	5
18. Hỗ trợ công cụ học tập cho con cái (sách báo, máy tính, điện thoại...)	1	2	3	4	5

C3. Ở địa phương ông/bà, có thường xuyên phối hợp với nhà trường tổ chức các hoạt động ngoại khoá sau đây cho trẻ em hay không?

1= không bao giờ, 2= thỉnh thoảng; 3 = không biết, 4= thường xuyên; 5= Rất thường xuyên;	Mức độ phối hợp				
1. Các hoạt động thể dục thể thao	1	2	3	4	5
2. Đi dã ngoại	1	2	3	4	5
3. Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ	1	2	3	4	5
4. Ngày “Chủ nhật xanh” (bảo vệ môi trường cảnh quan)	1	2	3	4	5
5. Các hoạt động khác					

E1. Khi con cái đạt thành tích cao trong học tập hoặc làm được một việc tốt, ông/bà thường ứng xử như thế nào? (có thể chọn nhiều đáp án)

- ☐ 1. Thưởng tiền cho con
- ☐ 2. Bình thường, không thưởng/không khuyến khích gì cả
- ☐ 3. Thưởng quà (sách, truyện/đi ăn/mua quà...)
- ☐ 4. Khen ngợi và khuyến khích con cố gắng hơn nữa
- ☐ 5. Cho con đi chơi/đi du lịch
- ☐ 6. Ý kiến khác.....

E2. Trong gia đình ông/bà, có sử dụng phương pháp phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục con cái hay không?

- 1: Có 2: Không

E3. Nếu “có” sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường thì thông qua những hình thức nào? (có thể chọn nhiều đáp án)

	Có	Không
1. Trao đổi thông qua các ứng dụng công nghệ (Điện thoại, Zalo, facebook..)	1	2
2. Trao đổi thông qua sổ liên lạc điện tử (Vietschool)	1	2
3. Thông qua họp phụ huynh định kỳ	1	2
4. Trao đổi trực tiếp với thầy, cô giáo	1	2
5. Ý kiến khác		

E5: Ông/bà có thường xuyên theo dõi, tìm hiểu các nội dung và phương pháp giáo dục con cái từ các phương tiện truyền thông đại chúng không? (chọn nhiều đáp án)

1=không bao giờ; 2= thỉnh thoảng, 3 = không biết; 4=thường xuyên; 5= rất thường xuyên	Mức độ theo dõi				
1. Tivi	1	2	3	4	5
2. Báo	1	2	3	4	5
3. Đài phát thanh	1	2	3	4	5
4. Mạng xã hội	1	2	3	4	5
5. Internet	1	2	3	4	5

E6: Ông/bà có thấy sự hữu ích khi tiếp nhận những kiến thức từ các phương tiện truyền thông đại chúng trong giáo dục con cái hay không? (chọn 1 đáp án)

- ☐ 1. Học được nhiều
☐ 2. Học hỏi được một ít, chủ yếu từ kinh nghiệm và hiểu biết của bản thân
☐ 3. Không học hỏi được gì cả

E7: Ông/bà gặp khó khăn gì trong giáo dục con cái hiện nay? (chọn nhiều đáp án)

- ☐ 1. Không có nhiều thời gian dành cho con cái
☐ 2. Thiếu kiến thức và kỹ năng trong giáo dục con cái
☐ 3. Không hiểu hết được tâm lý con cái
☐ 4. Con cái luôn thể hiện ý kiến của bản thân trong mọi việc
☐ 5. Không bắt kịp xu hướng biến đổi của xã hội
☐ 6. Khác biệt trong quan điểm sống giữa bố mẹ và con cái
☐ 7. Không cập nhật kịp sự thay đổi của công nghệ số để giáo dục con cái
☐ 8. Ý kiến khác

Trân trọng cảm ơn Quý ông, bà đã tin tưởng và dành thời gian trả lời các câu hỏi!

Kính chúc ông, bà luôn khoẻ mạnh, hạnh phúc và nhiều niềm vui!

PHỤ LỤC 2 CÂU HỎI GỢI Ý PHÒNG VẤN SÂU

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH VIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

CÂU HỎI GỢI Ý PHÒNG VẤN SÂU VỀ CHỨC NĂNG XÃ HỘI HOÁ CỦA GIA ĐÌNH TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Kính chào Quý anh/chị!

Chúng tôi là giảng viên Học viện Chính trị khu vực II đang tiến hành nghiên cứu, tìm hiểu chủ đề: **“Chức năng xã hội hoá của gia đình trong bối cảnh chuyển đổi số - nghiên cứu trường hợp tại thành phố Hồ Chí Minh”**.

Nghiên cứu này mong muốn lắng nghe suy nghĩ, ý kiến và trải nghiệm của anh/chị về một số nội dung và phương pháp giáo dục con cái từ 11-15 tuổi trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay trong một số lĩnh vực như: Giáo dục đạo đức, lối sống; Giáo dục lòng hiếu thảo; Giáo dục tri thức. Từ đó đưa ra một vài gợi ý và khuyến nghị chính sách trong giáo dục gia đình hiện nay.

Thông tin mà ông/bà trả lời đều được bảo mật và chỉ phục vụ nghiên cứu khoa học.

Rất mong ông/bà vui lòng dành ít phút để trả lời các câu hỏi về chủ đề này

Họ tên người phỏng vấn:

Địa điểm phỏng vấn:

Ngày phỏng vấn:

PHẦN I: CÂU HỎI PHÒNG VẤN SÂU

Câu 1: Trong gia đình ông/bà, hiện nay ai là người chịu trách nhiệm chính cho việc giáo dục, dạy dỗ con cái về đạo đức, lối sống; về giáo dục lòng hiếu thảo; giáo dục tri thức? tại sao ông/ bà lại có suy nghĩ đó?

Câu 2: Ông/ bà nghĩ thế nào về giáo dục con cái trong bối cảnh hiện nay? So với giáo dục trước đây thì hiện nay chúng ta cần thay đổi về nội dung và phương pháp như thế nào để dạy dỗ trẻ em cho phù hợp?

Câu 3: Trong giáo dục đạo đức, lối sống, ông/ bà tập trung giáo dục những nội dung nào cho con cái trong bối cảnh chuyển đổi số? Có sự khác nhau giữa con trai và con gái hay không?

Câu 4: Ông/bà có quan điểm gì về giáo dục tri thức, kỹ năng cho trẻ, có cần thiết phải giáo dục kỹ năng cho trẻ trong giai đoạn này không?

Câu 5: Gia đình ông/ bà có suy nghĩ như thế nào về giáo dục tri thức cho con cái trong bối cảnh hiện nay? Để có tri thức trong bối cảnh chuyển đổi số ông/ bà đã giáo dục con trai như thế nào, con gái như thế nào? Ví dụ: về giáo dục tri thức; giáo dục giới tính; giáo dục định hướng nghề nghiệp...?

Câu 6: Ông/bà có gặp những khó khăn gì trong giáo dục con cái về những nội dung trên? Những phương pháp nào ông/bà sử dụng khi giáo dục con cái trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay?

Câu 7: Theo ông/ bà, vì sao hiện nay giáo dục con cái về đạo đức lối sống; về lòng hiếu thảo; về tri thức lại quan trọng đối với trẻ em trong độ tuổi 11-15 tuổi?

Trân trọng cảm ơn ông/ bà

PHẦN II: THÔNG TIN NGƯỜI TRẢ LỜI

Câu 1: anh/chị đang sinh sống tại (chọn 1 đáp án):

☐1. Thành phố Thủ Đức (Thành phố Hồ Chí Minh)

☐2. Huyện Cần Giờ (Thành phố Hồ Chí Minh)

Câu 2: Giới tính của ông, bà: ☐1. Nam ☐2. Nữ

Câu 3: Năm sinh của ông, bà (ghi đầy đủ 4 số):.....

Câu 4: Hiện tại, ông, bà đang làm nghề gì? (chọn 1 đáp án):

☐1. Công chức/viên chức/nhân viên văn phòng

☐5. Buôn bán

☐2. Doanh nhân

☐6. Nông dân

☐3. Công nhân

☐7. Nội trợ

☐4. Lao động tự do

☐8. Khác (ghi rõ).....

Câu 5: Trình độ học vấn cao nhất của ông/bà? (chọn 1 đáp án)

- ☐1. Cấp 1/Tiểu học
 ☐5. Tốt nghiệp cao đẳng
☐2. Cấp 2/Trung học cơ sở
 ☐6. Tốt nghiệp đại học
☐3. Cấp 3/ Trung học phổ thông
 ☐7. Tốt nghiệp sau đại học
☐4. Tốt nghiệp trung cấp
 ☐8. Không đi học

Câu 6: anh/chị thuộc thành phần dân tộc: ☐1. Kinh ☐2. Dân tộc thiểu số

Câu 7: Tôn giáo của anh/chị

- ☐1. Không theo tôn giáo nào
 ☐4. Công giáo
☐2. Đạo Phật
 ☐5. Khác (ghi rõ)

Câu 8: Tình trạng hôn nhân của ông/bà?

- ☐1. Đang có vợ/chồng
 ☐4. Goá
☐2. Ly hôn
 ☐5. Bố/mẹ đơn thân
☐3. Ly thân
 ☐6. Sống chung như vợ/chồng

Câu 9: Vợ chồng ông bà hiện có mấy người con?

Số con trai:.....

Số con gái:.....

Câu 10: Ông/bà vui lòng cho biết độ tuổi và giới tính của các con ông/bà?

Con	Tuổi (ghi cụ thể)	Giới tính	
1. Con thứ nhất		1. Nam	2. Nữ
2. Con thứ hai		1. Nam	2. Nữ
3. Con thứ ba		1. Nam	2. Nữ
4. Con thứ 4		1. Nam	2. Nữ
5. Con thứ 5		1. Nam	2. Nữ

Trân trọng cảm ơn!

PHỤ LỤC 3**Bảng 1: Giáo dục đạo đức cho con cái theo giới tính của cha mẹ**

Nội dung giáo dục	Điểm TB	Cha	Mẹ
Tôn trọng người khác	3.50	3.35	3.65
Tuân thủ pháp luật, quy định, quy chế của nhà trường, địa phương	3.65	3.5	3.8
Ngay thẳng, thật thà	3.3	3.15	3.45
Có lòng nhân ái với mọi người	3.4	3.35	3.5
Bao dung với mọi người	3.35	3.15	3.55
Tôn trọng quyền riêng tư trên MXH	3.1	2.95	3.25
Tiếp cận nội dung lành mạnh trên MXH	3.0	2.9	3.1
Chia sẻ gương người tốt việc tốt trên MXH	2.7	2.55	2.85
Không lan truyền tin đồn trên MXH	3.25	3.20	3.3
Không tham gia các xu hướng bắt nạt trên MXH	3.35	3.2	3.5

Bảng 2: Giáo dục đạo đức cho con cái theo trình độ học vấn của cha mẹ

Nội dung giáo dục	Điểm TB	CD trở lên	Cấp 3 và TC	THCS trở xuống
Tôn trọng người khác	3.5	3.65	3.55	3.3
Tuân thủ pháp luật, quy định, quy chế của nhà trường, địa phương	3.65	3.8	3.75	3.4
Ngay thẳng, thật thà	3.3	3.45	3.25	3.1
Có lòng nhân ái với mọi người	3.4	3.5	3.45	3.25
Bao dung với mọi người	3.35	3.5	3.4	3.15
Tôn trọng quyền riêng tư trên MXH	3.1	3.35	3.15	2.8
Tiếp cận nội dung lành mạnh trên MXH	3.0	3.25	3.05	2.7
Chia sẻ gương người tốt việc tốt trên MXH	2.7	3.0	2.65	2.45
Không lan truyền tin đồn trên MXH	3.25	3.45	3.3	2.95
Không tham gia các xu hướng bắt nạt trên MXH	3.35	3.6	3.4	3.05

Bảng 3: Giáo dục đạo đức cho con cái theo địa bàn sinh sống của cha mẹ

Nội dung giáo dục	Điểm TB	Phường An Khánh	Phường Long Phước	Xã Cần Giờ
Tôn trọng người khác	3.83	4.2	3.8	3.5
Tuân thủ pháp luật, quy định...	3.90	4.1	3.9	3.7
Ngay thẳng, thật thà	3.83	4.0	3.8	3.7
Có lòng nhân ái với mọi người	3.93	4.1	3.9	3.8
Bao dung với mọi người	3.80	4.0	3.8	3.6
Tôn trọng quyền riêng tư trên MXH	3.27	3.8	3.2	2.8
Tiếp cận nội dung lành mạnh trên MXH	3.40	3.9	3.4	2.9
Chia sẻ gương người tốt việc tốt trên MXH	3.00	3.5	3.0	2.5
Không lan truyền tin đồn trên MXH	3.50	4.0	3.5	3.0
Không tham gia các xu hướng bất nạt trên MXH	3.60	4.1	3.6	3.1

Bảng 4: Giáo dục đạo đức cho con cái theo độ tuổi của cha mẹ

Nội dung giáo dục	Điểm TB	30-39 tuổi	40-49 tuổi	50 tuổi trở lên
Tôn trọng người khác	4.03	4.05	4.05	4.0
Tuân thủ pháp luật, quy định...	4.13	4.15	4.15	4.1
Ngay thẳng, thật thà	3.83	3.75	3.8	3.85
Có lòng nhân ái với mọi người	3.93	3.8	3.9	4.1
Bao dung với mọi người	3.83	3.75	3.95	3.8
Tôn trọng quyền riêng tư trên MXH	3.37	3.95	3.35	2.8
Tiếp cận nội dung lành mạnh trên MXH	3.17	3.7	3.1	2.7
Chia sẻ gương người tốt việc tốt trên MXH	2.90	3.35	2.95	2.4
Không lan truyền tin đồn trên MXH	3.27	3.75	3.35	2.7
Không tham gia các xu hướng bất nạt trên MXH	3.37	3.9	3.35	2.75

Bảng 5: Giáo dục đạo đức cho con cái theo mức sống gia đình

Nội dung giáo dục	Điểm TB	Nghèo	Trung bình	Khá giả
Tôn trọng người khác	3.87	3.6	3.95	4.05
Tuân thủ pháp luật, quy định...	3.97	3.75	4.0	4.15
Ngay thẳng, thật thà	3.77	3.45	3.75	4.0
Có lòng nhân ái với mọi người	3.87	3.55	3.85	4.1
Bao dung với mọi người	3.77	3.5	3.75	4.05
Tôn trọng quyền riêng tư trên MXH	3.33	2.8	3.25	3.85
Tiếp cận nội dung lành mạnh trên MXH	3.43	2.85	3.45	4.0
Chia sẻ gương người tốt việc tốt trên MXH	3.03	2.6	3.0	3.5
Không lan truyền tin đồn trên MXH	3.53	3.0	3.55	4.0
Không tham gia các xu hướng bất nạt trên MXH	3.63	3.1	3.55	4.25

Bảng 6: Giáo dục đạo đức cho con cái theo mức độ hiểu biết công nghệ của cha mẹ

Nội dung giáo dục	Điểm TB	Hiểu biết nhiều	Bình thường	Hiểu biết ít	Không hiểu biết
Tôn trọng người khác	3.70	4.25	4.05	3.5	2.8
Tuân thủ pháp luật, quy định...	3.80	4.2	4.15	3.65	2.9
Ngay thẳng, thật thà	3.53	4.15	3.75	3.3	2.8
Có lòng nhân ái với mọi người	3.65	4.25	3.95	3.4	2.2
Bao dung với mọi người	3.58	4.2	3.85	3.25	2.0
Tôn trọng quyền riêng tư trên MXH	3.13	4.1	3.35	2.85	1.8
Tiếp cận nội dung lành mạnh trên MXH	2.95	4.05	3.15	2.6	2.3
Chia sẻ gương người tốt việc tốt trên MXH	2.73	3.7	2.95	2.45	2.4
Không lan truyền tin đồn trên MXH	3.23	4.3	3.45	2.9	2.8
Không tham gia các xu hướng bất nạt trên MXH	3.33	4.3	3.55	3.05	2.9

Bảng 7: Kiểm định T-TEST về giáo dục đạo đức cho con cái theo giới tính cha mẹ
Independent Samples Test

		Levene's Test for Equality of Variances	t-test for Equality of Means			
		Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference
Đạo đức truyền thống	Equal variances assumed	0,461	-0,83	449	0.042	0,15484102
	Equal variances not assumed		0,368	296,724	0,287	0,01384212
Đạo đức số	Equal variances assumed	0,037	0,25	449	0.078	0,13888181
	Equal variances not assumed		2,44	319,808	0,013	0,02898171

Bảng 8: Kiểm định ANOVA về giáo dục đạo đức cho con cái theo đặc trưng nhân khẩu học của cha mẹ

	Nhóm		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Địa bàn	Đạo đức truyền thống	Between Groups	14,775	2	7,387	7,605	0,033
		Within Groups	434,225	447	0,971		
		Total	449	449			
	Đạo đức số	Between Groups	2,202	2	1,101	1,101	0,001
		Within Groups	446,798	447	1		
		Total	449	449			
Tuổi	Đạo đức truyền thống	Between Groups	5,998	2	2,999	3,026	0,039
		Within Groups	443,002	447	0,991		
		Total	449	449			
	Đạo đức số	Between Groups	0,581	2	0,29	0,29	0,049
		Within Groups	448,419	447	1,003		
		Total	449	449			

Trình độ học vấn	Đạo đức truyền thống	Between Groups	2,251	2	1,125	1,126	0,025
		Within Groups	446,749	447	0,999		
		Total	449	449			
	Đạo đức số	Between Groups	1,834	2	0,917	0,917	0,001
		Within Groups	447,166	447	1		
		Total	449	449			
Mức sống	Đạo đức truyền thống	Between Groups	3,029	2	1,514	1,518	0,657
		Within Groups	445,971	447	0,998		
		Total	449	449			
	Đạo đức số	Between Groups	0,208	2	0,104	0,103	0,002
		Within Groups	448,792	447	1,004		
		Total	449	449			

Bảng 9: Kiểm định T-TEST về giáo dục lối sống cho con cái theo giới tính cha mẹ
Independent Samples Test

		Levene's Test for Equality of Variances	t-test for Equality of Means			
		Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference
Lối sống thực	Equal variances assumed	0,464	-0,86	449	0.006	0,15694202
	Equal variances not assumed		0,275	276,824	0,367	0,03394202
Lối sống số	Equal variances assumed	0,037	0,25	449	0.003	0,23998181
	Equal variances not assumed		2,64	320,708	0,014	0,02878781

Bảng 10: Kiểm định ANOVA các yếu tố nhân khẩu học với nội dung giáo dục lối sống của cha mẹ với con cái

	Nhóm		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Địa bàn	Lối sống thực	Between Groups	4,106	2	2,053	2,063	0,028
		Within Groups	444,894	447	0,995		
		Total	449	449			
	Lối sống số	Between Groups	5,537	2	2,769	2,791	0,012
		Within Groups	443,463	447	0,992		
		Total	449	449			
Tuổi	Lối sống thực	Between Groups	0,647	2	0,324	0,323	0,024
		Within Groups	448,353	447	1,003		
		Total	449	449			
	Lối sống số	Between Groups	2,039	2	1,019	1,019	0,002
		Within Groups	446,961	447	1		
		Total	449	449			
Trình độ học vấn	Lối sống thực	Between Groups	0,283	2	0,142	0,141	0,008
		Within Groups	448,717	447	1,004		
		Total	449	449			
	Lối sống số	Between Groups	0,442	2	0,221	0,22	0,013
		Within Groups	448,558	447	1,003		
		Total	449	449			
Mức sống	Lối sống thực	Between Groups	0,283	2	0,142	0,141	0,03
		Within Groups	448,717	447	1,004		
		Total	449	449			
	Lối sống số	Between Groups	0,442	2	0,221	0,22	0,013
		Within Groups	448,558	447	1,003		
		Total	449	449			

Bảng 11: Kiểm định T-TEST về giáo dục tri thức cho con cái theo giới tính cha mẹ
Independent Samples Test

		Levene's Test for Equality of Variances	t-test for Equality of Means			
		Sig.	t	df	Sig. (2- tailed)	Mean Difference
Hỗ trợ tri thức trực tiếp	Equal variances assumed	0,087	0,26	449	0,018	0,15694202
	Equal variances not assumed		0,275	286,824	0,000	0,01694202
Hỗ trợ tri thức số	Equal variances assumed	0,105	0,21	449	0,262	0,43998181
	Equal variances not assumed		0,214	318,908	0,000	0,02998181

Bảng 12: Kiểm định ANOVA về giáo dục tri thức cho con cái theo đặc trưng nhân khẩu học của cha mẹ

	Nhóm		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Địa bàn	Hỗ trợ tri thức trực tiếp	Between Groups	14,875	2	7,567	26,05	0,000
		Within Groups	444,225	447	0,871		
		Total	449	449			
	Hỗ trợ tri thức số	Between Groups	2,402	2	1,301	1,201	0,001
		Within Groups	446,798	447	1		
		Total	449	449			
Tuổi	Hỗ trợ tri thức trực tiếp	Between Groups	3,956	2	2,569	3,456	0,000
		Within Groups	453,002	447	0,791		
		Total	449	449			
	Hỗ trợ tri thức số	Between Groups	0,567	2	0,26	0,34	0,000
		Within Groups	458,416	447	1,324		
		Total	449	449			

Trình độ học vấn	Hỗ trợ tri thức trực tiếp	Between Groups	2,451	2	1,432	2,346	0,002
		Within Groups	346,749	447	0,499		
		Total	449	449			
	Hỗ trợ tri thức số	Between Groups	1,567	2	0,877	0,957	0,001
		Within Groups	453,166	447	1		
		Total	449	449			
Mức sống	Hỗ trợ tri thức trực tiếp	Between Groups	3,045	2	1,523	1,518	0,000
		Within Groups	445,932	447	0,932		
		Total	449	449			
	Hỗ trợ tri thức số	Between Groups	0,205	2	0,121	0,203	0,000
		Within Groups	428,731	447	1,034		
		Total	449	449			

Bảng 13: Kiểm định T - TEST về giáo dục kỹ năng cho con cái theo giới tính của cha mẹ

		Levene's Test for Equality of Variances	t-test for Equality of Means			
		Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference
Kỹ năng cơ bản	Equal variances assumed	0,460	-0,86	449	0.369	0,15694202
	Equal variances not assumed		0,375	286,824	0,387	0,02394202
Kỹ năng số	Equal variances assumed	0,036	0,25	449	0.012	0,23998181
	Equal variances not assumed		2,54	318,908	0,013	0,02998181

Bảng 14: Kiểm định ANOVA về giáo dục kỹ năng cho con cái theo đặc trưng nhân khẩu học của cha mẹ

	Nhóm		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Địa bàn	Kỹ năng cơ bản	Between Groups	15,212	2	6,387	1,453	0,213
		Within Groups	344,453	447	0,976		
		Total	449	449			
	Kỹ năng số	Between Groups	4,897	2	2,134	2,001	0,137
		Within Groups	466,798	447	1		
		Total	449	449			
Tuổi	Kỹ năng cơ bản	Between Groups	3,200	2	1.600	2,226	0,102
		Within Groups	333,002	447	0,391		
		Total	449	449			
	Kỹ năng số	Between Groups	9,499	2	4,700	3.961	0,018
		Within Groups	588,419	447	1,153		
		Total	449	449			
Trình độ học vấn	Kỹ năng cơ bản	Between Groups	5,600	2	3,425	1,226	0,008
		Within Groups	454,739	447	0,685		
		Total	449	449			
	Kỹ năng số	Between Groups	3,875	2	0,717	5,141	0,007
		Within Groups	529.901	447	1,184		
		Total	449	449			
Mức sống	Kỹ năng cơ bản	Between Groups	2,129	2	2,614	1,418	0,198
		Within Groups	385,561	447	0,699		
		Total	449	449			
	Kỹ năng số	Between Groups	6,101	2	5.051	2.541	0,081
		Within Groups		447	1,204		
		Total	449	449			

Bảng 15: Kiểm định T- Test về phương pháp giáo dục cho con cái theo giới tính của cha mẹ
Independent Samples Test

		Levene's Test for Equality of Variances	t-test for Equality of Means			
		Sig.	t	df	Sig. (2- tailed)	Mean Difference
Phương pháp áp đặt	Equal variances assumed	0,,304	0,27	448	0,004	0,14694202
	Equal variances not assumed		0,265	286,824	0,000	0,02694202
Phương pháp đồng hành, chia sẻ	Equal variances assumed	0,380	0,2	448	0.000	0,41998181
	Equal variances not assumed		0,204	318,908	0,000	0,01998181
Phương pháp làm gương	Equal variances assumed	0.625	0,270	448	0.235	0,09138772
	Equal variances not assumed		0,200	319,907	0.000	0.08124578

**Bảng 16: Kiểm định ANOVA về phương pháp giáo dục cho con cái
theo đặc trưng nhân khẩu học của cha mẹ**

	Nhóm		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Địa bàn	Phương pháp áp đặt	Between Groups	14,875	2	7,487	7,705	0.000
		Within Groups	424,325	447	0,991		
		Total	449	449			
	Phương pháp chia sẻ - đồng hành	Between Groups	2,302	2	1,201	1,401	0,125
		Within Groups	456,788	447	1		
		Total	449	449			
	Phương pháp làm gương	Between Groups	4,798	2	2,789	3,226	0.102
		Within Groups	473,012	447	0,891		
		Total	449	449			
Tuổi	Phương pháp áp đặt	Between Groups	0,681	2	0,28	0,27	0,314
		Within Groups	458,429	447	1,013		
		Total	449	449			
	Phương pháp chia sẻ - đồng hành	Between Groups	2,351	2	1,225	1,226	0.006
		Within Groups	436,739	447	0,899		
		Total	449	449			
	Phương pháp làm gương	Between Groups	1,934	2	0,817	0,717	0.013
		Within Groups	457,176	447	1		
		Total	449	449			
Trình độ học vấn	Phương pháp áp đặt	Between Groups	3,129	2	1,614	1,618	
		Within Groups	455,961	447	0,898		0.132
		Total	449	449			
	Phương pháp chia sẻ - đồng hành	Between Groups	0,218	2	0,124	0,143	0.001
		Within Groups	458,782	447	1,104	7,505	
		Total	449	449			
	Phương pháp làm gương	Between Groups	15,785	2	7,487		0.002
		Within Groups	464,225	447	0,871	1,201	
		Total	449	449			
Mức sống	Phương pháp áp đặt	Between Groups	2,302	2	1,801		
		Within Groups	456,768	447	1	3,326	0.27
		Total	449	449			
	Phương pháp chia sẻ - đồng hành	Between Groups	5,698	2	2,888		0.047
		Within Groups	433,023	447	0,891	0,28	
		Total	449	449			
	Phương pháp làm gương	Between Groups	0,381	2	0,28		0.018
		Within Groups	488,419	447	1,103	1,136	
		Total	449	449			